NĂM THỨ CHÍN • # 102 • OCTOBER 1997

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

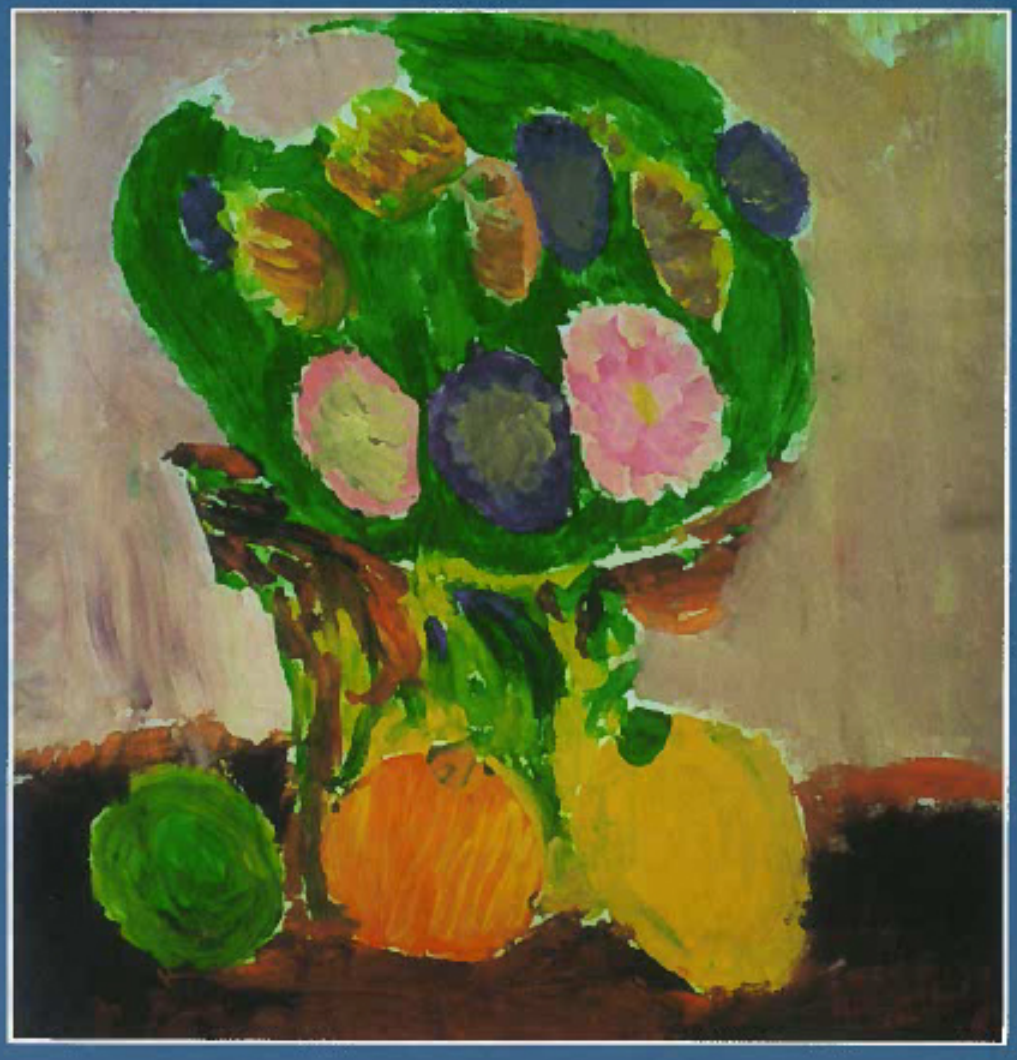

CÔ BÁN RAU VÀ BÁC LÍNH GIÀ TẠI ĐIỆN BIÊN PHỦ **BÙI DƯƠNG CHI**

PHÙNG CUNG **NGUYỄN CHÍ THIỆN**

ÁNH TRĂNG VÀ NHÀ TÙ **TRẦN MỘNG TÚ**

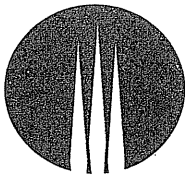

VNCR
VIETNAM CALIFORNIA RADIO
106.3 FM

Phát thanh 5 ngày mỗi tuần
từ Thứ Hai đến Thứ Sáu
Buổi sáng: 5am đến 7am
Buổi chiều: 12pm đến 4pm

Đài có công suất mạnh nghe được rất rõ tại các quận hạt
ORANGE, LOS ANGELES, VENTURA, SAN BERNARDINO, RIVERSIDE

TIN TỨC THỜI SỰ NHANH, CHÍNH XÁC & PHONG PHÚ
VĂN NGHỆ CHỌN LỌC
GIẢI TRÍ THOẢI MÁI, THANH LỊCH
HỘI THOẠI, PHỎNG VẤN ĐỀ TÀI THIẾT THỰC

QUẢNG CÁO VUI TƯƠI HẤP DẪN & HỮU HIỆU

VNCR Phone: (714) 534-9430 (714) 534-9431 (714) 534-9432
Fax: (714) 534-9433 E-mail: 75504.3510@compuserve.com
Web page: http://kicon.com/VNCR
11022 ACACIA PARKWAY #A, GARDEN GROVE CA 92640

Một Thiên Tài Âm Nhạc Việt Nam Đang Lâm Trọng Bệnh (Giải Phẫu Tim)

Nhạc Sĩ HOÀNG THI THƠ

Để vinh danh người nhạc sĩ tài hoa suốt đời làm vẻ vang nền Tân Nhạc Việt Nam trước và sau 1975, Trung Tâm Thúy Nga thật hân hạnh ghi lại những tác phẩm để đời của Hoàng Thi Thơ như một tài liệu quý giá, đóng góp lớn cho kho tàng âm nhạc Việt Nam hiện đại và mai sau.

PARIS BY NIGHT 41

CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP SÁNG TÁC NHẠC SĨ HOÀNG THI THƠ

Điều khiển chương trình:

NGUYỄN NGỌC NGẠN - NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Hãy Trả cho HOÀNG THI THƠ những gì của HOÀNG THI THƠ

- Ai đã từng đại diện cho Đoàn Văn Nghệ Việt Nam trước 1975 đi trình diễn khắp nơi trên thế giới?
- Ai đã nói lên những lời thơ, ý nhạc cho hằng triệu con tim yêu đương tha thiết muốn diễn tả tình yêu tuyệt đối của mình: **Tạ Tình, Ai Buồn Hơn Ai, Túp Lều Lý Tưởng...?**
- Ai đã đem nếp sinh hoạt làng quê Việt Nam vào những ca khúc tình tự dân tộc: **Gạo Trắng Trăng Thanh, Duyên Quê, Đám Cưới Trên Đường Quê, Đường Xưa Lối Cũ...?**
- Ai đã ca ngợi người chiến sĩ anh hùng Miền Nam Việt Nam qua những ca khúc: **Tôi Đi Tìm Anh, Tôi Viết Tên Anh Trên Lá Trên Hoa...?**
- Ai đã huyền thoại hóa những mối tình nhân gian tuyệt đẹp như **Chuyện Tình Lộng Ngọc, Chuyện Tình Người Trinh Nữ Tên Thi...?**

Tất cả những sáng tác trứ danh của **HOÀNG THI THƠ** được diễn tả một cách huy hoàng và xúc động bởi ***Ái Vân, Như Quỳnh, Ý Lan, Hương Lan, Họa Mi, Thanh Lan, Thanh Hà, Hoàng Lan, Lynda Trang Đài, Sơn Ca, Thiên Kim, Mỹ Huyền, Trúc Lam, Trúc Linh, Thái Châu, Don Hồ, Thế Sơn, Nguyễn Hưng, Quang Bình, Tommy Ngô, Hoài Nam. v.v...***

Giá $28 1 Bộ

Xin liên lạc: **THÚY NGA**

MỸ & CANADA: **P.O. Box 2174 Westminster, CA 92683**
Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673

ÂU CHÂU: **44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris France. Tel: 01-45-83-34-30**

ÚC: **323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200 - Australia.**
Tel: (02) 796-7227

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....

Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.

Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....

Địa chỉ / *Address:*.....

Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me*:

□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #* .....

Gửi Bulk Rate	□ 6 tháng / *6 months*	□ 1 năm / *1 year* US$40.00	□ 2 năm / *2 years* US$75.00
Gửi First Class:		□ 1 năm / *1 year* US$52.00	□ 2 năm / *2 years* US$96.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA		□ 1 năm / *1 year* US$56.00	□ 2 năm / *2 years* US$113.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*		□ 1 năm / *1 year* US$76.00	□ 2 năm / *2 years* US$140.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*		□ 1 năm / *1 year* US$86.00	□ 2 năm / *2 years* US$160.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 1 tháng Ba 1995. / *Effective from March 1st, 1995.*

(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*

(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*

(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*

(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL. (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

HỌP MẶT THẾ KỶ 21

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Chào mừng Quý Vị Thân Hữu Phương Xa

ĐÃ NHẬN LỜI GHI DANH VỀ LITTLE SAIGON (CA) THAM DỰ

ĐÊM HỌP MẶT

KỶ NIỆM CHÍN NĂM THẾ KỶ 21

TẠI PARACEL SEAFOOD RESTAURANT

NGÀY CHỦ NHẬT 12 THÁNG 10-1997

TỪ 6:30-10:00 PM

Nhà văn Nguyễn Thị Thanh Bình (VA)

Ô. Nguyễn Minh Cần *Phó Chủ Tịch Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hà Nội* (1954-62) *Tị nạn chính trị tại Liên Xô từ 1964* (MOSCOW)

Ô. Nguyễn Hữu Chung

Cựu Dân Biểu VNCH (MONTREAL)

Nhà văn Vũ Thư Hiên

Tác giả " ĐÊM GIỮA BAN NGÀY" (PARIS)

Bà Đoàn Viết Hoạt

Giáo Sư Việt Ngữ tại Bộ Ngoại giao HK (DC)

Nhà Thơ Vi Khuê (DC)

Bác Sĩ & Bà Phạm Nguyên Lương (OK)

Bà Trần Bích Nga (PARIS)

Nhà văn Trần Quán Niệm (NJ)

Ký giả Phan Thanh Tâm (MN)

Bác Sĩ & Bà Trương Ngọc Tích (TX)

Ô. Trương Tuệ (PARIS)

Ô. Đinh Quang Anh Thái (DC)

Nhà Thơ Nguyễn Chí Thiện (VA)

Nhà Thơ Duy Nghiệp Bùi Duy Thuyết (S.JOSE)

ĐỒNG THỜI CHÀO MỪNG CÁM ƠN :

Nhạc Sĩ Du Ca Nguyễn Đức Quang

cùng CA ĐOÀN NGÀN KHƠI *THAM GIA TRONG PHẦN VĂN NGHỆ*

DANH SÁCH QUÍ KHÁCH PHƯƠNG XA CÒN ĐƯỢC TIẾP NỐI.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

GHI TÊN THAM DỰ, XIN LIÊN LẠC ĐIỆN-THOẠI:

(714) 839-8746 (H) HOẶC (714) 638-9510 (B)

Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

KICON

Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

http://kicon.com

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643

(Giữa Westminster và Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

(714) 531- 2773

¤ *Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*
¤ *Suốt 10 năm qua, văn phòng luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG
- LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI
- NHA KHOA THẨM MỸ
- NHA KHOA NHI ĐỒNG

GIỜ LÀM VIỆC: THỨ HAI - THỨ BẢY: 10AM - 7PM ▫ CHỦ NHẬT NGHỈ

CHÚ Ý: Văn Phòng Nha Sĩ Ngọc Sương vẫn ở địa chỉ cũ, từ hơn 10 năm nay, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải

Infinity Vision
OPTOMETRIC CENTER

Trung Tâm Nhãn Khoa
14322 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 839-9996

Nữ bác sĩ Nguyễn Phương Thảo, O.D.

▫ Nhãn khoa tổng quát
- Khám mắt
- Đo độ làm kính, contact lens
- Văn phòng trang bị máy móc điện tử tối tân
- Dùng phương pháp tập luyện (Vision Therapy) giúp cho người lớn và trẻ em tránh khỏi mỏi mắt và kém mắt

▫ Contact Lens
- Đủ mọi loại: trong hay màu
- Daily và Flexiblewear
- Soft
- Disposable
- Gas Permeable
- Toric

▫ Kính
- Nhiều loại gọng thời trang nổi tiếng, designer của Pháp, Đức, Ý, Nhật...
- Có tròng kính mỏng và nhẹ cho người độ cao, kính lão không lằn
- Kính mát kiểu mới nhất

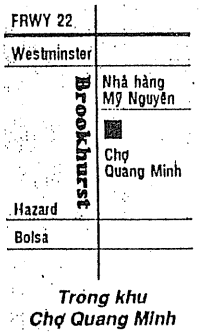

Trong khu Chợ Quang Minh

■ *Xin gọi điện thoại để lấy hẹn*
■ *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

CÁO PHÓ

Chúng tôi đau đớn báo tin:

Anh TRẦN ĐẠI LỘC

Thành Viên Ban Quản Trị báo Thế Kỷ 21

Đã qua đời vào lúc 9 giờ 40 tối
ngày 30 tháng Chín năm 1997
Nhằm ngày 29 tháng Tám năm Đinh Sửu
Tại Fountain Valley, California, USA

Hưởng dương 56 tuổi.

Lễ an táng sẽ cử hành tại Vườn Vĩnh Cửu,
Westminster Memorial Park,
thành phố Westminster, Nam California,
vào ngày 5 tháng Mười năm 1997.

Kính Báo

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tranh bìa: **Nguyễn Trung Dũng**, 14 tuổi, lớp Hội Họa Thiếu Nhi do VAALA tổ chức 1997.
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Nguyễn Thị Hợp, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui**

MỤC LỤC

Số 102 . Tháng Mười 1997

CHÍNH TRỊ - KINH TẾ

14 Cải tổ doanh nghiệp nhà nước ở Trung Quốc - **Vương Hữu Bột**
22 Đại hội kỳ 15 đảng Cộng sản Trung Quốc, cải cách doanh nghiệp nhà nước và Việt Nam - **Quang Võ**

TÔN GIÁO - NHÂN VẬT

35 Phùng Cung - **Nguyễn Chí Thiện**
48 Mẹ Teresa - **Trần Quán Niệm**
83 Tông giáo từ một câu hỏi ngắn - **Nguyễn Kết**
97 Giê-Su qua cái nhìn của người Phật tử - **André Bareau, Nguyên Đạo** dịch

VĂN HÓA - ÂM NHẠC

25 Các giá trị tinh thần trước những thách đố của kỷ nguyên mới - **Nguyễn Đăng Trúc**
31 Huyền thoại Tự Lực Văn Đoàn - **Đặng Trần Huân**
55 Nói tiếng Việt, cha mẹ và con cái - **Châu Long**
102 Nói chuyện với nhạc sĩ Lê Văn Khoa - **Nguyễn Mạnh Trinh**

TIẾNG VỌNG

50 Khôi Vũ Phi Phu - **Trần Chung Ngọc**
94 Cổ sử hay cận sử - **Nguyễn Xuân Quang**

VĂN

58 Cô bán rau và bác lính già tại Điện Biên Phủ - **Bùi Dương Chi**
61 Nói về mùa thu - **Nhất Tâm**
69 Ánh trăng và nhà tù - **Trần Mộng Tú**
73 Ông quan hai - **Đặng Phú Phong**
74 Kibbutz - **Nguyễn Đức Tường**
86 Ngày đi trong cơn gió - **Nguyễn Chí Kham**
91 Thiên thần và ác quỉ - **Nguyễn Bá Phúc**

THƠ

53. Paris - **Phan Nhật Nam. 63.** Mùa thu tình yêu và cá hồi - **Trần Thị Mộng Tú. 66.**Thiên thần rớt cánh - **Thiên Yên. 70.** Núi và suối, Con đường tuyết phủ - **Mai Thảo. 79.** Đêm tối Việt Nam - **Lưu Nguyễn. 82.** Một ngày thèm nghe đả đảo - **Lê Thị Huệ. 88.** Chèo em ra khỏi rừng tràm - **Đỗ Thì Kênh G. 95.** Từ sông ra biển - **Phạm Hồng Ân.**

MỤC THƯỜNG LỆ

8 Thư Tòa soạn: Mảnh đất lắm người nhiều cha - **Vương Hữu Bột**
9 Bạn đọc viết
12 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
13 Hộp thư Tòa soạn - **Phan Mỹ Sương**
43 Sổ tay
106 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng.
Công ty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840
Tel **(714) 638-9510**
Fax **(714) 638-1944**
E-mail:
75504.3510@compuserve.com
hoặc **theky21@kicon.com**
WWW homepage:
http://kicon.com/theky21

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Đại Lộc, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài vở gửi cho *Thế Kỷ 21* xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên *Thế Kỷ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của Nhóm Chủ Trương. Trích đăng bài của *Thế Kỷ 21* phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: *Trích Thế Kỷ 21.*

Trị sự:
Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo & phát hành:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Miền Đông HK:
Nguyễn Văn Khanh
(703) 379-8976
Pháp:
1. *Lê Tất Luyện* 45 83 19 12
2. *Phạm Thu Hương* 39 84 00 84
3. *Trần Thị Diệu Tâm* 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
49 2371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiếu Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61-9) 448-0637

ISSN 1056-4640

MẢNH ĐẤT LẮM NGƯỜI NHIỀU CHA

Khi theo dõi tình trạng các xí nghiệp quốc doanh ở Trung Quốc chúng tôi bỗng nhớ đến tiểu thuyết *Hồng Lâu Mộng.* Gia đình họ Giả trong đó cũng là một tổ chức kinh tế, đồng thời là một tổ chức xã hội. Lâu lâu hội đồng gia tộc họp lại bàn chuyện trao việc quản lý tài chánh cho ai, việc mời thầy nào về mở trường cho con em học chữ thánh hiền, chuyện giúp đỡ các cô nhi quả phụ, v.v. Các xí nghiệp ở Trung Quốc cũng ôm đồm nhiều chức năng như vậy, đối với công nhân viên của họ.

Các xí nghiệp ở Nhật cũng mang hình ảnh những đại gia đình, nhưng tại sao hiệu năng kinh tế của họ lại cao hơn ở Trung Quốc? Có lẽ vì họ mang theo ít di sản quá khứ hơn, thí dụ, trong cố gắng lưu giữ nhân viên làm việc hầu như suốt đời. Xí nghiệp ở Nhật không ôm đồm quá nhiều nhiệm vụ như các sứ quân, lãnh chúa thời phong kiến, mà chỉ lo tăng doanh lợi. Doanh lợi tùy thuộc thị trường, trong đó các cá nhân có quyền tự do lựa chọn, chứ không do kế hoạch của một trung ương nào ấn định. Lựa chọn của các người tiêu thụ căn cứ trên tính toán lợi ích thực tế của họ, không phải để thi hành các khẩu hiệu rỗn rã. Các doanh nhân đành phải "hợp lý hóa" công tác quản lý. Trong nền kinh tế có sự tranh đua hàng ngang và bình đẳng. Một đơn vị kinh tế quyết định sai thì chỉ tự làm thiệt hại và thiệt hại cho nhân viên của mình, còn khi một Trung ương sai lầm thì hại cả nước. Những sai lầm trong một hệ thống mở với quyền quyết định phân tán thì dễ sửa chữa, và sửa chữa nhanh chóng hơn khi cả một hệ thống tập quyền và khép kín quyết định sai.

Chúng ta cũng không khỏi nghĩ đến tiểu thuyết *Mảnh đất lắm người nhiều ma* ở Việt Nam, mà khi đọc thấy phảng phất các nhân vật và khung cảnh làng xã trong *Cái thủ lợn* nửa thế kỷ trước. Một nhà khảo cổ đã viết về "Những ám ảnh của quá khứ." Quả thật, chúng ta chưa thoát ra khỏi quá khứ. Trên mảnh đất Trung Hoa và Việt Nam còn nhiều gia trưởng quá. Đóng vai cha chú là một thú vui tự nhiên của con người. Nếu không có sự phân tán quyền lựa chọn và quyết định để tạo nên thế cân bằng và tranh đua tự nhiên từ bên trong hệ thống, thì người nắm quyền ở đâu cũng có khuynh hướng củng cố và bành trướng phạm vi quyết định của mình. Nghĩa là giảm bớt quyền lựa chọn và quyết định của người khác. Làng xóm ở châu thổ sông Hồng, hay xí nghiệp quốc doanh ở Trung Quốc đeo nặng nền nếp cũ vì hệ thống quyền lực vẫn tập trung trong tay các gia trưởng. Muốn giảm bớt số người đóng vai gia trưởng đi thì phải cho con người, từng người một như nhau có nhiều quyền tự do lựa chọn hơn.

Quyền tự do lựa chọn, tự mình quyết định cho đời sống của mình, đó không phải là một khái niệm triết lý hay chính trị trừu tượng mà là nền tảng của đời sống kinh tế hiện đại. Năm mươi năm trước đây, sau khi xuất bản cuốn *"Con đường dẫn đến chế độ nô lệ,"* nhà kinh tế học Friedrich A. von Hayek đã mời 38 người họp lại ở Mont Pelerin bên Thụy Sĩ (Hội Mont Pelerin này hiện giờ đã thành 80 người và vẫn họp hàng năm.) Trong lời công bố về mục đích của nhóm, ngày 7 tháng 4 năm 1947, các giáo sư kinh tế, chính trị học, và các nhà báo viết: "Tự do là điều cần yếu nếu chúng ta muốn đạt mức tối đa sản lượng để tăng phúc lợi của mọi cá nhân. Bỏ qua những tự do cá nhân này sẽ dẫn tới, không những tình trạng sản xuất ít hàng hóa và dịch vụ hơn, mà còn sản xuất ra những hàng hóa và dịch vụ không đúng (nhu cầu người tiêu dùng). Chúng ta không thể đạt sự phồn vinh khi chịu đóng vai nô lệ."

Giáo sư Hayek may mắn sống lâu cho đến năm 1989 để chứng kiến lịch sử minh diễn những ý tưởng của ông. Trong chúng ta sẽ có bao nhiêu người sống đủ lâu để thấy mảnh đất Việt Nam lắm người sẽ bớt đi con số những vị còn muốn ngăn cản quyền tự do của người khác để tiếp tục đóng vai cha chú?

VƯƠNG HỮU BỘT

NHỮNG LỜI CHÚC MỪNG ĐÊM HỌP MẶT THẾ KỶ 21

Trong thời gian qua, Tòa soạn nhận được nhiều phúc đáp của bạn đọc và thân hữu xa gần về Đêm Họp Mặt của báo Thế Kỷ 21, với những lời chúc thân tình. Thành thật cám ơn tất cả quý vị. Sau đây là một số câu nhắn gửi của quý vị ở xa không về tham dự được.

* Tôi có nhận được giấy mời dự cuộc họp mặt báo Thế Kỷ 21 ngày 12/10/97, rất tiếc vì đường sá xa xôi và công việc bộn bề nên không đến được. Xin quý anh thông cảm và miễn thứ.

Tôi gửi kèm đây món quà nhỏ để đóng góp tượng trưng, và xin thân chúc Đêm Họp Mặt thành công tốt đẹp.

Vương Văn Bắc *(Paris, Pháp quốc)*

* Mừng sinh nhật thứ chín của Thế Kỷ 21. Chín năm đóng góp lớn lao, xứng đáng là tờ báo hàng đầu ở hải ngoại.

Rất tiếc không thể có mặt trong ngày vui chung.

Ninh Hạ Nguyễn Đức Tâm *(Chicago, Ill)*

* Chúng tôi có nhận được thư mời tham dự Đêm Họp Mặt Thế Kỷ 21. Thành thật cám ơn sự ưu ái và ân cần của Quý Hội Đồng Quản Trị Tạp chí Thế Kỷ 21. Rất tiếc, vì bận quá nhiều việc riêng trong suốt thời gian quý vị tổ chức Đêm Họp Mặt nên chúng tôi không thể nào đến tham dự được, mong quý vị thông cảm.

Xin cho chúng tôi gửi lời thăm hỏi đến tất cả anh chị em đến tham dự và cầu chúc Đêm Họp Mặt thành công mọi mặt. Chào thân ái.

Vũ Thái Hòa *(La Chapelle St Luc, Pháp quốc)*

* ...Được biết mục đích Cuộc Họp Mặt nầy là để tạo nhịp cầu đối thoại giữa độc giả và người viết, nhằm tạo một Diễn đàn toàn cầu đóng góp vào việc phát huy Nhân quyền, Tự do, Dân chủ cho nước Việt Nam, tôi thấy đây là một việc làm đáng quý và đáng hoan nghênh của quý Tạp chí.

Rất tiếc vì ở quá xa, phương tiện và thời gian chưa cho phép, tôi không thể về tham dự Họp Mặt được. Thân chúc quý vị thành công, Tạp chí Thế Kỷ 21 ngày càng lớn mạnh.

Dương Phước Tấn *(Fort Smith, Arkansas)*

Dĩ văn hội hữu, dĩ hữu phụ nhân

Trong số các môn đệ xuất sắc nhất của Khổng Tử, Tăng Sâm được liệt vào hàng tứ phối (bốn người được thờ chung với Khổng Tử; ba người kia là Nhan Hồi, Tử Tư và Mạnh Kha). Ông có một câu mà học giả Nguyễn Hiến Lê cho là đáng làm châm ngôn: "**Quân tử dĩ văn hội hữu, dĩ hữu phụ nhân.**" *Người quân tử dùng văn chương để họp bạn, dùng bạn để giúp nhau tiến lên đức nhân.* (*Khổng Tử* của Nguyễn Hiến Lê, trang 124, Nxb Văn Nghệ, California, USA).

Nguyệt san Thế Kỷ 21 đã đến số 100. Đây là một cái mốc đáng ghi nhớ, đánh dấu một thành quả rực rỡ về văn hóa trên văn đàn hải ngoại. Sau tám năm, tờ báo vẫn giữ được sự đứng đắn, ngay trong các bài tranh luận hoặc góp ý về một đề tài nào đó, ngoại trừ một vài biệt lệ rất hiếm hoi, đại đa số các cây viết đều nghiêm túc, tao nhã và trong tinh thần tương kính "hòa nhi bất đồng." Theo tôi thành quả này là do tâm huyết của quý vị trong ban Biên tập và Quản trị cùng tất cả các cây viết đã góp mặt trên Thế Kỷ 21 trong 100 số báo qua. Là một độc giả dài hạn của Thế Kỷ 21, nhân dịp này tôi muốn mượn câu châm ngôn trên của Tăng Tử để tặng toàn thể quý vị trong Tòa soạn và các cây viết đã và sẽ góp mặt trên Thế Kỷ 21, và mong rằng tờ báo sẽ phát huy mỗi ngày một hơn nữa truyền thống "dùng văn chương để họp bạn..." như Tăng Sâm đã nói cách đây mấy ngàn năm.

Nguyễn Hưng Quảng *(Connecticut, MA)*

Sự lẫn lộn giữa những người có tên Wells

Thế-Kỷ 21 số 100, tháng tám 1997, trong mục "Câu chuyện Văn Học" "Từ Văn Chương Kiếm-Hiệp Đến Văn-Chương Khoa-Học Giả Tưởng" của Hoàng Xuân Trường, trang 49-53, có vài chi-tiết sai lầm.

1. Ở trang 50, cột 2, tác giả viết: *"Chỉ có một người đọc Marx sáng suốt nhất là H.G. Wells.*

Orson Wells đã viết cuốn sách '1984,' ngay từ khi chế độ Cộng Sản còn phôi thai, và cuốn sách này đã mô tả cái xã hội công an trị của Cộng sản, như một lời tiên tri báo trước."

2. Ở trang 53, cột 1, tác giả viết: *"Không khí nổi bật trong truyện ngắn "1984" của H.G.Wells, người đã được nhắc tới ở trên là nỗi thê thảm tuyệt vọng của con người sống trong một xã hội công an trị."*

Xin góp ý về các điểm trên:

1. Thực ra "1984" in lần đầu năm 1946, là một truyện dài (268 trang) của George Orwell (tên thật là Eric Blair),in ở Luân Đôn, tháng 6, năm 1949, trong đó tác giả mô tả một thế giới của nhà cầm quyền độc tài, cai trị bằng sự gian dối tẩy não và kiểm soát tư-tưởng, và không những chỉ ám chỉ những thể chế như của Stalin, của Hitler, mà còn ám chỉ tất cả những thể chế độc tài (totalitarianism) nói chung. Bây giờ ta còn dùng những tiếng như "Orwellian" hay "Big Brother" để chỉ sự khống chế của nhà cầm quyền, hay cách bẻ quẹo từ ngữ để dùng vào mục tiêu riêng gọi là "newspeak". Orwell cũng là tác giả cuốn "Animal Farm" (trong đó ở chương 10 có câu bất hủ, "All animals are equal but some animals are more equal than others.")

Trong cuốn *1984* có câu bất hủ, "Big Brother is watching you" (trang 1) hay câu "Doublethink means the power of holding two contradictory beliefs in one's mind simultaneously, and accepting both of them." [Ninetten Eighty-four, chương 9]

2. Văn sĩ viết về khoa-học giả-tưởng người Anh H.G. Wells (Henry George Wells, 1866-1946) là một nhà tư-tưởng xã hội, học trò của Huxley, dậy ngành sinh-vật-học, tác giả những truyện khoa-học giả tưởng như "The Time Machine" (1897); "The Invisible Man" (1897) và "The War of the Worlds" (1898) và "The Country of the Blind." (Câu đáng nhớ trong truyện này:"In the Country of the Blind the One-Eye Man is King." (Trong xứ mù kẻ chột là vua).

3. Orson Welles (1915-1965) (có "e" sau "ll") là tài tử, đạo diễn và sản-xuất phim người Mỹ sinh ở Kenosha, Wisconsin. Orson Welles đã diễn và đóng nhiều phim trong đó có phim Citizen Kane (1939) và là người nổi tiếng trong năm 1938 khi phóng tác và kể truyện "The War of the Worlds," của H.G.Wells trên đài vô tuyến truyền thanh làm thính-giả Mỹ kinh-hoàng.

4. Cũng trong bài này, trang 52, cột 2, dòng 20, tác giả viết,"*...một nhà khoa học hiện đại mà tăm tiếng gần ngang với Einstein, là Stephen Hawking thuộc đại học Stanford và Oxford."*

Thực ra, Stephen Hawking (sinh 8 tháng giêng, 1942) làm giáo sư toán, chuyên về môn astrophysics, người viết hai cuốn sách bán chạy,"A Brief History of time: From the Big Bang to Black Holes" (1988) và "Black Holes and Baby Universes & Other Essays" (1994), là giáo sư Đại học Cambridge, Anh quốc, tuy rằng ông có làm giáo sư thỉnh-giảng tại nhiều đại-học khác.

Địa chỉ của ông: 5 West Road, Cambridge, England. telephone: (0223)51905. [Theo International Who's Who]

Phạm Trọng-Lệ *(Fairfax, Virginia)*

Đọc "Đi Tây" cảm tác

Ngày 9 tháng Chín 1997

Thân gửi Phạm Xuân Đài,

Nếu bạn ở đây thì tôi đã khui một chai champagne mời bạn. Cám ơn bạn đã làm tôi thấy lại Sài Gòn một cách rõ nét hơn, sau hơn 22 năm xa cách.

Anh chàng xứ Quảng đã thấy rõ Sài Gòn và thân thương Sài Gòn hơn cả triệu dân Sài Gòn khác. Với tư cách của một tên đã từng sống chết với Sài Gòn, đã từng làm mưa làm gió ở đây, tôi cám ơn bạn.

Tôi thật sự đã gặp bạn trong bài 'Đi Tây,' và tôi hiểu tại sao tôi đã thích đi Paris chơi hơn là đi Mỹ. Washington, New York, Los Angeles, San Francisco, chưa nơi nào làm tôi cảm hứng khi đi dạo. Ở những nơi đó không có hè phố, không có sinh hoạt đầy chất người, chỉ có sinh hoạt vô danh (anonyme).

Những điều bạn viết sau đây đã 'đánh trúng huyệt': *"Sự giống nhau giữa hai đô thị phải vừa ở kiểu mẫu kiến trúc, vừa ở khí hậu văn hóa, và cái sau bổ túc và quyết định cho cái trước. Đời sống văn hóa có tương đương mới tạo ra nét tương tự được. Nếu tiệm may thanh lịch Aux Ciseaux d'Art bên kia đường biến thành Cửa hàng May mặc quốc doanh, nếu người ta phóng uế vào các gốc cây bên đường và thi nhau lột vỏ cây đem về làm củi đun, nếu người ta mắc máy phóng thanh khắp các góc phố để cả ngày ra rả các khẩu hiệu tiến nhanh và tiến mạnh..., ở trong một thành phố Hồ Chí Minh như thế, tôi đoan chắc có đi Paris người ta cũng sẽ không nhận ra điểm tương đồng giữa hai thành phố đâu. Trái lại, chỉ nhận ra toàn cái xa lạ, như dương gian*

và âm phủ."

Tôi cũng đã nghĩ tới điều nầy và nó đã làm cho tôi buồn nhiều vì tôi thấy ra rằng tôi đã mất hẳn Sài Gòn như tôi đã mất tuổi trẻ. Tôi đã đem tuổi trẻ sống bên lề xã hội nầy như bạn đã đem tuổi trẻ chôn trong tù. Bây giờ tuổi trẻ chẳng bao giờ trở lại cũng như Sài Gòn sẽ chẳng bao giờ thấy lại với những con người ngây ngô của nó, với cái không khí nửa chợ nửa quê, nửa mới nửa cũ, nửa tây nửa ta của nó. Chính vì vậy mà chẳng những tôi chưa tìm về Sài Gòn, tôi còn rất ghét những ai về đó trở qua nói rằng Sài Gòn bây giờ vui lắm, nhiều Honda, nhiều khách sạn... Mấy người đó không cảm nhận cái khí hậu văn hóa của nơi mà họ đến, cũng như nhiều người không hề nghe tiếng chim khi chim hót trên cành.

Nguyễn Hữu Chung, *(Montreal, Canada)*

Mai mối duyên văn tự

Tôi là độc giả thường xuyên của quý báo. Qua phần giới thiệu sách mới trong số tháng Bảy 1997, tôi tìm đọc quyển *Tiếng Lòng Của Nguyễn Du* của tác giả Mai Hiền Lương.

Sau khi đọc cuốn khảo luận trên, nỗi băn khoăn của tôi lâu nay về Nguyễn Du càng thêm ngút ngàn. Đã từ lâu, qua văn thơ chữ Hán của Tố Như, tôi cảm nhận nơi đó sắc thái Phật giáo, đặc biệt là Thiền tông, nhưng chưa tiện thố lộ cùng ai. Nhờ quý báo mà tôi có người để tâm sự. Quyển *Tiếng Lòng Của Nguyễn Du* thúc đẩy tôi viết bài khảo luận ngắn về tâm tư của nhà đại thi hào uyên thâm Phật pháp, xin gửi kèm theo đây. Xin cám ơn cái duyên văn tự mà mục Sách Báo Trong Tháng của quý báo đã tạo nên.

Nguyên Vĩnh Nguyễn Như Hoàng
(Toronto, Canada)

Đính chính bài Đám tang J.R. Vĩnh Thụy

Bài Đám tang Jean-Robert Vĩnh Thụy đăng trong Thế Kỷ 21 số 101, trang 33, cột 2, có câu: "Hội đồng hoàng tộc, ông Ưng Trình và tiến sĩ Thái Văn Kiểm đến Monica không cho vào," nay đổi lại là ông Bửu Hưởng, thay vì hai ông Ưng Trình và Thái Văn Kiểm.

Sở dĩ có việc không cho vào vì Monica muốn ai phúng điếu thương tiếc Cựu hoàng thì gửi ngân phiếu về cho Công chúa Vĩnh Thụy (Monica). Bà có phát mảnh giấy ghi rõ việc này. Hoàng Thái tử Bảo Long chống đối, vì cho bà Monica hành động như thế là làm nhục Hoàng gia, và chủ trương không nhận phúng điếu. Nhưng mọi việc tang lễ do bà lo liệu, và chính phủ Pháp trả tiền mọi chi phí.

Hội đồng Hoàng tộc, Thái tử Bảo Long và Thứ phi Mộng Điệp sẽ tổ chức lễ 49 ngày cho Cựu hoàng Bảo Đại tại Quốc Tế Phật Học Viện (chùa Vincenne) Paris, vì Cựu hoàng có quy y với Hòa thượng Tâm Khoan, trụ trì chùa Báo Quốc Huế, vào ngày 8 tháng Tư năm Mậu Thìn, Phật lịch 2470, pháp danh Trừng Loan. Các phái quy y của Cựu hoàng do đức Từ Cung cất giữ rồi trao lại cho Mộng Điệp. Buổi lễ sẽ phát thanh lời Đức Từ Cung dặn dò Bảo Đại.

Phạm Trọng Chánh *(Paris, Pháp)*

Không thể bỏ qua được

Trước hết xin thưa đây không phải là chuyện "vạch lá tìm sâu" đâu ạ, vì TK 21 là tờ báo đứng đắn nên chỉ xin TK 21 "sửa sai" thôi đấy. Xin lưu ý quý báo coi lại bản thảo trước khi in, vì trong một số mà nhiều chỗ sai quá, không thể bỏ qua được.

Số báo 99, July 1997:

1. Bài "Đánh giá 'Đêm Giữa Ban Ngày'" của Võ Quang, trang 38 cột 2, dòng đầu: ... *G. Orwell viết trong cuốn sách '1994'*, xin sửa là **1984.**

2. Bài "Mưa Tuyết Không Gian" của Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh, trang 50 cột 1, dòng 15: *...hình này chụp vào tháng 9 năm 1997...* xin coi lại bản thảo và sửa là tháng 9/1996 (?) hay năm khác hơn 1997, vì báo quý vị ra tháng July 1997, làm sao đã có hình do NASA chụp tháng 9/1997?

3. Bài "Sách vở nước Mỹ" của Trần Quán Niệm, trang 52, cột 2, dòng 40: ...*Và con mèo Stock cũng có thể ra một cuốn hồi ký...*, xin sửa là **Socks**. [Con mèo của TT Clinton tên là Socks, xin lên lưới WWW mà tìm dưới key-board "Clinton's cat" sẽ kiểm chứng được tên của con mèo này!]

Số báo 100, August 1997

Bài "Bức Tường" của Nguyễn Thị Vinh, trang 66, cột 2 dòng 23 từ dưới lên: *Họ còn sợ cả chính thường dân Đức trốn đi, nên bức tường Ô Nhục ngăn cách Đông, Tây Đức mới dựng lên cao và chạy dài như thế chứ,* xin đính chính dùm cho là bức tường này không ngăn hai nước Đức, mà nó ngăn tỉnh Berlin thôi ạ. "Bức tường Ô Nhục" đó được Mỹ gọi là "Berlin Wall" tức là nó chỉ ngăn cách hai miền phía đông và phía tây của tỉnh Berlin. Phía tây Berlin do đồng minh Mỹ, Anh, Pháp chiếm

đóng, Nga phía đông, và tỉnh Berlin này thì nằm trong phần đất của Đông Đức do Nga chiếm đóng.

Sau cùng, xin hỏi thăm ông Thang Ma hồi này biến đi đâu sao không thấy có bài viết của ông ấy đăng trên TK 21 vậy? Xin nhắn ông ta cho vài bài về chữ nghĩa nữa cho độc giả học hỏi thêm.

Phạm Lệ Hương *(Modesto, CA)*

Khảo dị

Văn thơ của ta có quá nhiều *dị bản*. Khi đọc bài thơ của tiền nhân không biết chắc trong đó còn lại bao nhiêu đúng là của tác giả. Ngay như bài của ông Trần Gia Phụng đăng trên TK 21 (số 100, tháng 8-97, tr 25-30) là loại bài viết rất nghiêm túc, tác giả đã tham khảo nhiều tư liệu và sử liệu, thế mà bài thơ tám câu chép ở cuối trương 30 có đến 13 chữ khảo dị! Tôi nói khảo dị chứ không dám bàn chuyện đúng sai. Hồi ở bên nhà tôi có đọc bài thơ này kèm sau bài Văn Tế Sống Năm Cụ Hồi Hưu rất hay. Chỉ xin nêu ba chữ:

Câu hai: Đất bằng *sấm* (*sóng*) dậy xứ Thần kinh.

Đất bằng sóng dậy là do câu chữ Hán: *Bình địa khỉ ba đào*, chỉ sự biến cố không thể tưởng tượng nổi. Trong Kiều có:

Đất bằng nổi sóng đùng đùng, (câu 1405)

Gặp cơn *bình địa ba đào*, (câu 1365)

Câu bảy: Công danh thôi thế là *hưu hỉ* (*hưu hĩ*),

Tôi không rõ *hưu hỉ* là gì. *Hưu hĩ* là thôi rồi, hỏng rồi.

Câu tám: Đại sự xin nhường *kẻ* (*lũ*) hậu sinh.

Không biết bản nào chép đúng. Chữ lũ cũng hợp với ý văn khinh thị quan trường của tác giả: Trong bài Văn Tế có câu:

Thiêng liêng đạo giấy hồi hưu, cả đoàn cả lũ.

Nguyễn Hữu Thành *(Paris, Pháp)*

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

CÁO LỖI

Vì một lý do riêng, loạt bài Đi Tây của Phạm Xuân Đài tạm ngưng ở số báo này. Xin cáo lỗi cùng quý độc giả.

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của những tác giả sau:

Trần Mộng Tú, Nguyễn Đình Tuyến, Trần Quán Niệm, Nguyễn Kết, Quế Chi, Hồ Như, Lưu Nguyễn, Lâm Lễ Trinh, Đặng Văn Tân, Nguyễn Gia Tiến, Trần Hồng Châu, Hồ Trường An, Trần Việt Hải, Lý Phương Triều, Phạm Phú Hay, Vũ Trung Hiền, Sương Mai, ĐỖ Quyên (Canada), Lê Thị Huệ, Đỗ Thì Kênh G, Nguyễn Lê Hồng Hưng, Phạm Hồng Ân, Nguyễn Hữu Thành, Babui, Phạm Trọng Chánh, Phạm Lệ Hương, Nguyễn Hùng Vũ, Nguyễn Tứ Phương, Hoàng Xuân Sơn, Võ Đình Tuyết, Phan Nhật Nam.

Võ Đình *(Royal Palm Beach, FL)*: Cuốn THNK của PPT nguyên bản chữ Hán hiện có tại thư viện Hà Nội và gia tộc của tác giả cũng có một bản riêng. Sách đã được dịch ra Việt ngữ (dịch giả ở trong nước) nhưng chưa xuất bản. Những điều anh thấy liên quan đến tác phẩm này là dùng từ bản dịch ấy. Thân.

Nguyễn Hưng Quảng *(Connecticut, MA)*: Những khó khăn anh vừa gặp phải một số nơi khác cũng đã gặp. Có lẽ cách thức ấy không thích hợp. Thì ta lại nghĩ ra cách khác, phải không anh? Rất cám ơn nhiệt tình và các sáng kiến của anh. Chúc vui.

Võ Văn Sáu *(Renton, WA)*: Việc giới thiệu sách mới là việc thường xuyên của TK 21. Khi giới thiệu chúng tôi chỉ dựa vào khía cạnh văn học, tài liệu hay nghệ thuật của tác phẩm, chứ không thể biết, không thể thẩm định tính chất hư cấu hay có thực của những gì các tác giả viết, nhất là với thể loại truyện. Việc giới thiệu cuốn SCĐĐ của DTĐ cũng trong tinh thần đó, y như các tác phẩm khác. Vậy nếu có vấn đề gì giữa tác giả và ông thì là chuyện riêng của hai người, chúng tôi xin được phép đứng ngoài. Sau khi tiếp nhận những giải thích của ông như là những lời 'tâm sự,' chúng tôi nghĩ là mình hiểu câu chuyện hơn, nhưng vẫn không thấy tờ báo có trách nhiệm gì trong điều gọi là "giúp cho tác giả DTĐ chụp mũ Việt Cộng" cho bất cứ ai, dù là vô tình. Xin nhắc lại: chúng tôi chỉ làm việc giới thiệu sách một cách bình thường, theo các tiêu chuẩn mà báo chúng tôi vẫn áp dụng lâu nay. Kính.

Nguyễn Lê Hồng Hưng *(Dronten, Hòa Lan)*:

PXĐ tiếc mãi hôm qua bên ấy gặp gần đầy đủ anh chị em thân hữu của TK 21 mà lại vắng anh. Nghe nói anh đang lênh đênh trên biển. Vừa rồi nhận được NCAT, rất hay, sẽ đăng trong một số tới. Nhìn bản thảo, chúng tôi phân vân không biết tác giả dùng máy chữ hay computer. Nếu dùng computer, những lần gửi bài sau xin anh gửi cho cái đĩa, sẽ rất tiện cho chúng tôi, mà phần anh cũng... đỡ sợ bài bị đánh sai. Thân.

Hộp thư trị sự

PHAN MỸ SƯƠNG

Thư Trị Sự Số 102 Độc giả gia hạn và độc giả mới: Kích Huỳnh (Garden Grove CA), Đỗ Kim Nhung (Lynnwood WA), Nguyễn Văn Hai (Louisville KY), Phạm văn Thông (Harvey LA), Nguyễn Đăng Thịnh (SINGAPORE), Yarra Plenty Reg Lib (AUSTRALIA), Trần Ngọc Đại (Orlando FL), Nguyễn Văn Trung (Annandale VA), Liên Mai (St Petersburg FL), Lê Doãn Kim (Rockville MD), Duflot Thủy Tiên (FRANCE), Huy Minh Trần (Dove Canyon CA), Michael Bùi (Honolulu HI), Nguyễn Văn Luận (Garden Grove CA), Dương Mạnh Hùng (Beaverton OR), Trần Đức Ái (Irvine CA), Nguyễn Văn Bích (Houston TX), Nguyễn Thị Nga (Delaware OH), Nguyễn D. Long (Paoli PA), Nhâm M. Vũ (Brighton MA), Nguyễn Thị Lai (AUSTRALIA), Nguyễn Thị Vân (Raiford FL), Nguyễn Bình Phương (JAPAN), Đoàn Văn Phi Long (AUSTRALIA), Lưu Nhơn Nghĩa (AUSTRALIA), Nguyễn Sĩ Giao (AUSTRALIA), Nguyễn Huy Thứ (Las Vegas NV), P. Nguyễn (ENGLAND), Minh Đức Hoài Trinh (Midway City CA), Nguyễn Thanh Vân (San Francisco CA), Lê Hữu Thuần (Adelphi MD), Lê Hữu Thuận (Adelphi MD), Nguyễn Xuân Huy (GERMANY), Nguyễn Văn Lý (GERMANY), Trần Văn Bình (Que CANADA), Regisseur Avances Fonds Documentair (FRANCE), Tạ Ánh Tuyết (Miami FL), Thanh Trần (Orange CA), Nguyễn Công Đức (Irving TX), Rev Trần Cao Tường (Marrero LA), Nguyễn Xuân Hiếu (Rch Sta Margarita CA), Đỗ Hùng (Columbus GA), Ewing Diệp (Shalimar FL), Phan Lăng (San Jose CA), Trần Vui (San Diego CA), Nguyễn Ngọc Thanh (Phoenix AZ), Bàng Châu Nguyễn (Lowell MA), Đào Đức Hoàng (Montreal CANADA), Nguyễn Văn Cường (Que CANADA), Nguyễn Thế Huy (Montreal CANADA), Trần Văn Huy (FRANCE), Khưu Ngọc Thanh (Beaverton OR), Lý Quốc Hồng (FRANCE), Nguyễn Gia Ân (Que CANADA), Hoàng Minh Chánh (Los Angeles CA), Nguyễn Ngọc Bảo (Santa Ana CA), Trần Minh Thiện (Houston TX), Phan Triều Huy (Irvine CA), Hà Quốc Nam (JAPAN), Lê Long (JAPAN), Đinh Thị Xuân Tiên (Garden Grove CA), Lý Quốc Anh (Queens NY), Trần Thị Anh Đào (Santee CA), Nguyễn Đình Nhựt (Philadelphia PA).

Lê Thị Công Dung *(Baton Rouge, LA)*: Chúng tôi đã nhận được E-mail của chị đặt mua báo. Mỗi khi nhận được "phiếu đặt mua báo" từ Internet, Trị sự sẽ gửi ngay số báo mới nhất cho người đặt kèm với Hóa đơn tiền báo tương ứng với thời hạn đặt mua trong E-mail. Sau khi nhận được tiền mua báo, chúng tôi sẽ cho tên người mua vào danh sách gửi thường trực hàng tháng, và mọi chuyện giống như lối mua báo thông thường. Bao giờ người ta có thể chuyển tiền bằng E-mail thì mọi chuyện sẽ nhanh chóng dễ dàng hơn nhiều, chị nhỉ.

Phạm Duy Hưng *(Bad Munster, Đức Quốc)*: Tại Đức, giá báo là 130 DM cho một năm (12 số báo), 240 DM cho hai năm (24 số báo). Cách trả tiền: Bằng chi phiếu (Scheck, Verrechnungsscheck), chuyển vào trương mục, đề tên Nguyễn Phi Hùng, Stadsparkasse Dortmund, Bankleitzahl 440 501 99, Konto-Nr 622016893. Ông Hùng là đại diện của TK 21 tại Đức, điện thoại 492371-439238, bạn chỉ cần trả tiền tại Đức và sẽ nhận được số báo đầu tiên từ Tòa soạn (tại Mỹ) gửi qua trong khoảng từ bốn đến tám tuần kể từ ngày đặt mua. Sau đó mỗi tháng sẽ nhận báo đều đều. Mong sớm được có tên bạn trong danh sách độc giả dài hạn.

Quý độc giả ở Úc lưu ý: Hiện nay số điện thoại ở Úc đã thêm một số mã, nên điện thoại của ông Bình Anson, đại diện Thế Kỷ 21 tại Úc như sau: **(61-8) 9448 0637.**

CẢI TỔ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC Ở TRUNG QUỐC

VƯƠNG HỮU BỘT

Từ đầu thế kỷ này, nhiều người Trung Hoa đã hô hào phá bỏ hệ thống đại gia tộc và tinh thần gia trưởng, hai trở ngại cho việc hiện đại hóa. Nhưng các đặc tính văn hóa thường thay đổi chậm chạp. Khi Trung Quốc lập các định chế kinh tế, chính trị mới, các định chế mới cũng không thay đổi ngay được nền nếp tinh thần cố hữu. Các xí nghiệp lớn ở Trung Hoa hiện nay không có vẻ là một đơn vị sản xuất như ở Nga hay Mỹ, mà vẫn mang hình ảnh một đại gia tộc thời phong kiến.

Khi Tây phương bước vào thời hiện đại, 2 thế kỷ trước đây, các xí nghiệp cùng phát triển song song với các định chế xã hội và chính trị, tất cả lấy tinh thần duy lý làm nền tảng. Cơ cấu xã hội thời phong kiến biến dần, thay vào đó có sự tách biệt, phân công, và phân tản quyền lực giữa các phạm vi tôn giáo, chính quyền, kinh tế, v.v. mà trong đó xã hội công dân đóng vai cân bằng ảnh hưởng với nhà nước trong đời sống thường ngày của người dân. Tinh thần duy lý đó chưa thẩm thấu vào xã hội Trung Hoa.

Những khái niệm cơ bản của đời sống kinh tế hiện đại, như phân công, hợp lý hóa, phương pháp khoa học, quyền tự do lựa chọn, tinh thần dân chủ, tuy được nói đến rất nhiều nhưng chưa ăn sâu vào tâm thức người Trung Hoa. Các giá trị mới đó còn rất yếu so với các giá trị văn hóa cổ truyền, như đầu óc gia trưởng.

Trong diễn văn đọc trước Đại hội Đảng Cộng Sản Trung Quốc kỳ thứ 15, ông Giang Trạch Dân nói sẽ thay đổi lớn trong cơ cấu sở hữu các xí nghiệp quốc doanh. Những thay đổi này sẽ phải diễn ra song hành trên nhiều lãnh vực. Pháp luật phải thay đổi để ấn định cơ cấu sở hữu mới, do đó diễn trình quyết định trong xí nghiệp sẽ thay đổi. Cách phân chia quyền hành và phân bố lợi nhuận mới sẽ thay đổi tương quan giữa con người sống trong đó, và cả tương quan khi họ sống bên nhau ngoài xã hội. Các tương quan mới này dần dần sẽ dẫn tới nhu cầu thay đổi cơ cấu chính trị. Quá trình này, ông Giang cho là sẽ kéo dài cả trăm năm - tương đương với thời gian từ khi Adam Smith viết cuốn *The Wealth of Nations* cho tới khi Bismark thiết lập các định chế xã hội ở nước Đức thống nhất với mục đích tái phân lợi nhuận trong các tầng lớp dân chúng. Trong thời kỳ văn minh tin học này, thời gian chắc sẽ rút ngắn lại nhiều, chưa đến một trăm năm. Nhưng đưa ra con số 100 giúp mọi người đỡ nóng ruột!

XÍ NGHIỆP NHƯ MỘT GIA TỘC

Chúng ta hãy nghe chuyện một xí nghiệp ở tỉnh An Huy.

Ông Vương phụ trách Ban Đời sống ở Xí nghiệp Sắt Thép Man San, lớn hàng thứ sáu về chế tạo thép ở Trung Quốc. Ông chịu trách nhiệm về 11 vườn trẻ trong 11 nhà máy, 15 trường trung, tiểu học với 1500 nhân viên, một bệnh viện 900 giường với 1200 nhân viên, mươi quán ăn và 56 ngàn hộ gia cư của nhân viên. Ông Vương cũng phải lo phát đủ lương hưu cho mươi ngàn công nhân viên đã nghỉ. Ngoài ra ông còn phụ trách mươi trường học, một trường kỹ thuật, và một đại học trong thị xã Man San. Ban Sản xuất thép của công ty Man San biết rằng trong số 50 ngàn nhân công nếu họ cho 15 ngàn nghỉ việc thì sức sản xuất vẫn không xuống, nhưng họ không thể làm việc đó được. (Nhiều xí nghiệp ở Trung Quốc quyết định xây thêm nhà máy chỉ vì con cháu của các công nhân đang lớn cần có việc làm.) [1]

Đó là hình ảnh một đại gia tộc. Ban quản

đốc xí nghiệp đóng vai Gia trưởng phụ trách mọi khía cạnh của đời sống con cháu, từ kinh tế, giáo dục đến y tế, xã hội giống như Giả Mẫu trong Hồng Lâu Mộng. Theo đúng truyền thống đó, các vị quản đốc cũng quan niệm về quyền hành và trách nhiệm của họ như các Giả mẫu đời xưa đối với con cháu. Và cũng đúng với truyền thống các đại gia, họ lo cho con cháu trước, lo người ngoài sau, dù có khi làm vậy là bất công. Ai may mắn sinh trong một đại gia thì hy vọng suốt đời có cơm ăn. Các gia trưởng cũng lo đối phó với bên ngoài: vua, quan, từ phủ, huyện, cho đến trung ương, dùng các "quan hệ" để giải quyết, nhiều khi vượt qua luật lệ. Nhưng họ không bao giờ quên phải bảo vệ quyền lợi của gia tộc mình trước hết.

Trong các nước dùng kinh tế thị trường sớm hơn, xí nghiệp chỉ là xí nghiệp, lo kinh doanh để tăng lợi nhuận. Việc mở trường mẫu giáo cho đến đại học, chuyện xây bệnh viện và mướn y sĩ, việc mở rạp hát và lựa ca sĩ, tốt nhất nên để các người, các tổ chức chuyên môn họ lo. Nhà ở của công nhân viên, để họ chọn mua lấy, hay đi thuê, và những công ty xây cất sẽ lo chiều lòng người tiêu thụ. Các chuyện trợ cấp thất nghiệp, hưu bổng, các vấn đề an sinh xã hội cũng có các tổ chức tư hoặc công khác. Như vậy thì người công nhân, ngoài các đòi hỏi về điều kiện làm việc, chỉ còn phải tranh đấu cho một thứ, là đòi tăng lương. Có tiền, họ sẽ tự do lựa chọn các sản phẩm và dịch vụ trên thị trường. Thị trường là cho phép mỗi người lựa chọn theo ý mình, khỏi lệ thuộc ai cả. Quyền tự do lựa chọn trong đời sống kinh tế sẽ tập nhiễm thành thói quen, dẫn đến thói quen lựa chọn chính trị.

Ở các nước kinh tế tập trung chỉ huy, các Giả mẫu làm công việc chọn lựa giúp công nhân trong đại gia tộc, thu nắm các quyền lựa chọn trong tay mình. Quyền hành của họ trở thành vô giới hạn, dùng để ban ân huệ cho đứa con đứa cháu nào ngoan ngoãn, muốn giảm bớt quyền của họ thì thật rắc rối. Mà con cháu sống trong khuôn khổ đó cũng quen đi, không có thói tự quyết định nữa. Ngay cả trong việc sản xuất, tiếp thị, họ cũng chờ lệnh trên.

Khi dựng lên mô hình xí nghiệp như thế, ông Mao Trạch Đông nhân danh Chủ nghĩa Xã hội, nhưng trong thực tế đã phục hồi cơ cấu xã hội phong kiến dưới hình thức mới. Tinh thần gia trưởng ngự trị ở trong mọi sinh hoạt: đảng bộ, các đơn vị hành chánh, cũng như trong nông trường, xí nghiệp. Tại sao di sản của thời phong kiến được nuôi dưỡng như vậy? Vì cơ cấu trong diễn trình quyết định vẫn tập trung, không dung thứ cho các ý kiến bất đồng cũng như sự phân tản quyền lực. Ý niệm về phân chia công tác trong xã hội, mỗi người làm việc trong lãnh vực mình có khả năng cao nhất, mỗi công tác có bộ phận riêng phụ trách, ý niệm đó chưa có cơ hội thẩm thấu vào tinh thần người Trung Hoa. Hậu quả là nhiệm vụ chính mà xí nghiệp phải làm, là sản xuất, cũng không thể chu toàn. Và khi các xí nghiệp cũng phụ trách "đời sống" của nhân viên, người ta không có nhu cầu và động cơ thiết lập một hệ thống an sinh xã hội chung cho cả nước, cái lưới an toàn - safety net, như ở các nước Âu Mỹ. Khi kinh tế thay đổi, nhiều người rơi ra ngoài lưới an toàn của xí nghiệp, không còn được che chở theo tinh thần "xẩy cha còn chú" nữa. Hàng trăm triệu người đang bơ vơ như vậy.

Giống như một đại gia, các xí nghiệp sinh con đẻ cái để bành trướng, các quyết định bành trướng không theo tiêu chuẩn kinh tế cho nên hiệu quả thấp. Công ty Cơ khí Xinjian ở Thượng Hải có 3000 nhân viên, chỉ 20% tham dự vào việc chính, là xây dựng các nhà máy xi măng. Giám đốc công ty, ông Xia Baolin đã lập thêm nhiều xí nghiệp nhỏ: quán ăn, taxi, trộn xi măng, cả một công ty bán cá đang nhập cảng tôm hùm. Ông Xia đứng đầu tám công ty, không công ty nào có lời. Những con tôm nhập cảng không có người mua để trong tủ lạnh, trong hành lang một quán karaoke vắng khách cũng do công ty Xinjian làm chủ. Trong khi các công nhân viên lớn tuổi ngồi than vì lương bổng chậm trễ, các công nhân trẻ thì lo đi học lớp buổi tối để tìm cơ hội đổi việc làm ở các xí nghiệp tư. [2]

Công ty Sắt Thép Vũ Hán đã bành trướng thành một tổ chức khổng lồ, có 180 ngàn nhân viên, trong đó chỉ có một phần ba làm những việc liên quan đến sản xuất sắt thép. Công ty còn lo nhà cửa cho nhân viên, xe buýt do công ty sản xuất để chở nhân viên đi làm. Ban đêm, nhân viên về nhà coi ti vi, cũng do công ty chế tạo, trong khi các đội bảo vệ của công ty đi tuần tiễu giữ an ninh.

Tinh thần đại gia tộc cũng đi đôi với đầu óc sứ quân, mỗi địa phương tự túc, tự trị, anh hùng một cõi, một di sản khác của thời phong kiến. Chính quyền địa phương che chở cho các

xí nghiệp ở địa phương mình, không cần biết đến hiệu năng kinh tế.

Trong khi mỗi công ty quốc doanh lo làm đủ thứ chuyện, thì có những chuyện được quá nhiều công ty đua nhau làm, dù thiếu hiệu năng. Trung Hoa có 189 nhà sản xuất xe gắn máy. Bình thường nếu sản xuất 100 ngàn xe một năm thì một xí nghiệp có thể hưởng "tiết kiệm nhờ tầm cỡ lớn" - economies of scale. Nhưng trên toàn quốc chỉ có khoảng mươi công ty xe máy đạt đến mức sản xuất đó mà thôi. Trung Hoa có 123 nhà máy sản xuất xe hơi và xe tải, năm 1996 chế tạo gần một triệu rưỡi chiếc xe - chỉ bằng một phần sáu số xe do ba hãng lớn ở Detroit ở Mỹ làm mỗi năm. Số xí nghiệp làm máy vô tuyến truyền hình nhiều đến nỗi chính phủ Bắc Kinh ra lệnh ngưng không cho mở thêm. [3] Có 30 ngàn xí nghiệp làm giây chằng cao su cho chạy máy, bán cho những thị trường địa phương, cho nên không công ty nào đủ lớn để tân canh máy móc và kỹ thuật, ngõ hầu khai thác một thị trường khổng lồ 1,3 tỷ người.

THỰC TẾ ĐÃ THAY ĐỔI

Những người đứng đầu các địa phương và quản đốc xí nghiệp cũng biết phải "hợp lý hóa" việc sản xuất, và họ đã bắt đầu thay đổi trong khi ở trung ương làm ngơ, cho địa phương làm thử.

Mấy năm gần đây, Công ty Sắt Thép Vũ Hán bắt đầu tự cải thiện, bớt ôm đồm. Họ từ bỏ các trách nhiệm quản lý những cơ sở như quán ăn, trường học (có hai trường đại học), nhà thương, để các đơn vị đó sống độc lập. Họ bắt đầu cho nhân viên nghỉ bớt, 15% một năm. Đến đầu thế kỷ 21 công ty sẽ chỉ còn một phần sáu số nhân viên hiện nay, và sẽ tăng số thép sản xuất gấp đôi. Ông Niu Guangninh, một quản đốc công ty nói, "Phải thay đổi tư duy của mọi người." Ông là giám đốc một công ty mới, Tân Đại, sử dụng 1000 công nhân đã nghỉ việc ở công ty Sắt Thép. Tân Đại sẽ mướn thêm vài trăm công nhân mới khi ký xong hợp đồng liên doanh với một công ty Nhật để làm sàn nhà. Ông Niu nói, "Phải đào mương trước khi tháo nước vào, nếu không sẽ bị ngập lụt." Đó là tư duy mới: Quyết định phải dựa trên cơ sở kinh tế, không dựa trên "quan hệ." Xưởng thép Tân Đại mua các thiết bị tân tiến, dùng ít nhân lực hơn, và năng suất cao hơn. Ông Shi Maoxiang, giáo sư Đại học Sắt Thép Vũ Hán nhận xét là công việc cải tổ hiện nay đã giúp gia tăng số hàng hóa và dịch vụ, nâng cao phẩm chất, làm đời sống mọi người đều khá hơn trước.[4]

Một thí dụ là lãnh vực gia cư. Ai đã sống trong các nước xã hội chủ nghĩa thì biết nhà cửa mục nát không ai lo sử chữa vì không ai thấy họ là chủ ngôi nhà mình ở. Năm 1949, đảng Cộng Sản Trung Hoa bãi bỏ sở hữu tư, nhà nước, qua các xí nghiệp và nông trường, làm nhà cho dân ở thuê. Nay, ngọn gió đã đổi chiều, mọi người được khuyến khích mua nhà riêng. Mỗi tỉnh trừ 5% lương công nhân để lập một Quỹ, cho mọi người vay để xây hoặc mua nhà. Ngân hàng cho vay để xây, mua nhà, với thời hạn 15, 20 năm. Tiền thuê nhà, hiện nay chỉ chiếm 4% ngân sách gia đình vì được trợ cấp, sẽ tăng lên dần để thúc đẩy mọi người thành chủ nhà. Đến năm 2000 chi tiêu về nhà ở sẽ lên 15% ngân sách gia đình. Bộ trưởng Xây dựng cho biết trong ba năm tới sẽ xây thêm 1 tỷ 2 mét vuông nhà ở, bằng nửa số nhà xây trong 2 thập niên trước.

Nhưng cải tổ gia cư còn gặp trở ngại. Khi nhà nước, thay vì các công ty tư xây cất thì họ thường không đáp ứng đúng nhu cầu người tiêu thụ. Nhiều khu gia cư xây xong không có ai mua, vì chọn sai địa điểm, hoặc chưa có hạ tầng cơ sở như đường xá, cống rãnh, điện nước! Đó là chưa kể giá nhà cao quá (trung bình hơn 6,000 mỹ kim một căn hộ, bằng 10 năm lương trung bình của một người ở đô thị,) và phong tục người Trung Hoa chưa quen vay nợ ngân hàng. Việc cải tổ gia cư thành công khi có tư nhân tham dự trong thị trường. Ở Bắc Kinh và các thành phố ven biển, tình trạng gia cư đang bùng nở. Nhiều người đã làm chủ những ngôi nhà có cả vườn và garage để xe. Ông Chen Guohong, một đảng viên ở Thượng Hải, lập công ty trang trí nội thất năm 1994, với 9 nhân viên, năm nay đã có 1,200 nhân viên. Ông nói "Khi mở cửa cho thị trường thì đến lúc nó sẽ ào ra như mở cửa một đập nước." Cải tổ gia cư sẽ trút bớt một gánh nặng cho ban quản đốc các xí nghiệp, để họ chuyên tâm lo công việc chính của họ.

Những thay đổi trong thực tế như trên đã xảy ra ở nhiều xí nghiệp quốc doanh ở Trung Quốc. Họ chỉ chờ đảng Cộng Sản Trung Quốc chính thức cho phép là sẽ tiến tới, như hình ảnh nước trào khi cửa ngăn được mở ra.

Trong cuộc đổi mới ở Trung Quốc, mỗi đợt mở một con đập ngăn nước, chúng ta chứng kiến các ngọn trào tràn tới, rồi sau đó, các đại

ội của đảng chính hức hóa bằng chủ rương mới. Người lân bao giờ cũng ợi dụng cơ hội những cánh cửa hé mở để ào ra, tìm cách xoay sở, làm ăn, và đảng Cộng Sản đi theo sau, tuyên bố những khẩu hiệu cho phù hợp thực tế mới.

THỦ ĐẠI PHÓNG TIỂU

Đợt sóng đầu tiên là ở nông thôn năm 1978, khi ông Đặng Tiểu Bình bỏ các công xã và nông trường tập thể, cho nông dân được tự do canh tác và mua bán nông sản theo giá thị trường. Nhà nước vừa cởi dây trói cho 700 triệu nông dân là lợi tức của họ tăng vọt ngay. Không những nông sản gia tăng mà nhờ mãi lực của nông dân lên cao, số hàng hóa khác cũng tăng thêm sản xuất. Đại hội Đảng lần thứ 12, năm 1982 chính thức hóa chủ trương "khoán sản phẩm." Sau khi hàng triệu nhà kinh doanh đã bắt đầu mở cơ sở làm ăn phát đạt, Đại hội 13 năm 1987, đưa ra khẩu hiệu mới, "Kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa," công nhận lãnh vực tư hoạt động bên cạnh các cơ sở quốc doanh. Năm 1992, sau khi ông Đặng đi thăm các đặc khu kinh tế, cổ động cho cả thị trường chứng khoán, thì đại hội kỳ thứ 14 nêu chủ trương "Xã hội Chủ nghĩa lối Trung Hoa."

Nhưng điều tiết một nền kinh tế bằng khẩu hiệu cũng không thúc đẩy được sinh hoạt kinh tế theo các qui luật tự nhiên bột phát của thị trường. Cải tổ quan trọng nhất trong 20 năm qua vẫn là những gì ông Đặng đã cho phép dân được làm, sau khi dân Trung Hoa bị ông Mao ngăn cấm gần 30 năm. Theo ước tính của Ngân Hàng Thế giới, trong thập niên 1970 thời ông Mao, sản suất nông nghiệp tăng 2,6% mỗi năm. Từ 1978 đến 1984, tỷ số đó tăng lên thành 6%. Nhờ được mua bán nông sản tự do, lợi tức ở nông thôn tăng 14% mỗi năm. Nhưng từ năm 1985 đến 1990, nhà nước đã ngăn làn sóng ở nông thôn lại, vì các đô thị bị thiệt thòi. Mà đa số quan chức đều sống ở các thành thị. Việc mua bán nông phẩm bị kiểm soát để bảo vệ quyền lợi của dân thành thị, cũng như quyền hành của nhà nước, khiến lợi tức ở nông thôn từ năm 1985 đã đứng lại.[5]

Năm 1990, để thoa dịu các bất mãn ở nông thôn, giá nông phẩm được tăng lên. Nhưng năng suất nông nghiệp vẫn không tăng được, như thể đã chạm tới trần nhà. Một cái trần nhà vô hình là hạn chế về quyền sở hữu. Vì không được chính thức làm chủ ruộng đất, nông dân không có động cơ để đầu tư lâu dài. Họ cũng không được phép mua bán để tăng diện tích canh tác, hưởng lợi ích của "hiệu năng cao nhờ kinh doanh lớn." Việc thay đổi các nông sản theo nhu cầu thị trường cũng bị hạn chế. Khi việc sản xuất, nhập cảng, phân phối phân bón cũng bị nhà nước kiểm soát, và các ngân hàng nhà nước thì chỉ lo cho các xí nghiệp nhà nước vay, thì nông dân bị chẹt cả đầu ra lẫn đầu vào, không thể tăng năng suất.

Nếu nông thôn có thể đứng lại một thời gian, thì tình trạng các doanh nghiệp nhà nước ngưng trệ có thể gây rối loạn ở ngay các trung tâm quyền lực.

Trong khi các doanh nghiệp tư bị hạn chế mà vẫn phát triển thì các xí nghiệp công càng ngày càng suy thoái. Trong số 370 ngàn xí nghiệp quốc doanh có 118 ngàn thuộc công nghệ, và theo Ngân hàng thế giới thì một nửa đang thua lỗ - năm ngoái tỷ số thua lỗ là 1 phần 3.[6] Lợi nhuận các xí nghiệp quốc doanh là 6% Tổng Sản lượng Quốc nội (GDP) năm 1980, hiện giờ chỉ còn là 1% GDP. Năm 1980 các xí nghiệp quốc doanh đóng góp 80% trong tổng số sản xuất kỹ nghệ, năm 1995 chỉ còn 47%, và hiện nay dưới 40%, phần còn lại

là do các xí nghiệp tư và liên doanh. Trong khi đó các xí nghiệp quốc doanh chiếm đến 90% số nợ mà các ngân hàng cho vay, một hình thức bao cấp bằng tín dụng. Lãnh vực tư bị kỳ thị rõ rệt.

Tình trạng này không thể kéo dài. Theo ước tính chính thức của nhà nước thì 22% các món nợ của bốn ngân hàng nhà nước chính cho vay là không thể đòi được. Ngân hàng Công Thương ở Thành Đô (Tứ Xuyên) thấy 80% các món nợ không thể đòi được. Dù chỉ ở mức 20% thì số "nợ xấu" cũng cao hơn vốn ngân hàng, đó là tình trạng "khánh tận kỹ thuật," ở một nước khác thì người ta đã đổ xô tới rút tiền ra. Ở Trung Hoa thì người dân còn tin rằng chính phủ có quyền in tiền sẽ không bao giờ để cho các ngân hàng phá sản. Nhưng tình trạng này gây khó khăn cho nhà nước. Thí dụ khi Ngân hàng Trung ương muốn hạ thấp lãi suất để kích thích nền kinh tế, họ không dám làm vì sợ các chủ trương mục sẽ rút tiền gửi ngân hàng ra để "chơi" thị trường chứng khoán, một phong trào đang lên khắp nước (có tờ báo nói 20% dân Trung Quốc đang mua bán cổ phần!).

Còn một khó khăn nữa là những món nợ tay ba, giữa các xí nghiệp với nhau, không thể trả lẫn nhau làm tất cả đều thiếu vốn điều hành. Theo thống kê của nhà nước, năm 1994 tổng số nợ tay ba là 400 tỷ đồng (nhân dân tệ), năm 1996 tăng lên 1 ngàn tỷ (120 tỷ mỹ kim.)[7]

Đảng Cộng Sản Trung Quốc phải lựa chọn. Một cách lựa chọn là tạo cơ chế mới khép các xí nghiệp quốc doanh vào một thứ kỷ luật tài chánh của thị trường. Nghĩa là chấp nhận việc cải tổ, hợp lý hóa, dù dẫn đến cảnh sa thải nhiều công nhân hoặc cho phá sản. Nếu không, họ cứ kéo dài tình trạng hiện nay, tiếp tục bao cấp bằng tín dụng, có thể đưa tới tình trạng đình trệ toàn diện khi nhiều xí nghiệp kéo theo các ngân hàng phá sản, gây khủng hoảng niềm tin của dân chúng cũng như giới đầu tư quốc tế. Muốn nuôi các xí nghiệp quốc doanh thì số tiền bao cấp sẽ lớn thêm mãi, các ngân hàng suy yếu mãi. Ngoài ra lại phải giữ hàng rào thuế quan để bảo vệ hàng nội hóa, khi người tiêu thụ mỗi ngày một khôn và khó tính hơn. Chính sách đó cũng sẽ ngăn trở việc Trung Quốc gia nhập Tổ chức Mậu dịch Thế giới (WTO) mà họ mong được gia nhập vào năm tới. Vì thiết tha gia nhập WTO, đầu Tháng Mười 1997 Trung Quốc bắt đầu giảm thuế quan trung bình 26% trên 4,800 món hàng nhập cảng.

Tháng Tư năm 1997 ông Giang Trạch Dân đã chấp nhận nhu cầu cải tổ toàn diện, với khẩu hiệu "Thủ đại, phóng tiểu," nắm cái lớn, buông cái nhỏ. Và chính sách này được công nhận một cách chính thức, qua bài diễn văn ngày 12 Tháng 9 của ông Giang trước Đại hội Đảng.

Ông Giang cho biết đại cương sẽ duy trì khoảng 1,000 xí nghiệp trong tay nhà nước, các xí nghiệp này sẽ mua lại một số xí nghiệp yếu để nuôi dưỡng và thay đổi. Ngoài ra, hàng trăm ngàn xí nghiệp khác sẽ bán cổ phần cho công chúng, kể cả người ngoại quốc.

VỪA ĐI VỪA DÒ ĐƯỜNG

Tổng bí thư Giang Trạch Dân không cho biết các chi tiết của chương trình cải tổ cũng như thời biểu thi hành, ông nói đại cương là tình trạng phải cải thiện đáng kể trong ba năm tới. Hai ngày sau bài diễn văn của ông Giang, Phó chủ tịch Ủy ban Nhà nước Cải tổ Cơ cấu Kinh tế, ông Dương Hảo Thuận nói sẽ soạn các qui chế mới để thi hành cũng như sẽ quyết định các lãnh vực nào cần giữ lại trong tay nhà nước.

Muốn biết các chi tiết cuộc cải tổ sắp tới ra sao, không cần xem hồi sau mà có thể nhìn lại các chương sách cũ. Hai năm sau vụ Thiên An môn, đảng Cộng Sản Trung Quốc đã cho phép nhiều địa phương tự do thử nhiều phương cách cải tổ để rút tỉa kinh nghiệm. Những phương cách đó gồm có việc bán cổ phần để phân tản quyền sở hữu và quyết định, việc cho mua bán các cổ phần trên thị trường chính thức và không chính thức, việc dẹp bỏ các xí nghiệp yếu kém bằng cách sát nhập vào các xí nghiệp đang thành công, liên danh với nước ngoài, hay cho tuyên bố phá sản theo đạo luật ban hành năm 1988.

Việc cổ phần phần hóa các xí nghiệp không dễ dàng. Bán tất cả xí nghiệp, cả vốn lẫn nợ, hay chỉ bán các tài sản theo giá thị trường? Và ai được quyền mua? Ông Giang đã nói nhà nước không cần kiểm soát trên 50% cổ phần các xí nghiệp. Nhưng trong việc bán cổ phần, các cơ quan và xí nghiệp quốc doanh vẫn được ưu tiên mua trước các tư nhân. Những miếng ngon lành nhà nước giữ lấy, cho tư nhân phần xương sẩu thì ai chịu mua? Nhiều xí nghiệp đem bán cổ phần sẽ không có ai muốn mua, kể cả nhân viên vì họ biết rõ tình trạng bên trong

hơn. Khi bán tài sản các xí nghiệp cũng phải giải quyết các món nợ tồn đọng. Các món nợ này, năm 1994 ước chừng 800 tỷ nhân dân tệ, gần 100 tỷ mỹ kim, nếu dùng tất cả lợi nhuận xí nghiệp để trả cũng phải mất 18 năm. Bắc Kinh đã chuẩn bị 60 tỷ để giúp các xí nghiệp trả nợ trước khi đổi chủ.[8]

Khó khăn nữa là giải quyết nạn thất nghiệp. Hiện nay có khoảng 100 triệu người làm việc trong các xí nghiệp quốc doanh, một phần ba trong số đó không cần thiết. Phải thiết lập quỹ đền bù cho các công nhân viên bị sa thải. Trong năm 1996 đã có 3,000 vụ công nhân bị sa thải biểu tình, tăng gấp rưỡi năm trước. Nổi tiếng nhất là vụ xẩy ra ở Tứ Xuyên. Số người thất nghiệp ở các đô thị lên 15%. Ngoài ra có 7.2% công nhân được cho về nhà nghỉ mà vẫn lãnh lương, một nửa số đó đang làm trong công nghiệp. [9] Tại các thành phố Thẩm Dương, Vũ Hán, hàng triệu công nhân bị cho nghỉ việc. Chính quyền trung ương và tỉnh không đủ tiền cung ứng các dịch vụ y tế, nhà cửa, và hưu bổng thay thế vai trò của các xí nghiệp. Ông Cao Yuanzheng, Giám đốc Viện Nghiên cứu Hệ thống Kinh tế và Quản lý ở Bắc Kinh nhận xét, "Vấn đề khó khăn nhất là cân bằng tốc độ cải tổ và nạn thất nghiệp." Hiện nay còn 300 triệu người Trung Hoa sống với lợi tức dưới 1 đô la mỗi ngày. Hệ thống hưu bổng của các xí nghiệp đang tan rã mà trong 20 năm nữa số người già sẽ lên đến 150 triệu.[10]

Khi các xí nghiệp đổi chủ, dù bán cho nhân viên, người ngoài, hay cho các xí nghiệp khác, thì các cơ quan, bộ, phủ trung ương và các địa phương sẽ bị mất việc làm, mất quyền lợi. Tất nhiên họ sẽ tìm mọi cách để trì hoãn, gây khó khăn. Đã có đề nghị biến các Bộ và Ủy ban thành các tổng công ty, nhưng để làm gì? Trong thị trường, các xí nghiệp thường chỉ lắng nghe người cấp vốn và các khách hàng của họ. Các xí nghiệp bên dưới sẽ tự hỏi các "ông chủ lớn" ở Bắc Kinh có mang lại thêm khách hàng hay cấp thêm vốn cho họ hay không mà cứ tiếp tục ra lệnh? Nếu chính quyền ép các xí nghiệp mạnh phải mua xí nghiệp yếu để tạo thành các keiretsu kiểu Nhật, hoặc Chaebol kiểu Đại hàn Dân quốc, mà không để người ta tự quyết định dựa trên tiêu chuẩn kinh tế, thì việc cải tổ cũng vô hiệu.

Đảng Cộng Sản Trung Quốc sẽ dò dẫm tìm đường dựa vào những thí nghiệm thành công ở địa phương. Thành phố Truy Bộ, nằm bên sông Truy trong tỉnh Sơn Đông giữa Bắc Kinh và Thượng Hải là một thí điểm cổ phần hóa và mua bán cổ phần từ năm năm qua.

Từ năm 1992 thành phố Truy Bộ (Zibo), đã đem bán cổ phần của 1,554 xí nghiệp nghiệp. Và 51 công ty trong số đó đã đăng ký cổ phần để mua đi bán lại trên một thị trường không chính thức (over the counter market), mang tên "Hệ thống Báo Giá," gọi tắt là ZBSTAQ, giống như thị trường Nasdaq (của các nhà mua bán chứng khoán, tự động báo cáo giá) ở Mỹ. Họ không gọi tên là Thị trường Chứng khoán vì chỉ Thượng Hải và Thẩm Quyến được phép có loại định chế này. Việc bán cổ phần cho công chúng cũng không được gọi đúng tên là "tư nhân hóa," mà mang danh hiệu "xã hội hóa nền tảng sở hữu." Một giáo sư Đại học Bắc Kinh giải thích, "Đừng bao giờ nói đến chữ 'tư hữu hóa', nói câu đó là trao vũ khí cho phe bảo thủ tấn công mình." Cả kế hoạch cổ phần hoá này là do các giáo sư kinh tế ở đại học soạn thảo.

Công ty Hóa phẩm Ngân Tuyết của tỉnh Sơn Đông với 1,700 công nhân chuyên sản xút sợi hóa học (acrylic) đã cổ phần hóa từ 1992. Công ty giữ lại hơn 50% cổ phần, còn lại bán cho công chúng, thu về 3,75 triệu Mỹ kim. Số tiền đó được dùng để nhập cảng ống suốt từ Italy. Với thành phần cổ đông mới, một Hội đồng Quản trị bầu lên để quyết định mọi việc, công ty không còn nhận lệnh của chính quyền tỉnh nữa.

THỊ TRƯỜNG HÓA

Nhưng điều quan trọng hơn là cổ phần của công ty Ngân Tuyết được đăng ký trên hệ thống ZBSTAQ. Việc mua bán đang được thực hiện qua máy điện toán, với những công ty mua bán Chứng khoán chuyên nghiệp, như Công ty Hoa Dương ở Zibo. Một chuyên viên mua bán cổ phần của Hoa Dương, họ Hà, ông ta hãnh diện khoe rằng những cổ phần ông mua buổi sáng, buổi chiều đã bán được, chỉ qua máy điện toán, chứ không phải chờ đợi cả ngày mới xong một tác vụ, như ở Thẩm Quyến và Thượng Hải. ZBSTAQ có các cổ phần của các công ty ở khắp nước ngoài tỉnh Sơn Đông đăng ký.[11]

Khi Hội đồng Quản trị của một công ty như Ngân Tuyết họp, họ không bàn các chỉ tiêu sản xuất do cấp trên ấn định nữa, mà theo dõi giá cổ phiếu để biết các quyết định cũ có gây được tín nhiệm của các nhà đầu tư hay không.

Ông Li Wenjun, giám đốc tài chánh công ty Ngân Tuyết nói việc cổ phần hóa khiến cho công ty phải chú ý đến phản ứng của thị trường. Và tự nhiên, họ theo đuổi mục tiêu "tối đa hóa giá trị của xí nghiệp," như các sách vở nhập môn quản lý tài chánh viết. Không cần học về môn tài chánh, họ cũng biết muốn giá cổ phần lên thì phải giảm bớt rủi ro và tăng lợi nhuận kỳ vọng.

Công ty Yanshan Hóa Phẩm ở Bắc Kinh đã đăng ký trên thị trường Hồng Kông. Với sự chấp thuận của cấp trên, họ đã mua 32 xí nghiệp quốc doanh khác trên toàn quốc với tài sản 5,4 tỷ Mỹ kim. Công ty Sợi Dệt Thượng Hải đã mua lại 241 xí nghiệp nhỏ khác trên toàn quốc. Công ty Konka ở Thẩm Quyến cũng mua các công ty làm máy ti vi ở ba tỉnh khác. Những đại công ty này đang có tham vọng sẽ cạnh tranh trên thị trường thế giới. Khi tiếp xúc với thế giới bên ngoài, họ sẽ theo qui luật của thị trường tiêu thụ cũng như thị trường vốn, chịu vào một thứ kỷ luật tài chánh chưa từng có ở Trung Quốc. Trong năm nay Trung Quốc đã gây vốn đến 25 tỷ Mỹ kim trên các thị trường quốc tế. Trong những năm sắp tới, họ dự trù sẽ phát hành cổ phần mới (IPO) chừng 350 lần mỗi năm.

Kỷ luật tài chánh trên thị trường thế giới sẽ ngăn không cho các xí nghiệp quốc doanh tha hồ tiêu phí và đầu tư sai với mục đích khi gây vốn như trước - như Minh Phụng, Epco đã làm ở Việt Nam vì khi đi vay chỉ cần làm "vui lòng" ngân hàng. Kinh nghiệm của công ty rượu bia Tsingtao là một tấm gương. Năm 1993, công ty này đăng ký ở Hồng Kông và phát hành cổ phần mới (IPO) thâu vào 110 triệu Mỹ kim. Nhưng thay vì dùng số tiền đó để phát triển, công ty đã đem tiền cho những công ty khác vay, và khi họ thua lỗ thì lợi nhận của Tsingtao cũng xuống. Giá cổ phần của Tsingtao xuống liền trong ba năm qua. Năm ngoái, cả ban giám đốc của công ty bị thay thế. Đầu tháng Bảy, họ tái tổ chức, và trong vài tháng giá cổ phần đã tăng lên 35%. [12]

Hiện tượng các công ty bị thua lỗ được mua để cứu đang diễn ra khắp nơi. Công ty làm "cu roa" (giây chằng cao su cho máy móc - rubber belt) ở Thượng Hải đã mua công ty cao su Nam Xương ở cách 1,100 cây số. Trước đây công ty Nam xương mỗi năm chờ lệnh Bộ Hóa chất cho chỉ tiêu sản xuất, nay ông giám đốc họ Dương và 2 ngàn công nhân sẽ theo lệnh của Thượng Hải. Ông Dương nói, "Các sếp ở Thượng Hải bảo nếu không làm ăn được thì tôi sẽ về vườn. Chúng tôi không chờ chỉ thị trên Bộ nữa, mà chỉ lo có thị trường thôi." Theo lối đó, các quản đốc theo dõi phản ứng của giới tiêu thụ chứ không chờ chỉ tiêu chính phủ. Xí nghiệp Nam Xương được đầu thêm tư máy móc mới trị giá 3,8 triệu Mỹ kim và được lệnh trong năm nay phải làm ra 38 triệu cái "giây trân", gấp đôi số sản xuất năm 1996.

Cũng vậy, hai năm trước đây công ty Sản xuất ti vi ở Zibo được bán cho công ty Hisense, phải ngưng hoạt động nhiều tháng vì ế hàng. "Chủ nhân" mới đầu tư thêm 700 ngàn Mỹ kim máy móc. thu số nhân viên lại còn một nửa, 700 người với số lương 50 Mỹ kim một tháng. Số nhân viên còn lại được cho nghỉ, lãnh 25 Mỹ kim một tháng trợ cấp. Nhưng tham vọng của Hisense là tấn công thị trường ngoại quốc, họ đã xuất cảng 5% sản phẩm qua các nước đông nam Á.[13]

Những công ty yếu quá sẽ cho phá sản. Trong năm 1996 số xí nghiệp phá sản tăng 161% so với năm trước, lên đến 6,332 vụ. Con số đó lớn hơn tổng số đã phá sản từ năm 1988, khi đạo luật về phá sản được thi hành.

Nhưng nhiều vụ phá sản giả, tạo cơ hội cho các ban giám đốc thủ lợi. Công ty tuyên bố phá sản để xóa sạch nợ nần, rồi sau đó lại tổ chức thành công ty mới với tất cả các người cũ, chỉ có ngân hàng bị mất nợ. Nhiều công ty khác đem bán rẻ các tài sản cho nhân viên trước khi tuyên bố phá sản. Một công ty tơ lụa ở Hồ Nam sau khi phá sản đã biến thể thành một hợp tác xã của nhân viên cũ, với hai nhà máy. Hơn 400 nhân viên đem các máy móc về cho xí nghiệp mới. Tài sản của công ty cũ đem bán được dùng để trả lương và tiền bồi thường nghỉ việc cho nhân viên, tổng cộng hơn 4 triệu nhân dân tệ. Một công ty đay phá sản sau hai tháng tổ chức lại, đổi tên thành Công ty Đóng gói Thực phẩm, vay 4 triệu đồng của Ngân hàng Nông nghiệp, nhân viên và thiết bị vẫn như cũ. Phó Thủ tướng Chu Dong Cơ đã báo động tình trạng "phá sản giả". Theo Nghị định số 59 năm 1994 khi tuyên bố phá sản công ty phải bán hết tài sản kể cả đất đai. Tiền thu được phát cho công nhân viên trước trong thời gian họ tìm việc mới, rồi sau đó đem trả thuế, trả nợ. Trong thực tế các công ty phá sản chỉ biến hình, để sau đó tiếp tục làm ra những thứ hàng chứa đầy kho không bán được, tiếp tục vay ngân hàng chỉ để trả lương nhân viên.[14]

Để ngăn ngừa những lạm dụng trên, chính

phủ Bắc Kinh đã ban hành hai cải cách. Thứ nhất là đẩy mạnh việc thiết lập hệ thống "Bảo đảm xã hội" và "Thị trường Lao động" trong đó có việc tái huấn nghệ. Thứ hai là thiết lập các thị trường mua bán các tài sản xí nghiệp, theo mẫu đã thử ở Thượng Hải.[15]

Đảng Cộng Sản Trung Quốc đã thí nghiệm cơ chế thị trường để cứ vãn lãnh vực quốc doanh. Đại hội Đảng kỳ thứ 15 chỉ chính thức xác nhận đường lối đó. Điều mà đại hội này chưa nói đến là "tư nhân hóa', nhưng những phương cách cải tổ thế nào cũng dẫn đến tư nhân hóa. Người dân Trung Hoa đã chứng tỏ mỗi lần đảng mở một cánh cửa là nước sẽ trào ra, tuôn chảy. Ông Giang Trạch Dân cũng nói đến những cải tổ chính trị từ cơ sở xã ấp, một tiến trình dân chủ hóa từ hạ tầng. Hai sự thay đổi về kinh tế và chính trị đó sẽ dẫn nước Trung Hoa vào Thế ỷ 21.

VẠN LÝ TRƯỜNG CHINH

Tuần báo *Business Week* cuối Tháng 9 viết rằng Đại hội Đảng thứ 15 ở Trung Quốc cho thấy kết quả của Chiến tranh lạnh. Cuối cùng, nền kinh tế mạnh hơn đã thắng. Khi chấp nhận cải tổ toàn diện các xí nghiệp quốc doanh, Đảng Cộng Sản đã chịu buông bỏ một khí cụ xưa nay họ vẫn dùng để kiểm soát đời sống của hàng trăm triệu con người. Khi đem phát hành cổ phần và trái khoán mới, 300 vụ mỗi năm trên thị trường tài chánh quốc tế, họ cũng chấp nhận đặt hệ thống kinh tế của Trung Quốc vào kỷ luật chung của thị trường thế giới. Để chiếm được lòng tín nhiệm của bạn hàng và giới đầu tư, họ sẽ phải từ bỏ lối làm ăn dựa trên tính đảng thay thế bằng lối quản lý trong đó người có quyền cũng phải có trách nhiệm, và phải trả lời về kết quả công việc mình làm. Họ sẽ phải tập tinh thần trọng pháp, giảm bớt tham nhũng. Khi tinh thần trọng pháp tăng thì những quyền lực dựa trên quan hệ cá nhân cũng giảm, nghĩa là quyền lực của Đảng cũng bớt đi. Phải nói đây là những quyết định can đảm, mà tuần báo *The Economist* gọi là một cuộc Vạn Lý Trường Chinh mới.

Nhưng ý định tạo dựng các công ty không lồ kiểu Nhật và Đại Hàn thì thiếu khôn ngoan. Trong những năm gần đây, bộ phận kinh tế quốc doanh thành công nhất ở Trung Quốc chính là những xí nghiệp cấp thành phố nhỏ, cấp xã (quen gọi là TVE - town and village enterprises.) Các tổng công ty thời nay đã lỗi thời, vì không đủ linh động và mềm dẻo để đối phó với các biến chuyển nhanh chóng trên thị trường. Khi nền kinh tế đã toàn cầu hóa những thay đổi ở một góc địa cầu này sẽ tác động trên sinh hoạt ở một góc khác, các thay đổi theo tốc độ của tin học, cần phải cho các đơn vị kinh tế quyền tự trị rộng rãi để thích ứng.

Trong mười năm tới, khi Trung Quốc đã tiến hành những cải tổ khu vực quốc doanh, thế giới sẽ phải đối phó. Số hàng xuất cảng của họ sẽ gia tăng, các nước Đông Nam Á đã nếm mùi khi phải cạnh tranh với hàng Trung Quốc qua cơn khủng hoảng tiền tệ vừa qua. Nếu Trung Quốc bành trướng xuất cảng thì có thể khiến nhiều nước khác nhà máy phải ngưng bớt hoạt động, hàng hoá sẽ xuống giá, và nếu không thích ứng được thì kinh tế toàn cầu sẽ suy thoái. Ngược lại, nếu Trung Quốc (và Nhật Bản) quay vào trong, kích thích nhu cầu tiêu thụ nội địa thì họ sẽ sớm thành một cường quốc kinh tế. Tháng trước, Bộ trưởng Ngoại thương Mỹ, ông Rubin đi thăm Bắc Kinh đã nói, "Trung Hoa và Mỹ là hai nền kinh tế lớn nhất thế giới..." Đây là một sự thật chứ không phải là lời nói mua lòng người, dù ông nói ơi sớm. Nhưng ông Rubin đã cho các nhà lãnh đạo ở Bắc Kinh thấy viễn ảnh nơi đến sau cùng trong cuộc vạn lý trường chinh mới này.

CHÚ THÍCH

[1] Báo *The Economist*, 14-12-1996, trang 61
[2] *The Wall Street Journal*, 26-3-1996, trang A12
[3] *Business Week*, 25-08-97, tr.55
[4] *WSJ* 26-3-96
[5] *The Economist*, 13-09-1997, tr. 23.
[6] "China's Management of Enterprise Assets: The State as Shareholder," World Bank, Tháng 6-1997.
[7] *The Economist*, 13-09-1997, tr. 24
[8] *Wall Steet Journal*, 15-09-97, tr. 14-16
[9] Bản tin Reuter 16-09-97, theo thống kê chính thức
[10] *Business Week* 29-09-1997, tr.117-118
[11] *Wall Street Journal* 16-09-97, tr. 18
[12] *Business Week*, 29-09-97, tr. 116-124
[13] *Wall Street Journal*, 30-07-97, tr. A9
[14] *Tiền Tiêu*, Tháng 3 - 1997, tr.32-33, Hồng Kông, bài của Điền Phong, trích lại từ tạp chí *Inside Mainland China*, Tháng 5 - 1997, Đài Bắc, tr. 46-49.
[15] *Bán Nguyệt Đàm*, số 4, 1997, Bắc Kinh, bài của Tiêu Nhiên, trích lại từ *Inside Mainland China*, số trên.

ĐẠI HỘI KỲ 15 ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC, CẢI CÁCH DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC VÀ VIỆT NAM

QUANG VÕ

Đại Hội kỳ 15 của Đảng Cộng Sản Trung Quốc (ĐCSTQ) là Đai hội đầu tiên không có Đặng Tiểu Bình. Giang Trạch Dân (GTD), người được cử làm Tổng thư ký thế Triệu tử Dương từ 1989, đã tuyên bố là TQ sẽ cải cách khu vực quốc doanh và giảm quân số. Trước sự hiện diện của trên 2048 đại biểu tham dự ĐH 15, họ Giang đã hức "cổ phần hóa" một danh từ mỹ miều cho việc bán hàng trăm ngàn Doanh nghiệp nhà nước (DNNN). Việc cổ phần hóa trên 10,000 DNNN đã được quyết định từ 1993 nhưng chưa có những bước tiến rõ rệt. Các quan sát viên cho thấy là GTD đã xét lại nhiều vấn đề căn bản trong chế độ XHCN. Các quan sát viên cũng thấy là các thành phần bảo thủ theo "bao cấp" bị liệt kê vào "khuynh tả" một danh từ dành cho các người chống đối chính sách chính thức do ĐCSTQ đề ra.

Chủ quyền trong khu vực quốc doanh là một vấn đề căn bản đối vớo những người theo thuyết Mác-Lê. Hiện nay tại TQ có trên 300,000 DNNN và trên 70% các DN này là lỗ. Các hàng tồn kho chồng chất cũng như các món nợ của các DN này. Nói tóm, các DNNN không có năng xuất cao và là một gánh nặng tài chính. Trên 20 triệu công nhân trong khu DNNN đã bị sa thải trong những năm gần đây. Số người thất nghiệp tại TQ được ước lượng là 175 triệu người trong đó đa số là nông dân. Trong nhiều năm qua, các kinh tế gia đã tìm nhiều giải pháp cho vấn đề năng xuất cho khu vực quốc doanh và vấn đề chuyển quyền trong DNNN. Họ đã đề nghị bán, giải tư, cổ phần hóa trên một bình diện nhỏ để có thể tử và rút tỉa kinh nghiệm và nay ĐCSTQ đã đi đến việc chấp nhận việc "cổ phần hóa" các DNNN và cải tổ khu vực công nghiệp quốc doanh. Các thủ tục thực thi việc này còn chưa rõ ràng.

Ngoài việc cải cách kinh tế, cựu Ttký ĐCSTQ Triệu tử Dương, bị cách chức từ vụ Thiên An Môn (TAM) và còn bị quản thúc tại gia đã yêu cầu ĐHĐCSTQ 15, qua một bức thư được loan báo ở ngoài, xét lại vụ TAM. Ông ta nói rằng vụ TAM không phải là một vụ phản cách mạng mà một phong trào chống tham nhũng và đòi hỏi dân chủ. Bức thư kêu gọi xét lại vụ TAM cũng giống bức thư của Vvkiệt gởi cho Bộ chính trị được lọt ra ngoài. Nó cho thấy là trong ĐCSTQ có phe muốn cải tổ chính trị cùng lúc với kinh tế. Đây là một việc khó sử cho ĐH 15 và có lẽ ĐH cũng sẽ không sử vì họp ĐH là để nhất trí vì mọi việc đã an bài. Đó là dân chủ theo kiểu XHCN. Trong dịp này ông Kiều Thạch, chủ tịch quốc hội (QH), một đối thủ cuả GTD, bị loại. Equíp GTD toàn thắng và TQ sẽ tiếp tục thay đổi về chính sách kinh tế.

Việc tiến tới thị trường theo đường hướng XHCN của TQ sẽ làm bối rối nhiều giới tại Hànội, nhất là phe "bảo thủ". Hết đàn anh Liên xô từ bỏ XHCN đến đàn anh TQ từ bỏ chính sách DNNN. Trong bối cảnh ĐH kỳ 15, chúng tôi sẽ cố gắng trình bầy cho độc giả những khó khăn về lý luận trong việc chủ quyền nhà nước, việc "xử lý" các DNNN và những bài học cho VN trong việc tái sắp xếp các DNNN trong khu vực nhà nước tại TQ. Liệu Vn có sẽ phải theo bài học của Bắc kinh hay không ?

I. XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TẠI TRUNG QUỐC

Trong tất cả các nước trên thế giới và trong những thời kỳ khác nhau đều có doanh nghiệp nhà nước. Một trong những lý do được nêu lên là để bảo vệ và phát triển các DNNN là họ đóng góp vào việc phát triển các công nghiệp tiên tiến, gây sức cạnh tranh, xây dựng công ăn việc làm, gây chủ quyền toàn dân, vv. Kinh

nghiện TQ trong việc xây dựng thị trường theo kiểu TQ và khu vực quốc doanh ra sao ? Nó sẽ đóng góp được gì trong cho các lãnh đạo VN tìm được các giải pháp cải tổ ?

Lý thuyết và thực tế tại TQ

Trong lý thuyết Mác, tư bản bóc lột công nhân. Họ thu lời nhuận và chỉ trả cho công nhân một đồng lương đủ sống và trị giá gia tăng do công nhân bị họ "thịch thu". Đó là lý thuyết. Mác nói nhiều về tình trạng và hoàn cảnh tư bản thế kỷ 17-18. Khi nắm chính quyền tại Nga vào đầu thế kỷ 20, Lênin và nhất là Stalin đã tìm cách xây dựng một xã hội dựa trên lý thuyết Mác. Stalin xây dựng XHCN qua các kế hoạch 5 năm và kiểm soái kinh tế qua khu vực quốc doanh và DNNN. Các DNNN là công cụ cho chính sách công nghiệp của các chế độ CS. Lý thuyết Mác-Lê-Stalin được thực thi qua "chuyên chính vô sản," công bằng xã hội và chủ quyền toàn dân qua các DNNN.

Về kinh tế, TQ bắt chước Liên xô, cho lập các kế hoạch ngũ niên, hợp tác xã (HTX), công xã (CX), lấy sản xuất nông nghiệp bán rẻ cho các thành thị để nuôi công nghiệp nặng. Từ 1949 đến 1979, trong 30 năm TQ xây dựng XHCN, TQ đã theo một chính sách phát triển khá "bài bản XHCN" nghĩa là phát triển công nghiệp nặng qua các DNNN và HTX. Theo TQ thì khu vực quốc doanh phải đóng vai trò chủ đạo. Trong nền kinh tế kiểu Stalinist chỉ có nhà nước là có quyền hưởng "thặng dư." Nhà nước bắt dân tiết kiệm (giá nông phẩm rẻ, lương thấp, vv.) và dùng tiết kiệm bắt buộc vào đầu tư. TQ xây dựng trên 100,000 DNNN trong kỹ nghệ nặng, thực thi nhiều công trình, hạ tầng cơ sở, theo chính sách XHCN.

Sau khi họ Mao chết, để cứu vãn tình thế suy sụp, Đặng Tiểu Bình (ĐTB) đã thay đổi đường lối kinh tế. TQ đang ở tình trạng phá sản vì những tranh chấp quyền lực nội bộ và vì những sáo trộn gây bởi vụ cách mạng văn hóa.

Vì tình hình nguy cấp, ĐTB cho trả lại đất cho nông dân. Từ 1979, TQ đã theo kinh tế thị trường theo định nghĩa XHCN. Nông dân được quyền sử dụng đất và trên 95% nông nghiệp là do các hộ nông dân quản lý. Việc nông dân được quyền sử dụng đất giúp nông nghiệp TQ tăng trưởng trung bình 5%/năm từ 1978-1995. Ngoài ra số hộ nông dân giảm từ 72% xuống còn 53% (1).

Việc thứ hai là ĐTB khuyến khích đầu tư ngoại quốc, kinh tế nhiều thành phần và việc khuyến khích dân chúng làm giàu. Việc công nghiệp hóa nông thôn đã giúp hút một số nông dân thặng dư. Chính sách các khu đặc chế đã thu hơn 90 tỉnh-thành và nhiều vốn đầu tư ngoại quốc. Chính sách kinh tế này đã giúp TQ tăng trưởng rất nhanh. Kinh nghiệm cho thấy là các khu đặc chế đã giúp TQ xay dựng một công nghiệp hiện đại và một khu vực ngoài quốc doanh. Cùng lúc các DNNN được khuyến khích tăng trưởng qua các hợp đồng của nhà nước mặc dù tỷ lệ đóng góp của các DNNN vào GDP đã giảm từ 78% vào năm 1978 cuống còn 34% vào năm 1994.

Các biện pháp trên đã giúp TQ tăng trưởng trung bình 9%/năm từ 1978 đến nay. Nhiều lý thuyết gia TQ đã cố gắng gỡ vấn đề - giải thích việc tiến về thị trường bằng cách gọi TQ là một "XHCN ở thời kỳ sơ khai" và do đó phải qua giai đoạn xây dựng tư bản.

Đặng Tiểu Bình đã:

1) Bỏ kinh tế chỉ huy kiểu kế hoạch (nói theo VN là bỏ bao cấp) và cho phép các tỉnh có thêm một số quyền hạn do đó các tỉnh ven biển phát triển nhanh;

2) Cho phép đầu tư ngoại quốc. Việc này khó giải thích về vấn đề "thặng dư" và "bóc lột" . ĐTB đã nói "mèo đen hay mèo trắng không quan trọng miễn là nó bắt được chuột;"

3) Bỏ việc nhà nước nắm hết mọi phương diện sản xuất.

Khu vực quốc doanh tại TQ

Mặc dù đã có nhiều cải tiến và liên doanh với các công ty nước ngoài tình trạng công nghiệp TQ vẫn lạc hậu. Sau 30 năm XHCN, các nhà lãnh đạo TQ phải gỡ từng bước nền kinh tế nhất là các DNNN. Theo Ủy Ban kế hoạch nhà nước (UBKHNN) thì 30% DNNN tại TQ có lời. Ngoài ra các thống kê cũng không nói một cách trung thực hiện trạng các DNNN

Theo ban kỹ nghệ nhẹ trung ương thì trên 2,046 tỉnh quận của TQ đều có kỹ nghệ giống nhau như: lương thực, bia, giầy, plastic, giấy." Tỉnh quận [một quận/huyện của TQ có thể to hơn một tỉnh VN và một tỉnh có thể to bằng cả VN] sản xuất cùng một mặt hàng do đó có nhiều tồn kho vì không bán được. Các quận đều đua nhau đầu tư vào các công nghiệp có trình độ kỹ thuật thấp, lỗi thời, sản xuất nhỏ và do đó không cạnh tranh trên thị trường được. Ví dụ: tại TQ có hơn 6,000 xưởng giấy trong các vùng nông thôn với công xuất 4,000T/năm. TQ có trên 800 nhà máy sản xuất

bia và trong đó chỉ có 10% là có công xuất trên 50,000T/năm. Trong công nghiệp xe hơi, TQ có 30 công ty với năng xuất 4 xe/tuần. Trong ngành điện tử, 70 công ty sản xuất 170,000 máy TV/năm trong khi đó thì tại Nam Hàn có 6 công ty sản xuất trên 2 triệu máy/năm.

Các DNNN không dùng nửa công xuất của họ. Trong năm 1996, các tồn kho của DNNN ứ động hơn 1.5 tỷ áo sơ mi, 10 tỷ đồng hồ, 20 triệu xe đạp, 678,000 xe gắn máy, 116,000 xe hơi và hàng triệu máy gia dụng. Các DN sản xuất các mặt hàng người tiêu thụ không muốn. Theo một bản báo cáo mới thì các DNNN tại TQ có đến US$ 60 tỷ hàng tồn kho tương đương với 25% sản lương công nghiệp hàng năm và 8% TSL quốc doanh. Hàng hóa không bán được cho nên ảnh hưởng đến ngân sách và các ngân hàng vì không thu nợ được. Trong 1996, các DNNN lỗ trên US$ 6.3 tỷ [cũng vì vậy các chuyên gia quốc tế đánh giá tăng trưởng của TQ thấp hơn các con số chính thức].

Vì các công nghiệp quốc doanh qua lỗi thời, không có vốn đầu tư để tái trang bị cho nên các công nghiệp TQ rất ô nhiễm. Để giải quyết vấn đề ô nhiễm trong vùng sông Hoàng Hà, chính phủ TƯ đã ra lệnh đóng cửa hơn 500 nhà máy làm giấy dược đặt dọc theo sông.

Viện nghiên cứu và phát triển cho thấy trong nhiều ngành, TQ có hiệu năng rất thấp. Ví dụ: Giá trị và vốn tài sản của các công ty hàng không dân dụng TQ không bằng vốn/tài sản của một công ty hàng không Hoa Kỳ. Vốn và tài sản các công ty thép TQ không bằng vốn/tài sản của một công ty thép Nhật. Hơn 130 công ty sản xuất xe hơi TQ sản xuất 1.3 triệu xe/năm nghĩa là ít hơn công xuất của một nhà máy Nissan tại Nhật.

Các DNNN được tự trị từ 1978. Khi có lời thì ban quản lý các DNNN chia tiền cho công nhân, tăng thưởng nhưng khi lỗ thì họ bắt nhà nước bao bọc, tiếp tục cho vay hay họ bán tài sản để trả nợ. Dây là một hiện trạng khu vực quốc doanh tại TQ. Khu vực này nuôi trên 100 triệu người trong khi các doanh nghiệp khu vực tư-ngoại quốc mới thu khỏng 2.5 triệu công nhân.

Những cố gắng của TQ

Phó thủ tướng (PTT) Chu Đông Cơ đặc trách về kinh tế quyết tâm thay đổi khu DNNN vì ông cho là thiếu hiệu năng. Hiện nay tổng số nợ của các DNNN được ước lượng là trên US$ 600 tỷ và theo các chuyên gia quốc tế thì 20% số nợ này là không có khả năng hoàn trả. Việc này sẽ ảnh hưởng đến ngành ngân hàng và ngân sách tại TQ. TQ cho tiến hành một cách "êm đềm" và ã cho thử việc "cổ phần hóa" các DNNN tại nhiều tỉnh tại TQ. TQ muốn giảm món nợ khổng lồ bằng cách giải tư các DNNN trung và nhỏ không lời. Do đó tại Quảng Đông trên 270 DN được giải tư. Hiện trạng tỷ lệ của khu quốc doanh như sau:

	1980	**1995**
Xuất khẩu	100%	56.9%
Nhập khẩu	99.8	44.8
Công nhân	94%	18%
Đầu tư hạ tầng	81.9%	54.5%
Công nghiệp	80%	47%
Xây dựng	63.7%	38.6%
Thương nghiệp	61.4%	29.8%

Những con số trên cho thấy là TQ, trong những năm vừa qua đã có cố gắng cải cách các khu vực DNNN bằng cách giảm sự hiện diện và ảnh hưởng của khu vực này. Năm 1980 xuất khẩu do DNNN nắm 100% như 1995 tỷ lệ chỉ còn 57%. Nhập khẩu cũng như vậy đi từ 99.8% xuống còn 45 %. Nay các DNNN chỉ dùng 18% lao động so với 94% ở thời điểm 1980. Các con số cho thấy đường hướng giảm của khu vực quốc doanh. Theo chính sách mới của UBKHNN thì TQ không cho đầu tư vào các ngành sau đây vì qua nhiều:

1) Đồng hồ;
2) Dệt Chăn mền;
3) Bao bố;
4) Đồng dùng bằng thép không rỉ;
5) Máy sản xuất thực phẩm;
6) Đồ trang trí bằng thép và nhôm;

Ban kỹ nghệ trung ương khuyến cáo chính phủ gom các kỹ nghệ nhẹ vào độ 100 tổng công ty để có khả năng cạnh tranh, có vốn, có kỹ thuật cao theo kiểu các Chaebol Nam Hàn. Song song với việc này thì UBKHNN khuyến cáo chính phủ gom các công ty thành những tổng công ty có tài sản trên US$ 240 triệu vào năm 2000 để dễ quản lý và kiểm soát. Các chính sách này được Tây phương gọi là "downsizing - regrouping." Trong một nền kinh tế ngày càng toàn cầu hóa việc này là bình thường. Ví dụ như các công ty chế tạo máy bay phải họp lại để đủ sức cạnh tranh trên toàn cầu.

(Còn tiếp)

CÁC GIÁ TRỊ TINH THẦN TRƯỚC NHỮNG THÁCH ĐỐ CỦA KỶ NGUYÊN MỚI

NGUYỄN ĐĂNG TRÚC

I. Vấn đề canh tân xã hội của chúng ta trong bối cảnh thế giới ngày nay

Cuối thế kỷ 19 đến tiền bán thế kỷ 20, sau những năm tháng bất đắc dĩ phải tiếp cận với xã hội, văn hóa Tây Phương, dân tộc Việt Nam chúng ta, đặc biệt là tầng lớp sĩ phu đã có dịp nêu lên vấn đề canh tân xã hội, thay đổi tâm thức, cập nhật hóa các trào lưu tiến bộ của nhân loại. Từ những bản điều trần của *Nguyễn Trường Tộ* đến những chủ trương Tây Phương hóa của *Tự Lực Văn Đoàn,* từ việc hình thành các đảng phái chính trị đến việc thành lập các chế độ Cộng Hòa và chế độ Mác xít..., dần dà trong nhiều sinh hoạt xã hội, chúng ta như đã rời khỏi khung trời hạn hẹp của một vùng Viễn Đông đóng kín để đặt mình vào trào lưu văn hóa của Tây Phương đang bành trướng, được hiểu là bước tiến phổ quát của vận mệnh chung của nhân loại.

Vào cuối thế kỷ 20, nghĩa là trong thời buổi hiện tại của chúng ta đang sống, thực trạng khó khăn của đất nước lại buộc chúng ta phải nêu lên vấn đề canh tân xã hội, nhưng vấn đề nêu lên phức tạp gấp nhiều lần. Một mặt thực trạng đó đối chiếu với nhịp sống chung của các dân tộc trên thế giới còn quá tiêu cực, khi sinh hoạt xã hội của chúng ta còn dậm chân, tự trói buộc vào một cơ chế mà lịch sử nhân loại đã chứng thực như một sự thất bại ê chề. Mặt khác, trong bối cảnh chung của sinh hoạt nhân loại mà các mối giao lưu văn hóa, kỹ thuật, chính trị... ảnh hưởng trực tiếp đến vận mệnh của dân tộc chúng ta, nhiều hiện tượng xã hội tiêu cực xảy đến dồn dập, tiên đoán cho những giai đoạn khủng hoảng, có người bi quan còn nghĩ đến một tương lai kinh hoàng, nếu con người ngày hôm nay không kịp thời tìm những giải pháp để điều chỉnh và cải cách. Nói cách khác, trong nỗ lực nêu lên vấn đề canh tân cuộc sống xã hội đất nước, chúng ta không còn có sẵn hai mẫu mực xã hội để lựa chọn và đối chiếu một cách dễ dàng như vào thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, không chỉ nêu lên các phương cách tổ chức và áp dụng hay hội nhập, nhưng là lúc cần xét lại tận căn những giá trị nền tảng của chính con người và xã hội, can đảm đề xuất những phương cách sinh hoạt thích ứng với các giá trị đó.

II. Những khó khăn và mâu thuẫn của xã hội hôm nay

a. Vấn đề đặc loại của xã hội Việt Nam chúng ta

Tâm thức chung của cách đặt vấn đề canh tân xã hội của chúng ta còn được giới hạn trong khung cảnh của một cuộc tương tranh thuần chính trị giữa một bên là cơ chế độc tài xã hội chủ nghĩa theo học thuyết Mác xít và bên kia là thế giới tự do. Tình trạng nầy đã làm cho chúng ta nhớ lại tâm thức của xã hội và triều đình nhà Nguyễn vào thế kỷ 19. Vấn đề canh tân xã hội thời bấy giờ đã vướng mắc vào một sự kiện thực tế do thâm ý thực dân của ngoại bang. Nhân danh bảo vệ độc lập và chủ quyền quốc gia, triều đình từ khước luôn những đề nghị canh tân của các minh nho thời bấy giờ. Ngày nay thực trạng của một thể chế độc tài đi kèm với một lý thuyết Mác xít đầy ảo tưởng, làm cho bên nầy hay bên kia hụt chân trước những vấn đề canh tân mà thế giới đang đặt ra và sớm muộn lại ảnh hưởng đến

trên cuộc sống của chúng ta trong tương lai.

b. Vấn đề mâu thuẫn của văn minh thế giới

Nói đến văn minh thế giới (một từ ngữ đặc biệt mới xuất hiện là *thế giới hóa* khi hướng về các dự kiến phát triển trong tương lai gần, nghĩa là vào đầu thiên niên thứ III), là nói đến tình trạng phổ cập của một nền văn hóa và văn minh đặc loại của Tây Phương. Nếu dùng lại từ ngữ của triết gia Karl Jasper, chúng ta chứng kiến rằng nhân loại có hai *thời trục* có tính cách quyết định cho hướng phát triển văn hóa nhân loại. Những xuất hiện của các thánh nhân, triết nhân, văn hào từ thế kỷ thứ bảy đến thế kỷ thứ tư trước kỷ nguyên đã tạo nên những nền văn hóa đặc loại của các vùng: như Lão, Khổng tại Trung Hoa, Phật tại Ấn Độ, Héraclite, Parménide, Socrate... tại Hy Lạp, các tiên tri Do Thái... Nhưng đến thời phục hưng của xã hội Tây Phương và sau đó là các thế kỷ 17, 18, 19 với lý thuyết nhân bản, tiến bộ khoa học kỹ thuật, tiến hóa lịch sử, tính phổ quát của lý trí..., cô đọng trong các tiền đề của trào lưu Triết Lý Ánh Sáng, *thời trục* ấy như một làn sóng lan tràn dần ra khắp các vùng trên thế giới... Một thời trục đầy lạc quan về khả năng vô tận của lý trí con người, có lúc đi đến độ như ứng dụng câu của Protagoras, một nhà ngụy luận Hy Lạp thời Socrate: *"Con người là thước đo của vạn vật"*, mà gần đây chúng ta còn nghe lại các bài hát của chế độ Cộng Sản Việt Nam *"Bàn tay ta làm nên tất cả"*. Nỗi lạc quan đó, được nữ giáo sư Chantal Delsol cô đọng lại như sau trong cuốn "Le Souci Contemporain" (Ed Complexe):

"Chúng ta đã từng tin rằng chúng ta có thể cải biến tận căn con người và xã hội: khi thì do triết lý tiến bộ từ Condorcet hứa hẹn với chúng ta rằng chiến tranh, bệnh tật, nghèo đói có thể được khử trừ, có khi do các ý hệ tiên đoán một tương lai rạng rỡ."

Một cách hầu như chính thức, Thế giới hay *Thế giới hóa* ngày này được hiểu là cộng đồng nhân loại đang sinh hoạt trong khung cảnh giới hạn của một trào lưu văn hóa, văn minh Tây Phương ấy.

Trên bình diện tiến bộ khoa học kỹ thuật, nỗ lực thực hiện một số định chế xã hội, chính trị, không ai có thể chối cãi nhiều đóng góp tích cực của trào lưu văn hóa của thời kỳ, được gọi là *thời tân kỳ* nầy.

Nhưng, nỗi lạc quan để thiết định bản tính con người như chỉ là *một sinh vật hiểu biết, khai thác thiên nhiên vật chất, tự sức mình làm nên nhân cách và quyết định vận mệnh của mình* cũng dựa trên một lối hiểu biết về sự vật bên ngoài ấy, thì thực tại lịch sử ngày hôm nay chứng minh ngược lại. Nền nhân bản của con người lao tác (homo faber) của Mác xít đã chứng thực những thất bại với sự sụp đổ của bức tường Bá Linh, các nền nhân bản vô thần khác của các trào lưu triết lý và mốt sống tự do cá nhân tuyệt đối, hư vô chủ nghĩa, tương đối chủ nghĩa, con người kinh tế, tiêu thụ, con người chơi (homo ludens) kế tiếp xuất hiện trong thế giới của tự do kinh tế thị trường..., cũng không giải đáp được những ước vọng thâm sâu nơi con người. Và điểm thất bại ê chề nhất của văn hóa được gọi là nhân bản Tây Phương là có *quá nhiều thuyết nhân bản* đưa đến tình trạng tương tranh quyết liệt giữa các khối chính trị, hoài nghi về sự hiện hữu của chân lý, các giá trị nền tảng, mâu thuẫn với những tiền đề xây dựng nên chính điểm khởi phát của nền văn hóa đó. Những giá trị, mà con người thường gọi là những giá trị tinh thần, được đồng hóa với lý trí hiểu biết sự vật khách quan (một tiền đề then chốt của văn hóa Tây Phương phổ quát trong thời tân kỳ của chúng ta) đang bị thách thức để đối đầu với những hiện tượng xã hội đang xảy ra, vốn là hệ quả của chính nền văn hóa nầy. Chúng tôi xin chỉ nêu lên một vài sự kiện đặc trưng:

— Người ta đã minh chứng rằng trong việc tiêu diệt những người Do Thái vô tội trong các lò sát sinh, hơi ngạt, là kết quả của một cuộc vận dụng trí năng đến mức tối đa, với những kỹ thuật hết sức là tân tiến.

— Khoa học kỹ thuật lý trí đã dồn nỗ lực để làm ra bom nguyên tử, cũng như các loại vũ khí vi trùng có thể tiêu diệt trọn bộ nhân loại.

— Nỗ lực phát minh các phương tiện truyền thông rút ngắn khoảng cách không gian, xóa dần khoảng cách thời gian... nhưng chưa bao giờ con người cảm thấy cô đơn và lạc lõng hơn lúc nầy, nhất là những vùng dân cư được hưởng những phương tiện văn minh vật chất cao độ nhất.

— Trình độ hiểu biết được nâng cao đồng nhịp với những sáng kiến của khoa học kỹ thuật, sản xuất lương thực và của cải vật chất, nhưng các mối tương quan xã hội trên bình diện phối trí lao động, phân phối các sản phẩm, phẩm chất của các sinh hoạt văn hóa và cộng đồng ngày càng trở nên khó khăn, và đôi lúc hầu như không còn được lưu ý đến nữa.

— Và lấy một hiện tượng tiêu biểu về sự mâu thuẫn của nền văn hóa, văn minh ngày nay làm thí dụ có tính cách điển hình, chúng ta chứng kiến nỗ lực của các nhà khoa học, các chương trình quy mô của các chính phủ, các tổ chức đại học và y tế các hệ thống bảo hiểm... đang tích cực để kéo dài tuổi thọ của con người. Nhưng lượng số của năm tháng sống gia tăng lại đi kèm với phẩm chất tiêu cực của từng giây phút sống của con người: Con người thời đại của chúng ta càng ngày càng cảm thấy cô đơn, chán chường, như ý nghĩa cuộc sống đã trốn thoát đi đâu rồi. Hiện tượng tự tử trong giới trẻ gia tăng, đặc biệt tại các thành phố lớn và phát triển về mặt kinh tế, chưa kể đến những cuộc tự sát tập thể trong một số các giáo phái đã từng xảy ra trong các thập niên gần đây...

III. Các phản ứng trước những khó khăn và mâu thuẫn của văn minh ngày nay

Ý thức về những hiện trạng tiêu cực của xã hội mình đang sống, những phản ứng của cá nhân hay từng nhóm, từng lứa tuổi, từng lớp quần chúng nhằm ly khai chống đối nếp suy tư, tập tục, cơ chế, trật tự ưu thắng của xã hội đương thời luôn hiện hữu trong mỗi giai đoạn của lịch sử loài người. Thông thường hơn nữa, mỗi một thời đại đều quay nhìn lại thực trạng xã hội mình và xem đó là tình trạng nguy kịch hơn cả, kèm theo những giải pháp tưởng chừng có thể giải quyết dứt khoát những sai lầm của quá khứ cũng như hiện tại.

Những phản ứng có tính cách xã hội trước nền văn minh và nếp sống văn hóa ngày nay cũng mang những đặc tính tương tự. Thêm vào đó, chúng ta nhận ra rằng thường các giải pháp đưa ra là *cái nhìn đối nghịch* (contraire) với những nếp sống và quan điểm đang chi phối cuộc sống xã hội hiện tại.

— Trước trào lưu toàn cầu hóa về mặt không gian qua mẫu mực của văn minh Tây Phương đang thịnh hành, phong trào quốc gia quá khích tôn vinh chủ nghĩa chủng tộc, vùng, quốc gia đi kèm với việc bài xích sự hiện diện của người dị chủng trong môi trường sống của mình.

Một số giáo phái đi tìm những nơi hoang vắng, tạo thành những cộng đồng riêng lẻ sống ngoài lề sinh hoạt chung của xã hội.

Người ta hoài nghi về niềm tin liên quan đến thời gian lịch sử được xem như cuộc thăng tiến không ngừng *và đồng bộ* trong cuộc phát triển kinh tế, xã hội và cuộc sống tinh thần. Từ tôn giáo, triết học, nghệ thuật... nhiều phong trào quay lại với quá khứ thật xa xưa, hoặc truy tìm những giá trị văn hóa, tôn giáo mà khởi thủy của thời tân kỳ xem là lạc hậu, man sơ, thiếu ý thức...

Đặc biệt trong một số tôn giáo lớn, nhiều khuynh hướng gọi là nguyên tuyền (intégriste), cơ bản (fondamentaliste) nuối tiếc một thời vàng son của thời tôn giáo toàn trị về mặt trần tục đã dấy lên những vùng ảnh hưởng, những phong trào chống lại nếp sống tân kỳ, tạo ra những xung đột bạo lực, bất tương dung, vượt ra ngoài các sứ điệp yêu thương và giải thoát của các niềm tin tôn giáo.

Trong khuynh hướng phản ứng ngược lại với trật tự hiện hữu của xã hội, người ta dần dần dửng dưng hoặc chống đối các giá trị và định chế truyền thống; người ta thường nhắc đến tình trạng mất niềm tin vào các tôn giáo lớn, thiếu hứng khởi trong sinh hoạt chính trị, nhưng ngay cả ý thức đạo đức và nỗ lực trau dồi văn hóa cũng không còn được quan tâm. Điều đáng ghi nhận hơn nữa, là sự xuất hiện của nhiều nhóm trẻ tôn vinh các giá trị tiêu cực, đôi lúc đi đến những hành vi bạo loạn và tội ác: Những nhóm suy tôn Satan, phá tán các mồ mả, đập phá các nơi thờ tự của các tôn giáo...

— Về các sinh hoạt định chế hiện hành đang chi phối sinh hoạt chính thức của xã hội, phản ứng rất đa dạng, nhưng khung cảnh chung cho chúng ta thấy một tình trạng bất cập để giải quyết vấn đề.

* Những phản ứng còn nằm trên bình diện điều chỉnh hoặc khử trừ *có tính cách kỹ thuật.* Nói cách khác, các hiện tượng chống kháng lại các định chế, và đằng sau đó là sự mong chờ những giải đáp trung thực hơn, thích hợp với ước vọng và bản tính của con người, chỉ được nhìn như những hiện tượng hoàn toàn tiêu cực về mặt xã hội. Lý do thâm sâu là các định chế hiện hành, kể cả tôn giáo, không vượt ra khỏi tiền kiến về nền tảng được xem là vững chắc, phổ quát của trụ quan, nhân sinh quan xây dựng nên thời đại tân kỳ ngày nay. Tôn giáo và tầng lớp trí thức không còn đóng vai tiên tri hay còn gọi là khai sáng, nhưng, nếu còn giữ khoảng cách không trở thành công thức cho các định chế chính trị, xã hội, thì cũng không vượt ra khỏi những tiền đề văn hóa của một thời kỳ lịch sử rất giới hạn tạo nên nền văn minh tân kỳ.

* Ít nhất trong dư luận và sự cảm nhận của quần chúng, các định chế, tầng lớp trí thức, các tôn giáo còn loay hoay trong cuộc tương tranh giữa *khuynh hướng tiến bộ* nghĩa là tôn vinh nền văn hóa, văn minh tân kỳ hiện hành, và *khuynh hướng bảo thủ,* hướng về một quá khứ được xem là vàng son chống lại nền văn minh nầy, được gọi tên là *xã hội tục hóa.* Và các hiện tượng bất thường của xã hội ngày nay bị đánh giá là do hậu quả của xã hội văn minh, hay do tác dụng của khuynh hướng phản động, bảo thủ mà phát minh.

* *Tình trạng bất cập và hụt chân của các định chế trước những khám phá của khoa học kỹ thuật.* Cuộc hội thảo của các nhà khoa học và triết gia tại Tokyo, Nhật Bản năm 1995 đã đồng thanh lên tiếng báo động:

"Lần đầu tiên, các nhà khoa học và triết gia đồng thanh quả quyết rằng chúng ta đã đi vào thời đại sống còn của nhân loại và thúc đẩy các giới hữu trách có biện pháp thích ứng cho một hoàn cảnh đang bùng nổ" (trích phúc trình của triết gia Michel Random về cuộc hội thảo tại Tokyo, 1995 đăng trên tạp chí Le Nouvel Observateur, hors-séries số 28, tr. 52).

Tình trạng bùng nổ khi những thành quả khoa học tiếp cận sự sống và bản chất của con người như đã từng khai thác các vật thể trong thiên nhiên. Người ta nhắc đến những khám phá về di-truyền-học, miễn-dịch-học với những nguy cơ trong việc áp dụng và đưa ra thị trường. Gần đây sự kiện con cừu Dolly được "biến chế" từ một tế bào vô tính do viện Roslin đã làm cho dư luận choáng váng...

Mọi người choáng váng vì hai lý do:

— Thứ nhất, những tiên liệu bảo chứng cho giá trị của khám phá khoa học nay đã bị vượt qua. *Tương quan giữa tiến bộ khoa học và hạnh phúc con người* không còn nền tảng nào chắc chắn nữa, khi khoa học đang trên đường tác tạo một giống người như một sinh vật nào khác vượt lên trên mọi dự đoán; ngay cả những người đang thực hiện các công tác khoa học.

— Thứ hai, giá trị tối thượng của con người, thường được gọi là *"linh ư vạn vật",* những giá trị linh thiêng đã được thời tân kỳ chuyển thành khả năng lý trí để hiểu biết các sự vật một cách khách quan và thước đo sự hiểu biết đó là *sự hữu hiệu* của việc áp dụng sự hiểu biết nầy vào việc làm chủ thiên nhiên.

Tiền đề văn hóa nền tảng đó của thời đại tân kỳ, vốn được xem là một giá trị thần thánh mới, mặc nhiên cho phép khoa học có thể

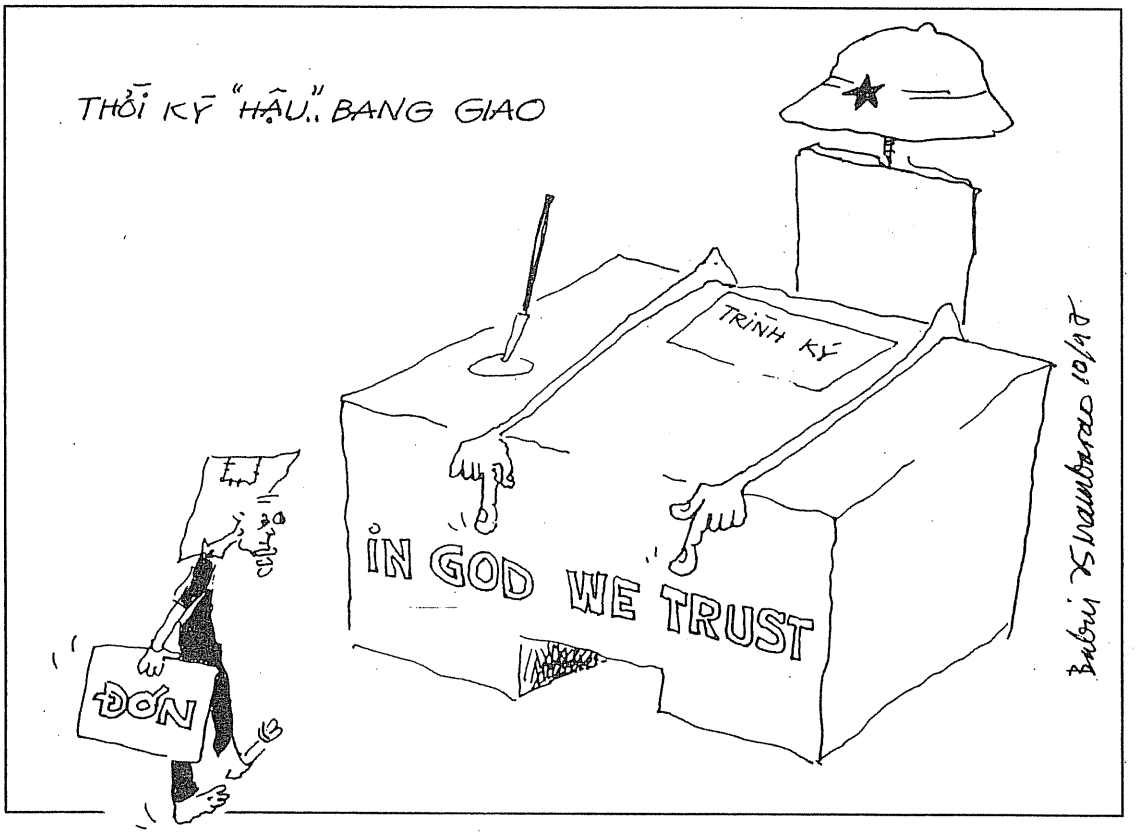

mạnh dạn khẳng định *"Cái gì có thể làm được trong lãnh vực khoa học đều có thể được phép làm"*. Và khi các định chế xã hội, từng lớp trí thức và tôn giáo cũng đang nằm trong khung văn hóa được xem là phổ quát, một định mệnh không cưỡng lại được của lịch sử nhân loại, thì khó lòng tìm được một giải pháp thỏa đáng.

* Bên cạnh định chế còn xây dựng trên những tiền đề của nền văn hóa thời tân kỳ, đặc biệt sau sự sụp đổ của bức tường Bá Linh và những hiện tượng xã hội tiêu cực, như thất nghiệp, tình trạng phát triển nghịch chiều giữa tiến bộ khoa học - kỹ thuật và phẩm chất đời sống của cá nhân và xã hội..., quần chúng dần dà đi vào tình trạng thu mình lại, cá nhân chủ nghĩa, để mặc, hoặc thực hiện một nếp sống dựa trên *"chủ nghĩa tương đối về các giá trị"*. Ý kiến về công ích, dấn thân phục vụ đồng loại nhường chỗ cho những ưu tư giải thoát cá nhân. Các giá trị linh thiêng, đạo đức như là một cảm nghiệm riêng tư của lòng mình, đôi lúc bất chừng và tùy hứng, để phản ứng lại những giá trị cao cả của con người chỉ được đồng hóa và dừng lại nơi lý trí phổ quát có khả năng hiểu biết sự vật và tạo hạnh phúc cho toàn thể đồng loại.

IV. Một đôi điều suy nghĩ

a. Trước những dự án cải cách của nhà nước Cộng Sản Việt Nam hiện nay

Dự án cải cách của nhà nước Cộng Sản Việt Nam (CSVN) muốn tìm một lối thoát để sống còn, dựa trên một tổng hợp rất kỳ lạ: hạ từng cơ sở kinh tế theo chế độ thị trường bên cạnh một chế độ chính trị đối nghịch: Cộng Sản chuyên chính. Trong khuôn khổ cuộc trao đổi nầy, chúng tôi không bàn đến vấn đề khả thi hay những hậu quả kinh tế, chính trị của cuộc tổng hợp đó. Nhưng trên bình diện văn hóa, chúng ta nhận thấy rằng việc tổng hợp nầy ngay từ đầu bị chi phối bởi những tiền đề cố hữu: Con người và xã hội được định nghĩa là sinh vật được làm nên bởi vật chất, biến đổi vật chất bằng lao tác và hưởng dụng vật chất.

Thời gian qua đi, niềm tin về một Thiên đàng trần thế sẽ được thực hiện nhờ cuộc cách mạng Cộng Sản đã không thể biện minh được nữa trước những thực tế lịch sử mà nhân loại đã trải qua. Không biện minh được vì niềm tin đó gắn liền với sự hữu hiệu nơi thực tại của lịch sử.

Và trong ý hướng ứng dụng kinh tế thị trường vào xã hội Việt Nam, nhà nước Cộng Sản như chỉ biết có quá khứ và không hề biết đến những khủng hoảng, ít nhất về mặt văn hóa, mà các quốc gia đang phát triển nhờ kinh tế thị trường đang phải đối đầu.

Cuộc khủng hoảng đó, hàn lâm viện Jacques-Yves Cousteau đã cô đọng trong lần phát biểu tại hội nghị Tokyo, 1995:

"Một nhà độc tài vô danh và vô hình rất tàn nhẫn, Ông Thị Trường, đang hành xử một loại uy quyền độc đoán. Sự thay đổi quyền uy nguy hiểm nầy biểu lộ một sự suy thoái của nếp sống văn minh, đi đến tình trạng man rợ, từ dân chủ đi đến một nền độc tài không thể xác định" (tạp chí Nouvel Observateur số 28, tr. 53).

b. Khủng hoảng các giá trị phát xuất từ đâu?

Một số những hiện tượng xã hội tiêu cực, hoặc đáng lo ngại đang xảy ra cho thời đại chúng ta, không có nghĩa là xã hội hiện nay chúng ta đang sống là một hỏa ngục, và chúng ta cũng không vội vàng phi bác một cách hồ đồ và đồng loạt những giá trị tích cực mà thời đại tân kỳ đã cống hiến cho lịch sử nhân loại. Nhưng những giới hạn và bế tắc của những tiền đề xây dựng nên nếp văn minh của thời đại tân kỳ đó buộc ta phải đặt lại vấn đề. Những giới hạn và bế tắc có thể được nêu lên, vì khi đối chiếu những thành quả của nền văn minh đó đem lại, với những hứa hẹn có thể đáp ứng trọn vẹn tất cả những yêu sách và khát vọng của con người, thì có sự bất tương hợp.

Trong giòng phát triển văn hóa của Tây phương Hy Lạp, các giá trị sinh hoạt con người được qui chiếu vào nhận thức bản tính của nó như là một *sinh vật có lý tính*. Nhưng thuở bình minh của nền văn hóa đó, *con người có lý tính* nghĩa là được tham dự vào sự sống vượt lên trên các sinh vật, sự sống đó gọi là "Logos." Héraclite nêu lên "Logos" nầy, nhưng đồng thời nhấn mạnh là không ai trong cõi người ta có thể sở đắc hay hiểu thấu đáo được "Logos" là gì. Socrate cũng nêu lên câu châm ngôn khắc trên đền thờ Delphes *"người ơi hãy tự biết mình,"* đề cao sự hiểu biết như là giá trị tối thượng của nhân tính, nhưng đi đôi với châm ngôn đó, vị thầy của văn hóa Tây Phương cũng cho rằng *"điều mà ông biết, đó là ông không biết gì cả."*

Nhưng cái mới trong giòng lịch sử văn hóa Tây phương và hiện nay đang phổ biến tràn lan trên thế giới làm khởi phát thời đại tân kỳ,

là "Logos" mà con người thoáng nhận ra và luôn mãi phải lắng nghe và đi tìm của Héraclite và Socrate, nay được hiểu là khả năng hiểu biết của con người về bản chất sự vật và còn hơn nữa, là biến đổi sự vật. Đồng thời cũng nhờ có khả năng lý trí nầy, con người có được phẩm giá của mình nơi quyền tự do và tự lập. Vì thế cũng có thể là đã lo âu cho một tương lai đen tối của thời đại tân kỳ đang mở ra, hoặc có thể là để tuyên dương cho những khám phá mới mẻ của nhân loại. F. Nietzsche dùng miệng một người mất trí mà hô to giữa công trường *"Thượng đế đã chết, tất cả chúng ta đã là những tên đồ tể sát thần."*

Tiêu chuẩn để đo lường các giá trị từ nay không còn là Chân lý vượt lên trên khả năng của con người mà con người phải lắng nghe, đối chiếu và tự kiểm, nhưng nay giá trị được đo lường và thiết định dựa trên sự hữu hiệu của các nỗ lực hiểu biết và thể hiện tự do, hạnh phúc, mà khả năng con người lý trí, vốn được xem như vô hạn, có thể triển khai.

Thực tế lịch sử cho thấy rằng lý trí phổ quát mà mỗi cá nhân đều sở đắc không phổ quát như nỗi lạc quan của các nhà tư tưởng thời tân kỳ chủ xướng: những ý hệ nhân tăng mâu thuẫn nhau, những nền nhân bản liên tục thay nhau xuất hiện; việc sở đắc các kiến thức khoa học cũng không đem lại trọn vẹn những ước mong hoàn thành nhân tính con người. Và bế tắc của thời đại tân kỳ như điều mà F. Nietzsche đã tiên đoán, là con người đang mệt mỏi về thân phận làm người, con người đang phiêu lưu vào sa mạc của hư vô chủ nghĩa, mà ngôn ngữ ngày nay gọi là *khủng hoảng* tận căn về các giá trị.

Trước tình trạng nầy, nhiều nhà tư tưởng Tây Phương đã giật mình tự vấn về "con người suy tư" của truyền thống văn hóa; và một trong những triết gia đã mạnh dạn nói rằng:

"Điều làm chúng ta suy tư hơn cả trong thời đại của chúng ta, một thời đại làm ta phải suy nghĩ, đó là chúng ta chưa từng suy tư" (Heidegger - Qu'appelle-t-on penser? bản dịch của Aloys Becker và Gérald Granel. PUF. Paris 4e éd, 1983, tr.24)

Tại sao chúng ta chưa từng suy tư?

Các giá trị tinh thần nằm trong khuôn khổ của bản tính con người *"linh ư vạn vật"*. Nhưng nếu đặc tính linh thiêng là suy tư lại được xây dựng trên sự hiểu biết về sự vật, và từ lối hiểu biết nầy xây dựng lại bản tính con người và thần thánh, phải chăng đây là sự hiểu lầm và sử dụng lầm tận căn? Các nền *thần học, đạo đức, nhân bản* ngày nay đã không đặt vấn đề con người, Thượng đế là *"cái gì"* hay sao? Làm sao một nền văn hóa có thể đi xa những kinh nghiệm thông thường của con người dưới phố khi đặt câu hỏi *"con người là gì?", "cha tôi là gì?", "mẹ tôi là gì?"* Và nếu phải đề cập đến các giá trị linh thiêng, đạo đức và nhân tính, thì nền văn hóa dựa trên tiền đề và sự hiểu biết sự vật làm nền tảng khởi phát liệu sẽ cống hiến được những nội dung nào cho khát vọng tự nhiên của tâm hồn con người?

Từ *"cái gì?"* đến *"ai?"* như là trọng tâm của suy tư, phải chăng là một thách đố của văn hóa nhân loại cho một thiên niên kỷ sắp đến.

c. Câu chuyện của chúng ta

"Ôn cố tri tân." Chúng ta tự hào về nền Văn hiến của dân tộc, chúng ta muốn đóng góp phần mình vào sinh hoạt chung của văn hóa nhân loại; trong muôn vàn điều đáng tự hào và những giá trị tích cực có thể cống hiến, có một câu chuyện được lưu truyền phản ảnh những thao thức về giá trị gọi là *Cương thường* hay *Đạo làm người*. Đó là câu chuyện Họ Hồng Bàng.

Đế Lai đem theo vợ mình là nàng Âu Cơ nhằm chiếm đất nước của Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân. Đế Lai chỉ nghĩ đến quyền lực của mình và tìm cách vơ vét các tài vật thiên nhiên trong xứ, bỏ mặc nàng Âu Cơ và tùy tùng trong trại.

Âu Cơ trong nỗi cô đơn khắc khoải, được Lạc Long Quân, con người bất tử, cứu thoát và được nâng lên làm người bạn đồng sàng với chàng. Trong cuộc gặp gỡ Đất - Trời - Người nầy, nàng sanh hạ trăm con và gây dựng nên một dân tộc mới.

Nhưng Lạc Long Quân, vốn là Thần thánh, nên sau một năm gần gũi với Âu Cơ thì ẩn mặt.

Và trong nỗi nhớ nhung về người bạn Thần - Thánh Lạc Long Quân, Âu Cơ và các con chỉ còn có duyên gặp gỡ chồng và cha tại Tương Dạ.

Ngày nay, con người chỉ muốn *"sống bởi bánh"*, nghĩ tới việc sở đắc tài vật và quyền uy cho cá nhân và thực thi bạo lực, con người *"chấp ngã"* đó của Đế Lai phải nhường đất - trời cho một thế hệ con người mới biết ân cần, ưu lo nghĩ đến một Lạc Long Quân rất gần, nhưng luôn ẩn mặt, và gặp gỡ mỗi người, muôn người nơi Tương Dạ hay còn gọi là Tâm Linh.

HUYỀN THOẠI TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

ĐẶNG TRẦN HUÂN

Chỉ mới thành lập năm 1933 mà tổ chức Tự Lực Văn Đoàn tưởng như đã xa xưa lắm vì cho tới nay vẫn chưa ai trả lời được là văn đoàn này gồm có những ai? Về sau có thêm bớt ai không? Những người liên quan tới TLVĐ còn sống cũng nhiều mà mỗi người nói một cách có khi mâu thuẫn nhau chẳng biết đâu mà tin. Một văn đoàn có tác phẩm để đời quá nhiều, ảnh hưởng sâu đậm tới văn hóa Việt Nam, thế mà lai lịch của nó tới nay vẫn mù mờ như huyền thoại Phù Đổng Thiên Vương, Chử Đồng Tử hay Mị Châu Trọng Thủy vậy. Độc giả giở sách báo cũ hay một vài hồi ký ra để tìm hiểu thì càng mung lung hơn và bắt đầu đi vào mê lộ.

Điều mà người ta biết chắc chắn là TLVĐ chính thức thành lập khi tôn chỉ, đường lối hoạt động được công bố trên báo *Phong Hóa* số 87 ngày 2.3.1933 nhưng lại không công bố thành viên gồm những ai, bí mật như một chính đảng. Căn cứ trên dòng chữ *Trong Tự Lực Văn Đoàn* ghi dưới tên tác giả mỗi cuốn sách, độc giả đếm thấy TLVĐ gồm có sáu người là Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ và Tú Mỡ.

Sau 30.4.1975 nhiều người Việt chạy ra hải ngoại nhưng sách báo không mang theo được bao nhiêu, tài liệu ít ỏi, trí nhớ suy mòn nên khi viết về TLVĐ có những tác giả đã tự ý cho thêm rất nhiều tên vào danh sách.

Trong cuốn *Việt Nam Niên Biểu III: Nhân Vật Chí* do nhà Văn Hóa xuất bản tại Houston, Texas, năm 1993, tác giả Chánh Đạo (bút hiệu khác của sử gia Vũ Ngự Chiêu) viết rằng TLVĐ có cả cụ Lý Đông A, một lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng (trang 339).

Trên tuần báo *Saigon Times*, Rosemead, CA, ngày 24.9.1995 trong bài giới thiệu tác phẩm *Trên Sông Hồng Cuồn Cuộn* của Nguyễn Tường Bách, giáo sư Lưu Trung Khảo viết TLVĐ có 12 thành viên kể cả Nguyễn Gia Trí, Trần Tiêu, Nhật Tiến. Và ông đề nghị nên thêm Nguyễn Tường Bách. Không thấy ông đề nghị bỏ bớt ai?

Nguyệt San *Làng Văn* (Canada) số 137 - tháng 1.1996 viết TLVĐ có 11 người vì có thêm Xuân Diệu, Đỗ Đức Thu, Nguyễn Thị Vinh, Duy Lam và Tường Hùng.

Trong quyển sách có cái tên rất dài của bà Nguyễn Thị Thế, em ruột Nhất Linh, tái bản tại Cali cuối năm 1996 *Hồi Ký Về Gia Đình Nguyễn Tường: Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam*, tác giả viết về TLVĐ rằng: *về sau có thêm họa sĩ Cát Tường tức họa sĩ Le Mur* (tr 117).

Để truy nguyên những danh sách huyền thoại này, ta hãy tìm một số sách biên khảo văn học trong thời gian Nhất Linh còn sống xem những tác giả cùng thời viết ra sao? Bộ Nhà Văn Hiện Đại của Vũ Ngọc Phan không thấy nói tới thành phần TLVĐ, Việt Nam Văn Học Sử Yếu của Dương Quảng Hàm thì chỉ

kể tên bốn người là Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ, Tú Mỡ rồi thôi.

Hãy tạm tham khảo bộ sách mới hơn, khá công phu *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên* của Phạm Thế Ngũ do Quốc Học Tùng Thư, Sài Gòn xuất bản năm 1962-1965. Bộ sách gồm ba cuốn được nhà Đại Nam ở Hoa Kỳ in lại. Trong cuốn III, Phạm Thế Ngũ viết TLVĐ công bố ra mắt văn đoàn, đường lối hoạt động và dấu hiệu con ó trên báo Phong Hóa nhưng không công bố thành phần. Sau này trong tiểu thuyết *Những Ngày Vui*, Khái Hưng viết khi đó nhóm định thành lập văn đoàn như một *Pleiades* gồm bảy người trong đó có Nguyễn Gia Trí (tr.433).

Tìm đọc lại *Những Ngày Vui*, rồi dò từng dòng nhưng không thấy đoạn nào nói tới chuyện *Pleiades* cả. Hơn nữa *Những Ngày Vui* chỉ là tiểu thuyết chứ không phải tự truyện thì ta có nên coi là một tài liệu tham khảo nghiêm chỉnh không? Tìm hiểu thiên văn và thần thoại thì *Pleiades* là bảy người con gái của thiên thần Atlas biến thành bảy vì sao nhưng chỉ có sáu vì là có thể trông thấy bằng mắt trần mà thôi. Có nên tán ra rằng Nguyễn Gia Trí chỉ là ngôi sao không thấy trong thất tinh, ẩn hiện mờ ảo, và vì là họa sĩ không thể để dòng chữ *Trong TLVĐ* dưới chữ ký trên mỗi họa phẩm, mỗi tranh trang trí cho bài nên chuyện hội viên của ông trở thành nghi vấn.

Trong bài *Nhiệm Vụ Của Người Cầm Bút* của nhà biên khảo Trần Bích San đăng *Sài Gòn Nhỏ*, Cali, số Xuân Đinh Sửu 1997 cũng viết TLVĐ gồm bảy người trong đó có Nguyễn Gia Trí. Nhưng khi đọc cuối bài thì mới biết Trần Bích San đã tham chiếu nơi trang 433 *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên*.

Thực ra câu chuyện *Pleiades* được kể trong cuốn *Chân Dung Nhất Linh* của Nhật Thịnh chứ không phải trong tiểu thuyết Khái Hưng. *Chân Dung Nhất Linh* do nhà Sống Mới in tại Sài Gòn trước 1975 và nhà Đại Nam ở Cali in lại và cũng chỉ là bản chụp của nhà Sống Mới vì thế coi bản Đại Nam cũng như coi bản Sài Gòn vậy.

Trong *Chân Dung Nhất Linh* bản in tại Mỹ ở trang 127 và trang 130, Nhật Thịnh tả cuộc đi chơi Lạng Sơn đầu năm 1932 của Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ và trong cuộc đi chơi này họ bàn chuyện thành lập TLVĐ gồm có bảy người. Khi Thế Lữ cãi lại nói chỉ có sáu thôi thì Nhất Linh nói: *"Các cậu quên Nguyễn Gia Trí rồi à? Thiếu hắn thì bọn mình bất trí hết."* Nhưng ở trang 129 Nhật Thịnh lại viết: *"Nguyễn Gia Trí biết Nhất Linh năm 1933"* (một năm sau cuộc đi chơi Lạng Sơn). Như vậy làm sao Nhất Linh đề nghị một họa sĩ vào tổ chức của các nhà văn, nhà thơ nhất là khi ông cũng chưa quen biết để phục tài họa sĩ này. Hơn nữa câu chuyện *Pleiades* của Nhật Thịnh cũng có vẻ hư cấu như một tiểu thuyết mà thôi. Ấy là không kể ngay trong cuốn *Chân Dung Nhất Linh* cũng có những sai lầm, thiếu thận trọng chẳng hạn như đã nêu tên các họa sĩ Tô Ngọc Văn (hai lần), Lê Thị Liệu, Trần Đình Lộc ở trang 36 mà thực ra tên các vị này là Tô Ngọc Vân, Lê Thị Lựu và Trần Bình Lộc.

*

Theo cuốn *Nhất Linh Trong Tiến Trình Hiện Đại Văn Học* của Vu Gia do nhà xuất bản Văn Hóa, Hà Nội phát hành năm 1995, tác giả nói ghi chú theo cuốn *Tiếng Cười Tú Mỡ* thì TLVĐ có kết nạp thêm Xuân Diệu vị chi là *bát tú* (tr 367). Chúng tôi không có cuốn *Tiếng Cười Tú Mỡ* nên không rõ tác giả cuốn này là ai? Vả lại nếu chỉ vì thêm Xuân Diệu để trở thành *bát tú* thì có thể kiếm thêm hai vị nữa để gọi *thập toàn* cho đẹp danh xưng. Hay thêm đủ một trăm, một ngàn thành viên để thành *bách tuế* hay *thiên tuế*.

Vả lại ngay trong cuốn *NLTTTHĐHVH* cũng có những sai lầm khiến mức chính xác của cuốn sách làm ta ngờ vực. Chẳng hạn khi nói tới báo *Phong Hóa*, Vu Gia viết báo *Phong Hóa* do Phạm Xuân Ninh chủ trương (cũng tr.367). Thực ra người sáng lập báo *Phong Hóa* là Phạm Hữu Ninh, giám đốc trường tư thục Thăng Long mà Khái Hưng dạy học; còn Phạm Xuân Ninh là trung tá Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa làm thơ với bút hiệu Hà Thượng Nhân không liên quan gì với TLVĐ.

Có lần chúng tôi điện thoại hỏi bác sĩ Nguyễn Tường Bách về vai trò của Nguyễn Gia Trí và Xuân Diệu thì bác sĩ Bách nói TLVĐ có Xuân Diệu nhưng không có Nguyễn Gia Trí. Bác sĩ Bách nay đã trên 80 tuổi, sống lưu vong tại Trung Quốc từ 1946 mãi tới 1988 mới trở về Hoa Kỳ, chắc cũng nhớ theo ký ức mà thôi.

Nữ thi sĩ Cao Mị Nhân trong loạt bài *Chốn Bụi Hồng* ít ra đã hai lần nói rằng bà đã được coi tận mắt quyết định trao giải thưởng cho tập thơ *Bức Tranh Quê* của nữ sĩ Anh Thơ có chữ ký của nhà thơ Thế Lữ, Tú Mỡ và Xuân Diệu. Sự kiện này cũng không chứng minh

được Xuân Diệu là đoàn viên TLVĐ. Để chấm giải thơ, ngoài hai thi sĩ đoàn viên TLVĐ vẫn có thể mời thêm một thi sĩ thân hữu vào trong ban giám khảo lắm chứ. Nhất là trên giấy chứng nhận *Bức Tranh Quê* không có chữ ký các đoàn viên TLVĐ khác.

Trên bán nguyệt san *Kiến Thức Ngày Nay* số 193 đề ngày 1.12.1995 xuất bản tại thành phố Hồ Chí Minh nữ sĩ Mộng Tuyết - hiện còn sống ở Hà Tiên - có xuất trình lời khen của TLVĐ tặng cho bà về tập thơ *Phấn Hương Rừng* bà gửi dự Giải Thưởng Văn Chương Tự Lực Văn Đoàn 1939. Lời khen đề ngày 11.6.1940 có chữ ký của sáu thành viên TLVĐ là Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ và Tú Mỡ.

Chúng ta không thấy tên Xuân Diệu và Nguyễn Gia Trí trong tài liệu này. Năm 1938 khi in *Thơ Thơ* cũng chưa thấy giòng chữ *Trong TLVĐ* ghi dưới tên tác giả Xuân Diệu. Còn thời gian sau này Xuân Diệu phản tỉnh hay bị cưỡng ép phản tỉnh phủ nhận dĩ vãng của mình khi đi theo Cộng sản thì không kể.

Về chuyện họa sĩ Nguyễn Cát Tường được mời vào TLVĐ cũng là một điều mà trước nay có lẽ chưa một độc giả nào nghe thấy. Có giống trường hợp cụ Lý Đông A chăng? Tác giả Nguyễn Thị Thế có lầm lộn không? Ngay trong bài cảm nghĩ của Nguyễn Tường Bách (em ruột bà Thế) in trong cuốn sách tái bản của bà Nguyễn Thị Thế, ông Bách cũng nhận xét là: *"Với vị thế tác giả, nhiều dữ kiện về các nhân vật trong gia đình về phương diện văn hóa, xã hội, đấu tranh chị không biết rõ." Hơn nữa Nguyễn Cát Tường cũng chỉ là họa sĩ. Nếu kể những họa sĩ có công với TLVĐ thì Tô Ngọc Vân còn sáng giá hơn nhiều, để ở đâu? Và nếu muốn tri ân những người trong phong trào làm nhà Ánh Sáng do TLVĐ chủ xướng thì không thể bỏ qua kiến trúc sư Võ Đức Diên: Còn nếu thấy tên tuổi nào nổi danh thì kéo vào TLVĐ cho đông vui không kể bộ môn thì có nên ghi thêm Phạm Duy, Hoàng Thi Thơ, Nguyễn Thanh Thu, Kiều Chinh, Kim Chung, Thanh Thúy vv... cho trăm hoa đua nở.*

*

Qua cái mốc 1940 với giải thưởng TLVĐ mà bà Mộng Tuyết còn tài liệu chính thức, ta có thể nhảy vọt một đoạn đường 17 năm tới bài khai bút của Nhất Linh đăng trên nguyệt san *Văn Hóa Ngày Nay*, Sài Gòn, số Xuân 1957 mặc đầu bài này ông viết từ ngày mồng một Tết Quý Tị (14.2.1953). Trong bài này có câu:

Trong bảy tám nhà văn mới chọn lọc được hai năm nay, tôi thấy có ba nhà văn chắc chắn xứng đáng là nhân viên TLVĐ và tôi tin anh Đỗ Đức Thu cũng như mấy anh mất tích sau này trở về, cũng như tôi sẽ bỏ phiếu bầu khi ba nhà văn đó có đủ một số sáng tác để sự quyết định có căn cứ. Ba người đó là Nguyễn Thị Vĩnh, Tường Hùng và Duy Lam.

Như vậy lời nói Nhất Linh có giá trị như một lời dặn dò, lời dặn dò khá thận trọng rằng *"khi ba nhà văn đó có đủ một số sáng tác"* chứ không phải là một quyết định vì TLVĐ không phải là một văn đoàn cha truyền con nối như thời vua chúa. Viện Hàn Lâm Pháp, văn đoàn Goncourt vv... khi có một đoàn viên chết hay vắng mặt vĩnh viễn vì lý do nào đó sẽ được những đoàn viên còn lại biểu quyết tuyển chọn đoàn viên mới. TLVĐ hẳn cũng làm việc không ra ngoài khuôn mẫu đó nghĩa là khi thâu nhận hội viên mới phải do kết quả đầu phiếu của đa số thành viên. Khi Nhất Linh tuyên bố lời khai bút thì Hoàng Đạo, Khái Hưng, Thạch Lam đã mất. Ở miền Nam, Nhất Linh chỉ có một mình, ở miền Bắc thì Tú Mỡ, Thế Lữ đã khước từ dĩ vãng, hai phía không chính thức liên lạc với nhau cho tới ngày Nhất Linh qua đời.

Trong số người mà Nhất Linh đề nghị thâu nhận vào TLVĐ thì chỉ có Nguyễn Thị Vinh là người ngoài còn Duy Lam và Tường Hùng là hai người cháu gọi Nhất Linh bằng bác ruột.

Năm 1995 khi xuất bản cuốn *Na Uy Và Tôi* ở hải ngoại, Nguyễn Thị Vinh chính thức nhận là đoàn viên TLVĐ khi nói rằng bà làm như vậy vì thấy chủ trương TLVĐ hay (*Phụ Nữ Diễn Đàn* số 132-tháng 2.1995). Khi in các tác phẩm *Hai Chị Em* (1953), *Thương Yêu* (1955) bà đã cộng tác với TLVĐ mà bà chưa thấy hay mãi hơn bốn chục năm sau bà mới nhận ra điều đó.

Trường hợp Duy Lam sau khi sang Mỹ tái bản các tác phẩm cũ và in tác phẩm mới đều ghi thuộc TLVĐ có lẽ cũng căn cứ trên lời nhắn gửi của Nhất Linh trong bài khai bút.

Trường hợp Tường Hùng chỉ xuất bản tập truyện *Gió Mát* từ thập niên 1940 hay 1950 gì đó rồi không thấy tên ông xuất hiện trên văn đàn nữa, hoặc có viết nhưng quá ít, không nổi tiếng hoặc dùng một bút hiệu khác mà chỉ có Nhất Linh và một số ít người biết mà thôi. Mãi tới năm 1996 khi Duy Lam tái bản *Gia Đình Tôi* mới thấy mấy tranh vẽ của Tường

Hùng minh họa đệm cho tập truyện này, những tranh còn quá non tay có lẽ chỉ là những tranh vẽ đã in trong ấn bản *Gia Đình Tôi* mấy chục năm về trước nay được Duy Lam cho in lại.

Trong bài khai bút, Nhất Linh viết ông tin Đỗ Đức Thu đồng ý với đề nghị của ông. Vậy nhà văn Đỗ Đức Thu đóng vai trò gì trong TLVĐ, là một tổng thư ký thường trực của văn đoàn nhưng không phải là đoàn viên? Hay nếu Đỗ Đức Thu đã là đoàn viên thì ông được tuyển chọn bao giờ, theo thể thức nào mà không thấy tác phẩm nào của Đỗ Đức Thu từ *Vỡ Lòng, Bốc Đồng, Nhà Bên Kia* tới *Đứa Con* không thấy ghi *Trong TLVĐ*, cũng như cho tới bây giờ những người viết về TLVĐ rất ít nhắc tới tên ông. Giờ đây thì cả hai nhà văn Đỗ Đức Thu và Nhất Linh không còn nữa và bí mật vẫn bao trùm.

Về vai trò của Trần Tiêu ta có thể khẳng định rằng ông hề là thành viên TLVĐ cho dù ông là anh em của Khái Hưng và tác phẩm của ông rất có giá trị. Những tiểu thuyết *Con Trâu, Chồng Con* do nhà Đời Nay của TLVĐ xuất bản hay những cuốn *Năm Hạn, Truyện Quê, Sau Lũy Tre* của Trần Tiêu đều không có tiêu đề *Trong TLVĐ* dưới tên ông, chẳng lẽ đoàn viên mà ông lại khước từ danh hiệu đó.

Nhật Tiến thì đã trả lời rõ ràng trong bài phỏng vấn đăng trong báo *Ngày Nay* ở Kansas số 25 - tháng 3.1983 rằng dư luận nói ông thuộc TLVĐ là một chuyện sai lầm, không có.

Như vậy hiện nay chỉ có hai nhà văn nhận thuộc TLVĐ là Nguyễn Thị Vinh và Duy Lam, người trước ở Na Uy, người sau ở Hoa Kỳ. Không rõ đường sá xa xôi hai nhà văn này có thường xuyên liên lạc với nhau để duy trì đường lối, tôn chỉ của văn đoàn nữa không hay đều có sinh hoạt độc lập. Và để cho thật minh bạch ta có thể gọi là *hậu Tự Lực Văn Đoàn* hoặc *Tự Lực Văn Đoàn hải ngoại.* Nên chăng?

*

Để tìm hiểu chính xác về TLVĐ chúng ta chỉ có thể căn cứ trên những tài liệu cụ thể có bút tích đã công bố bởi sáu hay một trong sáu đoàn viên nguyên thủy mà mọi độc giả đã biết. Nếu chỉ dựa theo lời kể lại, nhớ theo ký ức e cũng mắc sai lầm. Dựa theo những sách biên khảo thì đã xảy ra chuyện cuốn biên khảo có giá trị đáng tin cậy nhưng vài chi tiết sai sót của nó mà được tham chiếu lại thì sai sót đó sẽ lớn dần và phổ biến rộng thêm như trường hợp Trần Bích San mà chúng tôi đã kể ở đoạn trên.

Những cuốn hồi ký cũng giúp ích cho người sưu tầm tìm hiểu nhưng cần lựa chọn, cân nhắc thật thận trọng. Không thiếu gì những hồi ký đã xuất bản có những sai lầm có khi vô tình, đôi khi do cố tình của tác giả.

Chúng tôi được đọc cuốn hồi ký về cái gọi là *học tập cải tạo* của một vị trung tá đã viết sai cả tên cấp chỉ huy trực tiếp của ông hoặc là chỉ cách nhau vài trăm trang lúc thì ông kể bị công an dí súng bắt đi lúc thì ông rủ bạn đồng cấp cùng đi với nhau bằng xe xích lô rất là thư thái. Ngay cả trong cuốn hồi ký của tướng Westmoreland, một thời là tư lệnh quân Mỹ tham chiến tại Việt Nam, viết về trận Ban Mê Thuột ông đã nói tướng Phạm Duy Tất là tư lệnh Sư Đoàn 23 Bộ Binh, tỉnh trưởng Ban Mê Thuột bị Việt Cộng giết chết trong trận đánh và hai tiểu đoàn dù Việt Nam bị tiêu diệt trọn vẹn vì phe ta oanh kích lầm. Thực ra tư lệnh Sư Đoàn 23 Bộ Binh là tướng Lê Trung Tường, tỉnh trưởng Nguyễn Trọng Luật chỉ bị bắt, đi tù rồi sang định cư tại Hoa Kỳ và lực lượng nhảy dù Việt Nam không tham dự trận chiến Ban Mê Thuột.

Cộng Sản Việt Nam sau khi chiếm trọn miền Bắc năm 1954 đã lên án TLVĐ là phản động, cấm đoán các tác phẩm của văn đoàn này, mãi những năm gần đây mới một phần phục hồi giá trị của họ. Với chủ trương đốt sách kiểu Tần Thủy Hoàng như vậy việc kiếm được những tài liệu chính thức về TLVĐ không dễ dàng gì ngay cả phía nhà cầm quyền.

Chúng ta chỉ còn hy vọng vào những tài liệu mà cá nhân còn cất giữ, lọt lưới cộng sản như tài liệu của thi sĩ Mộng Tuyết. Hoặc may ra một hai tài liệu còn lưu trữ ở thư viện các nước tự do. Nếu có được những tài liệu này thì mới có câu trả lời đích xác rằng TLVĐ có những vị nào.

Còn như nếu chưa trả lời được thiết nghĩ ta nên chấp nhận sáu vị nguyên thủy đã lập nên văn đoàn, tạo cho văn đoàn một thanh thế lưu truyền mà chẳng nên tự ý cương ra những điều mập mờ chưa rõ làm rối trí những người đi sau.

Thà rằng cứ mơ hồ như thân thế Hồ Xuân Hương, T.T.KH. hay những Khuyết Danh, Vô Danh Thị nào đó với những tác phẩm để đời còn hơn là thêm bớt, vẽ rắn thêm chân cho một văn đoàn đã có công với văn học Việt Nam như Tự Lực Văn Đoàn vậy. □

PHÙNG CUNG

NGUYỄN CHÍ THIỆN

(Lời nói đầu cho tập thơ "Trăng Ngục" của Phùng Cung sắp xuất bản)

Tôi mến và phục Phùng Cung ngay từ khi được đọc truyện "Con ngựa già của chúa Trịnh" của anh đăng trên báo Nhân Văn. Trong tất cả các bài văn, bài thơ in trên tờ Nhân Văn, trong các tập giai phẩm Mùa Xuân, Mùa Thu, Mùa Đông, tôi thấy "Con ngựa già của chúa Trịnh" là đặc sắc nhất, về nghệ thuật cũng như về nội dung. Nó vừa thâm trầm, vừa tinh tế đúng như con người anh. Nó còn điểm đúng huyệt của Đảng. Chính vì vậy, Đảng đã căm giận bỏ tù anh không xét xử hơn mười hai năm. Nhiều người nhận định rằng truyện chĩa vào các văn nghệ sĩ có tài, nhưng vì đã ngoạm vào miếng đỉnh chung Đảng ban phát, nên chẳng những tài tận, mà nhân cách cũng diệt. Điều đó đúng. Nhưng nếu chỉ đả mấy anh văn sĩ, thi sĩ cỏ đầu, những kẻ mà chính các "đồng chí bố" trong bụng cũng khinh rẻ, nhân dân cũng tởm lợm thì Đảng đâu có cay cú đến thế. Điều Đảng không thể không trừng trị nặng là anh đã dám nêu bật lên một sự thực nhục nhã: Văn nghệ sĩ, trí thức, toàn bộ dân tộc, giống như con ngựa già của Chúa Trịnh, bị Đảng gắn vào hai bên mắt hai cái lá đa bằng da, chỉ được nhìn thẳng một hướng hạn hẹp, trời mây, sông núi hoa lá không được thấy gì hết!

Cái cảnh con chiến mã Kim Bông dũng mãnh tung vó, phi nước đại, vất lại sau mông cả một vùng Sơn Nam Thượng, xông pha trăm trận, tung hoành là thế, mà khi thanh bình trở lại, nhàn nhã bước vào lâu đài cung điện Chúa, mới đặt chân lên nền đá xanh mát đã thấy bàng hoàng, rùng cả người; chợt nghe tiếng chim hót trong trẻo trên các lùm cây xanh tươi mà giật mình, ngơ ngác, Đảng cũng cho là chửi sỏ Đảng. Thực ra, đó chỉ là sự tha hóa tầm thường của những kẻ thiếu Tâm, thiếu Đức, khi được vinh hoa, phú quý, lo lắng bảo vệ cho địa vị của mình.

Mùa đông năm 1970, tôi rời Yên Bái lúc bốn giờ sáng. Sau 18 tiếng đồng hồ vừa đi ca nô, đi xe tải, xe lửa, chen chúc nhau trong một toa đen kín mít, nhầy nhụa phân lợn, tay lại bị khóa số 8 khóa từng cặp hai người một, đoàn tàu chúng tôi tới trại Phong Quang khoảng 10 giờ tối, người nào cũng nôn mửa, rũ rượi, kiệt lực. Ngồi xếp hàng trên sân đất, dưới mưa bụi, gió buốt, nghe điểm danh, nghe cán bộ quát nạt, huấn thị, rồi giúp mấy anh tù trợ giáo khám xét hành lý toàn đồ giẻ rách, hôi hám. Tới tận gần 12 giờ đêm, chúng tôi mới được phân chia vào các phòng.

Trong tất cả các cuộc trùng phùng trên thế gian này, khó có cuộc trùng phùng nào có thể vui mừng bằng những cuộc gặp lại nhau trong tù của những người bạn tù. Tôi vừa bước vào phòng thì bốn, năm ông đã ập tới, cười nói, hỏi han, nắm tay, nắm vai, đỡ hộ túi quần áo, mời nước, mời thuốc. Tôi cũng vui không kém gì họ. Thôi thì đủ thứ chuyện. Bao nhiêu mệt nhọc tan biến hết. Sức mạnh của tình cảm thực là kỳ diệu, không loại thuốc hồi sức nào sánh kịp! Các anh nói Phùng Cung cũng ở trại này, đang nằm bệnh xá vì bị lao phổi. Mắt tôi sáng lên. May quá rồi, thế là tôi sắp được chuyện trò với anh, người tôi mến phục đã lâu mà chưa được biết mặt. Vài hôm sau, tôi lảng vảng xuống bệnh xá tìm anh. Đó là giờ tù đang chia cơm, chiều hôm ấy lại ăn tươi, có "mầu ngạnh" (thịt trâu) nên việc chia bôi rất vất vả, mất nhiều thời gian. Thịt chia riêng, xương chia riêng, da chia riêng, nước đong từng thìa. Tất cả đều phải cân bằng một loại cân tự tạo, nhưng độ nhậy có lẽ chẳng kém gì cân tiểu ly. Chia xong lại phải viết tên từng người vào

những mẩu giấy nhỏ, gập lại, trộn lẫn lộn, rồi đặt bên cạnh từng bát, mỗi phần không quá một lạng. Đọc đúng tên ai, người đó lấy bát đó. Tù nhân đứng vòng trong, vòng ngoài, "góp ý" cho người được cử ra chia, thường là người có uy tín, trung thực, không lèm nhèm. Mấy chục bệnh nhân ở bệnh xá cũng đương xúm xít tham dự công việc chia chác thiêng liêng đó, trừ mấy người hấp hối. Tôi nhìn tất cả họ, từng khuôn mặt một. Không ai có vẻ là Phùng Cung cả. Tôi vòng ra phía sau bệnh xá. Một người trung niên mặc áo bông, đứng trước cây ớt chỉ thiên, nhưng đầu lại ngẩng nhìn lên nền trời xám nặng, nét mặt xám nhợt bất động. Phùng Cung đây rồi! Tôi đoán vậy, và bước lại gần, khẽ hỏi:

"Xin lỗi, có phải anh Cung không?"

Phùng Cung nhìn mặt tôi một thoáng, rồi đáp:

"Vâng, sao anh biết tôi?"

Tôi cười:

"Tôi mới từ Yên Bái tới mấy hôm. Nghe anh Lê Quang Dũng nói anh ốm, tôi tới hỏi thăm. Tôi tù tất cả đã hơn tám năm rồi."

"Anh kém tôi hai năm. Nhưng tù về tội gì vậy?"

"Cần gì tội mới tù! Bao nhiêu người ở đây, tội gì? Nhưng chúng nó bảo tôi làm thơ phản động."

Phùng Cung hững hờ, có vẻ trịch thượng:

"Làm thơ? Có thể đọc nghe vài câu không?"

Sống dưới chế độ xã hội chủ nghĩa là phải hết sức thận trọng. Bao người chỉ vì mắc bệnh "ngứa họng" khi trà lá với bạn bè mà tan đời! Trong tù càng phải kín miệng hơn. Nhưng khi nhìn thấy Phùng Cung, tôi linh cảm anh không phải là người hại tôi. Tuy vậy tôi vẫn phân vân. Tôi chọn một bài "vừa phải," không quá "nặng dose."

"Anh đang nằm bệnh xá. Tôi đọc một bài về cảnh bệnh xá trong tù cho anh nghe.

Mùa đông ập tới, đêm rừng giá
Gió bấc, mưa phùn lướt thướt qua
Củ khoai hà dím thành vô giá
Bệnh cũ âm thầm lại phát ra
Lũ tôi đã đoán bao người ngã
Trong vụ đông này khó đứng qua
Thân xác như hình nan, cốt mã
Mong cầu Đông nới tay tha!

Tôi đọc hết bài, chờ đợi một câu phê bình của Phùng Cung. Nhưng anh im lặng. Một lúc, anh hỏi tôi:

"Anh ở toán nào?"

"Tôi ở toán đan, gần ngay đây, toán mà lưu manh gọi đùa là 'mầm non của nghĩa địa.' Tôi cũng lao như anh, thỉnh thoảng lại ho ra máu, ít đi làm lắm. Hôm nào hứng, anh tới phòng tôi chơi. Vào ngày thường, đi làm hết, chuyện trò tiện hơn."

Đã bắt đầu đọc tên lấy thịt. Tôi bắt tay anh Cung:

"Anh vào ăn đi. Hôm khác chúng ta gặp nhau. À, tôi là Thiện, Chí Thiện thiền sư. *Au revoir!*"

Tôi không phải chờ lâu. Hai hôm sau, vào buổi sáng, khi trại đi lao động hết, vắng ngắt. Phùng Cung vào phòng tôi. Tôi mời anh leo lên sàn trên, chỗ tôi nằm. Anh vừa leo, vừa nói:

"Ốm yếu sao không nằm dưới, đỡ leo trèo vất vả."

"Cái gì cũng có lý do của nó cả. Nằm sàn trên đun nấu đỡ bị lộ, đỡ bụi hơn, mùa đông lại ấm hơn nằm phía dưới."

Anh Cung ngồi xuống chiếu, móc trong túi ra một gói con con:

"Dũng nó bảo anh nghiện trà nặng lắm. Hôm nay mới tới gặp anh là vì còn phải kiếm trà."

"Trà lúc nào tôi chẳng có, nhưng toàn là trà gói ba hào loại bét, chua loét."

Tôi mở gói trà của Phùng Cung ra, kêu lên: Trà búp, loại ngon!

Tôi đổ tất cả vào cái ca tráng men, lấy dăm cái đóm cật, đun độ hai phút là sôi, lấy miếng giẻ ướt lau sạch ca, lau tới đâu trắng tới đó. Tôi giải thích:

"Phải lau ngay khi đun xong, ca còn nóng bỏng mới sạch trắng được. Để nguội, cọ bằng cát cũng mệt mới trắng. Quản giáo mà thấy ca đen thì cùm. Cái gì cũng phải đánh nhanh, rút gọn! Bây giờ mình ngồi uống ung dung. Trời lại mưa, không sợ gì nữa."

Tôi lấy hai cái chén, tiện bằng ống nứa, rót trà vào. Chúng tôi đưa ly trà lên miệng, tận hưởng hương trà thơm ngát, rồi nhấp một hớp nhỏ. Khoan khoái, tỉnh táo hẳn. Tôi hỏi anh Cung:

"Anh có biết tại sao lại kiến hiệu nhanh đến thế không? Trà ngon không cần phải vào tới dạ dầy, xuống ruột, thẩm thấu vào máu, rồi mới tác động tới chúng ta. Nó đi thẳng từ khứu giác, vị giác lên thần kinh não, nên vừa mới nhấp một tí đã sảng khoái cả người rồi!"

Chúng tôi mỗi người hút một điếu thuốc

ào, uống một ly trà nữa, cho ấm người lên, rồi mới bắt đầu vào chuyện muốn nói:

"Anh tù đã 10 năm rồi, anh sáng tác được nhiều không?"

Anh Cung lắc đầu:

"Mấy năm đầu rầu rĩ, lo nghĩ về vợ con, không làm gì được. Sau đó có viết một số truyện ngắn trong đầu, nhưng không nhớ nổi. Đành chuyển sang thơ. Làm cũng được ít thôi, độ vài chục bài. Hôm nọ nghe anh đọc bài thơ về bệnh xá, tôi cứ ngẫm nghĩ mãi. Tôi nằm bệnh xá nhiều. Những cảnh, những tâm trạng bi đát tôi thấy hàng ngày, sao tôi không làm được bài nào? Hiện giờ, chúng tôi đã đoán trước được có ba người sẽ không qua khỏi mùa đông này. Nhìn thấy chết đến từ từ mà không cứu được! Khoai sắn còn chẳng đủ, thuốc men thì vớ vẩn, kiệt dần, rồi cục. Mùa đông như một vị hung thần, chỉ biết cầu mong nó đỡ rét, nó nới tay buông tha. Thơ anh thực lắm!"

"Thật ra, lượng không quan trọng. Cuộc đời một thi sĩ mà có được vài trăm câu thơ hay đã là thành công lắm rồi. Truyện Kiều hơn 3200 câu, những câu thực hay cũng chỉ ở con số trên 200 là cùng. Nhưng Việt Nam mình chưa ai bằng Nguyễn Du cả. Anh đọc nghe vài bài của anh đi."

Ngồi hút thuốc lào, uống trà ngon, nghe thơ, đó là những giờ phút hạnh phúc nhất trong tù. Hạnh phúc vì chúng tôi quên hẳn chúng tôi đang tù tội, ốm yếu, quên hẳn mọi ô trọc cuộc đời. Chúng tôi chìm đắm, hay đúng hơn, bay bổng trong say sưa: say trà, say thuốc, say thơ. Anh Cung đọc liền một lúc ba, bốn bài: giọng trầm nhẹ, nghe rất rõ. Càng nghe, tôi càng ngạc nhiên, càng bị cuốn hút vào dòng thơ anh. Tôi chưa từng được đọc thơ nào như thế. Nó mới tinh. Mới về ý, về tình, về ngôn ngữ, và nhất là về hình tượng, âm điệu. Thơ anh thực là đẹp. Anh đọc tới đâu, tôi thấm tới đó. Thơ đẹp, cũng như mọi vẻ đẹp trên thế gian này, đâu cần phải nghiên cứu nát óc mới thấy. Nó đi thẳng vào tim, vào óc ngay. Tôi biết anh tốn nhiều tâm huyết lắm mới tạo được những câu thơ như thế. Anh tìm tòi nhiều về chữ nghĩa, nhưng không mắc "ngữ bệnh" như Âu Dương Tu hàng ngàn năm trước đã than phiền. Anh tìm tòi nhiều về hình tượng, về âm điệu nhưng không trở thành cầu kỳ, quái gở, thậm chí tới mức ngớ ngẩn như một số người! Càng đọc nhiều thơ, tôi càng nể các vị thâm nho ngày xưa. Các vị đó nhận xét ngắn gọn, như muốn cô đúc chân lý vào một câu. Sau này gần Phùng Cung nhiều, thấy anh làm thơ quá khó nhọc, tôi thấm thía câu nói của Lục Du: "Cái tận cùng của công phu là sự bình dị".

Khi anh Cung ngừng đọc, tôi hút thêm một hơi thuốc lào, nhả khói ra mù mịt, hãm một hớp trà, rồi đặt tay lên đùi anh:

"Anh quả là có tài, kỳ diệu lắm! Bài 'Biển cả' của anh có thể là một bài dạy về đạo lý làm người cho các vị đế vương. Tôi không bốc anh đâu, mà bốc cũng chẳng được. Hay dở nó rành rành ra đấy. Khen chê lung tung, người ta khinh! Nhiều câu thơ của anh tuyệt vời! Thí dụ như:

- Trước mắt trẻ thơ, tinh cầu chỉ là chấm nhỏ
Càng tối đen, càng nhìn rõ xa xanh
-Mắt phàm tục đăm đăm vương chút lệ
Chút lệ này xuất hành từ trí tuệ con người.
-Hỡi biển cả
Diện tuy rộng, nhưng thiếu những giác quan cần thiết
Lòng tuy sâu, mà chứa đầy mầm xanh mặn chát!
Bỏ mất mênh mông, chuốc lấy ồn ào
Tự thao túng các thói hư nộ cuồng sóng vỗ
Trống trải, bơ vơ, chiều quả phụ
Bình minh vô vọng phương mờ...
Ôi, bao im lặng thanh cao
Đều chìm lắng trong thét gào man rợ!
Vậy dẫu có vô cùng lớn lao gì đó
Ta chỉ yêu cầu phải hài hòa với vô cùng bé nhỏ mà thôi!

Chỉ một bài 'Biển Cả' đã nhiều câu hay thế rồi, tôi đâu có nói quá!"

Anh Cung xúc động, nắm tay tôi:

"Cảm ơn, anh đã khích lệ tôi nhiều lắm."

Có tiếng mở cửa. Chúng tôi im lặng. Thiếu úy Võ, cán bộ trực trại đi vào phòng. Nhìn lên sàn, thấy chúng tôi, hắn quát:

"Ốm đau nghỉ nhà, lại tụ tập trà lá, văn thơ chửi chế độ. Ai cho phép đun nấu? Tôi cùm cổ các anh lại!" Hắn đi cả giầy đầy bùn ướt, leo lên chiếu tôi:

"Đưa cái ca đây!"

Tôi ôn tồn trình bày:

"Tôi xin nước sôi ở nhà bếp, không đun nấu. Anh Cung với tôi biết nhau từ ngoài xã hội. Anh đem cho tôi ít thuốc lào. Trời mưa rét, chúng tôi uống tí trà cho đỡ lạnh. Ho lao sắp chết cả, thơ văn gì nữa."

Võ trợn mắt:

"Im, không được chối. Tôi đứng ngoài nghe

hết cả rồi!"

Anh em ở trại đã cho tôi biết cán bộ Võ, người miền Nam tập kết đã nhiều tuổi, nghiện trà cực nặng, không ác, chỉ phải tính hay nạt nộ nhưng lại thích người khác nói nhẹ nhàng. Tôi chống chế:

"Cán bộ ở ngoài nghe thì đã rõ là chúng tôi không nói xấu chế độ. Anh Cung theo đảng chống Pháp từ 16 tuổi, nhất thời lệch lạc về tư tưởng, Đảng chỉ cho vào đây để 'uốn nắn' lại. Đời nào anh ấy nói xấu Đảng."

Võ trợn mắt nhìn anh Cung, quát to hơn:

"Về ngay bệnh xá!"

Rồi quay sang tôi:

"Chiều đi làm ngay!"

Thế là chúng tôi hết bay bổng. Rơi tõm xuống thực tại.

Từ đó chúng tôi thỉnh thoảng gặp nhau. Khi có trà, khi không. Toàn nói về thơ. Mấy tháng sau, anh Cung ra khỏi bệnh xá, vào toán đan lát. Cùng một toán, chúng tôi ở cùng một phòng, tha hồ chuyện trò.

Anh em tù cũng xếp Phùng Cung vào loại phạm binh, phạm cán, nghĩa là những kẻ "Hồng Kỳ sinh, Hồng Kỳ dưỡng," lạc điệu một chút, bị Đảng tống vào trại giam, nhưng vẫn còn tương đối "vững lập trường," vẫn "cách mạng." Lúc đầu họ tưởng họ chỉ cải tạo ngắn hạn rồi Đảng sẽ "xét lại" cho về. Họ cũng ăn, ở, làm, y hệt chúng tôi, nhưng họ vẫn tự hào tuyên bố là họ "Tù khác!" làm tôi phì cười. Số phạm binh, phạm cán này khá nhiều, Ban giám thị không ưu tiên hết được. Chỉ một số nhỏ được làm văn hóa, trật tự, trực phòng, toán trưởng các toán... Những năm đầu, chúng tôi khổ với họ. Những cuộc họp trong toán thường do họ điều khiển. Những phương pháp kiểm điểm, phê bình, tố giác, chụp mũ họ sử dụng thô bỉ, ểu cáng hơn ngoài xã hội nhiều! Nhưng rồi ba năm, sáu năm, chín năm... Ăn hết "lệnh" này tới "lệnh" khác, vẫn tù (lệnh là "lệnh tập trung," ba năm một lệnh). Họ uất ức, lên án chế độ thậm tệ, và... đi cùm, tỉnh dần dần. Công bằng mà nói, cũng có một số phạm binh, phạm cán có tư cách, không cáo cò, không hành hạ bạn tù, mà thông cảm với số phận oan khổ của mọi người. Họ nhận thức được họ cũng cùng một kiếp, cũng là nạn nhân cả, không có "Tù khác" gì hết! Làm Ăng ten mà tù miền Bắc chúng tôi gọi là Béc giê, thành phần nào cũng có: Tư sản, địa chủ, công nông, sĩ quan, binh lính, viên chức thời chính phủ quốc gia Bảo Đại, trí thức... Chỉ riêng những người Công giáo, Phật giáo, những linh mục, tu sĩ, nhà sư là rất hãn hữu. Điều này chứng tỏ Tôn giáo là vô cùng hữu dụng trong việc duy trì nhân phẩm, đạo đức loài người!

Phùng Cung là một trong số rất ít những kẻ "Cờ đỏ đẻ, cờ đỏ nuôi" nhìn suốt vấn đề, dứt khoát với Đảng với chủ nghĩa Mác Lê khá sớm. Nhiều đảng viên do tù tội lâu cũng chán Đảng, Bác. Nhưng tâm trạng họ vẫn là tâm trạng "Dẫu lìa ngó ý, còn vương tơ lòng." Anh Cung tâm sự với tôi là phải trải qua nhiều năm suy tư, nhận xét, phân tích nghiêm túc, anh mới khai tử được chuỗi mơ hồ, mới làm nổi những câu thơ như:

Ngộ độc rồi, lại chuốc độc lẫn cho nhau!

Độc đây là chủ nghĩa Mác Lê, là thiên đường Cộng Sản đầy ảo ảnh huyền hoặc như "Làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu," "Thế giới đại đồng không còn biên giới," "xã hội không còn giai cấp, không còn người bóc lột người," mọi bất công, áp bức đều tan biến, chỉ còn lao động sáng tạo và thương yêu. Để đi tới cái tương lai lấp lánh đó thì bạo lực phải là bà đỡ của cách mạng giai cấp vô sản phải là kẻ đào mồ chôn giai cấp hữu sản, nông dân phải đạp đầu địa chủ xuống bùn đen vạn kiếp, Đảng Cộng Sản phải là Đảng duy nhất lãnh đạo, Đảng kiểu mới, phải có nền chuyên chính bằng thép; văn hóa, nghệ thuật, giáo dục chỉ có một nhiệm vụ duy nhất là xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, nhà văn, nhà thơ phải là "kỹ sư tâm hồn," trái tim của nghệ sĩ phải thuộc về Đảng, phải coi tôn giáo là thuốc phiện, là phản động, và như Lê Nin nói: "Không thừa nhận một thứ đạo lý nào khác. Cái gì có lợi cho Đảng, cái đó là đạo lý," "kẻ nào không đi với chúng ta, kẻ đó là kẻ thù," "chúng ta không xoa đầu kẻ thù, mà chúng ta phải bóp vỡ sọ chúng!" Đến nỗi Maxim Gorki phải kêu lên:

"Nếu quan niệm đơn giản như thế, thì mọi giá trị bị phá hủy hết!"

Nhiều người nhiễm độc nặng đến nỗi như bị quỷ ám, không nhận ra rằng họ đương xây con đường lên cái chân trời Cộng Sản mù mịt đó bằng thây người, bằng nước mắt, mồ hôi, rớt rãi, cơ hàn, chiến tranh, lao tù, gian dối, thủ đoạn tàn bạo, bằng ngu tối, vô luân, vô sỉ, bằng nô lệ kềm kẹp, bằng hủy diệt tất cả những gì mang tính người! Chẳng khác gì muốn là một bữa tiệc ngon mà dùng toàn đồ thiu thối, đầy ròi bọ, đầy chất độc. Phật, Chúa, Khổng Tử đều mong muốn nhân loại "yêu

thương nhau," "hỉ xả từ bi," "bốn bể là anh em," và răn mọi người phải tu thân, phải làm điều thiện, phải có lòng lành ngay cả trong những việc nhỏ nhặt hàng ngày. Tóm lại là phải tu nhân tích đức. Cộng sản lại coi những khuyến dụ đó là ru ngủ, là mê tín, là phản động, lạc hậu.

Từ đầu thế kỷ này, Lê Nin đã ngây thơ khẳng định rằng chế độ tư bản đang giẫy chết. Y hẳn không ngờ rằng nó giẫy gần một thế kỷ rồi vẫn không chết, mà ngày càng cường tráng. Còn chế độ của y và Đảng y dầy công dựng lên thì chỉ ra đời mới có bảy mươi năm đã chết không kịp giẫy! Các triều đại phong kiến của một dòng họ cũng kéo dài 500 năm, 400 năm, 300 năm, 200 năm; chế độ tư bản cũng hình thành mấy thế kỷ rồi mà vẫn đầy sức sống. Tại sao chế độ Mác Lê lại chết yểu như vậy? Chính vì tính chất **Phi Nhân** của nó!

Phùng Cung vốn là tín đồ Mác Lê, nhưng anh lại gọi chủ nghĩa Mác Lê là "học thuyết King Cobra," lại nhận xét về Đảng tính như thế này:

Tổ chức rèn bằng được cho tôi thú tính.
Bước quá độ vững vàng để tiến lên Đảng tính!

Để tẩy hết được chất độc, cho tâm hồn trong sáng, anh đã phải treo xác mình lên cửa quan biến hóa, như mấy câu thơ rất triết lý trong bài Dòng Sông của anh đã nêu rõ:

Trong sông, những giọt nước nhỏ nhoi, tôi con của vô tận
Buổi du hành, lòng vương sầu xứ
Nguyện treo xác mình lên cửa quan biến hóa
Hẹn bước trở về trong sáng ngàn thu...

Giống như Khuất Nguyên, Phùng Cung vấn thiên:

Nhà thơ hỏi Không Trung
Hỏi đủ ba lần
Cả ba lần đều được trả lời bằng một mầu xanh bất tận!

Để đi tới một kết luận, Phùng Cung thường phải suy nghĩ gian nan lắm. Anh nói bằng một hình tượng dân gian rất quen thuộc, nhưng dưới ngòi bút anh trở thành mới lạ:

Mỗi ý nghĩ trong ta đều trải qua lặn lội
Như phận chiếc cò lặn lội trong phong dao...

Nằm trong tù, anh thấm hiểu rằng nuôi nấng anh, dạy anh làm người là người mẹ đầy yêu thương, đầy nghị lực, chứ không hề phải là Đảng, Bác:

Mồ hôi mẹ tháng ngày đăm đăm nhỏ giọt
Con níu giọt mồ hôi, đứng dậy làm Người.

Hai câu thơ này, cũng như nhiều câu thơ khác của Phùng Cung, bộc lộ rõ tài sáng tạo chữ, sáng tạo hình tượng nghệ thuật của anh. Những chữ *đăm đăm*, *níu*, toàn là những chữ bình thường hàng ngày, nhưng dùng đúng chỗ, đắc địa, chúng trở thành độc đáo, gợi cảm vô cùng: Hình ảnh người Mẹ lao động cực nhọc, lầm lũi, bền bỉ, năm này qua năm khác. Người con bé bỏng níu vào giọt mồ hôi đăm đăm chảy xuống của Mẹ, mà đứng dần lên khôn lớn làm người, diễn tả một cách xúc động công lao dưỡng dục trời biển của Mẹ. Một hôm, tôi hỏi anh Cung:

"Anh có hối hận vì đã theo Đảng kháng chiến chống Pháp không?"

Anh trả lời ngay lập tức. Chắc anh đã suy ngẫm nhiều về điều này:

"Theo Đảng thì hối hận. Kháng chiến chống Pháp thì không."

Tôi cười:

"Chống sự đô hộ của ngoại quốc là đúng. Nhưng nó chỉ được gọi là đúng khi thắng Pháp rồi, cuộc sống phải tốt đẹp hơn. Nếu anh biết trước cuộc sống người dân lại khốn nạn hơn nhiều lần thời Pháp thuộc, về cả vật chất lẫn tinh thần, thì anh có tham gia kháng chiến không? Thoát khỏi chiếc chảo bỏng để rơi thẳng vào than lửa, anh không hối hận sao? Tôi kính phục tinh thần yêu nước của dân mình khi dám hy sinh tất cả để giành độc lập. Nhưng dân mình đã bị lừa gạt, phản bội. Bị lừa phản ê chề như thế mà anh không hối hận? Nhìn cuộc sống trần trụi đểu cáng, khủng khiếp bây giờ, tôi đã tự hỏi:

Phải chăng đó giá công lao huyết hãn
Mấy ngàn ngày đánh Pháp những năm xưa?

Cuộc khởi nghĩa của Lê Lợi kéo dài 10 năm cũng hy sinh, gian truân lắm! Nhưng nếu Lê Lợi bằng xương máu của dân, thắng quân Minh, lại thiết lập một triều đại tàn bạo hơn cả quân Minh thì lịch sử đánh giá Lê Lợi là có công hay có tội? Lê Lợi được coi là anh hùng dân tộc hay bạo chúa vô song? Giả thử những Phạm Văn Xảo, Trần Nguyên Hãn, Nguyễn Trãi sống lại, tôi sẽ hỏi các vị đó là nếu biết trước bị chặt đầu, bị chu di tam tộc bởi chính cái triều đình mà các vị là khai quốc công thần, các vị có vào Lam Sơn tìm Lê Lợi không? Hay các vị đã tìm nơi ẩn cư? Dù cuộc nổi dậy chống Minh là chói lòa chính nghĩa, người dân có cuộc sống tốt đẹp hơn nhiều dưới thời Minh Triều cai trị...

"Nhưng..."

Anh Cung định nói. Tôi giơ tay ngăn lại:

"Anh đừng trả lời ngay. Đây chỉ là một ý kiến. Anh hãy suy ngẫm cái đã."

Trong cuộc đời tù 27 năm của tôi, tôi chơi với nhiều phạm binh, phạm cán. Nhiều bạn tù không bằng lòng về sự giao thiệp này. Tôi nghĩ họ chỉ là những công cụ mù quáng của Đảng, cần phải soi sáng cho họ bằng những lý lẽ xác đáng, vô tư. Hơn nữa, có thực quyền quyết định tới vận mạng dân tộc chỉ có mấy chục tên trong bộ chính trị, trong ban bí thư. Tội lỗi với Tổ quốc cũng chỉ những tên đó là **Chính Phạm**. Vả lại, đã vào tù, thời những công cụ mù quáng kia đã trở thành nạn nhân, một điều kiện rất thuận lợi để giúp họ nhìn rõ sự thực mà họ đã thấp thoáng nhận thấy. Tại sao lại phải xa lánh họ? Nhất là khi lẽ phải ở về phía ta? Các cụ ngày xưa đã chẳng bảo là "Nói phải củ cải cũng phải nghe." Huống chi họ cũng là người, dù ngộ độc nặng! Trừ những tên tay sai đắc lực có nợ máu đã trở thành đao phủ của dân lành. Trừ những kẻ quyền uy nghiêng ngả hưởng thụ thừa mứa đã biến thành Yêu, thành Quỷ! Chỉ những kẻ không thể gọi là người được nữa, mới có thể ra những nghị quyết bắn bỏ hàng vạn dân vô tội, tù đầy không xét xử hàng bao nhiêu vạn người lương thiện, phá tan nát bao gia đình, đẩy hàng triệu thanh niên nam nữ đi chết vùi chết giập trong giải Trường Sơn, nhằm mục đích xây dựng một nước Việt Nam thống nhất trong lao ngục, xiềng xích, cơ hàn, tối tăm. Tôi thường trao đổi những suy nghĩ như vậy với Phùng Cung, với các bạn khác. Chẳng ai đánh giá tôi là cực đoan. Một số người còn coi tôi là quá dung thứ!

Một hôm Phùng Cung mỉm cười nói với tôi:

"Mình vừa làm xong một bài thơ hiện thực kiểu Thiện làm. Nghe thử xem."

Anh đọc một bài thơ dài đến hơn 30 câu. Tôi yêu cầu anh đọc lại cho tôi nghe tới ba lần. Tôi lắc đầu:

"Tôi cũng thích giọng thơ của anh lắm. Tôi đã cố thử mãi, nhưng không ổn. Anh cũng không nên nhảy vào lĩnh vực của tôi. Chúng ta hãy phát huy cái sở trường của riêng mỗi người. Như thế đỡ phí công vô ích."

Thấy Phùng Cung không vui, tôi nói thêm:

"Văn, và nhất là Thơ, nó là Người, anh ạ. Chúng ta đọc thơ Nguyễn Du, Tú Xương, Xuân Hương, Yên Đỗ, chúng ta thấy như được sống gần gũi thân thiết với họ. Chúng ta có thể hình dung nổi được tính khí của từng người, từ cái đằng hắng, cái lườm, cái ho, cái cười khẩy, từ điệu bộ, giáng dấp, thái độ, phong cách ăn nói, đi đứng, cảm xúc, rung động của họ. Không ai giống ai. Chẳng hạn như anh, tôi trước có gặp anh bao giờ đâu, ảnh cũng không thấy. Chỉ vì đọc "Con ngựa già" của anh, nên khi nhìn thấy anh, tôi nhận ra ngay. Thậm chí cùng một bài thơ mà phong cách tác giả khác, phong cách dịch giả khác. Như Tỳ Bà Hành của Bạch Cư Dị và bản dịch của Phan Huy Vịnh. Đọc ta thấy hai người khác hẳn nhau. Thí dụ như mấy câu:

Cùng một lứa bên trời lận đận
Gặp gỡ nhau họ sẵn quen nhau
Từ xa Kinh khuyết bấy lâu
Tầm Dương đất trích gối sầu hôm mai

Dịch vừa sát ý vừa chau chuốt, đẹp. Nhưng không phải là Bạch Cư Dị nữa, mà là Phan Huy Vịnh, một nhà nho hiền lành, đa cảm, ủy mị. Trong khi nguyên văn:

Đồng thị thiên nhai luân lạc nhân
Tương phùng hà tất tằng tương thức
Ngã tùng khứ niên từ đế kinh
Trích cư ngọa bệnh Tầm Dương thành.

Tôi dịch từng chữ để anh thấy:

Cùng là kẻ lưu lạc nơi chân trời
Gặp nhau hà tất phải từng biết nhau
Ta từ năm trước rời Đế Kinh
Làm kẻ lưu đầy nằm ốm ở thành Tầm Dương này

Những câu thơ đầy khí phách của một chí sĩ, được tinh thần tứ hải giai huynh đệ, bi nhưng hùng, khác hẳn với họ Phan. Nhiều nhà phê bình Trung Quốc không cảm nhận được cái hồn của họ Bạch, liều lĩnh nói thơ ông là bạch thoại, thơ để các chị vú em đọc, gần bốn nghìn bài thơ của ông không có tới một gram chất thơ! Còn Xuân Diệu nữa, anh biết là một tay Pédé chứ? Đọc thơ hắn là rõ ngay!"

"Sao, thơ hắn cũng lộ ra là Pédé à?"

"Đây nhé:

Chớ đạp hồn em, trăng từ viễn xứ
Đi khoan thai lên ngự đỉnh trời tròn

Anh có thấy giáng điệu ẽo ợt của một tay đồng cô không?

Phùng Cung cười tít cả mắt:

"Đúng quá, không sai tí nào!"

"Còn nhiều nữa, như:

"Con đường nhỏ nhỏ, gió xiêu xiêu
Lả lả cành hoang, nắng trở chiều

Anh có thấy nó lả lơi, õng ẹo không? Có tí gì là đàn ông đâu!

(Còn tiếp)

ĐI TÌM NGUỒN GỐC ĐỊA DANH LITTLE SAIGON

PHỤNG NGHI

I. Người Việt tại Hoa Kỳ

Năm 1980, theo Đạo luật tị nạn (Refugee act of 1980), Hoa Kỳ đã chính thức cho người Việt được nhập cư tị nạn tại nước họ dưới ba hình thức:

- Chương trình ra đi có trật tự (The orderly departure program, ODP).
- Chương trình tái định cư tù nhân chính trị (The special release reeducation center detainee resettlement) mà dân ta thường gọi là chương trình HO (Humanitarian operation).
- Chương trình đoàn tụ con lai (The Amerasian homecoming program).

Theo các tài liệu khái lược, số người Việt đến định cư trên toàn nước Mỹ, từ trước đến nay, được ghi nhận như sau:

Trước năm 1950: Dưới 500 người.
Năm 1974: 26,000 người.
Năm 1994: 900,000 người.
Năm 1997: 1,000,000 người.

II. Người Việt tại Quận Cam (Orange County)

Đến cuối năm 1994, người Việt định cư tại tiểu bang California vào khoảng 350,000 người, tức trên 40% số người Việt cư ngụ trên toàn nước Mỹ. Riêng tại Quận Cam, có khoảng 106,000 người Việt.

Tại Quận Cam, người Việt là sắc tộc đứng hàng thứ nhì, sau người da trắng (78.60%). Sau dân Việt là các sắc tộc Mễ Tây Cơ, Trung Hoa, Phi Luật Tân, Nhật Bổn, Hàn Quốc, Cam Bốt, Lào. Người Việt sống tập trung nhiều nhứt tại ba thành phố: Westminster, Garden Grove, Santa Ana.

Westminster là nơi tập họp nhiều nhất các cơ sở kinh doanh và dịch vụ của người Việt. Trong vài khu thương mại của người Việt tại thị xã này, chẳng hạn như Phước Lộc Thọ, Asian Village, Bolsa, Little Saigon..., không thấy có tiệm buôn hoặc một cơ sở kinh doanh nào của người Mỹ. Nếu bạn không nói được tiếng Anh, bạn cũng có thể thoải mái đi mua sắm tại những nơi vừa kể, vì mọi người đều nói chuyện với nhau bằng tiếng Việt, y hệt như những đồng bào ta đang ở nước nhà. Nếu bạn giàu óc tưởng tượng, bạn có thể ví như là bạn đang dạo chơi ở một khu thương xá nào đó ngay tại thành phố Sài Gòn. Một vài người Mễ, bán trái cây (bom, nho, cam...) ở "chợ trời" trong khu vực có đông người Việt, đã bập bẹ vài tiếng Việt để chào hàng và mua bán với các khách hàng người Việt.

Người Việt kinh doanh đủ ngành nghề. Nhiều nhứt là nhà hàng, tiệm ăn sáng (phở, cơm tấm...) và tiệm cơm với thức ăn mang đi (Food to go). Các ngành khác là: báo chí, nhà in, nhà xuất bản, hiệu sách, nhà thuốc Tây, phòng mạch bác sĩ, nha sĩ, văn phòng luật sư, bảo hiểm, thẩm mỹ viện, bán và sửa chữa xe hơi, bàn ghế trang trí nội thất, dịch vụ du lịch, dọn nhà, chuyên chở...

III. Nguồn gốc địa danh Little Saigon

Vào năm 1986, vấn đề tị nạn của người Việt tại tiểu bang California là đề tài thường xuyên của hai tờ báo *Orange County Register* và *Los Angeles Times*. Các nhà báo của hai tờ nhựt báo này thường dùng cái danh xưng "Little Saigon" (Tiểu Saigon) mỗi khi đề cập đến cộng đồng người Việt đang tập trung đông đảo nhứt tại Quận Cam, so với các địa phương khác trên toàn nước Mỹ. Đó là một cách nói, vừa sáng tạo, vừa ngẫu hứng, để so sánh cái cộng đồng nhỏ bé của người Việt ở đây đối với

thủ đô Sài Gòn của miền Nam Việt Nam trước ngày 30-4-75 ở tận bờ bên kia của Thái Bình Dương. Rất tiếc là không ai biết đích xác danh tánh của nhà báo Mỹ đã khởi xướng ra cái tên "Little Saigon."

Từ danh xưng mà các nhà báo đã đặt ra đầu tiên, một nhóm người Việt có tâm huyết, trong một buổi họp phát triển cộng đồng tại Quận Cam, nảy ra ý nghĩ tìm một cái danh xưng cho địa phương mà mình đang tạm dung. Có người đề nghị nên lấy tiếng "Việt Nam," nhưng nghe có vẻ "lớn" quá. Một người khác đề nghị, nên gọi "Asian town," để phân biệt với Chinatown, Koreantown. Cuối cùng, cái tên "Little Saigon" "nghe rất hay, ai cũng thích" đã được chọn.

Sau khi có danh xưng rồi, vấn đề gay go và gian khổ nhứt là việc hợp pháp hóa cái địa danh đó. Do đó, "Ủy ban phát triển Little Saigon" được thành lập để vận động hoàn thành mục tiêu. Ủy ban gồm có 46 ủy viên và những vị thường được nhắc đến là ông: Phạm Đình Tuân (Chủ tịch), Phạm Văn Phổ (Tổng Thư ký), Phạm Thanh Liêm, Nguyễn Tư Mô, Trần Đức Thanh Phong, Đỗ Ngọc Yến, Phùng Minh Tiến, Nguyễn Xuân Tùng, Nguyễn Hữu Bảo, Frank Jao (Triệu Phát), Tony Lam...

Ủy ban, vận động ngành Lập pháp, Tiểu bang California, được 18 dân biểu và nghị sĩ ký tên ủng hộ bản kiến nghị gởi lên Thống đốc George Deukmejian. Cuộc vận động được diễn tiến ba giai đoạn:

1. Đầu tiên, ngày 9-2-1988, ông Chuck Smith, Thị trưởng Westminster, đã chấp thuận cho một đặc khu thương mại tại thị xã này được mang tên "Little Saigon." Trước đó, có một số người địa phương phản đối cái tên "Little Saigon" và đề nghị nên lấy một trong ba cái tên Chinatown, Asian village hoặc Asiantown, với lập luận là tại đây có nhiều dân tộc Á Đông, chứ không phải chỉ có dân Việt mà thôi. Tuy nhiên, phía người Việt quyết liệt giữ lập trường của mình, cho rằng cái tên "Little Saigon" có một ý nghĩa chính trị đối với người Việt. Cộng sản Việt Nam đã xóa cái tên Sài Gòn ở Việt Nam, và nay cái tên "Little Saigon", ở một địa phương đã qui tụ đông đảo người Việt trên đất Hoa Kỳ này, là tượng trưng cho nước Việt Nam tự do. Phía Lập pháp bang California, trong đó có một số dân biểu và nghị sĩ Hoa Kỳ thuộc đảng Cộng Hòa vốn có lập trường chống Cộng, đã mạnh mẽ ủng hộ ý kiến của người Việt nên cuối cùng, danh xưng Little Saigon được thị xã Westminster công nhận.

Ngày 17-6-1988, Thị trưởng Westminster, Chuck Smith, cử hành một buổi lễ, dưới sự chủ tọa của Thống đốc Tiểu bang California, George Deukmejian, trong khu thương xá Phước Lộc Thọ, để chánh thức công nhận địa danh Little Saigon. Hiện diện trong buổi lễ có các ủy viên trong Ủy ban phát triển Little Saigon. Người Mỹ và người Việt tị nạn xem ngày 17-6-1988 là ngày "khai sanh" của Little Saigon trên toàn nước Hoa Kỳ.

2. Kế tiếp là cuộc vận động với Bộ Giao Thông tiểu bang California (Cal Trans) để thực hiện các bảng tên "Little Saigon" hướng dẫn về các ngõ ra (exit) trên hai xa lộ 22 và 405.

3. Cuối cùng là cuộc vận động với ngành du lịch tiểu bang California và cơ sở bản đồ Thomas Guide để ghi địa danh "Little Saigon" lên bản đồ khu vực của địa phận Orange County.

IV. Địa danh Sài Gòn và Little Saigon trong cuộc sống

Hiện nay, dân Việt tị nạn, tại Hoa Kỳ nói chung và tiểu bang California nói riêng, hằng ngày được nghe và thấy hai địa danh Sài Gòn và Little Saigon ở khắp mọi nơi chung quanh mình. Chúng tôi xin lược kê một vài thí dụ tiêu biểu:

1. Báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình, mạng lưới điện toán toàn cầu (internet):

- Sài Gòn Nhỏ (The Little Saigon news), Saigon Post, Little Saigon Television, Little Saigon Radio, Saigon Net and Radio, Sài Gòn Radio Hải Ngoại, Người Việt, Viễn Đông Kinh Tế Thời Báo...

2. Siêu thị:

- Little Saigon Supermarket, Sài Gòn Mới Supermarket...

3. Hiệu buôn, công ty:

- Little Saigon Traffic School, Little Saigon Insurance, Little Saigon Restaurant...

Nếu làm thống kê, thì có thể hàng trăm nhà doanh nghiệp người Việt đã sử dụng hai địa danh Sài Gòn và Little Saigon để đặt tên cho công ty và hiệu buôn của mình.

Nhờ thế, Sài Gòn, tên một thành phố lớn vào bậc nhất nước Việt Nam và có một lịch sử nhiều thế kỷ, dù bị khai tử ngay tại quê hương của nó, nhưng vẫn tiếp tục tồn tại trong đời sống người Việt trên khắp thế giới. □

MẸ

Linh cữu của bà được đưa trên một xe cứu thương đơn giản, trên cửa kính viết một chữ: MẸ - Mother. Khi thi hài bà tới nhà thờ Thánh Tô Ma ở Calcutta, chỉ có mấy ngàn người đứng đón chờ, âm thầm nhỏ lệ. Một tuần lễ trước đó, công nương Diana được hàng triệu người tiễn đưa, trên linh cữu các con bà cũng viết một chữ Mommy - Mẹ.

Bà Agnes Gonxa Bojaxhiu sinh ra ở Skopje, trước đây 87 năm còn thuộc nước Albania, nay là thủ đô xứ Macedonia. Nhưng cả thế giới biết đến bà dưới tên Mẹ Têrêsa, và bây giờ nhiều người Ấn Độ chỉ gọi bà bằng một danh hiệu đơn giản: Mẹ.

Người ta không khỏi so sánh sự tiếc thương dành cho Mẹ Têrêsa và cho Công nương Diana. Các cậu con trai đã dùng tiếng gọi thân mật "Má ơi" để gửi cho mẹ mình, nhưng tiếng Mẹ dành cho Mẹ Têrêsa mang ý nghĩa rộng rãi hơn: tất cả mọi người, dù thuộc chủng tộc hay tôn giáo nào cũng có thể gọi bà là Mẹ, Mother.

Hai người sống và chết khác nhau. Công nương Diana nổi tiếng nhờ địa vị trong hoàng tộc Anh, nhờ sắc đẹp, vẻ khả ái nhưng cũng được quần chúng ngưỡng mộ về các công tác từ thiện của cô. Cô rất xứng đáng với lòng tiếc thương của hàng triệu người Anh đi dự đám tang, 50 triệu người Mỹ theo dõi đám tang trên vô tuyến truyền hình. Nhưng chỗ đứng của cô trong lòng mọi người gắn liền với vai trò mẹ một vị vua tương lai, với một định chế lâu đời là Hoàng gia Anh mà nhiều người chê là xa cách dân chúng. Cô Diana đã bù đắp vào chỗ thiếu sót đó. Cô vượt khỏi các nghi lễ và khuôn khổ tập tục chật hẹp, đi xa hơn bổn phận của một Công nương. Trong những việc thiện cô làm, cô có những cử chỉ tự nhiên khiến người ta cảm thấy tấm lòng thành, niềm sót thương chân thật. Như khi đi thăm xứ Angola, cô ôm trong lòng đứa trẻ da đen bị cụt chân vì mìn bẫy. Hay khi cô cầm tay một bệnh nhân bị bệnh Aids, giúp bao nhiêu bệnh nhân khác hết cảm tưởng bị đời hắt hủi.

Mẹ Têrêsa ngay từ khi trở thành một nữ tu năm 16 tuổi đã sống một cuộc đời giản dị. Trong khi những cái áo dạ hội của Diana đem bán đấu giá hàng trăm ngàn Mỹ kim, thì cho đến lúc qua đời mẹ Têrêsa chỉ mặc một bộ đồ nữ tu. Tài sản của bà, cuối cùng vẫn chỉ có một cuỗi tràng hạt và bộ quần áo, áo bà mặc không bao giờ đắt hơn một Mỹ kim. Cô Diana cũng tượng trưng một cuộc đời đầy đau khổ về tinh thần, còn mẹ Têrêsa luôn luôn là biểu tượng của sự bình an, trong đức tin và trong cuộc đời tận tụy hy sinh cho người nghèo khó. Mười năm nữa nhiều người có thể còn nhắc đến Diana, nhưng Mẹ Têrêsa sẽ sống mãi mãi ở Ấn Độ, trong lịch sử Giáo hội Công Giáo La Mã, và lịch sử loài người. Công trình Mẹ để lại có 500 bệnh viện ở 100 quốc gia, nhưng tấm gương của Mẹ được ghi nhớ muôn đời mới đáng kể.

Ông Philip Lawler, chủ biên tạp chí *Thế giới Công giáo - Catholic World Report* gọi cuộc đời Mẹ Têrêsa là "Một cuộc đời thuần khiết." Ông hỏi "Bí quyết của người đàn bà nhỏ thó đầy sức mạnh này là gì? Đó là tính Thuần khiết của bà - tính thuần khiết của trái tim và của cuộc đời có mục đích..." Ngay cả khi tiếp xúc với các nhà lãnh đạo thế giới, bà nói những lời thẳng thắn, giản dị, lễ độ và khiêm tốn; nhưng bà yêu cầu họ đóng góp cho các việc thiện bằng những lời rất cương quyết.

Mấy giờ trước khi Mẹ Têrêsa qua đời, tài tử Michael Douglas nói trên đài truyền hình, ông nhận xét về việc giới truyền thông tường thuật về cái chết của Diana quá nhiều, và tự hỏi báo chí và truyền hình sẽ tường thuật về cái chết của một người như Mẹ Têrêsa như thế nào.

Khi được tin Mẹ Têrêsa qua đời, một ngày trước đám tang Diana, nhiều đài truyền hình và báo chí ở Mỹ đã phân vân không biết nên dành cho tin nào nhiều thời giờ và trang giấy hơn. Trong đêm Thứ Sáu đó, chỉ có đài ABC

đem tin Mẹ Têrêsa tạ thế lên hàng đầu, còn các đài toàn quốc khác đều vẫn tiếp tục coi tin về cái chết của Diana là tin chính. Tuần lễ đó, hai tuần báo *Time, Newsweek* ở Mỹ cũng chỉ đăng hình Diana lên bìa (liên tiếp trong hai số.) Báo *Time* dành cho nàng hơn 12 trang, trong khi chỉ có 2 trang cho tin Mẹ Têrêsa qua đời.

Có lẽ việc loan tin sơ sài cũng thích hợp với cuộc đời giản dị của Mẹ Têrêsa. Bà bước vào tu viện với lời nguyện sống nghèo khó, và người phụ nữ đồng trinh này đã trở thành Mẹ của biết bao nhiêu triệu người. Bà sẽ sống mãi trong trái tim nhân loại, như hình ảnh một bà mẹ thuần khiết mà tất cả chúng ta mong ước được yêu thương.

DIANA VÀ PAPARAZZI

Người em của Công nương Diana nói ông vẫn nghĩ có ngày các nhà báo sẽ làm chết em ông, nhưng ông không ngờ họ lại can dự trực tiếp vào cái chết của nàng như vậy. Huân tước Spencer kết tội, "Tất cả các chủ báo, các vị chủ biên của những tờ báo đã trả tiền mua các bức hình xâm nhập và khai thác đời tư của Diana, khuyến khích những nhiếp ảnh gia tham lam và tàn nhẫn dùng đủ cách để săn lấy hình của nàng, bàn tay của họ đều vấy máu."

Nước Anh có lẽ là nơi mà các tờ "báo chợ" phát triển cao nhất. Những tờ báo khổ nhỏ gọi là *tabloid* này ở Mỹ cũng nhiều, và họ chuyên khai thác đời tư của các nhân vật danh tiếng, các chính khách, các nhà tỷ phú, và đặc biệt là các tài tử và ca sĩ. Những tờ báo chợ ở Anh có một đề tài không bao giờ cạn là những nhân vật trong hoàng gia. Tháng Bảy, các báo *Mirror* ở Anh, *Voici* ở Pháp và *Die Aktuelle* ở Đức đều đăng hình cô bận áo tắm và đặt câu hỏi phải chăng công nương đang có thai.

Báo chí thế giới đều lên án các hành động săn tin giật gân sau khi cô qua đời. Báo *The Asian Age* ở Ấn Độ loan tin Diana tử nạn với tựa đề "Các con kên kên săn đuổi Diana đến chết." Các nhật báo ở Thái Lan cũng đặt câu hỏi về vai trò của nhà báo, đặc biệt là trách nhiệm của các nhiếp ảnh gia săn hình giật gân (paparazzi) về cái chết của nàng công chúa. Báo chí ở Nhật Bản hãnh diện viết rằng những vụ săn tin làm chết người như vậy không thể xảy ra ở nước họ được. Lúc đó chưa có tin về độ rượu trong máu anh tài xế lái xe cho cô.

Không phải chỉ có các báo rẻ tiền chuyên loan tin giật gân mới mua các bức hình hấp dẫn về các nhân vật nổi tiếng. Những tờ báo được coi là đứng đắn như *Paris Match* ở Pháp, *People* ở Mỹ cũng bỏ tiền mua và in những hình Diana hôn người tình gốc Ai Cập trên du thuyền. Sở dĩ có những tờ báo tranh đua nhau mua, đăng hình giật gân những người danh tiếng trước hết là vì có độc giả tìm mua, đọc và coi hình.

Liệu người ta có thể dẹp bỏ tất cả các tờ báo lá cải và các phóng viên, nhiếp ảnh viên săn tin giật gân được không? Hỏi vậy cũng giống như hỏi có nên bắt mọi người đều hớt tóc ngắn hay cấm không được mặc "quần không đáy" hay chăng. Chúng ta chỉ có thể làm điều đó nếu áp dụng chế độ kiểm duyệt. Những tờ báo chợ sẽ biến mất, các nhà báo rẻ tiền sẽ đổi nghề khi không có độc giả nào thèm đọc, các chủ báo đi đầu tư vào việc khác.

Nhưng liệu chúng ta có thể làm biến mất thói tìm nghe tin giật gân, thú vui tội lỗi khi đọc các lời đồn đại mà mình biết là dối trá, của độc giả các báo lá cải được không? Ý muốn đó, cũng như bao dự án "cải tạo nhân loại" khác, sẽ chỉ dẫn đến các chế độ độc tài,. Mà kết quả sẽ còn gây thêm các tội ác kinh khủng hơn cái thói xấu đọc báo lá cải.

Việc soạn thảo một đạo luật cấm xâm phạm đời tư của các nhân vật công cộng liệu có ích lợi không?

Những tờ báo "đứng dắn" ở Anh, các đài truyền thanh và truyền hình đã kêu gọi làm thêm luật để ngăn cản việc xâm phạm đời tư. Nhưng nước Pháp là nơi có luật lệ nghiêm khắc nhất để bảo vệ đời tư, và chính các bức hình của cặp tình nhân đã được chụp tại bờ biển nước Pháp, và cũng tại thủ đô Pháp mà Công nương Diana đã bị săn đuổi khi tử nạn. Thật ra người ta chỉ cần áp dụng các luật lệ hiện có sẵn cũng đủ, làm thêm luật mới chưa chắc đã ích lợi hơn. Các nhà nhiếp ảnh ở Paris bị bắt, còn bị truy tố về tội gặp người bị tai nạn sắp chết mà không cứu, theo luật lệ Pháp. Nếu muốn làm luật cấm đăng hình sinh hoạt tư của các nhân vật nổi tiếng, thì điều luật đó cũng khó thi hành khi qua nhiều nhân vật muốn được nhà báo chiếu cố.

Cuối cùng chúng ta chỉ có thể trông cậy nơi lương tâm và lương tri của người làm báo cũng như độc giả. Mùa hè qua, báo Paris Match đăng nhiều bức hình về cuộc nghỉ hè của Tổng thống Chirac, với con gái và cháu ngoại của ông. Nhà báo đã tự kiềm chế, không

in hình nào cho thấy rõ mặt của đứa cháu ngoại tổng thống Pháp, theo lời yêu cầu của người mẹ sợ quân khủng bố hay kẻ gian sẽ tìm bắt cóc. Độc giả của tờ báo này chắc không ai than phiền vì thiếu hình đứa bé nhìn từ trước mặt. Báo chí chỉ là phản ảnh của trình độ độc giả mà thôi.

Chúng ta sống trong một thế giới không hoàn hảo, và chúng ta chỉ có thể hy vọng mỗi người tu thân, tự kiểm soát các hành vi của mình để cả xã hội tốt hơn. Mọi ý định thay đổi loài người một cách tập thể, với thiện chí làm bớt các thói xấu của cá nhân đều gây tai hại cho loài người, nhiều hơn là tai hại do chính các thói xấu đó cộng lại.

[Paparazzo là tên một nhà báo trong phim *Dolce Vita*, nay dùng số nhiều để chỉ các nhiếp ảnh gia săn hình giật gân. Báo chợ là các báo thường bày bán ở chỗ tính tiền tại siêu thị. các báo này sống bằng số bán hơn bằng quảng cáo, và độc giả thường quyết định mua chỉ vì bìa đăng một cái tựa giật gân, có hình.]

XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG VÒNG 100 NĂM

Người Mỹ tánh nóng nảy hấp tấp, họ thường hay quảng cáo "Đại hạ giá tới 80%! Chỉ có một ngày Thứ bảy này thôi, mua ngay kẻo lỡ!"

-làm như sang ngày Chúa Nhật là tận thế rồi, ai không kịp đi mua đồ lót vào Thứ Bảy này thì hỏng cả một đời, có thể bị chồng chê, vợ bỏ.

Người Trung Hoa rất kiên nhẫn. Họ đã nghe rao hàng quảng cáo món Chủ nghĩa Xã hội từ nửa thế kỷ nay, nhưng vẫn thong thả ngồi uống trà chờ đợi. Và ông Giang Trạch Dân mới báo tin giờ chót cho nhân dân thêm phấn khởi: Trung Quốc sẽ tiến tới Chủ nghĩa Xã hội! Chỉ trong vòng một trăm năm nữa thôi.

Nghe xong, nhân dân đều lấy làm yên tâm.

Và các hội viên trong Câu Lạc Bộ Ba Đình cũng có thể yên lòng, vững tin ngày mai tươi sáng tiến tới Chủ nghĩa Xã hội. Theo ông Giang nói thì Trung Hoa đang ở vào "xã hội chủ nghĩa sơ kỳ." Muốn hiểu tại sao ông tiên đoán thời kỳ sơ khai của Chủ nghĩa Xã hội lại kéo dài đến 100 năm, chúng ta phải trở lại với sách vở của Karl Marx.

Theo Marx giải đoán thì xã hội loài người đi qua thời Phong kiến, qua thời Tư bản, rồi khi

TÌM ĐỌC

DỊCH KINH ĐẠI TOÀN

(Trọn bộ ba cuốn, dày 1500 trang)

Tác giả NGUYỄN VĂN THỌ và HUYỀN LINH YẾN LÊ

* Bộ Kinh Dịch đầy đủ, dễ hiểu nhất từ xưa tới nay.

* Có ích cho mọi lứa tuổi, mọi gia đình, sách gồm hai phần:

1. **Hình Nhi Thượng** (tập I), đối chiếu với đạo Phật, đạo Lão, đạo Khổng, giúp ta tiến tới Chân, Thiện, Mỹ.

2. **Hình Nhi Hạ** (tập II và tập III), giải thích và bình giảng các Quẻ, đặc biệt có phần **Áp dụng cho thời đại**, giúp ta giải quyết những khó khăn trong đời sống hàng ngày.

* Một **bộ sách Giáo dục** đầy nhân bản, các tủ sách gia đình không thể thiếu.

* Một **món quà quý** để tặng bạn bè, người thân, đặc biệt các dịp Đám cưới, Sinh nhật...

Giá toàn bộ ba cuốn (kể cả cước phí): Tại Hoa Kỳ 75 Mỹ Kim, các nơi khác 85 MK.

Đặt mua tại:

• Báo *Thế Kỷ 21*
11022 Acacia Parkway, # A,
Garden Grove, CA 92840, USA.
Tel: (714) 638-9510.

• *Nguyễn Quốc Bình*
9702/89 Bolsa Ave.
Wesminster, CA 92683, USA.
Tel: (714) 531-6531

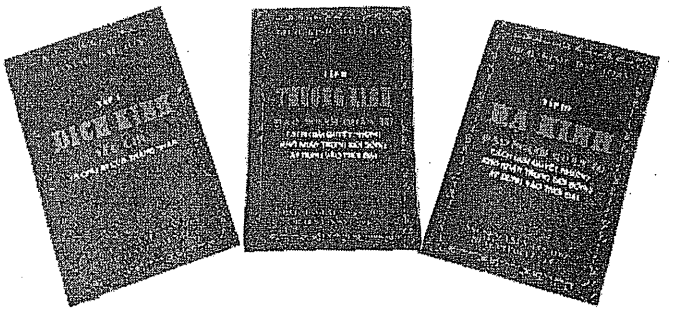

giai đoạn Tư bản đã chín mùi, nhân loại sẽ tiến đến thời Xã hội Chủ nghĩa. Cứ theo đảng Cộng Sản Trung Hoa nói thì năm 1949 nước họ còn đang ở thời kỳ Phong kiến (Ở nước ta đảng Cộng Sản Việt Nam cũng nói giống vậy.) Nói thế tức là, theo đúng lộ trình của Marx, khi từ Phong kiến bước sang Chủ nghĩa Xã hội, cần phải có một thời "qua sông" - mà trước năm 1989 ông Triệu Tử Dương đặt tên là "Thời kỳ sơ khai của Chủ nghĩa Xã hội." Nếu ghép lời Triệu Tử Dương với lý thuyết của Marx thì "thời kỳ sơ khai" này có thể gọi tên là ... chế độ tư bản.

Năm nay Giang Trạch Dân nói đi nói lại câu thần chú cũ của Triệu Tử Dương. Và ông ta xác định "sơ kỳ" này sẽ kéo dài một trăm năm.

Trước hết, Đảng Cộng Sản Trung Quốc sẽ cho các xí nghiệp tiến đến tình trạng "sở hữu công cộng." Thế nào là sở hữu công cộng? Vẫn dựa trên báo cáo của ông Giang, một hình thức sở hữu công cộng là đem bán cổ phần các xí nghiệp quốc doanh cho mọi người, qua những thị trường chứng khoán. Làm như vậy, chủ nhân các xí nghiệp không phải chỉ là một người hay một gia đình, mà là "đại chúng," ít nhất là đám quần chúng có tiền mua cổ phiếu. Khi đông đảo quần chúng đứng làm chủ các xí nghiệp thì đảng có thể yên tâm gọi đó là "Thời kỳ sơ khai của Chủ nghĩa Xã hội."

Sau khi hiểu kỹ nội dung cái thời kỳ sơ khai này, chúng ta có thể nói là nước Mỹ hiện nay cũng đang ở thời kỳ sơ khai của chủ nghĩa xã hội! Các nước Anh, Đức, Pháp, Singapore, Nhật, v.v. có thể coi là trên đường đang tiến tới Chủ nghĩa Xã hội cả! Vì ở các nước mà lâu nay vẫn gọi lầm là "tư bản" đó, đại đa số cổ phần các công ty lớn đều do đám quần chúng vô danh rất đông đảo bỏ tiền ra mua. Nhiều khi các "chủ nhân" đó quên rằng họ làm chủ. Nếu quí vị là thầy giáo ở Mỹ và có góp tiền cho Quỹ hưu bổng của các các giáo sư (gọi tắt TIAA-CREF), quí vị đâu biết là tiền trong cái quĩ này của quí vị đang đầu tư 101 tỷ Mỹ kim vào các loại chứng phiếu? (Trong đó có 2,7 triệu cổ phần công ty thực phẩm Heinz, trị giá 113 triệu Mỹ kim.) Số cổ đông phân tán rất mỏng trong đám đại chúng rất đông, và họ làm chủ một tỷ số cổ phần rất lớn, đó là "sở hữu công" theo định nghĩa của ông Giang. Như vậy thì nước Mỹ hiện nay "theo định hướng xã hội chủ nghĩa" còn đi xa hơn nước Trung Hoa nữa!

Nhưng phải mất bao nhiêu năm nước Mỹ mới tiến đến thời kỳ sơ khai này? Cứ kể từ thời tư bản hoang dã, khi các tay cao bồi thành phố và các mafia lấy thịt đè người mở ra các công ty tư bản, đến khi chế độ kinh tế được thuần hóa, có luật lệ để bảo vệ người ít tiền, người lao động, người tiêu thụ, bảo vệ các cổ đông thiểu số, những nước như nước Mỹ cũng phải trải qua hàng thế kỷ. Như vậy thì con số "100 năm sơ kỳ" mà ông Giang Trạch Dân nói đến cũng dựa vào kinh nghiệm.

Quí vị trong Câu lạc bộ Ba Đình nên công bố cho đồng bào biết thời kỳ sơ khai của Chủ nghĩa Xã hội ở nước ta cũng kéo dài một trăm năm nữa cho bà con yên tâm. Nếu kéo dài 200 năm nữa trước khi đi đến Chủ nghĩa Xã hội càng tốt, bà con sẽ yên tâm hơn. Điều mà bà con sợ lo là ngay ngày mai đã thấy Chủ nghĩa Xã hội đến trước cửa như hồi 1976 ở Sài Gòn!

KHI BÁO CỘNG SẢN THÚ NHẬN

Trong tháng qua, sau khi báo *Nhân Dân* đăng bài bình luận các biến động ở Thái Bình, nhật báo *Quân đội Nhân Dân* viết một bài về nỗi bất mãn và các biến động nghiêm trọnmg trong dân chúng 6 tỉnh thuộc khu Tư, từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên. Khi đọc nguyên văn bài báo đăng trong số ra ngày 16 Tháng Chín, 1997, và biết "đọc giữa hai hàng chữ", chúng ta không những biết thêm các chi tiết mà càng thấy rõ tình trạng trầm trọng ở nông thôn.

Trên trang hai của tờ QĐND bài báo mang tựa đề là "Qua giải quyết các vụ việc phức tạp trên địa bàn Quân khu 4, Nhận dạng các vụ việc phức tạp ở cơ sở." Tựa đề này có ý nghĩa. Bài báo muốn rút kinh nghiệm "Qua giải quyết các vụ việc" ở Khu 4, có nghĩa chỉ lấy quân khu 4 làm thí dụ thôi, còn việc "nhận dạng" để rút kinh nghiệm nhắm tới tất cả "Các vụ việc phức tạp ở cơ sở," tức các vùng nông thôn khắc.

Ngay trang đầu bài báo đã thú nhận "...vụ việc không được giải quyết, xử lý kịp thời đã *phát triển thành phức tạp, thậm chí trở thành nghiêm trọng, kéo dài tới vài ba năm.*" Tờ báo quân đội này nêu một số tên làng xã.

Xã Quảng Lộc (huyện Quảng Xương, Thanh Hóa) là một thí dụ. Tờ báo chỉ nói đến "vụ việc phức tạp" cách đây mấy năm mà không cho chi tiết. Biến loạn đã xảy ra khi "xã huy động nhân dân đóng góp gây quỹ ...thu

nhiều khoản nhưng bị thất thoát do cán bộ chi tiêu sai nguyên tắc và tham ô." Hậu quả ở xã Quảng Lộc là "sự bất bình ngày càng lớn trong dân," và "Một số cán bộ, đảng viên ít được rèn luyện, tu dưỡng vốn đã yếu kém càng ngày càng đi nhanh xuống dốc." Ở Thái Bình chúng ta biết rõ các con số như hơn 100 xã đi biểu tình, có lúc 5000 người đã tụ họp ở trụ sở tỉnh, và 52 xã hoàn toàn bỏ trống không chính quyền, khi các cán bộ và công an bỏ trốn.

Tại xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên (Hà Tĩnh) vấm đề nêu lên cụ thể hơn, bắt đầu từ "việc đào tìm một tượng Phật bằng đồng." Dân chúng tố cáo cán bộ huyện đã ăn cắp tượng cổ đem bán, nhưng không được ai đáp ứng, còn bị đàn áp. "**Vì vậy cái sảy nẩy cái ung dẫn đến vụ việc càng ngày càng phức tạp hơn, gây bất bình trong dân, làm mất ổn định chính trị...**"

Tiếp theo, báo QĐND tiết lộ thêm các "diễn biến phức tạp, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân" khác, ở Hà Tĩnh trong những năm 1991-92, gồm các xã Trung Lương (Thị xã Hồng Lĩnh), Thạnh Lộc, Minh Lộc (Can Lộc,) v.v. mà tờ báo đổ tội cho "cán bộ, đảng viên bất mãn, thoái hóa, biến chất" *"đã làm ngòi nổ và kéo theo một bộ phận nhân dân vào gây rối làm mất ổn định cơ sở."*

Đọc kỹ và "giải mã" các thuật ngữ của tờ báo thì chúng ta hiểu là những vụ "mất ổn định" ở đây là do chính các cán bộ gây ra, kéo theo dân chúng đang bất mãn chỉ chờ ngòi nổ để bùng lên. Các tranh chấp nội bộ giữa các đảng viên là gì? Tờ báo chỉ nói đại cương về "những tranh chấp đất đai, tài sản." Phải chăng tình trạng bất công đã khiến các đảng viên cũng chống lại cán bộ cầm quyền? Chúng ta có thể đoán là chính các đảng viên, cán bộ đã tổ chức các cuộc phản kháng của người dân, như đã xảy ra ở Thái Bình. Tờ báo cũng nhắc tới "những mâu thuẫn do lịch sử để lại giữa các địa phương, dòng họ với nhau," điều này chỉ chứng tỏ nguyên do của các biến động rất sâu xa và còn tồn tại lâu dài. Báo QĐND cũng khoe khoang về các vụ trong đó cán bộ đã thành công trấn áp được dân, như ở Cẩm Thành, Cẩm Duệ, nhờ thế chúng ta biết riêng trong tỉnh Hà Tĩnh đã có rất nhiều biến loạn.

Đặc biệt, khi nói đến các vụ ở Hà Tĩnh, tờ báo còn nói đến "một số phần tử *lợi dụng chính sách tự do tín ngưỡng của Đảng, Nhà nước, tìm cách kích động Phật tử, Giáo dân, tổ chức hoạt động vi phạm pháp luật, chống đối chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước."* Giải mã những câu đó, chúng ta hiểu rằng các cuộc chống đối có tổ chức, được phát động từ các tôn giáo, cả Phật giáo lẫn Công giáo. Sau nửa thế kỷ sống dưới một chế độ chuyên môn bài xích và đàn áp tôn giáo, khi dân chúng đã tập hợp lại dưới ngọn cờ của các tôn giáo, thì chúng ta thấy mầm mống bất mãn rất sâu rộng.

Kinh nghiệm cho thấy khi có dịp thì người dân không phải tín đồ thuần thành cũng tham dự các cuộc biểu tình của tôn giáo để chống chính quyền độc tài và tham ô. Cộng Sản Đông Đức sụp đổ khi các nhà trí thức và công nhân tụ họp trong các buổi lễ ở nhà thờ Thánh Nicolas ở Leipzig rồi kéo nhau đi biểu tình. Lời tường thuật sơ sài trên tờ báo cộng sản cho thấy dấu hiệu những bất mãn chờ ngòi nổ để bùng lên thành cả một phong trào rộng lớn trong tương lai.

Ngoài các "vụ việc" nêu trên, tờ báo của quân đội cũng nhắc đến *"Những vụ việc nghiêm trọng đã được giải quyết như Cẩm Nhượng, Trung Lương (Hà Tĩnh), Quỳnh Thiện, Quỳnh Vinh (Nghệ An), Thọ Ngọc, Quảng Lộc (Thanh Hóa),* đều là những vùng nông thôn nghèo nàn nhất nước ta, và người dân cũng có truyền thống bất khuất tự lâu đời.

Một tiết lộ quan trọng trong tờ báo QĐND là sự kiện "sau khi xảy ra vụ việc nghiêm trọng,...có những xã mất hàng trăm cán bộ, đảng viên," và "có những vụ việc đang được tiếp tục giải quyết." Đây là một lời báo động nhưng cũng có thể coi là một đe dọa. Kinh nghiệm ở Thái Bình cho thấy khi nhân dân ở Diêm Điền biểu tình phản đối tham nhũng, đảng Cộng Sản đã phải cho quân đội đi dẹp bằng vũ lực, và phải dùng súng đạn mới bảo vệ để di chuyển một dàn máy khoan dầu đi nơi khác.

Bài báo tên tờ *Quân Đội Nhân Dân* do ông Lê Khả Phiêu kiểm soát có thể là một cách để nhắc đến vai trò của quân đội và các tướng lãnh trong cuộc tranh giành quyền lực hiện nay. Nhưng kết quả chưa thấy. Người lên thay ông tướng Lê Đức Anh không phải là tướng Đoàn Khuê, mà là ông Trần Đức Lương. Còn chức Tổng bí thư, ngoài ông Lê Khả Phiêu bây giờ lại có một ứng viên nổi bật là Nguyễn Văn An. Ở Bắc Kinh, vị tướng duy nhất trong Thường Vụ Bộ Chính trị mới bị đẩy ra khỏi khỏi Trung ương đảng. Phải chăng cả hai đảng Cộng Sản đều dè đặt về các tướng lãnh.

Vị Nữ Tu Tận Tụy Hiến Dâng Trọn Đời Mình Cứu Giúp Những Kẻ Bần Cùng Khốn Khổ (1)

MẸ TERESA
(1910 - 1997)

TRẦN QUÁN NIỆM

Trong tuần lễ mọi người trên thế giới xúc động và thương tiếc công nương Diana từ trần trong một tai nạn thảm khốc thì người ta cũng bàng hoàng cảm xúc khi hay tin Mẹ Teresa, người nữ tu suốt đời tận tụy cứu giúp những kẻ bần cùng khốn khổ, nhẹ nhàng vĩnh biệt cõi đời tại Calcutta thuộc xứ Ấn Độ vào ngày 5 tháng Chín, 1997.

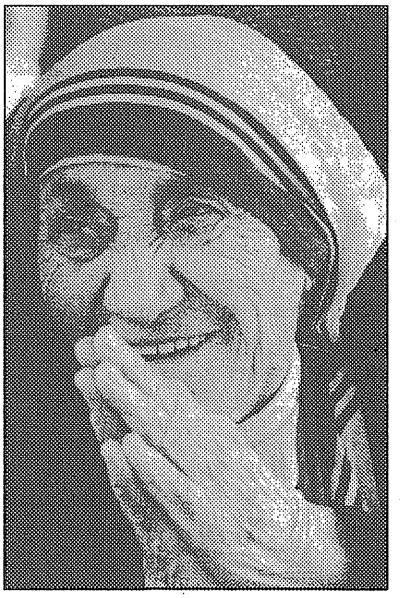

Mẹ Teresa

Khi hay tin này, hàng ngàn người đã kéo tới tòa nhà mà bà cư ngụ để tỏ lòng thương tiếc. Và đám đông càng ngày càng lớn dù lúc đó đã rất khuya. Theo phát ngôn nhân của Tòa Thánh, Đức Hồng Y Ciro Benedetti thì Đức Giáo Hoàng John Phaolô đệ II rất xúc động và đau đớn, và Ngài dự trù dâng một thánh lễ cầu nguyện cho nữ tu Teresa tại La Mã.

Mẹ Teresa gốc người Albany, sinh trưởng trong một gia đình bình dân, con ông bà Bojaxahiu, nghề xây cất nhà cửa, sinh sống tại Skopje thuộc nước Nga. Bà mang tên Agnes Gonxha Bojaxhiu. Niềm tin tín ngưỡng càng mãnh liệt nơi cô gái, khi cô 12 tuổi. Ba năm sau, vị linh mục sở tại loan báo cho giáo dân hay là có một ngành truyền giáo dòng Tên (2) đang hoạt động tại xứ Ấn Độ. Gonxha rất chú ý và năm 18 tuổi cô xin đi tu và tình nguyện phục vụ truyền giáo tại Ấn. Cô khấn hứa trọn đời vào ngày 24 tháng Năm, 1939 và làm cô giáo tại trường trung học có tên Thánh Nữ Mary tại thủ đô Calcuta, Ấn Độ.

Kể từ đó cô lưu tâm đến việc cứu giúp các kẻ nghèo khó, khổ sở. Ít lâu sau cô thành hiệu trưởng trường trung học này. Thời gian này, ngày 10 tháng Chín năm 1946, cô nghe được tiếng gọi thiêng liêng muốn cô phục vụ Thiên Chúa qua công tác cứu giúp người nghèo khổ. Cũng từ đó, qua các công tác từ thiện mà người nữ tu trẻ được mọi người xưng tụng là Mẹ Teresa.

Mẹ Teresa mở trường học, thăm viếng người bệnh hoạn và hơn thế nữa bà thành lập một dòng tu riêng tên là "Thừa Sai Bác Ái" (Missionaries of Charity) vào năm 1949.

Mới đầu dòng chỉ có vài nữ tu, nhưng dần dần lớn mạnh và nhận được nhiều tiền bạc quyên góp để đến năm 1954, Mẹ Teresa dựng nên ngôi nhà từ thiện đầu tiên gọi là ngôi nhà Trái Tim Thanh Vẹn (Home for the Pure Heart) để nuôi những kẻ bị bỏ rơi sống vất vưởng trên hè phố. Người đầu tiên mà Mẹ Teresa cứu giúp là một người đàn bà bệnh hoạn nằm trên vỉa hè, yếu đuối chờ chết đến nỗi chuột và kiến cắn nát nửa mặt người này.

Trong vòng vài năm, khắp xứ Ấn cũng như thế giới nghe tên và các hoạt động từ thiện của Mẹ Teresa. Năm 1964, Đức Giáo Hoàng Joan Phaolô đệ VI tặng bà một xe limousine. Thay vì sử dụng làm phương tiện di chuyển, Mẹ Teresa bán đấu giá được 13 ngàn mỹ kim, làm phương tiện hoạt động từ thiện.

Từ năm 1964 đến 1979, bà thiết lập nhiều trường học, nhà từ thiện và các nhánh thuộc dòng Thừa Sai Bác Ái của bà tại khắp nơi trên thế giới và được cả thế giới ngưỡng mộ.

Năm 1979, Mẹ Teresa nhận giải Nobel Hòa Bình. Bà tuyên bố rất khiêm nhượng: *"Tôi không xứng đáng danh dự này, nhưng tôi nhận giải vì coi đây là một biểu tượng thế giới công nhận việc giúp đỡ những kẻ nghèo khó, bệnh hoạn và vô gia cư là cần thiết."* (I am unworthy of this honor, but I have accepted the prize, as through it, the world has acknowleged the need to work for the poor, the sick, and the homeless).

Mẹ Teresa còn nhận được rất nhiều giải thưởng cao quí khác từ các tổ chức từ thiện trên khắp thế giới.

Trong các công tác từ thiện, bà không bao giờ lên án các nguyên nhân làm nhân loại đau khổ mà chỉ nhắm mục đích trước mắt là khẩn thiết là xoa dịu nỗi khốn cùng của những kẻ đau thương nhất. Năm 1982, trong khi Beirut bị bao vây, Mẹ Teresa và các nữ tu bước trước lằn đạn của quân Do Thái và Palestine để cứu các trẻ em kẹt trong vùng lửa đạn. Hai phe đối địch ngừng tiếng súng cho tới khi Mẹ Teresa hoàn thành nhiệm vụ. Năm 1985, bà thiết lập một bệnh viện đầu tiên do nhà thờ bảo trợ để giúp bệnh nhân liệt kháng AIDS. Mùa xuân 1991, sau trận chiến vùng Vịnh, Mẹ Teresa đi Baghdah tìm cách cứu người nghèo và trẻ mồ côi xứ Iraq. Bà cũng ghé Philadelphia vào tháng Sáu, 1996, nhân dịp viếng thăm ngôi nhà Tặng Phẩm của Đức Mẹ (the Gift of Mary house), trợ giúp bệnh nhân AIDS mà bà thành lập cách đây ba năm.

Mẹ Teresa đã viếng thăm những vùng đất tuyệt vọng nhất, những xóm cơ hàn nhất trên thế giới. Mẹ nhìn vào mắt của những kẻ cô đơn, đau ốm, những kẻ tuyệt vọng cùng cực vì bị đời bỏ quên, để nhìn thấy bản chất nhân bản và thiên lương của họ.

Nhân danh những kẻ khốn cùng này, Mẹ Teresa đến gặp những bậc vua chúa, hoàng hậu, tổng thống, thủ tướng, nhà độc tài cũng như những nhà tài chánh, những em học sinh, những thợ thuyền để kêu gọi sự giúp đỡ, cũng như khơi dậy lòng từ tâm của nhân loại.

Đã hơn một lần, Mẹ Teresa được xưng tụng là vị Thánh sống. Bà trả lời hóm hỉnh: *Hãy đợi tôi chết đã* (Please let me die first). Việc phong thánh cho bà rất có thể xảy ra trong tương lai, nhưng tiến trình này tùy thuộc Tòa Thánh Vatican, nhiều khi kéo dài cả hàng chục năm.

Trên con đường phục vụ tha nhân, một trẻ một già, công nương Diana và Mẹ Teresa đã gặp nhau tại New York hồi tháng Sáu, 1997, trong chương trình cứu giúp bệnh nhân bệnh AIDS.

Mẹ Teresa là biểu tượng cao quí nhất của tình thương yêu kẻ khốn khó. Bà từ trần là một mất mát lớn lao. Cả thế giới đều thương tiếc Mẹ Teresa và lòng từ tâm vô bờ bến của Người trong tinh thần Bác Ái của Thiên Chúa. Những cơ sở từ thiện Mẹ Teresa thiết lập trong suốt cuộc đời, cũng như các nữ tu trong dòng Thừa Sai Bác Ái sẽ tiếp tục sứ mạng cứu giúp nhân loại bất hạnh. Ngạn ngữ Trung Hoa có câu "Tử nhi bất vong, thọ giả." (chết nhưng không bị đời quên lãng tức là sống mãi vậy).

(1) Pariah: Giai cấp cùng đinh thấp kém nhất trong xã hội Ấn Độ.

(2) Ngành truyền giáo dòng Tên do thánh St. Ignatius Loyola thành lập năm 1534 để truyền giáo tại các nước Á Đông (Trung Hoa, Ấn Độ...)

Đã phát hành

CÒN ĐÓ BÓNG HÌNH

tập truyện của SONG THAO
Bìa KHÁNH TRƯỜNG

VĂN MỚI xuất bản
VĂN NGHỆ phát hành

KHÔI VŨ PHI PHU

TRẦN CHUNG NGỌC

Tôi là một độc giả trung thành (không tuyệt đối) của Thế Kỷ 21 từ nhiều năm nay. Hôm nay tôi xin mạo muội góp thêm vài ý kiến về cuộc tranh luận giữa các quý ông Phạm Ngọc Khôi, Nguyễn Hùng Vũ, và Tôn Thất Phu về một vài vấn đề liên quan đến khoa học và tôn giáo.

Để tiết kiệm chỗ trên báo Thế Kỷ 21 tôi xin đi ngay vào vấn đề chứ không mở đầu vòng vo tam quốc (thế này cũng là vòng vo rồi).

Trước hết xin quý độc giả đừng nghĩ rằng cái đầu đề của bài này có nghĩa là Phạm Ngọc Khôi và Nguyễn Hùng Vũ không phải là Tôn Thất Phu (Phi Phu). Phi ở đây là tên ông/bà Nguyễn Thị Phi (Nguyễn thị thì đúng là phái nữ nhưng Thị mà đi liền với Phi thì chưa chắc đã là phái nữ), người đã đặt cho ông Nguyễn Kết một câu hỏi rất hay về nền tảng khoa học của tôn giáo, và tòa soạn Thế Kỷ đã trả lời một cách... như là xua tay. Cho nên, tôi cũng xin góp vài ý kiến về đề nghị của Ông/Bà Phi. Sau đây là vài ý kiến góp cùng bốn tác giả trên:

1. Ông Phạm Ngọc Khôi:

Ông Phạm Ngọc Khôi khơi màn tranh luận bằng bài "Stephen Hawking And His Disbelief in God," Thế Kỷ 21 số 90, trang 106-107. Ông Khôi quả thật là người bạo phổi hay ít nhất cũng đã uống năm, bảy chén thuốc liều nên mới dám viết một bài như trên để đăng trên Thế Kỷ 21, một tờ báo nổi tiếng là có nhiều độc giả rất nặng ký về mọi lãnh vực, từ... chống Cộng cho tới Khoa học, Kỹ thuật, Kinh tế, Văn chương, Lịch sử, Thơ phú, v.v... và... ngoại ngữ. Sau đây là vài điểm trong bài của ông Khôi:

Ông Khôi cho rằng *"Stephen Hawking là một trong những tác giả thông minh nhất mà ông đã* (Hawking was one of the most intelligent writers I had ever "known"). Rồi ông viết tiếp: *"Đối với nhiều một quyển sách khác tôi chỉ cần khoảng 10 hoặc 20 phút để nhận ra những giới hạn và sơ hở căn bản của cuốn sách, nhưng Hawking quá thông minh để cho phép tôi làm như vậy trong lần đọc thứ nhất. Và chỉ sau khi 'khám xét kỹ lưỡng' tôi mới hiểu tại sao một thiên tài như vậy (Hawking) lại không tin ở Thần (God), giống ỳ chang như những người thường, cái ngã thì to mà kiến thức thì chỉ giới hạn trong vài lãnh vực nhỏ hẹp."* (For many another book, I needed about ten or twenty minutes to recognize the limitations and to detect the basic flaws, but Hawking was too intelligent to allow me to do that in the first reading. Only after my careful examination could I understand why such a genius did not believe in God JUST LIKE MANY ORDINARY PEOPLE WHOSE PRIDE IS GREAT BUT WHOSE KNOWLEDGE IS RESTRICTED WITHIN SOME NARROW FIELDS). Quý độc giả thấy ông ấy viết dễ sợ chưa?

Đọc đoạn trên tôi suy ra mấy điều rất đặc biệt:

Thứ nhất, ông Khôi thông minh hơn Stephen Hawking nhiều, hay ít ra cũng thông minh hơn chút đỉnh. Và cái hiểu về Vật lý của ông Khôi cũng nhỉnh hơn cái hiểu của Hawking một chút.

Thứ nhì, tác giả của nhiều cuốn sách (ông không nói rõ ông đọc những sách nào, sách của Bertrand Russell hay là sách của George Gamow, Jeremy Hayward, Carl Sagan, Nagarjuna v.v...) toàn là thứ thiếu thông minh cả, cho nên chỉ cần 10 phút là ông có thể nhận ra ngay những sơ hở của một cuốn sách.

Thứ ba, ông Khôi có khả năng đọc sách rất nhanh và có một cái máy dò sơ hở rất tinh vi (bộ óc).

Thứ tư, trong số những người thường, cái ngã thì lớn cái kiến thức thì eo hẹp, không tin ở Thần (God) tôi thấy có Đức Phật, có Lão Tử, có Einstein (dựa vào câu "God didn't play dice with the universe" của Einstein để mà kết luận Einstein "believe in God" là một sự lầm lẫn lớn lao. Giám Mục Fulton J. Sheen đã phê bình cái "believe in God" của Einstein bằng câu hỏi "Đã có ai muốn chết cho Giải Ngân Hà?" (Who ever wanted to die for the Milky Way?), có Voltaire, Victor Hugo, có Beethoven, Mozart, có Bertrand Russell, Thomas Paine, có Carl Sagan, Richard Feynman v.v... có trên bốn tỷ người trên thế giới trong đó có dân Việt Nam.

Tôi thành thật nghĩ rằng, ông Khôi nợ độc giả, hay ít ra một số không nhỏ độc giả, Thế Kỷ 21 một lời xin lỗi.

Thật ra, cuốn "A Brief History of Time" của Stephen Hawking không phải là dễ đọc, tuy chủ ý Hawking viết cuốn đó để cho những người thường đọc. Nếu không có vốn liếng trong ngành vật lý thì đọc cũng thấy hay và lạ nhưng không "thưởng thức - appreciate" hết được những tư tưởng của Hawking và những thành quả của khoa học. Và chúng ta cũng nên nhớ rằng, khi Hawking viết cuốn đó, 1988, thì vệ tinh COBE (Cosmic Background Explorer) chưa dò ra được những vân sóng (ripples) trong tiếng nền của vũ trụ (Cosmic background). Tới năm 1992 COBE mới đo được những vân sóng này và nối được cái mắt xích thiếu trong thuyết Big Bang, cái mắt xích mà các khoa học gia đã tính toán ra là nó phải có nhưng trong nhiều năm chưa kiểm chứng được. Tôi không muốn đi sâu hơn vào thuyết này hoặc bàn về các vấn đề khác trong bài của ông Phạm Ngọc Khôi kẻo có người lại phê bình rằng: "Cái anh thợ giầy TCN cứ muốn đi lên trên nơi giầy dép."

2. Ông Nguyễn Hùng Vũ:

Ông Nguyễn Hùng Vũ viết bài "On Quantum Physics and Other Notions" (tôi dịch là "Về Vật Lý Nguyên Lượng và Những Khái Niệm Khác." Khi xưa ở Khoa Học Đại Học Sài Gòn, ban soạn thảo danh từ khoa học, sau khi cân nhắc kỹ giữa "lượng tử" và "nguyên lượng" đã chọn chữ nguyên lượng vì nó đúng nghĩa hơn) để phê bình bài viết của ông Phạm Ngọc Khôi (Thế Kỷ 21, số 91, trang 106-107).

Theo sự hiểu biết của tôi thì ông Vũ rất vững về những khái niệm về khoa học và những luận điểm của ông về khoa học thì khó phủ bác. Tôi rất đồng ý với ông về nhận định chính xác là lãnh vực khảo sát của vật lý nguyên lượng ở cấp thấp hơn lãnh vực của khoa sinh hóa (Biochemistry). Tôi xin phép ông Vũ "lộng ngôn" nói rộng ra một chút: Có vẻ như hiện nay một số khoa học gia và huyền nhiệm gia có quan niệm phân thế giới vật chất và tinh thần mà chúng ta đang sống trong đó thành những cấp khác nhau đại khái như sau: Cấp 1 (thấp nhất) gồm những vật vô tri vô giác như nguyên tử, điện tử, các hạt căn bản, các hạt quark v.v... (có thật là vô tri vô giác không?) và đây là đối tượng khảo sát của vật lý; Cấp 2, gồm những sinh vật và năm thức cảm giác (nhìn, nghe, ngửi, nếm, và tiếp xúc); Cấp 3 thuộc Ý Thức (Manovijnana) nghĩa là tâm thức liên kết chặt chẽ với năm thức cảm giác ở trên; Cấp 4 thuộc Mạt-Na-Thức (Manavijnana); Cấp 5 thuộc Tàng Thức (Alayavijnana), nơi chứa những chủng tử có

Văn Phòng Luật Sư

ROBERT M. VIEFHAUS & ASSOCIATES

27 NĂM KINH NGHIỆM HÌNH LUẬT VÀ BỒI THƯỜNG TAI NẠN

* Trộm cắp - Gian lận
* Tàng trữ - Mua bán ma túy
* Say rượu lái xe - DMV hearing
* Thiếu niên phạm pháp
* Đả thương - Vợ chồng xô xát
* Vi phạm probation - Xóa tiền án
* Tất cả tội đại hình & tiểu hình

* Bồi thường thương tích tai nạn
* Trial lawyer - nhanh chóng tối đa
* Những trường hợp đặc biệt đã thắng: 500 ngàn - 1 triệu - 3 triệu
* Luật Gia Đình: Ly dị, cấp dưỡng
* Luật Di Trú: Bảo lãnh, công hàm
* Luật Phá sản - Di chúc - Thừa kế

Bus. Hrs:
Mon - Fri: 9:00 AM - 5:00PM
Saturday: 10 AM - 3:00 PM

MẪN PHẠM, J.D.
Phone: (714) 895-5533 - Pager: (714) 570-4986

7777 Center, Ste #470
Huntington Beach, CA 92647
(Gần ngã tư Beach & Edinger Trong Liberty National Bank)

thể đưa tới trí tuệ và tỉnh thức siêu việt, phá đổ mọi giới hạn ngắn dài, cao thấp v.v... (Trong Duy Thức Học của Phật Giáo thì năm thức cảm giác, ý thức, mạt na thức và tàng thức được xếp chung làm tám thức của Tâm); và Cấp 6 (cao nhất) là cái Một tuyệt đối, cái Một không có cái thứ hai, được biết dưới nhiều danh từ khác nhau như Thượng Đế (khác với Thượng Đế trong Thánh Kinh), Phật Tánh, Chân Như v.v... Nếu ta nhìn kỹ vào sáu cấp trên, ta sẽ thấy rằng một cấp cao hơn siêu việt và dung nhiếp các cấp thấp hơn nhưng không có vấn đề ngược lại. Thí dụ một sinh vật chứa các phân tử, nguyên tử, chất kim loại, á kim v.v... nhưng một nguyên tử hay một chất kim loại không thể chứa một sinh vật. Cũng vì vậy khoa sinh hóa có thể dùng những định luật trong vật lý mà vật lý thì không thể dùng những định luật trong sinh hóa. Ông Khôi không nhận ra điều này nên chê là vật lý nguyên lượng không tạo ra được cả một con sâu, trong khi ông Vũ thì thấy rõ đối tượng khảo sát của vật lý giới hạn trong cấp thấp nhất.

Tôi cũng đồng ý với ông Vũ là sở dĩ chúng ta có ngày nay là gặp nhiều may mắn do sự "cộng tác" của những định luật về xác suất (probability) và các định luật về trọng trường (gravity) và nhiều lực khác trong không gian. Tôi lại xin phép bàn rộng thêm một chút. Như tôi đã trình bày ở trên, vệ tinh COBE đã kiếm ra cái mắt xích để nối những mắt xích trong thuyết Big Bang thành một thuyết nhất quán. Theo thuyết này thì khởi đầu là những vi khuẩn (bacteria) nghĩa là những tế bào đơn độc (single cells) trong các hạt bụi vũ trụ, phát xuất từ một sự nổ bùng lớn (big bang) của một dị điểm (singularity) vô cùng nóng, vô cùng đặc. Một số những vi khuẩn này gặp đủ các điều kiện thích hợp trong không gian và tiến hóa thành những sinh vật trong đó có loài người. Riêng về trái đất, tiến trình này trải dài trên bốn tỷ năm. Cấu tử căn bản của mọi sinh vật, từ một tế bào đơn độc, một vi khuẩn cho đến con người là một loại đại phân tử DNA (Deoxyribo Nucleic Acid), hợp bởi bốn nguyên tố C, H, N và P (Carbon, Hydrogen, Oxygen, và Phosphorous) có dạng vòng xoắn kép (double helix). Trong một tế bào các phân tử DNA được xếp đặt thành những nhiễm sắc thể (Chromosome). Những mẩu chuyên biệt (specific bits) của DNA trong các nhiễm sắc thể được gọi là "mầm giống" hay "gen" (gene). Chính các gen này sẽ giữ vai trò quyết định con người sinh ra thế nào, da vàng hay trắng, hay đen, mắt xanh hay nâu v.v... Cho tới bây giờ, đây là cách giải thích thỏa đáng nhất. Lẽ dĩ nhiên, theo tinh thần khoa học thì cách giải thích này không loại bỏ trường hợp trong tương lai có thể có những giải thích xác đáng hơn khi mà đầu óc con người tiến bộ hơn, và cũng không phản đối một người Phi Châu tin rằng ông tổ của mình là một người... Do Thái, sinh ra cách đây khoảng 6000 năm.

Tôi không dám bàn chuyện Âm Dương Ngũ Hành với các vị, tuy nhiên tôi nghĩ rằng quan niệm Âm Dương không giản dị như ông Vũ tưởng đó là sản phẩm của một thời đại bán khai của anh ba cần phải dẹp bỏ (discarded). Sự chuyển vận và tương tác giữa Âm và Dương ta có thể thấy trong mọi lãnh vực, kể cả trong vật lý hiện đại, và cả trên cái giường mà ông viết ở trong bài. Lẽ dĩ nhiên cái giường này hấp dẫn hơn cái giường của Procuste.

3. Ông Tôn Thất Phu:

Ông Tôn Thất Phu khi không nhào zô lòng vòng Tam Quốc một hồi rồi dùng búa đập đá, văng cả mảnh lên mặt mình (Xin đọc bài của Phạm Ngọc Khôi và Nguyễn Hùng Vũ trong Thế Kỷ 21, số 100). Nhưng không phải vì vậy mà những điều ông viết không có căn bản. Chỉ tiếc rằng cái thí dụ "người mù rờ voi" của ông không được chỉnh và có ý miệt thị nên mất đi tính cách thuyết phục của những luận cứ mà ông đưa ra. Ông Tôn Thất Phu không nhận ra sự ích lợi của những cuộc tranh luận trí thức để trau giồi kiến thức và đồng hóa cuộc tranh luận với sự phô bầy kiến thức tổng quát. Tuy hình như Trang Tử có nói một câu đại khái như sau: *"Cái biết của thiên hạ thì vô hạn, cái hiểu của cá nhân thì hữu hạn. Mang cái hữu hạn đi tìm cái vô hạn, nguy vậy thay"* nhưng điều này không có nghĩa là con người cứ ngồi chơi sơi nước không tìm hiểu gì cả. Ông còn viết vài câu để trong dấu ngoặc rất ý nhị, có vẻ như là châm biếm, mà cũng có vẻ để đưa ra một thông điệp, tùy theo cách diễn giải, nhưng đi vào những vấn đề này thì có thể sinh ra đánh nhau bể đầu nên tôi xin xì tốp tại đây.

4. Ông/Bà Nguyễn Thị Phi:

Bà Nguyễn Thị Phi (tôi vốn tin rằng "kính phụ nữ thì sẽ đắc thọ" nên bỏ chữ Ông đi) cũng lang bang vào hai chủ đề rộng lớn và dễ

gây hiểu lầm nhất, đó là Khoa học và Tôn giáo (Thế Kỷ 21, số 100, Mục "Bạn Đọc Viết"). Bà ước mong ông Nguyễn Kết khai triển các đề tài "tới mức cuối cùng" và đề nghị một chủ đề: "Hiện tôn giáo chỉ dựa hoàn toàn vào Thần quyền — mà thiếu nền tảng khoa học — có thể 'survive' được không?" (Chúng ta nên hiểu đây là những tôn giáo độc Thần như Kitô Giáo (Christianity) gồm có Catô Giáo Rô Ma (Roman Catholicism), Phản Đối Giáo (Protestant, tên quen thuộc là Tin Lành), và Chính Thống Giáo (Orthodox), Do Thái Giáo (Judaism), và Hồi Giáo (Islam)). Rồi gợi ý bằng câu: "Một số triết gia cho rằng nền tảng đã đặt sai nên các tôn giáo này phải sửa lại nền tảng có nhiều tính cách giáo điều và áp đặt."

Như vậy là bà Nguyễn Thị Phi không phải chỉ mong ông Nguyễn Kết khai triển các đề tài ông đã viết, mà còn đưa ra đề tài cùng gợi ý để ông Nguyễn Kết viết.

Đây là những vấn nạn đã làm điên đầu nhiều người, nhất là về phía tôn giáo vì tôn giáo đã có một lịch sử oai hùng đối với khoa học, đặc biệt là đối với Giordano Bruno và Galileo Galilei.

Trước đề nghị rất thời thượng và hợp lý của bà Nguyễn Thị Phi, tòa soạn Thế Kỷ 21 có vẻ như muốn gạt ngang, trả lời một cách... lãng xẹt. Có lẽ vì đây là một đề tài không tiện thảo luận trên Thế Kỷ 21.

PHAN NHẬT NAM

PARIS

Cầm tay ấm cháu bé
Qua đường trưa vắng hoe
Ngây ngây vui con trẻ
Bước chân đùa bóng loang.

Quang quất theo chân nhỏ
Dọc phố nắng hân hoan
Bé-Mẹ-Em thăm thẳm
Hốt nhiên lệ ứa tràn.

Sông Seine xô nước cuốn
Bóng tối lẫn nhà thờ
Chân cầu lung sóng vỗ
Xanh ngời ngời lớp rêu.

Săm sắp tường đá cũ
Trầm mặc tượng đứng im
Tưởng muôn thuở âm động
Vỡ nứt tầng tầng đêm.

Đỉnh tháp sáng thinh không
Vòm sắt cao chắc nịch
Vế t ché m xuố ng lị ch sử
Hết hai kỳ thiên niên

Hè phố chập tàng cây
Tiếng cười gieo tở mở
Quán nước rộ mặt người
Thoát rất nhanh...
Mất bặt.

Paris
À...
Đã tới đây.

Không phải vì cái biết của khoa học còn rất khiêm tốn cho nên ít nhà khoa học nào lại nghĩ có tôn giáo đặt trên "nền tảng khoa học," như tòa soạn đã trả lời, mà là khoa học và tôn giáo hoạt động trên hai bình diện khác hẳn nhau và bất khả tương hợp (incompatible). Điều này không áp dụng cho những tôn giáo nhắm vào "giác ngộ" như Phật Giáo, Lão Giáo, Ấn Độ Giáo (Ấn Độ Giáo có rất nhiều Thần nhưng chung cùng vẫn là tự chứng để đi đến giác ngộ). Khoa học đặt nền tảng trên sự khảo sát vô tư sự vật, trên suy lý và trên chứng nghiệm trong khi tôn giáo đặt nền tảng trên niềm tin. Khoa học chưa bao giờ cho rằng đã tìm ra chân lý rốt ráo chung cùng trong khi tôn giáo (ít ra là các vị lãnh đạo tôn giáo) khẳng định đã nắm chặt chân lý trong tay, và con người chỉ có việc "hoặc chấp nhận, hoặc chối bỏ." Nếu chấp nhận thì dù giáo điều lầm lạc hay áp đặt không thành vấn đề, vì sự chấp nhận này không thuộc bình diện suy lý. Frederich Nietzche đã từng viết: *"Những gì mà quần chúng được dạy để tin mà không cần đến lý lẽ, vậy thì ai có thể phủ bác niềm tin này bằng lý lẽ?"* (What the populace learned to believe without reasons, who could refute it then by

means of reasons?) Cho nên, một sự thảo luận về nền tảng của khoa học và tôn giáo có thể không thành vấn đề ở cấp cao nhưng lại là một vấn đề lớn ở cấp dưới. Thí dụ, Stephen Hawking cùng một số chuyên gia được mời đến Vatican để cố vấn cho Tòa Thánh về vũ trụ học (cosmology). Trong bài thuyết trình của Hawking, ông ta đưa ra một quan niệm về vũ trụ theo đó thì không có chỗ đứng cho một vị Thần Sáng Tạo (God creator) (...the possibility that space-time was finite but had no boundary, which means that it had no beginning, no moment of creation. "A Brief History of Time", p. 116) Các chuyên gia này đã được Đức Giáo Hoàng tiếp kiến. Giáo Hoàng đã phán rằng: *"Chúng ta có thể tìm hiểu sự tiến hóa của vũ trụ sau Big Bang chứ không nên tìm hiểu về chính Big Bang vì đó là lúc Sáng tạo, do đó là tác phẩm của Thượng Đế."* (He told us that it was all right to study the evolution of the universe after the big bang, but we should not inquire into the big bang itself because that was the moment of Creation and therefore the work of God.) Như vậy là Đức Giáo Hoàng đã công nhận thuyết Big Bang và gần đây Ngài cũng đã công nhận thuyết Tiến Hóa. Nhưng đây chỉ là những công nhận ở cấp cao, trong giới trí thức. Bao giờ những sự công nhận này xuống tới giới bình dân thì đó vẫn còn là một ẩn số. Cũng vì vậy, trong một diễn đàn khác thì quan niệm của Hawking có thể bị lên án là phỉ báng tôn giáo, chống tôn giáo, và có thể bị các tín đồ hỏi thăm sức khỏe.

Tòa soạn Thế Kỷ 21 cũng hạ thêm một câu: *"Thay đổi nào gọi là có nền tảng hay không nền tảng là điều các tôn giáo đó quyết định. Người bên ngoài bàn chuyện đó chỉ có tính cách từ chương mà thôi."*

Viết như vậy là tránh né vấn đề và có ý ngăn cản một cuộc thảo luận về một đề tài quan trọng, vì lịch sử các tôn giáo cho thấy rằng khoa học là cái đầu tầu kéo các tôn giáo tiến bộ theo, thay vì tôn giáo đẩy khoa học tiến bộ, nghĩa là khoa học đã văn minh hóa tôn giáo. Lịch sử các tôn giáo cũng cho biết rằng những thay đổi lớn lao trong tôn giáo là do áp lực từ người ngoài. Những tư duy của người ngoài đạo đã bắt buộc các tôn giáo phải thay đổi chứ không phải là tự trong tôn giáo thay đổi. Tất cả những thay đổi của tôn giáo đều do những yếu tố mà tôn giáo không thể kiểm soát được, không thể tự quyền hay còn quyền để mà quyết định. Hơn nữa, vì tôn giáo liên hệ tới mọi khía cạnh của xã hội, của con người, nên con người phải có trách nhiệm trong việc thay đổi tôn giáo chứ không thể phó mặc cho tôn giáo (nên hiểu đây là tập đoàn lãnh đạo tôn giáo) thay đổi. Thực tế là tôn giáo ngày nay, hay nói đúng hơn là các tín đồ của tôn giáo ngày nay đã đang đặt niềm tin trên một nền tảng khoa học vì họ chỉ tin những giáo điều hợp lý còn những điều không tin được thì họ lờ đi coi như không có. Điều này cũng áp dụng cho ngay cả một số tín điều mang nhãn hiệu "không thể sai lầm." Sự kiện mà Hawking kể ở trên chứng tỏ khoa học và những người ngoài đang góp phần không nhỏ trong việc thay đổi nền tảng tín ngưỡng của tôn giáo. Cho nên, tôi nghĩ rằng tòa soạn Thế Kỷ 21 không nên gạt những người ngoài ra ngoài để tránh một cuộc thảo luận có thể chưa thích hợp với một số độc giả.

*

Mong rằng Thế Kỷ 21 tha cho cái tội phạm thượng, phê bình cả tòa soạn. Và cũng xin quý độc giả bỏ qua cho những điều sai sót, vì ý kiến cá nhân bao giờ cũng hạn hẹp và thiếu sót. Tôi xin nhận lãnh mọi phê bình nhưng sẽ không góp thêm ý kiến vì quả thật là tôi đã cạn ý rồi.

Mad. City - Wisconsin

Thụ Nhân Âu Châu
Vừa Phát Hành Tập II Hội Luận

HIỆN TÌNH VIỆT NAM :
XÂY DỰNG DÂN CHỦ,
PHÁT TRIỂN VÀ ĐỐI NGOẠI

*

Bài Thuyết trình của GS. Nguyễn Phú Đức
và toàn văn cuộc hội luận chính trị
do Hội Ái hữu Viện Đại học Dalat
tại Âu châu tổ chức ngày 29.12.96

*

Giá 50 F (10$ US)
Liên lạc để mua sách :
7 rue du Dessous des Berges
75013 PARIS - FRANCE
Chi phiếu xin đề Mme Nguyễn Ngọc Thương

NÓI TIẾNG VIỆT, CHA MẸ VÀ CON CÁI

CHÂU LONG

Chuyện nói và hiểu được tiếng Việt của con em Việt Nam không chỉ là chuyện hiện tại của chúng ta mà phải thấy đó là một vấn đề tương lai lâu dài của cả một cộng đồng VN ngày càng đông trên thế giới. Thử nghĩ đơn giản là trong vòng 30 năm tới, khi thế hệ của những người hiện nay cỡ 40, 50 tuổi (rời VN khi đã trưởng thành) không còn nữa, thế hệ tiếp nối (lớn lên, trưởng thành hay sinh trưởng tại hải ngoại) có tiếp tục sử dụng, sinh hoạt và phát triển tiếng Việt như chúng ta làm hiện nay? Báo chí Việt ngữ tại hải ngoại và các sinh hoạt văn hóa văn nghệ sẽ đi về đâu? Có còn hiện hữu không? Tôi rất bi quan cho câu trả lời khẳng định và hy vọng những người làm văn hóa thấy được vấn đề, thấy cái nguy cơ mai một dần của tiếng Việt trong từng gia đình Việt Nam tại hải ngoại tương lai mà gióng lên tiếng chuông báo động, thức tỉnh số đông gia đình VN, vì lý do này hay lý do khác, chưa thấy hay coi nhẹ chuyện học tiếng Việt của con cái.

Mục đích bài viết này để góp ý với ông Chân Văn, (Thế Kỷ 21 số 100) dựa trên kinh nghiệm dạy con cái học tiếng Việt ngay trong gia đình, cộng thêm một số điều mắt thấy tai nghe trong cộng đồng người Việt tại một nước nhỏ (Vương quốc Bỉ) ở Châu Âu.

*

Một trong những sai lầm cơ bản đầu tiên của một số cha mẹ là sợ trẻ em Việt lẫn lộn giữa hai thứ tiếng: Việt và ngoại ngữ (Anh, Pháp, Đức, Hòa Lan...), sợ nó sẽ kẹt khi đến trường, khó giỏi tiếng nước sở tại. Hậu quả, vì cái sợ nêu trên, chính số cha mẹ đó chủ trương chỉ nói ngoại ngữ với con cái dù rằng bản thân khá đông cha mẹ có người chỉ bập bẹ các thứ tiếng đó!

Nhiều bậc cha mẹ hội nhập khó khăn nơi xứ lạ, phần lớn do yếu ngoại ngữ lúc đầu, dần dần bị mặc cảm, cứ tưởng con em cũng khó khăn như mình: điều này sai vì trẻ con học ngoại ngữ nhanh hơn người lớn nhiều. Đừng quên là chúng suốt ngày ở trường, dư điều kiện để chúng thông thạo nói và viết thứ ngôn ngữ dùng tại đó.

Tôi có biết trường hợp một gia đình quen, vì lý do nghề nghiệp, đã từ Bỉ (nói tiếng Pháp) sang sinh sống ở Mỹ từ bốn năm nay. Họ có hai con, lúc đó con gái 14 và con trai 10 tuổi. Hiện nay cô gái 18 tuổi vào đại học Mỹ, cậu em học trung học, cả hai đều thuộc loại học xuất sắc. Bố mẹ hai em cho biết, khi đến Mỹ, hai em chỉ biết tiếng Pháp (và tiếng Việt), có bỡ ngỡ lúc đầu. Từ năm thứ hai, hai em dần dần hội nhập vào đời sống học đường Mỹ. Hiện nay, hai em biết ba thứ tiếng Anh, Pháp, Việt trôi chảy.

Đây không phải là một trường hợp cá biệt. Nhiều thí dụ hàng ngày, như bài viết của Chân Văn có nói, cho thấy trẻ con bình thường có khả năng học nhiều ngoại ngữ cùng một lúc mà không có vấn đề lẫn lộn hay sút kém trong lớp. Ở địa phương tôi cư ngụ (Bruxelles, Bỉ), ở bậc Trung học, trẻ em Việt cùng một lúc có thể phải học bốn thứ tiếng ngoài tiếng Việt: Pháp, Hòa Lan, Anh, La Tinh. Đương nhiên, các em phải có cố gắng lắm so với trẻ Việt ở Mỹ chẳng hạn, nhưng tôi ít thấy trường hợp thất bại, có thể là do trẻ Việt ta có chí và có óc cầu tiến chăng?

Từ đó, chúng ta có thể đặt một câu hỏi cơ bản: Các em học tiếng gì cũng được, cũng thông mà sao tiếng mẹ đẻ các em không thông?

Đúng ra thì cha mẹ phải sợ các em dần quên tiếng Việt đi vì thời gian các em ở

trường khá nhiều. Tôi nhận xét nơi địa phương tôi ở, số cha mẹ nhận thức được vấn đề hình như ngày càng đông; bằng chứng là có phong trào họp nhau cho các em theo học các lớp tiếng Việt tổ chức vào mỗi chiều thứ Bảy.

Tuy nhiên, tôi nghĩ là thành quả học tiếng Việt của các em không nhiều lắm. Tại sao? Nếu ta tạm hài lòng với vài giờ học tiếng Việt mỗi tuần thì làm sao ta mong trẻ em giỏi tiếng Việt nhanh được? Theo tôi, vấn đề nó cơ bản hơn mọi người nghĩ nhiều: sai lầm trong nhận định đúng đắn vấn đề sẽ kéo theo hiệu quả thấp trong việc học tiếng Việt của trẻ em Việt Nam. Ông Chân Văn có viết: "Đối với cha mẹ, tiếng Anh là một ngoại ngữ, đối với con cái, tiếng Việt cũng là một ngoại ngữ." Tôi nghĩ, đây là một trong những nhận định sai lầm.

Ta phải quan niệm tiếng Việt đối với trẻ Việt, dù có em sinh trưởng ở hải ngoại, bao giờ cũng là tiếng mẹ đẻ. Một bà mẹ VN có bao giờ nói những câu ngoại ngữ với đứa con mình khi nó bắt đầu bập bẹ tập nói? Nói những câu tiếng Việt đầu đời mang một ý nghĩa thiêng liêng mà không một ngoại ngữ nào thay thế được. Tôi nghĩ các sắc dân nhập cư khác cũng thế: Các bà mẹ gốc Tàu, Nhật, Hàn, Mễ... ở Mỹ có khi nào dạy con những tiếng đầu đời bằng tiếng Mỹ?

Vì cho tiếng Việt chỉ là một ngoại ngữ như các ngoại ngữ khác nên bà con ta chủ yếu dùng ngoại ngữ chính (Anh, Pháp...) trong gia đình, nhất là giữa con cái với nhau. Từ từ thành nếp, thành thói quen đến lúc sửa không được nữa.

Tôi thấy trong nhiều gia đình, có nhiều bậc ông bà, cha mẹ chỉ có thể nói những câu (ngoại ngữ) ngắn với con cái. Nói nhiều thì không được vì thiếu khả năng; con cái trả lời cũng ngắn, nhát gừng vì khi chúng nói nhanh và nhiều thì các vị kia không hiểu hết. Tình trạng kéo dài, cuối cùng chỉ còn bọn con cái là nói với nhau, bình thường đĩ nhiên bằng ngoại ngữ, hầu như ít có đối thoại đứng đắn giữa cha mẹ và con cái. Hậu quả thì ai cũng rõ: cảm thông và trao đổi tư tưởng bớt đi, trẻ em Việt đâm ra bơ vơ vì không nhận được một giáo dục thật sự trong gia đình, bơ vơ trong giòng văn hóa mới nơi mình cư ngụ.

Đó cũng là tình trạng của khá đông dân nhập cư, đến từ các nước chậm tiến (Á Rập, Phi châu đen, Đông Nam Á...), ở Châu Âu hiện nay.

Tôi có lần trao đổi với một người bạn Bỉ chuyên nghiên cứu về một số vấn đề xã hội của các sắc dân nhập cư kể trên. Anh nhận định rằng: với dân nhập cư thế hệ đầu tiên, họ dễ bị choáng ngộp và tự ti trước sức mạnh của ngôn ngữ mới mà dần dần coi nhẹ tiếng mẹ đẻ. Theo anh, trẻ em phải có căn bản vững trong tiếng mẹ đẻ trước khi học một ngoại ngữ, điều này chỉ làm tăng cường lòng tự tin trong đứa trẻ khi tiếp cận với nền văn hóa mới. Nói khác đi, vững tiếng mẹ đẻ có nghĩa là còn giữ bản sắc văn hóa của sắc dân mình để mà tồn tại lâu dài.

Ở trong các xã hội Tây Phương, đặc biệt ở các nước có nhiều dân nhập cư, người ta hay nói đến một xã hội đa văn hóa (société multi-culturelle). Ta hội nhập vào một xã hội đa văn hóa không phải với cái đầu rỗng mà phải mang đến một cái gì đó có tính văn hóa của riêng sắc dân ta, lúc đó sự hội nhập mới có ý nghĩa. Khi ta không còn giữ được gì là bản sắc của sắc dân ta (tiếng nói, tập tục, đạo đức, nếp sống, sinh hoạt văn hóa văn nghệ, xã hội, lễ lạc...) thì sẽ không thể đặt vấn đề hội nhập vào một xã hội đa văn hóa nữa vì lúc đó ta chỉ đi vay mượn, bắt chước văn hóa của các sắc dân khác mà thôi!

Điều này dẫn đến hậu quả là ta thấy có một số trẻ Việt không còn nói và hiểu tiếng Việt, bơ vơ trong cộng đồng VN, bơ vơ ngay chính trong xã hội sở tại, mặc cảm trước đám đông... Đứa trẻ từ từ lớn lên, dần dần nhận thức được cái thiếu sót lớn đó mà khó thay đổi gì được, một phần đời sống của em sẽ thiếu đi, phần đời đó đáng lẽ phải có liên hệ đến một nền nếp văn hóa và đạo lý phương Đông vốn rất phong phú.

Nói tóm lại, trẻ Việt không nói hay nói không rành tiếng Việt có nguyên nhân cơ bản là nhận thức sai lầm của các bậc cha mẹ. Đây là một vài ý kiến thô thiển của tôi, mong có góp ý. Số ý kiến này có thể làm phật lòng nhiều người nhưng tôi nghĩ rằng "lời thật mất lòng" vì thế tôi rất mong "mất lòng trước được lòng sau." Hy vọng ý của tôi mang được những thông điệp đó.

*

Đúng như ông Chân Văn viết: "Muốn cho con em học tiếng Việt thì phải cho trẻ em cảm thấy nói tiếng Việt là một niềm vui, có thế các em mới *thích* nghe và *thích* nói." Có nhà ngôn ngữ học người Tây phương nói: "Il faut [illegible] eux d'une langue pour

l'apprende," muốn học một ngôn ngữ, phải *yêu* ngôn ngữ đó.

Tôi cho là *yêu* và *thích* chưa đủ, phải có *động cơ* thúc đẩy trẻ Việt ham học tiếng Việt. Động cơ thì nhiều và nhiều loại. Yêu tiếng Việt có thể bắt nguồn từ chỗ trẻ em Việt không muốn mình mất gốc, hãnh diện làm người Việt Nam. Thích tiếng Việt có thể đơn giản vì do thích xem phim VN, xem video ca nhạc VN. Tôi có đứa cháu gái thời 15, 16 chỉ nói tiếng Pháp với mọi người mặc dù biết nói tiếng Việt (nhưng chưa biết đọc và viết). Đến năm 19, 20 cháu yêu một anh bạn Việt Nam, hai bên trao đổi thư từ bằng tiếng Việt. Lúc đầu có khó khăn, nhưng nhờ động cơ tình yêu thúc đẩy, cháu khắc phục khá nhanh và nay, chỉ sau vài năm, đã trở lại hoàn toàn là một cô gái VN với đầy đủ ý nghĩa của nó. Có cháu chỉ cần về VN thăm quê hương một chuyến để thấy rằng ta còn cả một thế giới người Việt đông đảo bên kia bờ đại dương để rồi chú tâm trau dồi học hăng say hơn nữa tiếng Việt. Những thí dụ và gương học tiếng Việt tốt của trẻ Việt có nhiều trước mắt trong cộng đồng tôi sống.

Tựu chung, môi trường và nếp sống gia đình là yếu tố quyết định trong chuyện học tiếng Việt. Cha mẹ nói tiếng Việt với con không nên chỉ bằng những lệnh truyền, gắt gỏng, mắng nhiếc mà gắng tạo dịp nói bằng những lời yêu thương (như Chân Văn viết), kể những điều ý nghĩa liên hệ đến văn hóa, đạo lý VN, nói cái hay của ngôn ngữ VN, kể những chuyện cổ tích VN... Tôi nghĩ trẻ em nào cũng yêu thích các chuyện: cây khế (ăn một quả trả ngàn vàng, may túi ba gang mà đựng), Phù Đổng Thiên Vương, Trọng Thủy Mị Châu, Chữ Đồng Tử, Trương Chi... Những buổi tối lạnh nơi quê người, các em bé Việt Nam nằm trong vòng tay cha mẹ, lắng nghe lời kể chuyện VN hấp dẫn, dí dỏm. Hình ảnh này chắc phải đẹp hơn cảnh trẻ Việt chúi mũi trước màn ảnh truyền hình với bao nhiêu là phim đấm đá hay miệt mài trước máy vi tính chơi các "games"?

Nếu số đông bà con ta thấy đúng đắn với vấn đề, tre già rồi măng mọc, thế hệ này tiếp nối thế hệ khác, lúc nào cũng giữ được bản sắc và tiếng nói Việt Nam thì sự hội nhập vào xã hội sở tại của người Việt ta tại hải ngoại mới có ý nghĩa.

Bruxelles, chớm Thu 97
Tặng hai con tôi

CÔ BÁN RAU VÀ BÁC LÍNH GIÀ TẠI ĐIỆN BIÊN PHỦ

BÙI DƯƠNG CHI

Chưa tới sáu giờ sáng tôi đã vắt màn gấp chăn, quần áo gọn ghẽ để kịp đi xem chợ mới. Cổng rào khách sạn còn đóng. Chị quét sân vui vẻ bảo chả cần phải đợi bảo vệ (gác dan) làm gì cho mất công. Tôi yên lòng kéo chốt, đẩy cánh cửa sắt, bước về hướng trung tâm thị xã.

Dọc đường dân buôn bán đã đi lại tấp nập. Người thì khệ nệ đầu đội tay xách, người thì quang gánh nặng chĩu bước nhanh như chạy. Giữa mặt đường tương đối bằng phẳng, lủng củng đủ loại xe thô sơ ba bốn bánh đầy ắp hàng họ. Cái thì người đạp người đun, cái thì người kéo người đẩy. Vất vả cực nhọc quá đỗi. Xe đạp thì vô số. Phần nhiều đều bắt thêm đòn ngang đòn dọc, máng móc treo đủ thứ. Chum sành, thúng mủng, cũi chó, rọ lợn, rau cỏ, ngô khoai. Xe gắn máy cũng có. Đa số làm tại các nước Cộng Sản cũ. Nghe nói không bền như xe Nhật nhưng khỏe và chạy đường rừng rất tốt. Mấy cái xe cục mịch này, phía trước thồ hàng đã nhiều mà đàng sau lại còn đèo thêm một hai người. Xe chở ba thì người ngồi giữa dạng háng, tay giơ như hai cái móc để tranh thủ (cố sức) tải thêm hàng. Người ngồi sau, nửa mông thòi quá yên xe, chân ghì trạc đỡ còn tay thì ôm bụng người trước như trẻ con chơi trò rồng rắn.

Càng gần tới chợ, giòng người từ các phía đổ về càng hối hả hơn. Nổi bật giữa những mảng vải thô đạm bạc, nón lá mũ cối là các phụ nữ dân tộc với trang phục độc đáo của mỗi vùng. Họ đi hàng một, yên lặng nối gót nhau như đã quá quen với cách di chuyển theo bờ nương, triền núi. Phái nam, đa số ăn mặc theo lối Kinh. Thỉnh thoảng có người ăn bận sắc tộc thì cũng không có gì nổi bật cả. Trang phục phụ nữ thì khác hẳn. Áo dài tay, mầu trắng, tím hoặc xanh lơ, hàng nút trước ngực cài lên sát cổ. Vạt áo giắt trong váy vải sợi đen có viền những giải hoa văn thêu đủ màu sắc núi rừng. Khăn đội đầu của họ cũng vậy. Có nhiều người còn đeo thêm vòng tai vòng cổ lóng la lóng lánh.

Mải mê ngắm lén những nét đẹp của cao nguyên Tây Bắc, tí nữa vấp phải gánh bán bún

mọc mới biết đã tới vòng ngoài của chợ. Quanh đây đã có mấy nhà đúc cao ba bốn tầng. Nhà gạch, mái tôn mái ngói, một hai từng thì có đến ba bốn phố. Thiết kế cũng tương tự như ở các tỉnh miền xuôi. Dưới hoặc ngoài để buôn bán, trong hoặc trên để ở. Các mặt hàng, ngoài đồ tạp hóa, đại loại còn có quần áo may sẵn, vải vóc, giầy dép, đồ dùng bằng nhựa và các thứ máy chạy điện thông dụng.

Trong chợ, nhiều gian bằng gỗ lợp tôn được phân chia ngay hàng thẳng lối bày bán thực phẩm khô, mắm muối, bánh kẹo. Cách bày biện đồ ăn thức uống vẫn chẳng khác xưa, nghĩa là ít che đậy gói ghém cho khỏi bụi bặm, ruồi nhặn. Mấy thứ cân đo được thì đã có bảng giá. Ấy vậy thiên hạ bảo vẫn phải mặc cả quyết liệt chứ không là bị hớ ngay. Tôi tìm mua ít muối xúc miệng nhưng không thấy chỗ bán lẻ. Đành mua cả gói. Gói một cân đựng trong bao ny-lông giá hai nghìn (gần 20 cents). Đọc nhãn in, thấy mừng cho dân quê, nhất là người dân tộc, vì muối ăn bây giờ có i-ốt để ngăn ngừa bệnh bướu cổ.

Khu bán thịt được quy vào một góc. Có tới cả chục chỗ, xây cao đến ngang bụng. Trên mặt bàn xi măng thấy vừa treo vừa bầy từng mảng thịt nạc thịt mỡ, phèo phổi tim gan đủ thứ. Tôi để ý nhưng không thấy có phụ nữ mặc y phục dân tộc bán hàng ở đây hoặc ở các cửa tiệm nào cả. Tôi đoán có lẽ họ chưa đủ vốn hoặc chưa quen làm ăn lớn.

Buôn thúng bán mẹt thì ngồi la liệt. Rau cỏ, hoa quả, gạo nếp, tấm cám, ngô khoai, mía sắn, măng tươi, tre ống, mật ong, cua đồng, cá trê, cá quả, gà vịt... đủ thứ. Một số bạn hàng là người dân tộc. Họ cũng mời chào nhưng nghe như ít ai nói thạo tiếng Kinh. Nhìn chung tôi thấy dáng họ hiền hòa và có vẻ rụt rè như các sắc dân thiểu số ở Tây Nguyên, trước kia gọi là Cao Nguyên Trung Phần.

Lòng vòng xem đến hơn một tiếng mới hết chợ. Đang tìm lối ra, chợt nghe phía sau có tiếng mời mua rau. Ngoảnh lại, thấy một phụ nữ ăn mặc theo lối Kinh đứng cạnh chiếc xe đạp đàn ông cũ kỹ. Trên đòn ngang phía bánh trước có máng hai cái sọt to, một cái đựng rau muống, một cái đựng rau húng. Thấy mặt chị hốc hác, thái dương và cổ nổi gân xanh, bụng có mang nên tôi đưa chị tờ Một Nghìn Đồng. Chị hỏi ông mua rau nào. Tôi bảo cho chị. Vừa quay đi thì nghe nói "không lấy." Nhìn lại, đúng lúc chị quẳng tiền xuống đất.

Trong các chuyến đi đường bộ ở Trung Nam Bắc, tôi đã nhiều lần gặp cảnh người lớn, trẻ con, ông già, bà lão bán mấy gói mè sửng kẹo gương, bánh tráng bắp nấu hoặc dăm ba quả muỗm èo uột, nhất định không lấy tiền cho. Sinh viên ái ngại có khi mua giúp nhưng cũng ít đứa nào chịu ăn.

Lần này thì thật đặc biệt vì phản ứng quá dứt khoát của chị bán rau.

Nhặt tiền lên, để chữa cái cảnh tẽn tò khó xử, tôi lại gần bảo mua rau muống vậy. Chị quay mặt đi, biết là tôi không chủ tâm mua bán. Tôi lưỡng lự chẳng biết làm gì cho đỡ lúng túng. May sao mấy bà đứng ngồi gần đó nói bác ấy cho tiền không lấy thì thôi chứ làm gì mà phải giận với chả dỗi. Được lời, tôi hỏi chị một mớ bao nhiêu. Vẫn không chịu nhìn tôi, chị ấy nói sẵng hai trăm (chưa tới 2 pennies). Tôi bảo bán cho cả một nghìn. Chị cầm tiền, im lặng một tị mới đáp, sáu mớ. Tôi nói rẻ quá chị chọn hộ tôi. Được ba mớ, tôi bảo thôi đủ rồi. Tước lạt, buộc xong, chị móc túi, ngập ngừng chọn tờ Năm Trăm, kẹp vào bó rau rồi đưa cho tôi.

Tôi đành lấy cả sáu mớ. Nhìn hai bàn tay xương xẩu thâm đen vì nhựa rau, nhìn bộ quần áo bạc mầu và ướt át vừa ngai ngái mùi nước tiểu phân chuồng, tôi bồi hồi muốn chúc chị được mẹ tròn con vuông. Khổ nỗi lề lối quê xưa, người mua kẻ bán, đến chữ "cám ơn" nghe đã lạ tai rồi. Nay không phải họ hàng quen thuộc, chúc lời thân tình như thế, sợ thêm trơ trẽn vô duyên.

Tay xách bó rau, tay cầm gói muối, tôi đi quanh quẩn một đổi mới thấy lối ra. Đường phía trước cổng này đang được mở rộng thêm. Đàn ông thì dùng búa tạ nện chan chát xuống những tảng đá to như cái giỏ ấm, đổ ngổn ngang theo vỉa hè. Đá vỡ, mảnh vụn văng tứ tung. Bụi đá trông như khói nhạt lan ra xà xà mặt đất. Gần đấy là hàng chục phụ nữ, đầu đội nón, mặt bịt khăn chỉ chừa cặp mắt. Người thì lom khom, người thì ngồi xổm, vừa nhặt vừa chọn những hòn đá mới đập, còn bằng cỡ củ đậu, xếp lên mặt đường. Đằng xa có chiếc xe lăn hậm họe phun khói đen nghịt, lỉnh kỉnh lúc tiến lúc lui. Đi kèm hai bên có mấy công nhân vừa phụ bỏ thêm đá, vừa cầm cành lá xua đuổi bầy trẻ con hiếu kỳ bâu theo. Chúng nó chỉ trỏ, xô đẩy nhau rồi lại bá vai bá cổ, ngặt nghẽo cười đùa.

Thấy một chị nhặt đá mà không có bao tay, tôi lại gần đưa biếu bó rau. Chị ấy lắc đầu, kéo

khăn bịt mặt xuống, bảo tôi là có đem thức ăn rồi. Nhìn quanh thấy chả ai tỏ vẻ muốn lấy, tôi cầm bó rau nghĩ bụng đem về khách sạn cho chị quét sân vậy. Tới ngã tư thì thấy ở góc phố có mấy người hom hem luống tuổi đứng túm tụm với nhau, bên cạnh để mấy cái xe đạp, cuốc xẻng và rổ mây. Hỏi các bác làm gì thế. Họ nói đợi xem có ai thuê đào móng xúc đất thì đi. Biếu bó rau, ép đi ép lại hai ba lần mới có người nhận.

Thị trấn Điện Biên Phủ được đổi thành thị xã chính của tỉnh Lai Châu từ năm 1993. Cũng như Vinh và Đồng Hới, đường vào đây rộng cỡ ba làn xe mỗi chiều và dài có lẽ đến hơn cây số. Giữa tim đường là những trụ điện bằng kim loại mầu nhôm tỏe vòng làm đôi ở đỉnh. Mỗi nhánh có gắn một ổ đèn to như quả dưa hấu. Ngồi xe đi qua thì thấy không thua gì đường chính vào các tỉnh thị có hạng ở đồng bằng và dọc bờ biển miền Trung. Đi bộ thì thấy hai bên đường còn nhiều chỗ đất đá lẫn lộn, cỏ dại mọc hoang, cống rãnh chưa có gì cả. Nhà cửa đa số đang xây cất dở dang trừ một vài công trình khá lớn, hãy còn mới, để làm trụ sở hành chính. Tiếc rằng không khác gì ở hầu hết các nơi, từ Nam ra Bắc, tôi thấy việc xây cất và vẽ kiểu công ốc bây giờ xem ra ít chú trọng vào mặt thực dụng, nghiêm trang mà nhiều khi chỉ nhằm tạo vẻ hào nhoáng bề ngoài như chốn ăn chơi và giải trí cho khách du lịch.

Nhìn chung cả thị xã cũng mừng là đã có quá nhiều nhà tư xây gạch, đúc gác. Có cái kiểu làm rất đẹp mắt: không màu mè, sân đất có lối đi lát gạch, nhiều cửa sổ, có giàn trồng hoa, rất hòa hợp với cảnh thiên nhiên. Còn lại thì hầu hết chủ đích là để đạt hiệu năng tối đa. Tôi cho rằng người dân dùng tiền của mồ hôi nước mắt nên có tính thận trọng.

Các cửa hàng ở mấy phố chính còn ít. Hàng ăn uống ở các đường biên còn nhiều cái khá lụp xụp, thường là mái lợp tôn, có cái còn lợp tranh che trên nền đất với dăm ba cái bàn gỗ tạp ghế dài. Các chỗ sửa xe và bán vật liệu xây dựng thấy nhộn nhịp lắm. Bar Dancing tôi thấy có một cái, nằm ngay trong khách sạn Điện Biên. Karaoke cũng có một cái ở trong một Mini Hotel bốn từng. Buổi tối, những giây kết bóng điện xanh xanh đỏ đỏ, treo từ mái xuống từng một, trông màu mè như những nơi ăn chơi ở các thành phố và các thị xã lớn dọc theo quốc lộ 1A vậy.

Khu chứng tích lịch sử Điện Biên Phủ nằm ngoài thị xã. Muốn đi xem phải đăng ký (ghi tên) và trả Hai Mươi Nghìn (khoảng hai đô la) tiền bảo tồn hướng dẫn. Chúng tôi được cô Hồng Vân, đưa đi xem các địa điểm chiến lược. Đứng tại mấy chỗ này, tôi nhìn thấy tất cả thung lũng, đồi núi chung quanh, làng mạc, thị xã, phi trường, nghĩa trang và lễ đài tưởng niệm. Quang cảnh rất đẹp. Nhất là những khu ruộng lúa vườn rau trước kia là nơi người Pháp đóng quân. Cô Hồng Vân cũng đưa chúng tôi đi xem hai hầm chỉ huy. Hầm bề ngang khoảng bốn thước, xuống sâu ngập quá đầu với vòm mái che kiên cố. Trong hầm, dọc theo hành lang, mỗi bên có đến năm, sáu phòng để trống. Cô Hồng Vân bảo các chứng tích không bị phá hủy đều được đem về trưng bày ở nhà bảo tàng.

Trong chuyến du khảo này tôi còn ghi lại một chuyện giữa đường hay hay nữa. Chẳng là lúc cô Hồng Vân mở khóa vòng rào quanh cứ điểm A1 Elaine 2, tôi thấy phía ngoài có hai người đàn ông luống tuổi ngấp nghé như muốn vào xem nhưng không có tiền mua vé vào cửa. Tôi đề nghị cho phép họ nhập đoàn của tôi cùng vào. Bác lớn tuổi hơn kể chuyện đánh nhau như thật. Hóa ra hồi đó bác là lính, người xã Đông Xuân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Bác nói cứ điểm này thì nhớ mãi không quên. Mình ở dưới ào lên, chúng nó ở trên nổ xuống. Chiếm rồi lại rút. Đổi tay ba bốn bận. Hai bên chết cứ như rạ. Nghĩ đến còn khiếp vía. Hơn bốn chục năm rồi, nay 67 tuổi, con cháu góp thêm tiền mới đủ tiền dẫn bạn cùng làng đi xem chỗ này cho biết. Người bạn phân bua, ấy không gặp các ông thì chỉ có đứng ngoài mà nhìn! Hỏi bây giờ làng nước sinh sống ra sao. Bác lính già nói mấy năm nay đã đỡ phần nào. Khổ nỗi đất ít, dân đông, thuế đã cao mà nay hạn hán mai bão lụt, mong cầy cấy chỉ đủ ăn đủ mặc thôi mà nhiều lúc cũng không xong. Thanh niên nam nữ bỏ làng ra tỉnh kiếm sống chật vật khổ sở lắm mà cũng ít ai giúp gì được cho gia đình. Một số kéo nhau vào Tây Nguyên, nghe nói đất rừng còn nhiều, khí hậu lại không khắc nghiệt như ngoài này. Chụp tặng cái ảnh, bác mừng lắm nhưng vẫn chép miệng tiếc là giá đem bộ áo quần ngày xưa mặc vào thì mới oách. Về Hà Nội tôi rửa hai bức gửi ngay, cước phí tốc hành, để bác chỉ cho con cháu xem cái cứ điểm ác liệt. Cô Hồng Vân, xinh đẹp, hoạt bác, độc [illegible] tôi [illegible] ba bức.

Điện Biên Phủ, Hè 96

NÓI VỀ MÙA THU

(Viết cho con gái út)

NHẤT TÂM

Tôi phát biểu trong cuốn băng này, theo lời yêu cầu của đứa con gái nhỏ tôi là nói về mùa Thu.

Tôi nghĩ rằng mình sinh ra bao nhiêu đứa con tức là tạo ra bao nhiêu tiểu vũ trụ. Mỗi vì tinh tú nhỏ đó, mỗi người mỗi vẻ. Chúng nó có bản chất riêng, đặc tính riêng và tâm hồn riêng. Từ thể chất đến tinh thần chúng đều khác nhau.

Nuôi con càng lớn, những đặc trưng của từng bản thể cũng tăng trưởng và thay đổi. Tuy nhiên trong những đứa con đó, dù ít dù nhiều cũng mang tính cơ bản của cái gốc. Có đứa giống về thể chất, một đôi mắt, một cái mũi, bàn chân bàn tay... Có đứa giống đôi chút về tinh thần như mang trong người một chút văn nghệ, một chút nhạc, một chút thơ, một câu văn, một ý nghĩ...

Trong đoạn văn này tôi chỉ đề cập đến một khía cạnh nhỏ mà đứa con út của tôi hơi giống cha một tí, đó là tính văn nghệ.

Đứa con gái cuối cùng của tôi sinh ra chắc dưới một vì sao xấu! Tôi đi tù được một tuần lễ thì vợ tôi ở nhà trong hoàn cảnh côi cút nhọc nhằn cho ra đời một đứa con gái nhỏ. Trong hoàn cảnh khó khăn, cơm không đủ ăn, mặc không đủ lành, các đứa lớn đều nheo nhóc dại dột, chưa giúp ích được gì cho mẹ.

Nằm trong tù, lòng tôi đau quặn xót xa cho gia đình, cho vợ, cho con nhưng chẳng biết làm sao được. Làm sao có mặt ở nhà để đỡ đần cho vợ, để bồng ẵm đứa con, để nhìn được ánh mắt nụ cười hồn nhiên từ khi nó có mặt trên thế gian này.

Tôi nghĩ, vì sao nhỏ của tôi chắc hẳn phải có một cuộc đời cơ cực, một kiếp sống cô đơn. Cho nên những ngày dài nằm trong tù, tôi không dứt lo âu và suy nghĩ. Tôi nghĩ đến những biện pháp tinh thần may ra có tìm được một giải pháp, có thể vớt vát hoặc hóa giải phần nào nỗi đau khổ cho con. Cuối cùng, tôi đã nghĩ đến việc đặt tên con, đặt cho nó một cái tên mong sao, sau này khi lớn lên nhờ mang trong người một cái tên đẹp mà đời nó đỡ khổ. Tôi đã lấy tên mình gắn liền với tên con. Tôi nghĩ đó là một sự trìu mến nhất, suốt một đời dù ở đâu, dù gặp hoàn cảnh nào, tôi cũng ở cạnh con tôi, một sự gắn bó tinh thần không có gì tách rời ra được. Từ trong tù tôi viết tên con tôi đã đặt bằng than trên một rẻo giấy báo cũ, cẩn thận bỏ vào một hộp diêm và lén lút gởi về cho vợ trước ngày con tôi tròn một tháng tuổi.

*

Ở tù rồi cũng có ngày về. Nuôi con phải đến hồi khôn lớn. Tôi cứ nghĩ rằng đứa con sinh ra trong cảnh nhọc nhằn đói khổ và chia ly, chắc khi lớn lên nó phải có tâm hồn sỏi đá, nhìn đời với đôi mắt hờn căm...

Nhưng không, con còn giống cha một chút, một chút tâm hồn. Con tôi vẫn biết vui, biết buồn, dễ dàng cảm xúc, dễ dàng hòa điệu với một bản nhạc hay, với một bài thơ dạt dào cảm xúc.

Không biết nguyên do nào con tôi lại thích mùa thu. Chắc hẳn lúc còn nằm trên chiếc võng mùa hè, được cha ru ngủ bằng những bài nhạc thu nên nó đã đi thẳng vào hồn từ đó hay chăng? Nào những bài *Thu quyến rũ, Nhìn những mùa thu đi, Giọt mưa thu,* hoặc ngâm nga những bài *Thu ẩm, Thu vịnh* mà sau này càng lớn lên nó càng thích mùa thu với những nét buồn vạn cổ những chiều thu man mác

gió heo may, đêm nằm nghe ra rích từng giọt mưa thu trên mái rạ, hoặc từng lớp lá vàng theo gió cuốn bay xa...

Cái đòi hỏi của con tôi thì vô bờ mà khả năng của tôi thì hạn hẹp. Con tôi đã cho tôi quá nhiều đề tài để nói và để viết thành văn, những điều mà khi tôi muốn hoàn thành phải có thời gian suy diễn và nhất là phải có thời cơ cảm hứng. Đối với tôi khi viết điều gì cho con, tôi chỉ muốn biểu hiện cái "gène" văn nghệ nhỏ nhoi mà tôi đã có, tôi muốn tạo nên cho con tôi một con đường đất nhỏ quanh co, trên con đường làng quê mộc mạc và vì sao nhỏ của tôi sẽ từng bước, từng bước chập chững đi trên con đường hoang vắng ấy.

Khi viết về mùa Thu, tôi chỉ thỏa mãn một chút yêu cầu của con là nói theo sự hiểu biết, theo tư duy và quan điểm của riêng mình cho con tôi nghe như dưới đây.

*

Trời đất sinh ra vạn vật, tổ tiên của chúng ta dựa vào sự xoay vần của vũ trụ mà chia một năm ra làm bốn mùa. Mỗi mùa đặc trưng cho khí hậu, cho sự phát triển của sinh vật, cho sự thăng hoa của con người.

Mỗi mùa thể hiện một tính cách khác nhau: Xuân xanh, Hạ đỏ, Thu vàng và Đông tuyết.

Tùy theo nhân sinh quan, mỗi người thích một mùa, nhưng có điều gần như chắc chắn rằng ai thích mùa nào thì tâm hồn người đó tương quan chặt chẽ với mùa ấy.

Nói về mùa thu, từ hơn 40 thế kỷ trước, người Tàu đã thể hiện chữ thu qua các nét gồm:

Chữ mộc 木 và chữ hỏa 火 = 秋 thu

Theo tôi nghĩ, chữ mộc để chỉ cây đã trụi lá, xương xẩu đứng chờ đông tới. Chữ hỏa tượng trưng cho đám lá vàng, lá đỏ đã úa màu rơi rụng khắp nơi. Nếu ở dưới chữ thu mà thêm vào một chữ *tâm* sẽ thành chữ *sầu* tức là buồn bã vô hạn: 愁 sầu.

Người Tàu xưa một phần nhìn vào cây cỏ để đặt tên cho mùa và thời tiết cũng đúng lắm, bởi con người quá gần gũi với cỏ cây. Quả đất này mà không có cỏ cây chắc chắn sẽ không sống được.

Người ta nhìn vào cỏ cây có thể biết đang ở vào mùa nào trong năm. Chẳng hạn nhìn vào cành mai, cành đào nở rộ dù ở chốn cao sơn, ai cũng biết là mùa xuân. Nhìn xuống ao hồ ngàn sen đua nở, hoặc nhìn vào rừng cây xơ xác lá vàng rơi, ai ai cũng biết thời tiết đang ở mùa nào. Một thi nhân đã viết "Ngô đồng nhất diệp lạc, thiên hạ cộng tri thu" nghĩa là chỉ một lá ngô đồng rụng, mọi người biết mùa thu đến.

Mùa thu đi vào tâm hồn con người và thể hiện ra bằng nhiều ngã hội họa, âm nhạc, văn chương. Cho nên nói về mùa thu không thể không nói về ba bộ môn đó.

Ngày xưa, mỗi mùa cổ nhân thường có thú tiêu khiển riêng, cho nên trong bốn mùa, mùa nào cũng tìm được nguồn vui và cũng tìm được cảm hứng:

Xuân du phương thảo địa
Hạ thưởng lục hà trì
Thu ẩm hoàng hoa tửu
Đông ngâm bạch tuyết thi.

Không gì tao nhã bằng trong gian phòng thu ấm áp mặc cho bên ngoài với bầu trời ảm đạm, với ngàn cây trút lá, hoặc từng cơn mưa dai dẳng sụt sùi, mấy ông già ngồi uống rượu hoàng hoa, vừa thưởng thức hoa cúc vàng nở rộ ngát hương.

Mùa thu là mùa của hoa cúc. Đến thu hàng trăm loại cúc thi nhau nở rộ. Dòng họ cúc chưa ai biết được có bao nhiêu loại. Có loại nhỏ như hạt nút áo, đến Thu cũng tung sức khoe sắc khoe hương tạo thành một mâm hoa vàng chóe, có loại to bằng miệng chén với nhiều cánh vươn ra, những cánh bên trong e ấp ôm lấy bầu nhụy như sợ những cơn gió thu vào cợt nhã. Cúc cũng mang nhiều màu sắc nhưng đặc biệt màu vàng chiếm đa số, mà màu vàng nằm trong cảnh thu mới thập hợp tình hợp cảnh.

Mùa này hoa cúc thi nhau nở
Thiên hạ xông xanh mặc áo hồng...

*

Ngày xưa, khi còn ngồi trên ghế nhà trường chắc ít ai quên được ngày đi học đầu tiên của mình. Những ngày tựu trường ở vào khoảng cuối thu. Lúc ấy bầu trời ảm đạm lắm, mây thấp và lổm ngổm đầy trời, lại thêm những cơn gió heo may không lạnh nhưng đủ làm se lòng người, nhất là lòng của những trẻ thơ rụt rè bên chân mẹ lần đầu tiên đi đến trường.

Bài văn xuôi của Thanh Tịnh đã đi vào tâm hồn tôi từ khi còn thơ ấu. Bây giờ lớn lên, đôi khi ngồi nhẩm lại những dòng văn cũ, hoặc đi ngang qua một mái trường quê ẩn dưới bóng tre xanh vẳng ra tiếng ê a, lòng tôi lại thấy bâng khuâng, hoài cảm một thuở nào, luyến tiếc một thời thơ ấu đã đi qua không bao giờ

trở lại.

...Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường.

Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nẩy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng. Những cảm giác ấy chưa bao giờ tôi ghi lên giấy vì hồi ấy tôi chưa biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết.

Buổi sáng hôm ấy, một buổi sáng đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại nhiều lần, nhưng lần nầy tự nhiên tôi thấy lạ, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: Hôm nay tôi đi học.

Tôi không nhớ một năm nào của bậc trung học, một hôm thầy giáo cho chúng tôi dịch một bài văn của Anatole France, bài *La rentrée* ra Việt ngữ. Mấy hôm sau khi vào lớp trả lại bài cho học sinh, thầy đã chọn bài dịch của tôi để đọc cho cả lớp nghe sau khi thầy chữa lại một vài chữ. Tôi còn nhớ hôm đó thầy giao cho tôi tự đọc lại bài dịch của mình. Với những cảm giác ngượng ngùng và hồi hộp, khi đọc bài văn, tôi đã làm cho thầy giáo và bạn bè cả lớp cảm động.

Tôi đã làm sống lại hình ảnh của một cậu bé khi đi ngang qua vườn Lục Xâm Bảo với chiếc cặp trên lưng, cậu vừa đi vừa nhảy như một con chim sẻ. Chắc nhờ ảnh hưởng đầu tiên của bài văn Thanh Tịnh nên khi gặp bài văn Pháp cùng đề tài tương tự, tôi đã diễn đạt được những cảm xúc đầu tiên của một đứa bé đến trường, khi đi ngang qua khu công viên, dưới một bầu trời buồn và đẹp hơn bao giờ hết.

Đến giờ ra sân chơi, một chị bạn đến nắm vai tôi, nhìn vào mắt

TRẦN MỘNG TÚ

MÙA THU TÌNH YÊU VÀ CÁ HỒI

Mùa thu đã đến đây
Con suối đẹp nhất làng ngập đầy thuyền lá
Sao anh không về cùng cá Hồi
để em được làm những chiếc vẩy lấp lánh
em sẽ mang thai
em sẽ sanh những chiếc trứng mầu hồng
ở trong dòng suối cũ
Như con cá Hồi
chết sau những lần sanh nở
những chiếc vẩy sẽ không còn nữa
trên lưng anh
em sẽ chết cùng với mùa Thu

Thôi anh
Thôi anh,
đừng về nữa
Người thợ nuôi cá
đang cắt ngang lưng con cá chồng
lấy trứng của những con cá vợ
đang nhân tình yêu lên vạn lần
thả hạnh phúc theo suối ra sông
theo sông vào biển
mênh mông quá
em biết ngả nào tìm

Thôi anh
Thôi anh,
đừng về nữa
để cho em được mơ mộng suốt mùa Thu
em sẽ là
những chiếc vẩy bập bềnh
trong dòng suối sương mù
gọi tên anh
trên từng cuống lá

Em sẽ yêu anh
em sẽ mang thai
sống đời của cá
những con cá Hồi
tìm về
chết giữa mùa Thu

Hội cá Hồi về nguồn tháng Mười ở Issaquah

tôi và bảo:

Mai sau chắc mầy làm thi sĩ!

*

Tôi không thích mùa thu lắm, bởi với tôi mùa thu quá buồn. Trời thu lúc nào cũng xám ngắt một màu chì, lá vàng cũng nhiều và sâu thẳm là lắm cuộc chia ly.

Hồi còn bé tôi không được nằm nôi để nghe tiếng mẹ ru, bởi tôi được ẵm bồng qua một bà vú. Nhưng đến khi được năm, bảy tuổi, anh tôi thường hát cho tôi nghe qua 'hát ống' nghĩa là lấy hai ống tre dài khoảng một tấc rỗng ruột, một đầu ống lấy da ếch phơi khô bịt kín, đầu kia để trống kê miệng vào mà hát. Hai ống tre, giữa miếng da ếch căng thẳng được nối với nhau bằng một sợi chỉ dài. Mỗi buổi chiều ra ngoài đồng trống hay trên khoảng đất rộng, tôi cầm một ống kê vào tai và đằng xa hằng chục mét anh tôi cầm một ống kê miệng vào hát cho tôi nghe.

Bài mà anh tôi thường hát mỗi chiều là bài Buồn Tàn Thu của Văn Cao, tôi nghe mãi thành thuộc, thỉnh thoảng anh tôi bảo tôi hát lại cho anh tôi nghe, hai anh em lấy làm vui thích lắm. Chúng tôi cứ đứng hoặc ngồi trên cỏ xanh, cách nhau một khoảng xa âm thanh chuyền qua sợi chỉ, đụng vào tấm da ếch vọng vào tai tạo thành một âm thanh rõ và du dương nhờ những cơn gió chiều làm lung lay sợi chỉ.

Trong bài hát này ngày còn bé, tôi mơ hồ tưởng tượng, có một người đang đi ngoài sương gió, để nỗi nhớ cho người ở lại. Người ở lại mỗi lần buồn nhớ đem áo ra đan và ngồi nhìn những chiếc lá vàng rơi xuống chết lịm trong mưa.

Mấy năm sau, anh tôi ngã bệnh qua đời. Bài hát thì tôi vẫn thuộc, bộ hát ống tôi vẫn còn cất giữ nhưng anh tôi đã mất. Những buổi chiều quê cô tịch, một mình tôi ra ngoài đồng vắng hay lang thang trên khoảnh đồi xưa, nhưng tôi chẳng còn biết hát ống với ai.

Từ mùa thu đó tôi mang một vết thương lòng.

*

Kiểm điểm lại trong đời, tôi ca hát cũng nhiều, đọc thơ văn cũng nhiều, nhưng nói chung nhạc hay thơ văn dành cho mùa Thu nhiều hơn các mùa khác.

Mùa thu đến, theo tôi đất trời thay đổi nhiều hơn. Chớm thu lá còn xanh ngắt, sắp cuối thu cây cối đã nhuộm vàng. Mây ở đâu cứ từ mảng lớn trôi về chồng chất lên nhau. Gió ở đâu cũng về nhiều lắm làm như giúp cho ngàn cây chóng thay áo mới.

Đối với một số người, nhất là những văn nhân thi sĩ, thu đến như gặp lại bạn tri âm, tha hồ mà tâm sự mà nỉ non, mà ca tụng, cùng ôn lại bao kỷ niệm của một thời tình ái đã được nhen nhúm từ những mùa thu trước.

Có người đã đi suốt mùa thu trên con đường kỷ niệm, để cho lòng lâng lâng như sương khói, để cho hồn chơi vơi trong cảnh đẹp nhuốm chút thê lương. Tôi đã đọc bài *Thu cảm* của Đinh Hùng trong tâm trạng ấy.

....Thu năm nay tôi lại đi trên con đường vắng này để nghe từng chiếc lá rơi trên bờ cỏ. Mấy cây liễu xanh đứng buồn như những nàng cung nữ thời xưa và trong vườn nhà ai thấp thoáng hoa phù dung buổi sáng nở trắng như những linh hồn còn trẻ.

Nắng ở đây cũng vẫn là nắng ngày xưa và linh hồn tôi cũng vẫn là linh hồn tôi thuở trước. Đường này hiu hắt tôi đem lòng về để gặp mùa thu thương nhớ cũ, và may cũng thấy thu về để nước mặt hồ xanh. Chân ai đi xa vắng đàng kia hay chỉ là cơn gió thoảng mong manh, và gió nào vương vấn hồn tôi hay cũng chỉ là dư thanh của một mùa thu thương nhớ cũ...

Thu về chắc để cho thi nhân buồn. Phải chăng buồn cũng là một cái thú... đau thương? Xuân Diệu nhìn thu với bầu trời tang tóc, thiếu nữ buồn không nói, áo chẳng thắm màu, khi trời u uất, mây trời vẩn đục, và bên hồ liễu buồn buông xuống lệ hàng ngàn:

Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang
Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng
Đây mùa thu tới, mùa thu tới
Với áo mơ phai dệt lá vàng.

*

Hơn một loài hoa đã rụng cành
Trong vườn sắc đỏ rủa màu xanh
Những làn nín rẩy rung rinh lá
Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh.

*

Thỉnh thoảng nàng trăng tự ngẩn ngơ
Non xa khởi sự nhạt sương mờ
Đã nghe rét mướt luồn trong gió
Đã vắng người sang những chuyến đò.

*

Mây vẫn từng không chùm bay đi
Khí trời u uất hận chia ly

Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói
Tựa cửa nhìn xa nghĩ ngợi gì?

Còn ướt át hơn Xuân Diệu, Đặng Thế Phong nhìn thu với bầu trời sụt sùi nước mắt, luôn than khóc cho kiếp người ngắn ngủi, như tiên tri cho vận mệnh của mình. Lòng lúc nào cũng mở toang cho gió bốn phương tràn về làm thấm lạnh kiếp cô đơn:

...Gió xa xôi vẫn về
Mưa giăng buồn lê thê
...Như nức nở thương đời, châu buông mau, dương thế bao la sầu...

*

Với tuổi học trò, mùa thu của tuổi ngoài đôi mươi như một khúc quanh lịch sử trong đời. Đầu thu còn là những ngày bãi trường. Mùa bãi trường cũng là mùa chia ly thường khắc ghi nhiều kỷ niệm. Những trường quê hoặc nơi chốn núi rừng xa, chỉ dạy cho con em hết cấp một cho nên học xong hết cấp một là bạn bè coi như vĩnh viễn xa nhau.

Đối với tôi những ngôi trường học lúc càng bé bao nhiêu, khi lớn lên càng nhớ rõ bấy nhiêu, phải chăng những kỷ niệm đầu đời thường ăn sâu vào trong ký ức? Nhớ hơn nhiều so với các cấp II, III. Hình ảnh một mái trường bằng tranh nằm dưới bóng tre xanh, hay một mái trường ngói đỏ nằm cạnh đình làng mà cổng trường đóng kín những ngày hè đầy xác phượng rơi, lại làm cho lòng tôi bâng khuân thương nhớ hơn là những năm lớn tuổi hơn ngồi học trong những mái trường cao, quét vôi trắng nhưng thiếu nghe tiếng ve gọi mùa.

Các ngôi trường cấp II, III kéo dài thêm cho tuổi học trò một thời gian nữa. Nhưng trong đám trẻ thơ ấy biết bao hoàn cảnh khác nhau, cho nên kẻ ở, người đi đời đời vẫn là một quy luật diễn tiến mãi không ngừng. Tưởng đâu người bạn thân yêu từng ngồi kề cận sẽ được gặp lại, nào ngờ trời đã cuối thu rồi mà vẫn biệt vô âm tín.

Bài *Mùa thu xa lắc* của Trần Nam Hương nói lên một phần tình cảnh ấy:

...Em không đến trường mùa thu ấy nữa
Em không đến trường cả mùa thu năm sau
Chiếc lá rụng xuống hoàng hôn xẹt lửa
Theo mùa thu tiếc nuối chảy qua cầu.
....
Nắng ký thác đời mình trên sắc lá
Mới hiểu mùa thu đánh tráo tuổi thơ rồi
Tôi quá tuổi học trò từ đấy em ơi
Chiều nay trước cổng trường rươm rướm mắt

Có những người từ biệt mái trường không bao giờ trở lại. Có những kẻ không chịu nổi những ray rứt của kỷ niệm nên trong một thoáng thời gian nào đó bỗng dưng tìm đến chốn xưa. Người trở lại thường e ấp rụt rè, sợ kẻ khác nhìn thấy nỗi đau lòng lưu luyến của mình, nên chỉ tìm đến chốn xưa trong cảnh cô đơn vắng vẻ. Đến đó để nhìn lại mái trường rêu phong, cổng trường đóng kín, mấy gốc phượng già phơi xác lá thu rơi.

Có một lần tôi nghe bản nhạc *Từ biệt mái trường xưa* của Hoàng Thi Thơ do một nàng ca sĩ hát với lòng xúc động chân thành nên đã làm cho lòng tôi nhớ mãi.

Tôi đã tìm được bản nhạc về hát lại cho con nghe và cha con cùng đồng cảm. Có những câu:

...."Hôm nay về chốn đây nhưng đâu còn thấy tôi nón nghiêng nghiêng cầm tay, chỉ còn đó không hơn, một tường cũ rêu phong mà tôi đứng lặng trông..."

*

Hồi ở quê xuống tỉnh theo bậc trung học tôi ở lại một nhà trọ. Chúng tôi gồm mấy thằng con trai chia nhau những vị trí trong nhà để tìm chỗ ngồi học.

Tôi may mắn chọn chỗ cửa sổ trên gác, nhìn xuống bên kia là một gian nhà nhỏ, có cây cối um tùm và một mảnh sân. Sáng nào tôi dậy sớm học bài cũng nghe đều đặn tiếng chổi quét sân sột soạt từ nhà bên. Lâu dần, lâu dần tôi quen với tiếng chổi quét sân buổi sớm. Có hôm ngưng đọc sách, nhìn xuống mảnh sân nhỏ bên kia, tôi bắt gặp một người con gái đang quét sân. Nàng mặc đồ ngủ trắng, tôi nhìn mãi không rõ mặt vì mái tóc thề đen nhánh khi nàng cúi xuống đã che khuất khuôn mặt, nhưng tôi nghĩ rằng chắc là nàng phải đẹp. Nàng quét xong là vào nhà được những tàng cây che chở cho nên khó có ai nhìn trộm.

Tôi quá quen thuộc với tiếng chổi quét sân. Những hôm không có bài học, tôi cũng ra ngồi bên thành cửa sổ nhìn sang để mong được thấy người con gái. Có hôm làm như biết được có kẻ nhìn trộm mình, người con gái ngừng tay ngước lên và bắt gặp tôi đang nhìn xuống, nàng bẽn lẽn quăng chổi ngoài sân rồi chạy vào nhà.

Từ đó tôi đã thấy mặt nàng và cho những điều gì mình mường tượng trước đây đều đúng sự thật. Về phần nàng, chắc nàng cũng biết tôi

là thằng con trai học trọ ở nhà bên, và sáng sáng nàng vẫn quét sân, còn tôi vẫn ngồi trên thành cửa sổ.

Rồi một ngày kia, khi bà chủ nhà tôi chuyện trò với người hàng xóm, tôi biết được nàng tên là Thu. Nàng cũng đang học tại một trường nữ trung học. Ba nàng là một công chức, luôn thay đổi chỗ làm, và nàng phải theo cha mẹ nên việc học hành còn đang dang dở.

Một hôm, tôi làm sẵn một bài thơ có mấy câu, định lúc nàng đang quét sân sẽ quăng xuống chỗ nàng. Khổ nỗi, lúc tôi quăng tờ giấy đã xếp làm tư, trong đó có kèm một hòn sỏi nhỏ, tôi không thấy nàng lượm lên xem mà vẫn đưa ngọn chổi quét đi. Không biết sau khi quét sân xong nàng có lượm lại tờ thư của tôi để đọc không, chỉ biết rằng sau đó mấy hôm, nàng không còn quét sân nữa.

Gia đình nàng lại chuyển đi một tỉnh khác.

Lúc đó tôi chưa xác định được tình tôi đối với nàng là gì, bởi tôi còn quá trẻ. Tôi chỉ biết tôi nhớ nhớ tiếng chổi quét sân, nhớ một cách mơ hồ hình ảnh một người con gái có mái tóc thề che ngang nửa mặt. Bài thơ xưa tôi chỉ làm được có mấy câu, cho đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ. Không biết lòng tôi thuở đó nghĩ gì mà viết nên được những câu thơ, trong đó tự nó đã tiên tri, có cái gì đó vụt đến rồi đi, có cái gì mất mát và không trọn vẹn. Ôi những dòng thơ của buổi đầu đời!

Lá rơi đừng quét em ơi,
Để cho anh biết đất trời vào thu.
Ngày mai... trời đổ sương mù,
Làm sao anh thấy lá thu em vàng.
Ngày mai lá hết bay sang,
Anh tìm đâu được cô nàng quét sân.

Năm ba năm sau, khi đã không còn trọ học trong căn nhà xưa, ngồi nhớ lại những dòng thơ cũ, tôi không giải thích được cho tôi mình viết những dòng thơ đó để làm gì. Không tỏ tình, không hứa hẹn nhưng lại sợ mất đi những ngày không nghe được tiếng chổi, những ngày trời ngập sương mù, và những ngày không có lá bay sang.

Mục đích gần gũi khi quăng những dòng thơ xuống dưới chân nàng là để chọc ghẹo một cách văn chương người con gái có tên Thu và đối với tôi thu đã đi vào tâm hồn tôi khi còn thơ ấu.

Cái dung nhan mùa thu của tôi từ thời thơ dại sao mà êm ái nhẹ nhàng như một sợi tơ trời.

THIÊN YÊN

THIÊN THẦN RỚT CÁNH

Em quên đi điều tôi đã hứa
Tóc bốn mươi giờ kể chuyện đôi bờ
Em nhìn tôi nốt ruồi lệ trên môi
Nhỏ xuống, mầu áo lụa vết trăng
Thấm vào kẽ hở của tâm hồn.

*

Đừng bối rối khi tôi không tiễn em
Ra con đường quen thuộc vết chân đêm
Cửa ra vào xin em tự mở lấy
Khi cơn ho hấp hối kéo ta về.

*

Đừng lên cơn đau khi tôi không nhìn em
Dưới bóng đèn cầy thắp nửa đêm
Đừng yên lặng khi tôi đã quên
Tên em viết trang đầu sách cũ.

*

Em về đi hoa cam khô cài trên tóc
Lá bùa Morocco nhìn cuối mắt em buồn
Hình đen trắng mẹ, cha, chị em tôi
Âm thầm tiễn em đi rất chậm.

*

Em về đi thiên thần đã rớt cánh
Gục đầu khóc dưới chân *Michelangelo
Mùa trăng non tôi phá cửa vào nhà
Đập đầu lên gối gọi tên em.

*

Em về đi,
Vào *Ramadan anh để tang đôi cánh trắng.

** Michelangelo: họa sĩ Ý thời Phục Hưng, nổi tiếng với những bức tranh thiên thần trên trần nhà thờ.*

** Ramadan: Tháng lễ Hồi giáo, nhịn ăn vào ban ngày.*

Một lần nhìn thấy cái đẹp, một lần biết gởi gấm một chút tình cảm ban sơ, rồi sau đó tan biến nhanh như một cơn gió thoảng. Còn lại trong tôi chỉ vài câu thơ sâu lắng, chứa chan một thứ tình cảm không tên, không tham vọng. Cái ước mơ không bao giờ nắm trọn trong tay, cái luyến lưu không bao giờ đuổi bắt, nhẹ nhàng, nhẹ nhàng như một gợn sóng trên hồ, như một nét mây mỏng manh giữa bầu trời quang đãng...

*

Vì yêu thơ cho nên những vần thơ viết về mùa thu của các tác giả cổ kim tôi thuộc được một ít. Có bài tôi thuộc nguyên vẹn, có bài chỉ nhớ một vài câu ưa thích nhất. Những bài văn bài thơ làm cho tôi dễ rung cảm và dễ thuộc, thường mang sắc thái u hoài. Dù cảnh có đẹp, lời có hay, cũng phảng phất một chút buồn vương man mác.

Ví dụ:

...Vàng đâu nhuộm khắp cây đồi
Xanh đâu thu trải kín trời thẩm xanh,
Gió lên rất nhẹ trong cành
Như em — thu chiếm lòng anh khi nào...
(Nguyễn Bao)

...Thu về vơi nỗi nhớ mong
Trời cao rộng chẳng đợi trông cánh diều
Con đường đến với tình yêu
Giật mình chợt thấy quá nhiều ngã ba
(Vũ Duy Thông)

...Từ vào thu đến nay,
Gió thu hiu hắt
Sương thu lạnh
Trăng thu bạch
Khói thu xây thành
Lá thu rơi rụng đầu cành
Sông thu đưa lá bao ngành biệt ly"...
(Tản Đà)

...Đêm thu khắc lậu canh tàn
Gió cây trút lá trăng ngàn ngậm gương
Lối mòn cỏ nhạt màu sương
Lòng quê đi một bước đường một đau
(Nguyễn Du - Kiều)

...Trời thu ảm đạm một màu
Gió thu hiu hắt thêm sầu lòng em
Trăng thu bóng ngã bên thềm
Tình thu ai để duyên em lỡ làng!...
(Tương Phố - Giọt Lệ Thu)

Con người bệnh hoạn Hàn Mặc Tử yêu mùa thu tha thiết nhưng không nói nên lời, đã để cho những cơn gió heo may hờ hững đến làm vơi đi ánh mắt sầu đông:

Ấp úng không ra được nửa lời
Tình thu tha thiết quá thu ơi
Ngỡ ngàng cánh nhạn bay qua trớt
Hờ hững hơi may thoảng lại rồi
Nằm gắng đã không thành mộng được
Ngâm tràn cho đỡ chút buồn thôi
Ngàn tầm bóng liễu trông xanh ngắt
Cảnh sắp về Đông mắt sẽ vơi.

Thu rơi từng cánh

Mùa thu hoa cúc lại tàn
Thuyền ai buộc mãi bên làn cây cong
Người về để lạnh phòng không
Thu rơi từng cánh cho lòng nhớ thương
Có người cung nữ họ Vương
Lên lầu nhìn giải sông Hương nhớ nhà.
(Nguyễn Bính)

Chạm Thu

Chạm thu lòng gợn heo may
Nghe thời gian đọng hai tay lá vàng
Se se gió gọi mùa sang
Vườn ai nỗi nhớ lỡ làng cúc xưa
Chạm thu chao cánh chim thơ
Rớt từng ân vọng xuống mùa buồn tênh.
Ngỡ tình đã ngủ trong quên
Đâu hay thu vẫn lênh đênh tóc người
Chạm thu nắng úa hiên ngồi
Vàng phai ngọn lá ngang trời nhớ thương
Chiều nay áo trắng lạ thường
Cúc xưa giờ nở lạc vườn nhà ai
Em xa như tiếng thở dài
Đường tôi quạnh quẽ hai vai cỏ gầy
Xin mùa thôi bớt heo may
Vòng nguyên cúc nhớ những ngày chạm thu
(Nguyễn Liên Châu)

...Trời đã thu rồi em ở đâu?
Nằm trong đất lạnh chắc em sầu?
Thu ơi đánh thức hồn ma dậy,
Ta muốn vào thăm nấm mộ sâu.
(Đinh Hùng)

Thật là lãng mạn, thi nhân muốn đi tìm người yêu cũ, trong khi nàng đã thành người thiên cổ. Trời vào thu làm cho những kỷ niệm của người thơ sống lại, dù trong chốn thâm u cũng muốn vào tận nơi để tìm lại kỷ niệm xưa.

Một thi nhân Pháp, khác với Đinh Hùng là không đi tìm người yêu trong nấm mộ, mà dặn người yêu hãy đến nấm mộ của mình để thăm viếng. Nơi đó, chàng sẽ dành cho nàng những

đóa hoa mọc lên từ nấm mộ, từ trái tim của chàng bởi lúc còn sống chàng chưa kịp ân cần trao tặng.

À la chutte des feuilles

Lá rụng

Đến mùa lá rụng em ơi,
Mồ ta nghĩa địa đến nơi tìm tòi
Khi em đã nhận ra rồi
Thì quanh mồ chỉ hoa tươi mọc đầy
Hái mà dắt tóc cài tai
Vì hoa kia tự tim này nở ra
Đó là những điệu tình ca
Mà ta chưa kịp chép ra thành vần
Đó là những giọng ái ân
Mà ta chưa kịp ân cần cho em.

*

Trên đây tôi chỉ ghi lại một ít văn thơ nói về Thu, tiêu biểu cho những tâm hồn đã vì thu mà viết nên những dòng trác tuyệt, không bút giấy nào ghi cho hết.

*

Tình cảm con người rồi cũng già đi theo năm tháng, con tim có thể chai đá với thời gian, nhưng thu của đất trời thì cứ xoay vần, mỗi năm làm lại một lần. Thu không trẻ, thu không già, thời gian muôn đời vô tận.

Lòng tôi đối với mùa Thu có ít nhiều tâm đắc, tuy nhiên

- Phải qua một mùa Đông buốt giá,
- Phải qua một mùa Hè oi ả.
- Phải qua một mùa xuân tưng bừng

Rồi mới gặp lại một mùa thu tri kỷ.

Con đường thu tôi đã đi qua của tuổi thơ ấu (và chỉ có ở tuổi ấu thơ) mới dễ dàng hòa diệu cùng cỏ cây vạn vật, mới rung cảm được những sắc thái vô vàng của ngàn cây, với cái se lòng của từng cơn gió heo may, cái sụt sùi thương đau của những giọt mưa thu rả rích, tiếng rơi êm đềm của những chiếc lá vàng như ai kia gõ nhẹ trên phím dương cầm.

Con ơi,

Con đường làng nhỏ hẹp quanh co mà Ba từng dắt con đi trên đó, sau này sẽ đưa con đến đâu?

Hãy để lại những dấu chân kỷ niệm, sau khi tâm hồn đã hòa điệu cùng với một trời Thu bất tận.

Cuối thu 1995

TÌM ĐỌC

CĂN PHÒNG THAO THỨC

Tập truyện của **TRẦN DOÃN NHO**

"Với ba bài tùy bút và mười truyện ngắn đặt chung trong tác phẩm này, Trần Doãn Nho cho người đọc thấy anh là một nhà văn thao thức trên từng dòng chữ qua khía cạnh hiện thực của một xã hội còn nhiều trăn trở.

...Có thể nói anh là một người biết kềm chế chữ nghĩa và tình cảm. Anh không to tiếng, không la lối, không thậm xưng, không lên án, không nguyền rủa. Bạn bè của anh, người bên này, kẻ bên kia, anh đều mở rộng cửa. Không có oán thù trong chữ nghĩa Trần Doãn Nho.

Nguyễn Xuân Hoàng

THANH VĂN xuất bản

ÁNH TRĂNG VÀ NHÀ TÙ

TRẦN MỘNG TÚ

Người bạn nói với Rơm:

"Thằng Năm nhà em nó lại bị bắt rồi, chị có đi thăm nó thì đi, em không muốn nhìn nó nữa."

Thế là Rơm thay bạn đi thăm Năm, Rơm biết chị bạn đã khổ vì cậu con này lắm rồi, nên bây giờ nói hờn, nói dỗi nhưng trong lòng, Rơm biết chị thương Năm nhất trong ba đứa con của chị. Vì hai cô con gái đầu thì ngoan ngoãn học hành chăm chỉ, riêng Năm thì khác hẳn hai chị. Năm thông minh, có nhiều tài như vẽ đẹp, đánh đàn hay, và thuộc nhiều thơ nhưng cá tính rất mạnh. Hồi mới mười hai tuổi có một lần giận Bố, Năm vác cần câu ra hồ ngồi suốt một đêm, làm cả nhà toán loạn đi tìm, đi báo cảnh sát. Lớn lên một chút nữa Năm bắt đầu không thích cắp sách đến trường, lúc nào cũng chỉ thích thơ thẩn ở mấy cái công viên, mấy khu hồ hay trốn nguyên ngày dưới nhà hầm hý hoáy vẽ hoặc đóng, cưa một cái gì đó mà Bố Mẹ Năm không thể nào biết được. Cả hai vợ chồng đều đi làm từ sáng đến chiều, có khi làm cả ngày cuối tuần, ít khi có dịp gặp mặt một đứa con lúc nào cũng muốn lẫn tránh cả nhà. Năm bỏ học lúc mười bảy tuổi, năm nay đã hăm hai vẫn chưa xong Trung Học. Hai năm về sau này thỉnh thoảng Năm lại dính líu vào một vụ bắt bớ như lái xe quá tốc độ, cảnh sát gọi không dừng lại hoặc cảnh sát tìm thấy vài lá cần sa trong xe, một lần nữa bị bắt vì có ý hành hung chống lại cảnh sát. Lần này thì Năm bị bắt vì tội dám bạt tai cô bạn gái khi cô này gọi Năm là: Một người đánh mất linh hồn (A lost soul).

Rơm có lẽ là người duy nhất thỉnh thoảng Năm còn truyện trò một đôi câu. Có lẽ tại khi có dịp nói chuyện với Năm, Rơm không khuyên răn, giảng dậy gì cả, mà chỉ nghe Năm nói, hoặc nói về một đề tài gì mà Năm thích như vẽ vời, câu cá, hoặc một bài hát mới ra, một ca sĩ đang được khen ngợi.

Rơm bước ra cửa thang máy, trước mặt Rơm là một bức tường chắn ngang có chia từng ô cửa nhỏ, ngăn kính, trước mỗi ô cửa có một máy điện thoại. Người ngồi trong cửa sổ và người ngồi bên ngoài có thể nhìn thấy nhau rõ ràng và nói với nhau bằng hai đầu giây điện thoại. Rơm nhìn sang phía trái của nhà giam phía sau tấm cửa kính lớn, cách một lối đi lại là một gian buồng lớn khác cũng được ngăn bằng kính dầy, ở đó có bàn giấy và nhân viên an ninh mặc đồng phục ngồi kiểm soát tù nhân. Gian buồng đó, dưới mắt Rơm giống như một cái nhà tù nhỏ ở trong một cái nhà tù lớn, thực ra nó chỉ làm nhiệm vụ của một cái chòi canh. Cả khu được sơn mầu xanh lá cây, các bức tường cao, thẳng đứng, lạnh lùng và câm lặng. Không một bức tranh không một khẩu hiệu, kẻ trên tường. Những khung cửa sổ gắn kính và song sắt đụng trần nhà để cho ánh sáng lùa vào chứ không phải để cho người đứng trong được nhìn ra trời, đất bên ngoài.

Năm đã đứng sẵn sau một ô kính, mặc một bộ đồng phục của nhà tù mầu rượu chát, loại quần áo bằng vải mỏng như những quần áo của lao công trong các bệnh viện, Rơm không thấy quần áo của Năm có đánh số, có lẽ vì đây chỉ là nơi tạm giam của những người tội nhẹ, trước khi đem ra xử.

Rơm mỉm cười với Năm, Năm cầm điện thoại lên trước, hỏi:

"Mẹ cháu nhờ cô vào thăm cháu phải không?"

"Mẹ có nhờ và cô cũng muốn gặp Năm nữa."

"Cô cần gặp cháu làm gì?"

"Ồ, cô muốn nói chuyện với Năm và cô còn đem quà vào cho Năm nữa."

Năm nhìn Rơm với cặp mắt nghi ngờ:

"Quà gì vậy cô, ở đây họ đâu có cho đem quà vào."

Rơm không nói, cô cho tay vào túi áo khoác lấy ra một phong bì, cô mở phong bì, gượng nhẹ kéo ra một xấp lá vàng, cô cười với Năm, áp mấy chiếc lá sát vào mặt kính.

"Quà của Năm đây, những chiếc lá Aspen này cô mới nhặt sáng nay, Năm có thấy nó có mầu vàng giống như mầu vàng ròng của những món nữ trang không?"

"Có phải những cây Aspen ở sau vườn nhà cô không?"

"Năm có trí nhớ giỏi thật, có đến cả ba, bốn năm nay rồi Năm đâu có đến nhà cô mà vẫn nhớ hàng cây Aspen đó. Mà cô đố Năm cây Aspen này dịch ra tiếng Việt tên là gì."

Năm dán mũi sát vào mặt kính, mở to cặp mắt mầu nâu, Rơm thấy kẽ mắt Năm như nứt ra, có một chút viền đỏ, giống như một sợi chỉ chạy chung quanh mắt, tự nhiên Rơm thấy tim mình nhói lên trong một tíc tắc.

"Cháu không biết tiếng Việt gọi nó là gì, nhưng cháu nhớ rất rõ là thân cây có mầu trắng, và mình có thể bóc được lớp vỏ mỏng của vỏ cây."

"Khá lắm - Rơm gật gù khen. Cây Aspen tiếng Việt gọi là cây Bạch dương, cái tên thật tuyệt, đọc lên nghe như đọc một câu thơ vậy."

Năm vẫn dán mũi vào kính, những chiếc lá Bạch dương ở phía bên kia mặt kính cũng như ôm sát lấy mặt Năm, Năm không nghe rõ những lời của Rơm, anh đang mải ngắm những chiếc lá, anh muốn bóc nó xuống mà không bóc được, những chiếc lá như những mảnh vàng nhỏ dát lên mặt kính. Năm như ngửi được cái mùi tươi, ẩm của những giọt nước ở trong từng thớ lá, anh hít một hơi dài, bàn tay anh đang xòe ra áp vào khung kính, bỗng buông thõng xuống, Năm hỏi:

"Tối qua là Rằm Trung Thu phải không cô?"

Rơm ngạc nhiên:

"Tại sao Năm biết, trong này làm gì có lịch in ngày Ta."

Năm nói giọng buồn buồn, đầu hơi cúi xuống, đôi vai vẫn buông thõng.

"Cháu biết, vì trước hôm bị bắt vào đây, cháu đi chợ Việt Nam thấy bầy bánh Trung Thu, cháu hỏi bà bán hàng thì bà nói còn một tuần nữa, cháu ở trong này đúng một tuần rồi."

MAI THẢO

NÚI VÀ SUỐI

Ngọn núi nào đâu mà khuất núi
Không nhìn thấy nữa bạn bè ta
Hóa ra núi chỉ là tên suối
Nơi của nằm yên dưới suối vàng.
Tôi ở trên đường đi tới suối
Tầu lăn ình ình tàu chuyến cuối.

CON ĐƯỜNG TUYẾT PHỦ

Mùa đông, nhớ một con đường tuyết
Tịch mịch đi qua một cánh rừng
Rừng ở trên cao, cành trụi lá
Con đường tuyết phủ ấy là ta.

Rơm vỗ vỗ nhè nhẹ lên mặt kính như vỗ lên vai Năm

"Phải, hôm qua cả ngày mưa, đêm khô nhưng nhiệt độ xuống thấp nên trăng tháng Tám năm nay sáng lắm, trăng có mầu bạc chứ không phải trăng vàng.

"Tiếc quá, thế mà cháu không được ngắm, cháu vẫn thích trăng bạc hơn là trăng vàng mà cô có biết tại sao trăng khi thì bạc, khi thì vàng hay không?"

Rơm chần chừ không dám trả lời theo sự hiểu biết sơ sài về trăng của mình, Rơm biết tuy Năm bỏ học ở lớp 12 nhưng sự hiểu biết của Năm rất khá trên nhiều phương diện, nhất là về văn chương, vì Năm đọc rất nhiều, cậu bé này là một con mọt sách. Rơm sẽ không ngạc nhiên nếu một ngày nào đó Năm trở thành một nhà văn, Rơm nói:

"Cháu biết gì về trăng thì nói cho cô nghe."

Năm đứng thẳng người lên, hai mắt chùng xuống anh nói chậm rãi:

"Bây giờ là giữa tháng Tám ta, nhưng dương lịch đã vào tháng Mười, ở tiểu bang lạnh như ở đây thì độ lạnh có thể làm thay đổi cách nhìn. Trăng thì không đổi mầu nhưng vào mùa lạnh mình nhìn trăng qua một lớp sương lạnh, ở trên cao, và ở xa tầm mắt, trăng có mầu bạc. Vào mùa nóng, mình nhìn trăng qua một lớp bụi và khí nóng, trăng thấp và gần, trăng có mầu vàng. Tháng Tám dương lịch trăng vàng như mật gọi là Trăng Mùa Gặt

(Harvest moon) Tháng Mười dương lịch trăng có mầu bạc gọi là Trăng Mùa Săn (Hunting moon). Tháng này là tháng cấp giấy phép cho người săn bắn. Còn một tên trăng khác gọi là Trăng Xanh (Blue moon) là khi nào cùng ở trong một tháng mà có hai đêm trăng tròn thì mặt trăng tròn của đêm đó được gọi là Trăng Xanh. Trăng xanh có thể ở cuối tuần, hoặc đầu tuần của tháng chứ không phải là trăng của đêm rằm. Điều này rất hiếm, nhưng có xảy ra."

Rơm lại xoa xoa tay mình lên cửa kính như xoa trên cánh tay Năm.

"Cháu hay quá, bao giờ nói chuyện với cháu cô cũng học được một điều gì."

Năm cũng đưa tay lên, xòe cả bàn tay ra áp lên bàn tay Rơm bên kia mặt kính, Năm nói:

"Để cháu đọc cho cô nghe một đoạn thơ này

With bars they blur the gracious moon,
And blind the goodly sun
And they do well to hide their Hell,
For in it things are done
That Son of God nor son of Man
Ever should look upon." (*)

Rơm đứng lặng người đi một phút, ngập ngừng hỏi:

"Thơ của ai mà nghe cay đắng thế!"

"Đây là một đoạn trong bài thơ dài in thành một tập nhỏ có tựa là The Ballad of Reading Gaol, xuất bản năm 1913 tại New York. Tác giả ký tên là C.33 (số xà lim), Reading là tên một thành phố thuộc nước Anh, cô có thể tạm dịch ra tiếng Việt là 'Khúc hát trong nhà tù ở thành Reading.' Còn đoạn thơ này cháu không đủ tiếng Việt để dịch cho xuôi, cô về nhà dịch hộ cháu."

Rơm bàng hoàng, vẫn biết là Năm hay đọc sách nhưng sao Năm có thể nhớ ra được một đoạn thơ cũ kỹ như thế này vào đúng cái hoàn cảnh giam hãm Năm đang ở trong. Cô bạn gái của Năm đã gọi Năm là "A lost soul" thật là một điều lầm lẫn, Rơm nghĩ tâm hồn Năm nào có khác gì viên ngọc quý còn dấu trong tảng đá xấu xí, một ngày nào đó có người đến đập tảng đá ra sẽ tìm thấy nó. Quả thật mình không cần khuyên nhủ hay lên tiếng dạy dỗ những quy luật cứng ngắc của đời sống với người thanh niên này, Rơm xoay câu chuyện trở lại với ánh trăng.

"Tối qua trăng đẹp lắm, cô ra nằm ở ngoài phòng khách, cô nằm ngay dưới sàn nhà nhìn lên phía cao của cửa sổ. Cô thấy mặt trăng như một chiếc khay bạc treo trên những nhành cây, cửa sổ nhà cô không phải là một vuông kính lớn mà là loại cửa có cắt ra từng những ô nhỏ, bởi những nẹp gỗ ngang dọc, mỗi ô chỉ bằng một trang giấy nên mặt trăng nhiều khi cứ bị cắt ra thành mảnh nhỏ, cô thấy thương quá, cô bỗng nhớ đến câu thơ cũ

'Trăng nhòm cửa sổ mặt trăng vuông'

Cô lại nằm xoay đi xoay lại mãi cho đến khi ở một góc nào đó cô có thể nhìn thấy trăng nguyên vẹn. Thỉnh thoảng lại có đám mây đi ngang qua mặt trăng làm cho cặp mắt mình lúng túng, không biết là mây kéo trăng đi theo hay là trăng đi mà dắt theo mây. Cô nhớ đến sáng nay sẽ đi thăm Năm nên cô muốn đem theo mặt trăng rằm vào làm quà — Rơm ngừng nói, cho tay vào một cái túi khác trên áo lấy ra một miếng bìa mỏng màu đen (loại giấy làm thủ công) trên đó có vẽ một cái vòng tròn sơn kim nhũ bạc, đưa cho Năm xem qua cửa kính

"Cô không phải là họa sĩ, nên không biết vẽ những cành cây và khung cửa, cô chỉ biết đêm thì mầu đen và trăng thì bạc, cô tặng Năm đây, một chốc nữa xuống dưới kia, trước khi về cô sẽ hỏi thể lệ ở văn phòng để gửi cho Năm, cô nghĩ chắc là họ chẳng cấm đoán gì với một mặt trăng."

Năm nhìn vào mắt Rơm:

"Cô làm cháu cảm động quá, cô thấy cháu bây giờ cũng nào có khác gì bóng trăng, cháu không biết là cháu đang ở bên ngoài hay bên trong cửa sổ nữa, cháu còn nguyên vẹn hay cháu bị cắt ra thành những miếng vuông. Cha mẹ cháu có nhìn thấy một mảnh nhỏ nào lấp lánh của cháu hay không?"

"Cô nghĩ là cha mẹ cháu có nhìn thấy, nhưng cha mẹ nào mà không tham lam, mà không muốn nhìn thấy nguyên cả một mặt trăng thay vì những mảnh vụn lấp lánh ở con."

Năm rời một bàn tay đang áp lên bàn tay Rơm, dùng ngón trỏ di động vòng theo mặt trăng bạc trên phía sau mặt kính.

"Cháu biết là cháu sẽ được ra khỏi đây không lâu vì cháu chẳng có gây ra thương tích nào cho cô bạn cháu cả, nhưng thú thật với cô đời sống đối với cháu cũng là một nhà tù kiên cố lắm rồi, ra hay ở trong này cũng chẳng khác gì nhau."

"Tại sao Năm lại nghĩ đời sống là một nhà tù."

Năm nhìn vào khoảng không, đôi mắt anh mở lớn, sáng bóng. Rơm đọc được trong đó sự

thông minh, sự nhạy cảm và tuổi trẻ của người thanh niên. Năm nói chậm và rõ

"Cô cũng đang ở trong nhà tù, một cái nhà tù vô hình mà cô không biết. Cô có thấy khi mình sống mình bị lệ thuộc vào cả trăm thứ luật lệ, bổn phận hay không? Như cháu đây, để được gọi là một người đàng hoàng đúng nghĩa, cháu phải ăn học đến nơi đến chốn, có công việc làm, lấy vợ, đẻ con, lái xe và thắt cà vạt. Cháu phải sống cái cách mà xã hội muốn cháu sống để làm đẹp cho xã hội, nếu cháu sống khác đi (theo ý cháu muốn) thì cháu sẽ bị hất ra ngoài. Như vậy cuộc sống nào khác gì một cái bánh xe mà con người chỉ là những viên bi, những con ốc đã được tạo ra, đánh bóng lắp vào cái bánh xe đó. Bánh xe quay thì những viên bi, những con ốc cũng quay theo. Nếu có một vật lạ nào, không cùng một hình dáng, khác thể chất lọt vào bánh xe đó thì sẽ bị bật tung ra ngay. Còn như cô, cô có biết là tối hôm qua đang khi cô nằm dưới đất ngắm lên mặt trăng, thương cho mặt trăng bị cắt từng mảnh nhỏ qua khung cửa sổ thì cũng là lúc mặt trăng đang ngắm lại cô, thương cho cô, một sinh vật lạ lẫm đang bị giam hãm, đang bị cắt vụn ra sau ô cửa sổ đó. Khi cháu nghe thấy ai khen cô sống một cuộc sống tốt lành, mẫu mực thì cháu lại cảm thương cho cô, vì cháu biết thật sự con người của cô, cô muốn đạp đổ cái đời sống đóng khung, cô thèm được sống như cháu, như mặt trăng ở bên ngoài cửa sổ, ở trên bầu trời bát ngát đó mà cô không dám."

Năm đang nói miên man, anh chợt khựng lại, anh nghe tiếng chuông reng báo hiệu hết giờ thăm, anh nhìn thấy hai dòng lệ nhỏ ứa ra từ khóe mắt Rơm, anh hạ giọng

"Cháu xin lỗi cô, cháu nói lung tung quá, cô đem trăng rằm tháng Tám vào cho cháu, cháu lại dùng ánh trăng đó làm cô buồn."

Rơm vẫn đứng lặng yên, cô không giơ tay lau lệ, cũng không phủ nhận những lời Năm nói, cô đang lắng nghe tiếng chuông reng từ cái chòi canh đặt giữa nhà tù, cô ngước nhìn những chấn song sắt ở những ô cửa sổ trên cao. Cô nghĩ đến một nhà tù ở bên ngoài những chấn song đó.

Tháng 8/97.

(*) *Lược dịch:* Họ dùng những chấn song làm nhòe vẻ đẹp của trăng, Làm mù vẻ rạng rỡ của mặt trời, Và họ giấu đi rất giỏi địa ngục của họ. Những điều khủng khiếp đến thế, Thì đến Thượng Đế và loài người cũng phải nhìn vào.□

Artexpo
LOS ANGELES™

Los Angeles Convention Center
Los Angeles, California
October 24-27, 1997

SUZIE VUONG hân hạnh được cùng với gần 300 Art Exhibitors từ trên 25 quốc gia tới tham dự
Từ 10 giờ sáng đến 7 giờ tối
Kính mời quý vị và các bạn đến xem

SUZIE VUONG
Gallery

SANTORA ART COMPLEX
207 N. Broadway, Suite #3
Santa Ana, CA 92701

Tel: **(714) 558-8218**
Pager: **(714) 967-7571**
Fax: **(714) 444-1082**
http://kicon.com/art/SuzieVuong

Kính mời Quý vị và các bạn đến xem triển lãm tranh của nữ họa sĩ

SUZIE VUONG
Tình Hè

Tối Thứ Bảy 11 tháng 10, 1997
Tiếp tân từ 7 giờ đến 9 giờ tối
Triển lãm tiếp tục đến 29 tháng 11, 1997

Ngày giờ mở cửa:
Thứ Bảy: 12 giờ trưa đến 5 giờ chiều
Những ngày khác xin theo hẹn

BÁN TRANH ORIGINALS &
LIMITED EDITIONS

ÔNG QUAN HAI

ĐẶNG PHÚ PHONG

Chuyện chỉ là đùa. Hắn tên Quan. Gần nhà có đứa con gái tên Hai cùng lứa tuổi. Hắn thường cởi tồng ngồng chạy tắm mưa với lũ trẻ, trong đó có Hai. Nhưng sau hôm cả làng lo quét dọn sạch sẽ để đón tiếp "Ông quan hai" thì hắn không còn cởi truồng tắm mưa nữa. Cũng chỉ vì mấy tiếng "ông quan hai" khiến cho bọn trẻ "cắp đôi" hắn và Hai vang ầm cả xóm. "Ê, ông quan hai, ông quan hai." Hắn càng xấu hổ tợn khi cha mẹ hắn cười cười bảo nhau: "Con bé xinh thiệt, mai mốt cưới cho thằng Quan." Lúc đó hắn lên bảy.

Con bé Hai được người chú không có con đưa lên tỉnh nuôi ăn học. Mấy hôm đầu hắn buồn da diết, thiếu chút bỏ ăn. Hắn thắc mắc ghê gớm là con Hai đi xa như vậy, mai mốt làm sao nhà hắn có thể hỏi cưới được. Hắn ôm câu hỏi đó không dám hỏi ai cho tới khi hắn quên bẵng con Hai.

Rồi hắn cũng được lên tỉnh để theo học bậc trung học. Thỉnh thoảng mẹ hắn lên thăm vì nhà không muốn hắn về quê sợ ảnh hưởng đến việc học. Một hôm mẹ hắn xuất hiện với một người con gái. Hắn thật ngạc nhiên khi thấy người con gái ấy tươi cười kêu tên hắn. Khi mẹ hắn bảo đó là Hai thì hắn đâm ra ấp a ấp úng và chợt thấy Hai là người đẹp nhất trên thế gian nầy. Hai về quê thăm, trước khi theo ông chú đổi đi tỉnh khác, khi trở lên tỉnh cờ chung chuyến xe với mẹ hắn. Khi mẹ hắn rủ Hai ghé thăm hắn thì Hai nhanh nhẩu đồng ý và còn bảo muốn thấy "Quan bao lớn rồi."

Trên đường đưa Hai về nhà, hắn chợt nhớ lại sự thắc mắc của mình từ thuở Hai lên tỉnh học. Hắn thấy mắc cỡ quá chừng nên chẳng nói được gì cả. Cho đến lúc gần tới nhà hắn mới hoảng lên nói đại một câu:

"Biết chừng nào mình gặp nhau nữa!"

"Mai mốt mình gặp nhau."

"Mai mốt là chừng nào?"

"Chừng nào mình gặp nhau là mai mốt."

Nói nhau như vậy là đã tới nhà, Hai bước vội vào cổng sau khi cười với hắn thật tươi, thật hóm hỉnh. Năm ấy hắn mười bảy tuổi.

Mười năm sau tình cờ hắn gặp nàng ở Pleiku. Buổi chiều khá lạnh với cái nắng quái xanh xao trên đường Hoàng Diệu. Sau cái nhìn nhau thật ngỡ ngàng nàng hắng giọng giới thiệu với chồng rồi cố ra vẻ pha trò nàng tiếp:

"Thời gian qua nhanh thiệt mới đó mà anh đã thành ông quan hai rồi."

Hắn cười cười, sờ sờ hai cái hoa mai trên cổ áo, nói như lạc giọng:

"Ờ...ờ...ờ...ông quan hai...về làng."

Sau buổi chiều hôm đó hắn và nàng không còn gặp nhau nữa cho đến năm 75 hắn đi "tập trung cải tạo." Nàng may mắn thoát thân được với gia đình và định cư tại Mỹ. Ba năm sau chồng chết nàng ở vậy nuôi đứa con gái duy nhất ăn học. Phần hắn khi ra tù thì vợ hắn cũng đã có chồng khác. Rồi hắn cũng được đi Mỹ, một mình, theo diện nói nôm na là H.O.

Hai người ở hai tiểu bang cách xa nhau. Có người biết chuyện bảo sao không cho họ biết tin nhau để họ gặp nhau, chắp nối lại và hạnh phúc. Tôi thì nghĩ khác. Tại sao không để cho đời họ tự nhiên trôi như năm mươi năm qua. Có thể họ sẽ gặp lại nhưng chỉ để nói dăm câu vu vơ như những lần gặp trước. Còn bạn, bạn nghĩ sao?□

KIBBUTZ

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

Đi đi đâu mà tới nơi?
Thấy lòng lên phơi phới...
Đi phương nao mà tới đây?
Chỉ thấy lòng còn say.
Hôm nay tình đầy!
Thương yêu tràn ngày...
Thiên thu trong lòng này,
Tương lai trong bàn tay...
Lữ Hành - Phạm Duy

1

A, thiên thu trong lòng này, tương lai trong bàn tay... Câu hát sao mà hay. Bước khỏi máy bay ở phi trường Lod, Israel, việc làm có ý nghĩa đầu tiên của Tân là cởi chiếc veste chàng đang mặc. Đi được vài bước, việc làm có ý nghĩa thứ hai của chàng là bỏ nốt chiếc cà vạt. Chẳng bù trước đó năm năm, chàng định bước khỏi máy bay ở phi trường Anchorage, Alaska, vào tháng chạp, phong phanh một chiếc sơ mi. Cô chiêu đãi viên cầm tay kéo lại, "Ông không sợ frostbite?" Lúc đó danh từ "frostbite" chưa có trong ngữ vựng của Tân. Thấy chàng ngơ ngác, cô chiêu đãi viên nói tiếp "It's very cold!" Chữ "cold" nghe ít đe dọa và thông dụng hơn, Tân cám ơn rồi lấy thêm áo mặc.

Nắng tháng Bảy bên bờ Địa Trung Hải, sân bay bê tông nóng bốc hơi đập vào mặt Tân ngột ngạt, khiến chàng cảm thấy như húc phải bức tường. Những ngày hè dài tại Hà Nội, Hải Phòng, Huế, rồi Sài Gòn diễn biến lại rất nhanh trong óc chàng như một giấc mơ. Không còn nữa, những dấu chân in hằn xâu trên nhựa đường thành phố, hay những tiếng ve sầu rỉ rả phá tan im lặng của trưa hè. Tân bước nhanh trên nền bê tông phủ bởi một lớp cát mỏng của sa mạc. Vào đến trong ga của phi trường, tiếng người cảnh sát làm thủ tục nhập cảnh khiến chàng trở về thực tại. Không

nhiều hành lý, ngoài ít sách vở, sau chừng nửa giờ là xong, chàng lên xe buýt đi về Tel Aviv.

"Trên đường thiên lý, hai bên đường xe chạy phong cảnh buồn rầu lặng lẽ. Toàn thị là một giải đất hoang, xa xa có một thôn mạc, năm ba nóc nhà lơ thơ. Ngoài là bãi cát trắng xóa, trong là dẫy núi xanh om, chiếc xe bon bon chạy, tưởng như con thú rừng lạc vào sa mạc." Tân ôn lại trong đầu đoạn văn chàng học thuộc lòng từ lớp đồng ấu của Phạm Quỳnh (?), tả cảnh đi trên đường Xuyên Việt. Ở đây, bên ngoài là Địa Trung Hải cát trắng, bên trong, không xa cho lắm, là những đồi đá đỏ. Xe chạy nhanh, gió thổi mạnh mà không mát. Hơi nóng tạt vào mặt, chàng tự nhủ dù sao quãng đường này cũng không đến nỗi tệ như quãng đường Xuyên Việt gần Quảng Trị, nơi có gió Lào thổi qua. Chàng nghĩ tiếp phong cảnh ở đây chẳng thể buồn rầu. Đây là đất của 'sữa và mật' (milk and honey) như người ta nói. Và đây sa mạc trổ hoa!

Nơi đất lạ, tất nhiên chàng trai trong lòng hồi hộp. Tuy nhiên, những kích thích của những gì không biết, với một niềm tin mãnh liệt và một bản tính lạc quan không thể chế ngự, chàng không thấy gì quan trọng và quên hết. Tân thấy "lòng lên phơi phới..." Trước đó chừng mươi tiếng đồng hồ Tân hãy còn ở Nữu Ước, và mới hai tuần trước, chàng trình xong luận án tiến sĩ. Cũng tại Nữu Ước cách đây chừng hai tháng, trong một hội nghị của Hội Vật Lý Hoa Kỳ, Tân gặp một giáo sư rất có tiếng. Ông dậy ở Đại Học Tel Aviv. Chàng ướm hỏi ông về trợ cấp nghiên cứu. Khi ông muốn biết chàng đang làm gì, Tân tả bài tóm tắt chàng trình bầy trong hội nghị, rồi mở cặp đưa ông xem phần tính toán và kết luận. Liếc đọc tập giấy, ông chậm rãi nói không có gì trở ngại, cứ việc đến Tel Aviv trong vụ hè. Duy có điều ông sẽ ở Tokyo đến tháng Tám mới về. "Nếu đến sớm anh nên đến ở một kibbutz ít lâu cho biết." Ông gợi ý.

Hạnh phúc thay trong tay có cashcows (1) và thẩm quyền. Đủ sức hứa nuôi người khác, "ngay tại chỗ." Hơn nữa, nuôi một ông "tiến sĩ," không kém. Ý tưởng "tiến sĩ" khiến Tân bất giác mỉm cười, nhớ đến bài vịnh Tiến sĩ giấy của Nguyễn Khuyến, nhất là câu:

Cũng gọi ông nghè, có thế thôi!

Có thế thôi! Đến Tel Aviv, đất lạ quê người, trong túi có vài trăm đô la. Với óc tưởng tượng phong phú, Tân nghĩ như đang thám hiểm Bắc cực một mình. Chàng quên một cách thuận tiện là job gần như sẵn sàng chờ đợi; hơn nữa chàng sẽ ở tạm nhà gia đình một người bạn trong ít ngày, trong khi tìm chỗ ở. Tuổi trẻ dễ thương và điên cuồng, làm nhiều quyết định quan trọng "ngay tại chỗ". Được nhận làm việc với ông giáo sư này, Tân thấy mình rất may mắn, thí dụ như không có trợ cấp tài chính chàng cũng cố tìm đến Tel Aviv. Công trình nghiên cứu của ông lúc đó đang lên rất cao. Về sau Tân nghe mấy người bạn kể lại - riễu một phần - là đêm công bố giải Nobel về vật lý năm đó, ông ngồi đợi điện thoại mãi, và thất vọng khi chỉ có một giáo sư khác ở Caltech được.

Chiếc xe buýt đã bắt đầu vào thành phố nên đi chậm lại. Bác tài, trán lã chã mồ hôi, miệng mấp máy như im lặng chửi thề, lái xe giữa những taxi và xe tư nhân nhỏ chạy hỗn độn luôn luôn bóp còi inh ỏi. Cuối cùng xe buýt đỗ lại trước một khách sạn trên đại lộ Dizengoff. Trời về chiều đã bớt nắng, mấy quán cà phê kê bàn la liệt trên vỉa hè đã bắt đầu đông khách. Ở góc đường vài xe dong bán falafel không khác mấy xe bán thịt bò khô.

2

Tân lấy taxi đi về nhà gia đình người bạn. Chàng hãy còn hơn bốn tuần lễ để làm quen với Israel. Ngay trong tuần lễ đầu chàng đã tìm được chỗ ở nhất định. Một bà già có apartment trông ra ngoài biển cho chàng thuê lại một căn phòng xinh xắn. Trong buồng khách, ngoài bộ salon giản dị, đồ đạc quý giá của bà là chiếc Steinway lớn, loại dùng để trình diễn. Bà chơi dương cầm vậy vậy, nhưng ông bạn trai của bà là một nhạc sĩ tài hoa. Những buổi tối ông tập dượt cho recital, Tân thường hay ngồi nghe đàn giờ này qua giờ khác: Brahms, Debussy, Chopin... Bàn tay người nghệ sĩ trên phím đàn trông thận trọng như nâng niu một viên ngọc quý giá dễ vỡ. Hay khi ông cố "shape" một câu nhạc, có khi đến cả mươi phút. Nhìn vẻ mặt khi ông vừa ý, dẫu Tân không thể định nghĩa bằng lời nói, chàng có thể cảm thấy thế nào là hạnh phúc.

Ngày thứ nhì, Tân bắt đầu làm quen với Tel Aviv. Buổi chiều, đi dạo trên bãi bể đã chán, vừa mỏi chân vừa nóng, Tân bước vào một rạp chiếu bóng. Phim đã xưa lắm, The Wizard of Oz, nhưng vì chưa xem đối với chàng đó cũng là phim mới. Ôi, Judy Garland, mới ngày nào hai má hãy còn bụ sữa phinh phính! Đoạn cuối phim lập đi lập lại chủ đề "Home Sweet

Home" khiến Tân thấy lòng chạnh buồn man mác.

Home Sweet Home cuối cùng của Tân cách đây không đầy một tháng là một apartment hai buồng ngủ chàng thuê chung với một người bạn. Apartment ấm cúng lúc nào cũng ngăn nắp sạch sẽ nhờ có một bà maid da đen đến dọn hàng tuần ("Hai người sẽ có maid của tôi đến dọn hàng tuần cho sạch sẽ." Nghe giọng vương giả của bà mẹ room-mate Tân định phản đối, nhưng nghĩ đi nghĩ lại, mấy bà mẹ Do Thái có khi còn tệ hơn cả mấy bà mẹ Việt Nam, chàng ngoan ngoãn trả lời, "Yes, ma'am." Và từ đó ngân khoản hàng tháng của hai chàng dành cho maid không bao giờ thay đổi.) Một vụ hè, với vé xe Greyhound $99 cho 99 ngày Tân định đi ngang dọc khắp nước Mỹ. Nhưng đi được gần hai tháng chàng vừa mệt vừa nhớ "nhà" nên bò về.

Trước khi đi Israel, Tân và room-mate về ở với bà vài ngày, lúc đó đã dọn về Maryland.

"Hãy cố kiếm một đứa con gái Do Thái, nó sẽ chăm nom, săn sóc anh cẩn thận!" Bà ra lệnh.

"Dạ, thưa bà. Con tin chắc vậy," Tân trả lời rồi nói tiếp trêu bà, "nhưng con nghĩ bà nói vậy vì bà không có dư ra một cô con gái."

"Tân, anh biết điều đó không thật," bà ngượng, má ửng đỏ, "anh là người thật không tử tế."

Tân cười đứng dậy ôm bà hôn phản đối: "Bà biết bao giờ con cũng thương bà." Rồi để đền bù, với một cố gắng phi thường chàng ngồi nín thở, ăn hết phần stew thịt cừu mà bà đã đặc biệt nấu cho chàng. Thấy Tân ăn ngon lành, bà quay sang hỏi: "Ăn thêm?" Chàng chưa kịp trả lời, tên room-mate judas đã nhanh miệng nói "Lẽ tất nhiên, mẹ." Nhìn room-mate ngồi cười, trước khi ăn tiếp, Tân không quên cho nó một cái đá. Nghe lục đục dưới gầm bàn, bà nghĩ có gì rơi bèn hỏi "Cái gì vậy?"

"Không, không có gì hết!" Một người trả lời.

Sáng ngày thứ tư, đi bộ đầu đường Dizengoff, Tân thấy một hiệu sách, bèn vào. Buổi sáng hãy còn sớm chưa có khách, chỉ có hai cô bán hàng ngồi nói chuyện gẫu. Vừa bước vào tiệm, Tân đứng khựng lại. Cả hai cô đều đẹp, nhưng Tân cảm thấy đặc biệt thu hút bởi một cô. Không, không phải chỉ có đôi mắt bồ câu, chiếc mũi dọc dừa hay cái đậm đà ấy là biểu tượng của sắc đẹp, như Mai Kim Ngọc Vũ Đình Minh viết ở chỗ nào. Điều làm cho Tân gần như nghẹt thở không phải là những biểu tượng của sắc đẹp đó, mà là mái tóc mầu hạt dẻ bóng dài khuôn bộ mặt son trẻ, thanh lịch, phảng phất hứa hẹn một chút gì man rợ và hoang dại khi nàng nheo đuôi mắt. Một chút rất nhỏ thôi, nhưng đủ để cho ta khẳng định rằng đây không phải là thần tiên, mà là một thiếu nữ bằng xương, bằng thịt, tràn đầy sức sống. Phải rồi, Tân quyết định, nếu là thần tiên thì đây là thứ thần tiên trong bài hát Tình Khúc Thứ Nhất của Vũ Thành An, một thứ thần tiên đầy cảm xúc, dấu "khóc mộng thiên đường" nhưng còn biết mãi mãi lưu luyến "dăm phút vui trần thế..."

Tân nhớ lại thời sống tại Đại Học Xá Minh Mạng, Chợ Lớn. Nhớ một người bạn thân của chàng tên là Nhâm. Nhâm có cái cười "hếch hếch" quyến rũ với một kỹ thuật "chim gái" cao cường. Chàng tin là Nhâm không bịa khi Nhâm kể hắn dừng xe gắn máy, giả vờ sửa xe để chờ một cô đi xe đạp tới. "Ấy, mọi sự rồi cũng xong!" Với tiếng "ấy" lưng chừng, chứa đựng, Nhâm phẩy tay, kín đáo chấm dứt câu chuyện. Tân đang sắp đặt trong đầu một kế hoạch để tiến tới thì nghe cô kia nói đi mua cà phê chừng 15 phút. Dịp may đã đến. Chàng tự hỏi nếu là Nhâm thì Nhâm sẽ làm gì? Tân bỏ mấy cuốn sách của Camus mà chàng đang lật giở, đằng sau mấy cuốn sách lớn, rồi đi ra hỏi chuyện cô hàng.

"Quái, sáng nay tôi vừa mới xếp mấy cuốn sách của Camus ở chỗ này." Cô hàng sách nói rồi như lục tìm lấy lệ. Rất nhanh chóng, câu chuyện chuyển qua hướng khác. Nàng làm ở đây nửa ngày. Cô bạn đồng nghiệp của nàng tên là Rivka (Rivka, tên rất thánh, Anh ngữ thông dụng là Becky hay Rebecca,) còn nàng là Carmen.

"Ồ, Carmen, tên cô làm tôi nghĩ tới cô gái gitane trong một đại nhạc kịch của Bizet." Tân nói. Carmen nhoẻn miệng cười trả lời là nàng không "sauvage" đến như vậy.

3

Và như vậy, chỉ bốn ngày sau khi bước chân xuống Tel Aviv, Tân có cô bạn gái. Ngồi phân tích sự thành công nhanh chóng của mình, Tân khiêm nhượng nhận rằng chàng vẫn chưa phải là địch thủ của bạn Nhâm. Bởi lẽ chàng hoạt động trong một điều kiện có thể gọi là "optimum." Cô gái như một con mồi, đã bị dồn sẵn ở một chân tường. Cô ngồi ở quầy hàng,

không đi xe đạp. Không phải, cô gái chẳng bị dồn vào đâu hết, vì lẽ cô không hề có ý định chạy trốn, mà trái lại với tính ham mới lạ — exotic taste — chính cô mới là người đã dồn một "rare species" vào chân tường: thật vậy, Tân là một trong một số ít người Á Châu đầu tiên đến làm việc ở nước này.

Một buổi chiều ngồi trên bờ bể gần Ramat Aviv, Carmen thổ lộ lần đầu tiên nói chuyện với Tân nàng thích nghe chàng phát âm chữ "j" như trong chữ déjà. Rồi nàng chỉ chỗ bờ bể phía xa, nơi hòn đá Andromaque. Tân nhìn theo, mặt trời chói lòa chiếu xuống tạo thành trăm ngàn ngọn gươm giáo đang đâm chém loang loáng trên mặt bể.

"À, anh đã đọc cuốn L'étranger của Camus chưa?" Không đợi Tân trả lời, Carmen nói tiếp. "Cứ mỗi khi em nhìn mặt biển chỗ hòn đá Andromaque kia là em lại nghĩ đến đoạn Camus tả Meursault bắn chết anh Ả Rập. Nó rồn rập, chặt chẽ như nhịp đi của định mệnh. Thật tàn nhẫn, vậy mà không độc ác, với kết quả vô cùng khốc hại. Vì sao? Chỉ vì mặt trời chiếu phản chiếu trên lưỡi dao? Tòa án không thể hiểu được lý do của Meursault mặc dù lý do của chàng ta giản dị, chặt chẽ."

Má Carmen thoáng đỏ, một phần hơi ngượng khi thấy Tân cười nàng hăng say triết lý. Nàng cắt nghĩa tiếp tại sao nàng nhắc đến Camus. Chỉ vì hôm đầu tiên ở tiệm sách Carmen hơi ngạc nhiên, trông Tân không phải là một tên ăn trộm mà tại sao có những cử chỉ có vẻ bất lương, như dấu sách.

"Carmen nghĩ tôi lương thiện?" Tân cười đáp, "Cô nhầm to rồi, tôi cũng ăn trộm. Có điều tôi tính toán làm sao ăn trộm được cô hàng bán sách đó thôi."

Carmen mới đến Israel hơn bốn năm. Gia đình nàng vốn đã lập nghiệp lâu đời tại Algérie. Bố mẹ nàng, cả hai người đều dậy học ở một lycée tại Algiers. Đầu thập niên 60 những biến cố chính trị dồn dập ở Algérie khiến đa số dân gốc Âu Châu di tản hết. Những dân Pháp sinh đẻ ở Algérie — pieds-noirs — thì trở về Pháp. Gia đình Carmen cũng di tản như non một triệu người khác. Chẳng có mấy liên hệ tình cảm với mẫu quốc, như nhiều người Do Thái, ông bà quyết định lập nghiệp ở Israel.

"Papa nói: Tại sao tao phải về Pháp để chúng nó gọi tao là pied-noir?" Carmen nói, chìa chân ra, nàng tiếp, "Anh trông chân em có đen không?" "Không, trông ngon lắm, nếu không đầy cát tôi cắn mất bây giờ."

Như một động tác phản xạ, Carmen vội vàng rụt chân lại, rồi ngửa đầu cười, hàm răng trắng bóng. Mồ hôi lấm tấm trên trán, trên mũi, trên bộ ngực căng tròn như Venus vừa bước ra khỏi làn sóng, đang đứng trên bọt bể. Bằng đôi mắt, Tân cởi nốt bikini cho nàng thành Venus thực thụ. Rồi ôm hôn nàng say đắm. Rất lâu, mồ hôi mặn mặn trong miệng, chàng thì thầm: "Tôi thích học thứ vật lý này, nó hay và bớt khô khan hơn thứ vật lý kia cả ngàn lần." Nàng cười đẩy chàng ra. (2)

Carmen học năm thứ ba, cũng tại Đại Học Tel Aviv. Tân kể chàng còn phải đợi ông thầy hơn bốn tuần lễ nữa, đang định kiếm đường đi một kibbutz thì may gặp Carmen. Nàng nói đây là một dịp tốt, nên đi ở kibbutz cho biết. Nếu muốn đi, nàng có thể thu xếp dễ dàng vì chú nàng là thành viên một kibbutz. Biết tại sao Tân còn ngần ngừ, nàng nói: "Cứ đi đi, em cũng hay đi chơi kibbutz, em sẽ đến thăm mỗi cuối tuần." Như vậy là mọi việc xếp đặt ổn thỏa.

Cuối tuần tới Carmen đưa Tân đi kibbutz của chú nàng. Kibbutz này ở phía bắc, giữa biên giới Israel-Lebanon và Nazareth. Cũng như đa số các kibbutz, đó là một nông trường tập thể mà chủ là chính các thành viên. Ở kibbutz, phòng ăn, nhà bếp, nhà kho đều tập trung. Trường học, nơi ngủ của trẻ con là tập thể. Công việc phân chia đồng đều. Thành viên làm việc theo sức mình; để bù lại, ăn uống, quần áo, nhà cửa, thuốc men, tất cả những gì cần thiết cho đời sống hàng ngày được cung cấp tùy theo nhu cầu. Kibbutz của

chú Carmen, giầu có hơn, nên hàng năm thành viên lâu năm hay lớn tuổi thường được đi du lịch xa. Kibbutz được quản trị bởi một hội đồng quản trị bầu trực tiếp. Nhờ sống và làm việc chung một cách bình đẳng và dân chủ như vậy, họ có thể xây dựng nhà cửa và khai khẩn trồng trọt trên sa mạc khô cằn.

4

Tân và Carmen còn đi lại nhiều trên con đường đi tới kibbutz này. Như khi hai người đi thăm Acre, một hải cảng cổ gần Haifa. Đây là một trong những thị trấn xưa nhất trên thế giới luôn luôn có người ở. Thời đại trước Thiên Chúa, Acre là một trung tâm thương mại quan trọng, bắt đầu xây dựng cách đây đến gần bốn mươi thế kỷ, từ thời một pharaoh, sách sử có nhắc đến. Acre đã đổi chủ nhiều lần. Biết bao đoàn quân viễn chinh đã lê gót qua cổ thành này; mỗi viên gạch, mỗi hòn đá có lẽ đều có một câu chuyện để nói.

Tân đứng trên tường thành, nhìn qua lỗ súng ra ngoài Địa Trung Hải. Chàng nghĩ đến những diễn biến bất thường của lịch sử. Thị trấn này bị chiếm đóng bởi Israel trong chiến tranh dành độc lập năm 1948 và sát nhập vào Israel năm 1949. Chàng nghĩ đến một buổi tối đi bộ, bàn chuyện Trung Đông với anh bạn người Syria. Nói nhiều, nhưng kết luận như đã định trước. Lúc đầu sự xung đột không mấy mãnh liệt, nhưng dần dần hận thù chồng chất, lâu ngày mỗi cá nhân đều có một thảm kịch riêng. Nhiều căm hận mù lòa. Đôi khi cũng dẫn chứng bằng lịch sử, nhưng đó không phải là thứ lịch sử toàn diện, vô tư, mà chỉ là một mẩu lịch sử được chọn lựa cho thích hợp với định kiến của mình. Cuối cùng kết luận bất di bất dịch là nếu dân Do Thái không nhẩy hết xuống biển thì không yên được. Người ngoại cuộc có thể nhìn thấy những phi lý dễ dàng; nhưng người trong cuộc bị trực tiếp ảnh hưởng, đầy xúc động, không có lý luận nào là đáng kể. Ai cũng phải và không ai phải hết. Thảm kịch bắt đầu khi ta bắt buộc phải chọn lựa, nhất là khi chọn lựa không nhiều. Riêng Tân, nếu phải chọn, chàng biết chàng sẽ chọn bên nào, nhưng chàng cũng biết chọn lựa của chàng sẽ không phải là một chọn lựa lý tưởng.

Rồi chàng nghĩ đến nơi chôn rau cắt rốn của mình, nghĩ đến ngày còn nhỏ đi học. Trong lớp học, ở trên cao, phía trên bảng đen đầu lớp là một tấm bảng nhỏ hơn, dưới hàng chữ nắn nót "Bình đẳng - Tự do - Bác ái" là hàng chữ "Thống Chế Pétain đã nói:" tiếp theo là một câu trích, vài tháng thay một lần. Những câu trích của Thống Chế Pétain khó nhớ, ít lâu sau những câu như vè của Tú Mỡ đăng trên tạp chí nào đó dễ hiểu và dễ nhớ hơn:

Nghìn chín bốn mươi,
Tây bị cướp nước,
Chúng bèn đón rước
Thống Chế Pétain...

Hay mỗi khi làm toán đúng, được 10/10, được thưởng tờ chuyện bằng tranh "Đại Tá Đỗ Hữu Vị, Anh Hùng Pháp-Việt." Đến bây giờ chàng vẫn còn hình dung được chiếc máy bay của Thế Chiến Thứ Nhất đang cháy in trên tờ chuyện. Chàng rất quý xấp giấy mấy tờ chuyện đó, nhưng chàng thấy người anh hùng này trông không thật. Một ông mặt mũi sáng sủa, đầu đội képi, không giống mấy người anh hùng chàng có thể tưởng tượng nổi trong cuốn Những Trang Sử Vẻ Vang mà tên tác giả chàng không còn nhớ. Hay một lần khác, nghe dân chung quanh thì thầm chuyện "Cô" tự tử ở làng Thổ Tang gần đó. Cô đây là Cô Giang, người yêu của nhà cách mạng Nguyễn Thái Học. Chú bé le te chạy về hỏi ông nội, ông nội không những không cắt nghĩa mà còn cho một cái tát bằng giời giáng và bảo không được nhắc đến chuyện đó nữa.

Toàn là những bài học lý thuyết, tuy cái tát khá cụ thể. Bài học thực hành phải đợi một buổi chiều. Một hôm Tân đi học về, gần đến nhà, chàng thấy một người ăn mày, trông chân vẫn lành nguyên mà sao lết đi một cách rất thảm thương. Tả thế nào bây giờ? Nếu không lết trên mặt đất thì chân đong đưa, chạy qua chạy lại như chiếc mành trúc bị gió lay. Chàng hỏi, người ăn mày trả lời tại Phòng Nhì cắt mất gân đầu gối. Một người Việt cắt cổ người đồng loại có thể làm ta chau mày, kinh tởm nhưng đành cam chịu, chẳng khác gì trong gia đình có đứa con hư hỏng. Nhưng Phòng Nhì?

Lớn lên trong chiến tranh, Tân đã từng trông thấy những cảnh chết chóc, man rợ hơn thế nhiều, tại sao chàng không bị xúc động như lần này. Một phản ứng tự nhiên mãnh liệt như kết tinh trong lòng. Một ấn tượng không bao giờ phai nhạt, không khác gì làm tình lần đầu tiên. Nó đánh dấu sự trưởng thành của chàng. Nó cắt nghĩa nhiều điều. Tân có vô số cô chú hờ, trong đó có chú Toàn và cô Nguyệt. Chàng biết hai người từ khi họ chưa lấy nhau. Chú Toàn làm cho Phòng Nhì. Một hôm theo Tây đi hành quân ở Kẻ Sặt, Hải Dương, xe

jeep bị trúng mìn, chú Toàn chết. Tân theo bố đến phúng; trông cô Nguyệt, còn rất trẻ, đầu cuốn khăn sô, ôm đứa con gái hai tuổi trong lòng Tân cảm thấy muôn vàn thương sót. Tuy vậy, trong đáy lòng chàng không mảy may thương tiếc chú Toàn. Khi ấy chàng không thật sự cắt nghĩa được tại sao. Trong nhiều năm chàng bị ám ảnh và xấu hổ bởi cách thiếu nhân tính và không xứng đáng đó của mình.

Phòng Nhì (3), Gestapo, Kempei Tai? Chỉ có tên là khác nhau, Tân kết luận. Vốn bản tính cởi mở rộng rãi, chàng vẫn sẵn sàng chấp nhận, chàng vẫn yêu mọi thứ văn chương, mỹ thuật, thi ca. Nhưng từ đó, những suy đoán chính trị liên hệ tới Việt Nam, ngay khi không hận thù, chàng thường có xu hướng "xenophobic." Chàng gần như chấp nhận đó là một nguyên lý căn bản. Nguyên lý căn bản như nghĩa trong khảo cứu khoa học: "nếu nghi ngờ, ta trở về nguyên lý căn bản (first principle)."

Rất nhiều lần chàng cảm thấy nền tảng lý luận của mình quá thô sơ — vì ngay cả nguyên lý căn bản của khoa học thỉnh thoảng cũng cần phải kiểm chứng — chàng cố tìm kiếm nhưng không tìm thấy câu trả lời đích đáng hơn. Càng nghĩ, chàng càng cảm thấy ái ngại cho người bạn Syria. Bên cạnh chàng, Carmen lúc đầu nói chuyện về Napoléon rồi yên lặng lúc nào không ai để ý. Hai người đứng như vậy đã lâu lắm, Carmen cũng đăm đăm nhìn ra ngoài biển, như đang theo đuổi một ý nghĩ tương tự. Tân quay sang nhìn nàng, như tỉnh giấc, Carmen kéo áo Tân khẽ nói: "Thôi đi anh!"

5

Tân và Carmen đi lại con đường này vào dịp lễ Giáng Sinh. Hàng năm Tân đi lễ hai lần: lễ Phục Sinh và lễ Giáng Sinh để tưởng nhớ mẹ chàng. Lễ Giáng Sinh năm nay mang nhiều ý nghĩa hơn vì chàng vừa nhận được thư nói mẹ của room-mate mới mất, vì bệnh ung thư. Lần cuối cùng, lúc bà cho Tân ăn thịt cừu, bệnh bà đã nặng lắm nhưng bà không nói. Tân mồ côi mẹ rất sớm, lúc nào chàng cũng thiếu một người đàn bà. Lần đầu tiên gặp, nghe bà nói "Hai người làm cái này, hai người làm cái nọ..." Tân ngạc nhiên, hơi khó chịu nhưng rồi cũng quen đi vì chàng cảm thấy giọng nói hách dịch đó chứa đựng một sự hiền hòa, đùm bọc. Đúng tư thế của một bà mẹ "thực." Và vì vậy câu trả lời "Yes, ma'am" của chàng gần như thành một nhãn hiệu trình tòa.

"Lần nào cũng như lần nào, 'Yes, ma'am', 'Yes, ma'am', nghe mà sốt ruột!" Room-mate cằn nhằn, giọng đôi chút ghen tị.

Tân xúc động rất nhiều vì cái chết của bà mẹ room-mate. Chàng ít nói trong nhiều ngày. Carmen nhìn thấy điều đó. Dưới bộ mặt xinh đẹp, Carmen là một cô gái trí thức xâu sắc, đọc nhiều. Tuy vậy những cái đó không làm trở ngại cái thiên năng của một bà mẹ Do Thái trong nàng như chỉ chờ dịp phát hiện. Đó

LƯU NGUYỄN

ĐÊM TỐI VIỆT NAM

Đau đáu mắt chờ. Tin bặt
mỏn hơi hóa thạch sườn non
sóng vỗ bãi ghềnh dao cắt
buốt tê gió hú trăng cồn.

*

Đau đáu mẹ bồng con. Đợi
thiên thu tiếng vọng mây hồng
biển đông mặt trời đỏ ối
vời trông biển bắc mưa tuôn.

*

Đau đáu tấc lòng. Đau đáu
quẩn quanh cơm áo một đời
một đời gạn từng hạt máu
một đời cạn kiệt mồ hôi.

*

Đau đáu tiếng gào khản cổ
trợn trừng. Đêm tối Việt Nam
hấp hối từng giờ tắt thở
chuông đau quay quắt gọi hồn.

*

Đau đáu mắt chờ. Tin bặt.

Tháng Tám 1997

là sự thực hay là điều tưởng tượng trong đầu chàng? Đã khá lâu Tân tìm thấy ở Carmen không những một người yêu mà còn một người bạn. Qua một đêm chàng thấy Carmen có thay đổi, Tân thấy nàng như đóng luôn cả vai mẹ ngỗng. Hai người đàn bà, một già một trẻ, ở hai lục địa cách một đại dương, mà có nhiều cử chỉ hay cách nói tương tự. Một lần chàng buồn cười vì buột miệng trả lời Carmen "Yes, ma'am". Tình yêu trai gái nồng nàn làm đôi lứa gần nhau nhanh chóng nhưng nếu không có thêm gì khác để đền bù, dần dà sẽ trở nên vô vị. Nhiều khi vô cùng vô vị: "Xác thịt chán chường, và ta đã đọc hết bao ngàn cuốn sách." (4)

Xe buýt chạy đều đều. Mặt trời sắp lặn, nắng hiền hòa chiếu chênh chếch trên đồi vùng Galilee mang lại một bình yên kỳ diệu trong tâm hồn, ngay cả tâm hồn những người không tin đạo. Tóc xõa trên vai, Carmen dựa đầu vào Tân thiêm thiếp ngủ. Vài giọt mồ hôi đọng trên trán, nét phác họa miệng nàng dịu xuống, nét cứng dắn tinh nghịch thường ngày trên mặt cũng không còn nữa. Lúc này Carmen chỉ là một cô gái yếu ớt, một cái gì mong manh, như hơi thở, vậy mà từ đó Tân tìm được cho mình một an toàn vững chắc. Một ấm áp toàn vẹn, không vết gợn trong lòng, chàng cúi xuống hôn nhẹ người yêu trên mi mắt.

Lễ nửa đêm tại nhà thờ ở Nazareth là một "event" ở Israel, cho người có đạo hay không có đạo. Chỗ ngồi có hạn, đa số dành cho quan khách hay ngoại giao đoàn ở Tel Aviv và Jerusalem. Tân có hai vé vì chàng làm việc ở Đại Học. Carmen thích lắm khi Tân rủ nàng đi Nazareth. Nàng băn khoăn mãi về việc có nên quỳ trong nhà thờ hay không, và thở dài nhẹ nhõm khi vào đến bên trong, nhà thờ đã chật như nêm và hai người phải đứng.

Đã lâu lắm Tân mới đi xem lại lễ hát Latin mà chàng rất thích. Chàng biết Latin vừa đủ để hát lễ. Nhiều năm về trước, bao giờ chàng cũng đi lễ 10 giờ sáng chủ nhật tại nhà thờ dòng Chúa Cứu Thế của sinh viên, một phần để hát và nghe hát. Cách suy nghĩ của chàng thay đổi với thời gian, lúc đầu còn "Tôi tin ở Đức Chúa Thánh Thần" — Credo in Spiritum Sanctum — sau dần dà có tính cách hiện sinh, hiện thực. Quá nhiều ưu tư trực tiếp và cấp bách! Tuy vậy chàng vẫn còn đi lễ đều đều. Hội Nghị Vatican Thứ Nhì năm 1963 quyết định bỏ Latin, chàng cũng đi lễ thưa dần.

"Tôi đi nhà thờ bây giờ có tính cách tượng trưng." Tân nói, "lần này tôi sẽ nghĩ thêm về cả bà mẹ Do Thái nữa. Tôi hy vọng bà sẽ không phiền."

"Em nghĩ bà không phiền, bà sẽ rất hài lòng và kiêu hãnh." Carmen khẽ đáp.

Sau lễ hai người còn đi bộ chơi ở Nazareth, chờ cho bớt đông xe. Tân ngạc nhiên trước sự hiểu biết của Carmen về nhà thờ Thiên Chúa. Nàng cười nói đó là sự nguy hiểm vô cùng của văn hóa. Nó truyền nhiễm, thẩm thấu mà ta không hay biết. "Anh tính," nàng nói, "tuy không bao giờ học catéchisme, ngày này qua ngày khác trong bao năm trời, em ngồi bàn đầu trông thẳng lên Christ bị đóng đinh trên cây thánh giá treo ở đầu lớp. Lâu dần cũng có mặc cảm tội lỗi về vết thương rớm máu trên sườn của Christ. Rồi nó nghiễm nhiên thành thứ hành lý vô hình phải mang theo trong đời sống. Em không nhớ em thuộc Lạy Cha chúng tôi ở trên trời... trong trường hợp nào. Ấy là chưa kể vô số ông thánh, bà thánh trông chừng cho đứa con gái Do Thái bé nhỏ khỏi thành cừu đen, rồi thêm bạn bè, văn chương, sách vở." Coi bộ Carmen rất thích thú về ý nghĩ cô gái Do Thái được che trở bởi mấy ông bà thánh. Còn Tân, chàng hoàn toàn đồng ý về vấn đề truyền nhiễm, thẩm thấu của văn hóa, bởi lẽ chính mình dù chưa bao giờ học quá "nhân chi sơ, tính bản thiện" một cách chính thống, vậy mà từ lời ăn, tiếng nói cho đến suy nghĩ, cư xử, ít khi qua khỏi tam giáo.

Gloria in excelsis. Vinh quang trên trời. Đêm về khuya, bầu trời quang đãng đầy trăng sao. Gió thổi man mát, Carmen đi xát vào Tân, hai tay quấn quýt, cười khúc khích nàng nói: "Em nghĩ mình có thể làm một chú Việt Nam Do Thái chính hiệu, không vay mượn".(5)

6

Hiện tại, Tân và Carmen đang ở trên đường đi kibbutz. Khi hai người tới nơi và làm xong mọi thủ tục thì đã hơn tám giờ tối. Tân đang tính thầm trong bụng sẽ có cả ngày chủ nhật với Carmen thì nàng nói nên về ngủ lấy sức vì sáng hôm sau phải làm việc rất sớm. Lúc đó chàng mới nhớ ra là sabbath bắt đầu từ lúc mặt trời lặn thứ sáu cho đến lúc mặt trời lặn thứ bẩy.

Kibbutz này cũng tiếp nhận khách hay du khách như một số kibbutz khác. Đa số là sinh viên. Tiếng "du khách" thật ra dùng hơi quá đáng. Kibbutz đối đãi khách không khác mấy thành viên thực thụ. Hết mọi thứ đều được

cung cấp: từ ăn uống, chỗ ở cho đến tem thư. Để bù lại, khách làm việc như mọi người. Tân ở chung với Claude trong một cái lều lợp tôn. Claude là sinh viên Ecole Normale của Pháp sắp ra trường. Khỏi nói, lều tôn nóng như thiêu, chỉ đến đêm hai chàng mới về ngủ. Thành viên thực thụ được ở nhà thực thụ, rất khang trang.

Claude đến trước Tân hơn hai tuần lễ. Vui vẻ và nồng nhiệt, chẳng mấy chốc hai người rất ý hợp tâm đầu. Chiều rỗi hai chàng thường ngồi ở câu lạc bộ cho mát, hoặc đánh cờ, hoặc bàn chuyện toán hay vật lý, hoặc nói chuyện linh tinh vô đề. Có hôm hết chuyện hai người quay ra truy nhau hình học của lớp dưới cả giờ. Claude kiếm ở đâu được mấy cái lọ thật lớn để làm rượu. Sau chừng một tuần ở kibbutz thì không ai buồn ăn nho nữa. Hai chàng kiếm những chùm nho thật "perfect," quả nào cũng phải to như ngón chân cái mới lấy về làm rượu. Tân không biết uống rượu, chiều chiều ngồi nhấm nháp với Claude, mặt chàng đỏ như gấc. Tân hút nhiều thuốc lá, mỗi tuần đến nhà kho xin năm bao. Không đủ dùng, nhưng ngượng không muốn xin thêm nên Claude đi xin dùm.

Mấy tuần ở kibbutz là một bài học rất quý giá cho Tân. Sáng ra đồng bắt đầu làm việc từ bốn giờ, tám giờ hơn về ăn sáng chừng một tiếng, rồi làm việc tiếp đến hai giờ chiều thì về ăn trưa. Chiều nghỉ ai muốn làm gì tùy thích, cho đến bảy giờ thì ăn tối. Công việc hàng ngày của chàng: sáng sớm hái nho, sau bữa ăn sáng hái táo. Hái nho đứng trên mặt đất cắt nho bỏ vào rổ, buổi sáng chưa nóng lắm nên không mệt mấy. Còn hái táo, phải chèo lên một cái thang cao chừng hai thước, lưng đeo một túi vải thủng hai đầu, đáy buộc chặt lại. Táo hái bỏ vào túi cho đến khi đầy thì xuống thang, kéo dây tháo đáy túi cho táo rơi vào thùng. Khi hái táo thì đã nắng lắm, hơn nữa phải đeo nặng và chèo lên chèo xuống, nên rất mệt.

Làm việc một ngày tám giờ như vậy làm cho con người trở nên lương thiện. Khác hẳn với hồi còn là sinh viên ở Sài Gòn, vài lần mấy người bạn thân rủ chàng đi làm việc với đoàn Thanh Niên Thiện Chí. Picnic đúng hơn là làm việc. Công bình mà nói, "thiện chí" thì có nhưng "lương thiện" thì ít hơn. Ở kibbutz, ăn cũng lương thiện. Nghĩa là ăn như ngựa, chưa bao giờ Tân ăn khỏe như vậy. Chàng nhớ lại những ngày tản cư, chạy về nhà quê, thành ngữ "ăn như thợ cầy" bây giờ đối với chàng có một ý nghĩa rất mới mẻ. Làm việc mệt, ăn thật khỏe, ngủ rất ngon. Một kết quả khác nữa là không có gì bận tâm hết. Trong đời chàng chưa bao giờ Tân vô tư, thanh thản như thời gian ở kibbutz này, trừ ra họa chăng đôi khi trông đợi cuối tuần chờ Carmen đến.

Sáng chủ nhật đầu tiên, không diễn văn khai mạc bế mạc chi hết, ba giờ rưỡi sáng, Claude đánh thức Tân dậy đi làm việc. Mười lăm phút sửa soạn, mười phút ngồi hayride ra ruộng nho, rồi làm việc liên tục cho đến khi về ăn sáng. Sau bốn giờ hái táo, lưng đau như dần. Tiếng Anh có thành ngữ "tiền mọc trên cây," ý chỉ trường hợp tiền kiếm được dễ dàng. Tân nghĩ bụng, một là cây tiền khác cây táo,

Bạn muốn đi ngao du khắp thế giới?

AV TRAVEL & NETWORK
10900 Westminster Ave., Suite 9
Garden Grove, CA 92643
(714) 537-2200
FAX (714) 741-2900

(góc Euclid & Westminster, trong khu chợ VANCO)
Mở cửa 7 ngày.

Xin gọi cho Nga hay Phượng (714) 537-2200

do đấy kiếm mới không mệt; hai là cây tiền giống cây táo, trong trường hợp này ý nghĩa của thành ngữ không chính xác. Lần đầu tiên thực sự kiếm ăn bằng tay chân, sau bữa ăn trưa Tân ngủ cho đến bữa cơm tối.

Còn Carmen, nàng tươi như hoa. Nàng là khách của chú nàng, suốt ngày nằm nhà đọc sách. Sau bữa ăn tối hai người nắm tay đi chơi trong kibbutz. Carmen nói kibbutz này, vì không xa mấy biên giới Lebanon, thường là đích của khủng bố. Nàng than phiền số mệnh trớ trêu, luôn luôn là kẻ thù của dân Ả Rập: ở Algérie vì nàng là dân Pháp, ở Israel vì nàng là Do Thái. Nàng nói tuy ở Algérie lâu đời, gia đình nàng không phải là colon quá khích. Nàng kể chuyện những năm cuối cùng, chiến tranh, khủng bố lan tràn đến Algiers. Không khí căng thẳng, lúc nào cũng như ngồi trên thùng thuốc súng. Dân chúng — cả dân gốc Âu Châu lẫn dân bản xứ — là đối tượng khủng bố của cả hai bên, một bên là FLN (Front de Libération Nationale), một bên là OAS (Organisation d'Armée Secrète) và colon. Bố mẹ nàng nghĩ rằng nhân loại không bao giờ thay đổi, học lịch sử nhưng ít khi chịu hiểu và nếu hiểu, ít khi chịu áp dụng. Sau Việt Nam mà còn khư khư cố thủ Algérie francaise thì thật là rồ dại. Kết quả là đa số dân gốc Âu Châu, gần một triệu người, phải đi hết.

Tân kể cho nàng nghe trong trận chiến tranh Việt-Pháp chàng là một chú bé dân tỉnh về sống ở nhà quê. Hàng ngày đi học băng qua cánh đồng, đi bộ vừa đi vừa về chừng hai mươi cây số. Ngày mùa mới gặt, cánh đồng khô thơm và sạch, chiều về chàng thường vật nhau với bạn học trên rạ mới. Có những hôm giời mưa, đường trơn lăn tõm xuống hố chống chiến xa, lõm bõm không lên được. Hay có những đêm đi bộ xuốt đêm, "chạy Tây," tất cả tài sản đều đeo trên lưng, sách vở, quần áo, cứ ngồi xuống là ngủ. Nhưng hình ảnh chàng không bao giờ quên được là mỗi tuần một lần chàng dậy dân làng học. Tưởng tượng với mấy ngọn đèn dầu lù mù, một chú bé chừng mười bốn, mười lăm tuổi, đọc chính tả cho mấy bà già và mấy chú bé viết.

Nói chuyện tương lai, Carmen chưa quyết định năm tới, xong đại học, nàng sẽ học tiếp gì. Hiện tại nàng sẵn sàng để có thể học biochimie hay văn chương. Còn Tân, chàng tính đi Canada, qua ngả Bắc Âu. Chàng muốn đến ở một trong mấy nước Bắc Âu một hay hai năm. Tuy không còn mệt nhưng lưng vẫn vừa đau vừa mỏi, Tân xem đồng hồ. Carmen ngạc nhiên vì thường ngày nàng là người phải tỏ ý từ biệt trước. Sau khi biết nguyên do, Carmen dại dột nói trêu Tân mới có vậy mà đã "impuissant." Mắt lòe lửa, lưng hết đau, Tân chạy đuổi bắt Carmen trong vườn táo.

(Còn tiếp)

LÊ THỊ HUỆ

MỘT NGÀY THÈM NGHE ĐẢ ĐẢO

Một ngày thị phố không nổi loạn
Bầy gió chết rét ngoài cổng ý thức
Nắng đốt cháy điếng hồn trí tuệ
Lương tâm tối hàng nến im
Người người lầm lũi dắt bầy cột điện
Những trẻ nhỏ ngố nhăn mặt
Sự nhàm chán hát xè xè
Thành phố thiếu một tiếng kèn

Một ngày thị tứ thiếu biểu tình
Nghệ sĩ ngủ trên ổ tình ca
Nhường cuộc đời cho nhà đạo diễn ốm
Sự lười biếng chảy mất thây sáng tạo
Ù lì trong nhan sắc thẩm mỹ bụng
Hà im lặng đến lùn người

Một ngày thị xã vắng đả đảo
Những đường xe thần kinh tê chân
Đại lộ kẹt cứng một chiều lịch sử
Đồng bóng cậu một cái xác vữa
Đầu hàng thiên thu ở ngã Ba Đình

Một ngày thành phố nhớ hường hoa cách mạng
Những mắt xanh của bão tố biến mất
Sự trống vắng đấm thùm thụp vào lưng đời sống
Thèm nghe tiếng vỗ của một đám đông điên

Hà Nội 7/96

TÔNG GIÁO TỪ MỘT CÂU HỎI NGẮN

NGUYỄN KẾT

Tôi cảm thấy vui và được khích lệ với tình cảm và sự quan tâm mà Bà (?) Nguyễn Thị Phi đã bày tỏ trên mục Bạn Đọc Viết, TK 21 số tháng Tám. Trong tâm trạng này và dựa trên kiến thức hạn hẹp của mình, tôi xin trả lời câu hỏi được đặt ra, "...tôn giáo chỉ dựa hoàn toàn vào thần quyền — mà thiếu nền tảng khoa học — có thể 'survive' được nữa không?"

Trước hết, phải nói rằng đa số tông giáo hiện có mặt đều sử dụng khoa học bằng cách này hay cách khác, miễn là sự kiện này không đưa đến sự thách đố các tín điều nền tảng. Thần học Kitô giáo, nhất là thần học Thệ phản (Tin Lành Luther v.v...) được khẳng định như nỗ lực diễn giải niềm tin theo những cách thế không đối nghịch và/hoặc phù hợp hiểu biết khoa học (sử học, tâm lí học, v.v...), trong giới hạn đặt ra bởi tín điều (không thể biện minh bởi khoa học và triết học) rằng Thần vừa là Cha vừa là Con vừa là Thánh Linh. Tuy nhiên ngay tín điều này hiện nay cũng không còn như xưa: Thần bây giờ không còn là thần nam, mà là lưỡng tính, vừa là Bố vừa là Mẹ.

Một trong các tin tưởng nằm sau nỗ lực này là, Kinh Thánh dù là Mặc khải nhưng được viết theo một ngôn ngữ để người xưa có thể hiểu, và do đó cần có sự đổi mới trong sự diễn giải để có thể áp dụng vào thời đại. Nhìn trong tương quan này thì "hiểu biết" về Kitô giáo của đa số người Việt chúng ta có lẽ chỉ đúng cho các hệ phái Kitô giáo "lạc hậu," "mê tín" gọi là fundamentalism, theo đó Kinh Thánh được tin là đúng từng chữ, cho mọi nơi, mọi thời.

Một cách sử dụng khoa học khác là khai thác các hiểu biết và kĩ thuật tâm lí và tâm lí trị liệu, cũng như triết lí và các phương thức tu tập cổ truyền của Đông phương được biết là có hiệu quả. Các tông giáo mới rất triệt để trong chuyện này, và bị chỉ trích vì thế, nhưng hàng giáo sĩ Kitô giáo cũng học chúng bên cạnh thần học, chẳng những để có thể làm công việc truyền giáo và hướng dẫn giáo dân một cách hiệu quả mà còn để làm phong phú thần học và chính đời sống đức tin của họ.

Có thể minh họa việc áp dụng các phương thức đông phương với trường hợp của sự phát triển Chánh niệm, đại khái là "sự có mặt trong hiện tại." Có nhiều truyền thống tu tập Chánh niệm khác nhau, nhưng "truyền thống Việt Nam," như được giải thích minh bạch trong nhiều tác phẩm của Thiền sư Nhất Hạnh (*Phép Lạ Của Sự Tỉnh Thức,* v.v...), hiện nay cũng được ưa chuộng rất nhiều. Nhưng thay vì "thở và biết đang thở", "đi và biết mình đang đi" v.v..., các kĩ thuật này, trong khuôn khổ của niềm tin tông giáo khác, trở thành "đi và biết mình đang đồng hành với Giáo hội," "thở và biết đang sống cùng với Giáo hội" v.v... Cùng một kĩ thuật và cùng tạo ra những hiệu ứng tâm sinh lí như nhau, nói trong giới hạn mà nghiên cứu thực nghiệm về thiền tập hiện nay cho phép, nhưng cái sau hiển nhiên không là "sự có mặt trong hiện tại" và nhắm đến việc "nhìn hiện thực như nó là" như chủ trương của các truyền thống Phật giáo.

"Nền tảng khoa học" trong câu hỏi đặt ra chắc là không liên hệ gì đến những điều kể trên, mà được hiểu theo nghĩa mà tôi đã dùng trong "Tâm Não và Tâm," tức là dựa trên "knowledge conducted on objective principles involving the systematized observation of and experiment with phenomena"? Nền tảng khoa học theo đó hầu như hiển nhiên không có trong *religion* như từ này thường được hiểu, kể cả các truyền thống, tông phái đạo Phật không có sự phát triển Bátnhã (P. *panna*; S. prajna), tức không có sự khảo sát, phân tích theo tinh thần phê phán các hiện tượng nội tâm, hoặc

nói rộng hơn, không có sự phát triển Chánh niệm.

Nói như thế cũng là đồng thời khẳng định rằng, TM hay Transcendental Meditation cũng không có nền tảng khoa học. Thiền TM cũng chỉ là một trong muôn ngàn hình thức thiền *định,* không phải là thiền *quán* để có thể nói là có sự khảo sát khách quan hay sự khách quan hóa các hiện tượng chủ quan. Và dù các tín đồ uyên bác của tân giáo phái Ấn giáo này đưa ra những lí luận cực kì kĩ thuật và phức tạp về TM như sự nối dài của vật lí hiện đại, nhưng như một người hiểu được ít nhiều về các vấn đề vật lí lí thuyết, tôi không thấy được thuyết phục, chưa kể vấn đề "đi ngang về tắt" trong việc nối kết vật lí học và thần học.

Tông giáo nói chung đều qui về những điều không thể chứng minh hay lí luận được, và chúng ta chỉ hoặc tin hoặc không tin. Niết bàn hay Tịnh độ mà hiểu như một thực thể đối lập và khác biệt bản thể, hay cách biệt với thế giới, cũng là điều không lí luận được, như Thiên đường với sự Sống và Hạnh phúc vĩnh hằng, Tam vị nhất thể v.v... Chúng ta chỉ có thể lí luận hợp lí từ căn bản của các sự kiện trong thế giới, và không có gì để nói các "thực thể" trong căn bản khác biệt, cách biệt với thế giới đó là có. (Không thể nói rằng, vì sự sống và hạnh phúc trong thế giới này là bất toàn, giới hạn, tương đối, mà sự sống và hạnh phúc ngoài thế giới phải khác hẳn. Nếu Thiên đường là khác thế giới trong bản chất thì sự sống hay hạnh phúc, theo luận lí, cũng khó có ở đó một khi sự bất toàn, tương đối được cho là không có).

Nhưng không chỉ tín ngưỡng tông giáo, mà tín ngưỡng không tông giáo, như trường hợp một số ý thức hệ chính trị và niềm tin tuyệt đối vào khoa học, cũng không có nền tảng khoa học và phi lí hoặc phản lí ở căn bản của chúng. Thế giới đại đồng trong đó không còn chuyện người bóc lột người, không còn khổ đau, cũng là một ước mơ cao đẹp hấp dẫn nhưng không có nền tảng. Làm sao một thế giới như thế có thể có khi bao nhiêu con người tính chung là bấy nhiêu vũ trụ vô hạn của tham lam, ganh tị và hiểu biết giới hạn, sai lạc về chính mình và thế giới?

Theo một ước tính đơn giản thì tuyệt đại đa số nhân loại đều tin vào những điều khó tin nào đó, kể cả các khoa học gia. Số người thật sự không có bất kì niềm tin nào chỉ chiếm không đến 1%, và nhiều người trong họ có vấn đề tâm lí, như căng thẳng, bất an, bị ám ảnh bởi cái chết, v.v... Thế nên không có dữ kiện để có thể nghĩ rằng niềm tin khó tin sẽ không thể tồn tại. Chúng ta chỉ có dữ kiện nói ngược lại, rằng bất kể lí trí hay khoa học nói sao thì niềm tin khó tin, trong muôn ngàn hình thức của nó, nhất là niềm tin tông giáo, lúc nào cũng có thể tồn tại, bao lâu con người còn không hài lòng với sự sống giới hạn, tương đối và lo sợ trước khổ đau, sự bất công, cái chết cùng những điều xa lạ, đầy đe dọa khác trong thế giới.

Chúng ta còn có thể khẳng định chắc chắn, do nhiều lí do khác. Trước hết các niềm tin khó tin có khả năng "nối kết" với bất kì hình thức tri thức và kinh nghiệm nào và có thể thay hình đổi dạng theo đòi hỏi của thời thế. Tôi đã nói sơ qua sự kiện này ở đầu bài viết; thật ra chứng liệu về nó nhiều đến độ viết thành sách cũng không nói hết. Đó là điều không thể có với một lí thuyết khoa học hay có nền tảng khoa học, ít nhất là ở mức độ thấy trong các tín ngưỡng. Nếu một mai *trạng thái* Niết bàn bị chứng minh như trong căn bản chỉ là một cảm nghiệm chủ quan, thì phần Phật

RE/MAX
EXECUTIVES
9840 Carmel Mountain Road
San Diego, CA 92129
HOÀNG TỔNG
(Tony Hoàng)
Tel: (619) 484-5500 *(office)*
(619) 484-2222 *(home)*
Pager: 530-3466
(xin nói vào máy, không bấm số)
Fax: 484-1406
* Tốt nghiệp đại học chuyên khoa Địa Ốc
* Hành nghề Địa Ốc fulltime
liên tục từ năm 1979
* Top Agent của RE/MAX Executives
* Mọi dịch vụ địa ốc thuộc hành phố
San Diego và vùng phụ cận,
xin Quí vị liên lạc Hoàng Tổng (Tony Hoàng)

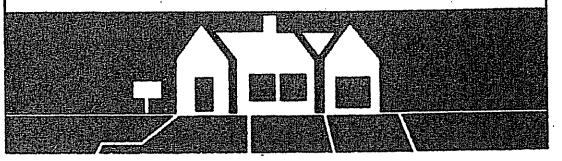

giáo có nền tảng khoa học — nơi các khái niệm căn bản của nó có nội dung thực nghiệm và như thế, như đã đề cập trong "Tâm Não và Tâm," việc chứng minh hay phản chứng minh là điều thực hiện được trên nguyên tắc — sẽ chỉ còn ý nghĩa/giá trị tâm lí học. Nhưng Phật giáo như một tín ngưỡng thì vẫn có thể tồn tại, trừ phi bị tận diệt, không còn một mống như Phật giáo Đại thừa Ấn độ vào thế kỷ XII, hoặc trừ phi nó quá mệt với việc thích nghi với hiểu biết và đòi hỏi thời đại.

Thứ hai là đời sống càng trở nên phức tạp theo đà tiến của khoa học và kĩ thuật thì con người càng khổ tâm nhiều hơn, và người ta càng có xu hướng phải có một niềm tin, vì niềm tin, trong cảm nhận chủ quan, là một chỗ nương tựa vững chắc về mặt tâm lí và xã hội. Điều này thấy rất rõ ở Tây phương và Nhật Bản trong các thập niên gần đây. Thật ra nó lúc nào cũng có nhưng các nhà nghiên cứu đã không nhận ra; mãi đến thời gian gần đây họ mới biết, trong các thập niên mà niềm tin tông giáo truyền thống phai nhạt thì không phải người Tây phương không còn niềm tin tông giáo — Thần lúc bấy giờ là Tiến bộ, là Tiền của, và/hoặc khoa học. Trong các nước cộng sản trước đây cũng đầy dẫy tín ngưỡng tông giáo: Tổng bí thư là Giáo hoàng không sai lầm về tín lí, phong anh hùng lao động là phong thánh, giai cấp tư bản là Satan hay nguyên lí sự dữ, tự kiểm là xưng tội v.v... Còn có thể thấy rằng, trong thế giới khoa học, mặc dù Thần không còn cần thiết nữa nhưng viễn cảnh Thần trong nhiều trường hợp còn nguyên vẹn.

Và thứ ba, tại sao chúng ta lại tin vào những điều khó tin? Không có chứng liệu quyết định nào cho biết rằng bản tính con người là thuần lí (hoặc thiện, ác v.v...). Lí trí chắc chắn là đầu mối của mọi tiến bộ, kể cả tiến bộ tâm linh và nhận thức tông giáo, nhưng hiện tượng phổ cập là con người tùy lúc mà hợp lí (như khi làm việc trong phòng thí nghiệm) hay phi lí hoặc phản lí, và ánh sáng của lí trí cho đến nay vẫn bị con người đồng ý là cần phải chắn lại trước những niềm tin căn bản nhất. Thế nên nếu sự thuần lí không phải bản tính con người thì tại sao lại không có việc tin vào những điều không hợp lí, nhất là chúng có rất nhiều hứa hẹn tốt đẹp? Điều này cần được nói rõ hơn, nhưng đây là một phần nội dung của một bài viết mới, chưa phổ biến. Như các thăm dò khoa học cũng cho biết, một niềm tin được chọn lựa trước hết vì nó đáp ứng được những mong ước, hi vọng thầm kín của con người. Khá phổ biến trong xã hội cá nhân chủ nghĩa tây phương là "nhu cầu" có một người cha quyền uy, nghiêm khắc và một tập thể để khép mình vào. Do đó một phần mà các tông giáo khẳng định sự thần phục uy quyền cả cũ lẫn mới đều được nhiều người tin theo so với tông giáo khác.

Kết luận là, mọi niềm tin tông giáo hoặc có tính tông giáo, bất kể là phi lí hay hợp lí, thiện hay ác đối với công ước xã hội v.v..., đều có thể có người tin theo, có khả năng tồn tại và phát triển nếu không gặp những trở lực ngoại tại quá lớn. Các niềm tin ác hay thiện đều hấp dẫn như nhau nếu sành tâm lí và có dáng vẻ bề ngoài! Tất nhiên ý thức/đồng thuận xã hội về thiện và ác khiến những tín ngưỡng ác độc thường ít tai hại cho người ngoài. Tuy nhiên trường hợp một giáo phái tận thế Nhật Bản mới đây đã góp phần làm điều này không còn gì chắc chắn nữa. Và chẳng phải những bác sĩ làm việc cứu người vẫn nghèo và thiếu bề ngoài hơn nhiều so với những đồng nghiệp chuyên cung cấp ảo tưởng, làm mi mắt giả, ngực giả v.v...?

PHÂN ƯU

Được tin Nhạc Mẫu
của bạn Nguyễn Hùng Vũ

Bà Quả Phụ
NGUYỄN LỘC CHÚC
Nhũ danh HOÀNG THỊ BIẾC
Pháp danh DIỆU THỦY

Đã từ trần
ngày 16 tháng Chín 1997
tại Chino Hills, California
Hưởng thọ 68 tuổi

Xin chân thành phân ưu cùng
anh chị Nguyễn Hùng Vũ
và Nguyễn Hoàng Thúy Điệp.
Cầu chúc hương hồn người quá cố
sớm tiêu diêu nơi miền Cực Lạc.

Báo THẾ KỶ 21

NGÀY ĐI TRONG CƠN GIÓ

NGUYỄN CHÍ KHAM

Đến trưa, đám anh em xin được việc làm lần lượt đứng dậy rời khỏi phòng E. Anh Lân trở lại bàn giấy, có tiếng chuông điện thoại đang reo. Sau đó, bóng dáng một cô gái đi đến gần, yên lặng đặt bàn tay lên một chiếc ghế. Ở lối cửa bên trong vừa đi ra, ông Phò chợt dừng bước, bỗng nhiên cười vui, ồn ào ngay về trận đấu quyền anh tối hôm qua giữa Mike Tyson và Hollyfield. Anh Lân gật đầu, tỏ ý đồng thuận về nhận định của ông Phò. Khá lâu, cuộc nói chuyện của anh Lân với người bạn mới chấm dứt.

"Thưa thầy cho con xin mẫu đơn," cô gái nói.

"Đợi qua tuần sau đi," rồi anh Lân bắt đầu giải thích cặn kẽ. Trên vẻ mặt vẻ mặt đang chăm chú nghe, nhưng có một vài điều mà anh Lân vừa đề cập đến đã khiến cô gái lo ngại. Rồi một giọng quả quyết, cô nói:

"Thưa thầy con muốn đi tìm việc hơn là phải đến trường."

Anh Lân gỡ cặp kính trắng, với một nụ cười, anh nói:

"Cháu đừng lo, ngày nào trường cũng có liên lạc với các hãng xưởng ở đây."

"Thầy cố gắng giúp con."

"Được rồi, cháu cứ yên tâm về lớp học đi."

Tôi quay lại, vội vàng trả lời tiếp những câu hỏi của Quang. Không nhìn lại tôi, mắt anh vẫn cúi xuống và tiếp tục ghi đầy đủ vào hồ sơ.

"Như vậy, sáng mai tôi không cần phải trở lại."

"Không."

"Hồ sơ này tôi sẽ rút hay là nhà trường giữ?"

"Khi hãng nó cho anh nghỉ việc, anh có phải trở lại trường không?"

"À, tôi hiểu."

Anh Quang đã hoàn tất hồ sơ của tôi, và bóc một tờ giấy nơi cuốn lịch bàn ghi riêng ra những điều quan trọng tôi cần phải thông báo cho nhà trường sau 10 ngày đi làm việc. Tôi nhét tấm giấy vào ngăn ví rồi đứng dậy chào anh. Bây giờ, anh đưa tay ra để tôi bắt trên miệng cùng ánh mắt nở một nụ cười.

Ra chỗ đậu xe, tôi qua lối đi bằng một căn phòng đang bỏ trống. Tiếp với căn phòng này là lớp học cũ của tôi. Tôi nghĩ đến cô giáo Anna, và một thoáng về những người bạn. Dọc theo mái hiên, đi đến dãy nhà cuối hết, tôi bỗng thấy cô gái đang đứng trò chuyện với Huê dưới bóng cây im mát. Tôi cười hỏi cả hai người:

"Chưa muốn về nhà sao?"

"Em còn ở lại học lớp điền đơn buổi chiều." cô gái nói.

"Rồi thầy Lân hứa hẹn như thế nào?"

"Thì thầy bảo em đợi một tuần lễ nữa."

Huê nhìn lại, trong cặp mắt đang ánh hiện lên nụ cười. Nói chuyện một chút lâu, cô gái ở lại, tôi và Huê cùng về. Nghe những bước đi của mình bên cạnh một người bạn gái, tự nhiên tôi nghĩ đến bóng mát và những năm tháng đầu tiên lúc tuổi mình còn trẻ. Có vẻ như Huê định nói ra những ý nghĩ riêng tư, nhưng hơi ngượng, rồi cô cúi mắt xuống tự cười mình. Nơi cặp mắt của Huê, vui hay buồn gì, tôi cũng nhìn thấy có một nụ cười cả. Ngày đầu tiên cô H., Worker của Sở Xã Hội đưa giấy thông báo của chương trình Gain gọi tôi đến trường này ghi tên học, như tâm trạng cô gái lúc nãy, tôi cũng cảm thấy nỗi chán ngán lại còn lo âu nữa. Qua buổi trắc nghiệm, ông Phò còn nói:

"Anh ngữ của cậu còn kém lắm. Cậu phải lo đi học mới mong tìm được việc làm ở cái xứ Mỹ này."

"Vâng. Vậy bố cho vào học lớp vở lòng nghe."

"Không, vỡ lòng cậu qua được rồi. Vào học lớp B cho tôi."

"Ai dạy lớp này bố."

"Cô Anna."

Ông Phò bề ngoài có vẻ ồn ào như vậy, nhưng là người rất tốt bụng. Trước đây, ông ở chung một đơn vị trong ngành tâm lý chiến với anh tôi. Ngày hôm sau, như trong mẫu giấy đã ghi, tôi đến lớp học của cô Anna. Nghe các bạn nói cho biết, cô Anna là người Anh, dạy học ở Mỹ hơn mười năm nay rồi. Vào buổi đầu tiên, lớp học đông, và gần như chia đều số học viên nam và nữ. Cô Anna dạy rõ ràng, dễ hiểu, những gì tôi tự học lấy một mình ở nhà đều trở nên lạc lõng trước bài giảng của cô Anna. Vậy đó, nên trong lòng tôi có chút vui, hưng phấn, thích được đi học. Thêm nữa, trong lớp học này, bên cánh phụ nữ, lại có khá nhiều chị vừa đẹp, vừa vui tính.

Huê ngồi ở bàn học thứ tư, phía ngoài, dãy bên trái. Cái vóc dáng đã gầy, lại nhỏ bé, còn mái tóc cắt ngắn ngủn như học sinh trung học. Buổi đầu, trông thấy Huê có vẻ ngộ nghĩnh, tôi hơi tức cười. Nhưng rồi thời gian, không hẳn đúng như ý nghĩ vui bất chợt đó, mà ở Huê, tôi còn nhận thấy được những nét nghiêm và phảng phất buồn. Ở lớp học, Huê khá nhất bên cánh nữ học viên. Vừa nhạy cảm, thông minh, và cô học sinh này còn có một vốn ngữ vựng khá dồi dào nên thường tỏ ra xuất sắc khi trả lời những câu hỏi khó của cô Anna.

Thường lệ lớp học được nghỉ ra chơi lúc 10 giờ. Bên kia cơ xưởng hỏa xa có khu chợ nhỏ bán trái cây, và một quán nước giải khát dành cho công nhân. Từ bên này, bị ngăn cách bởi hàng rào muốn qua khu vực bên đó phải vòng ra phía đằng sau nhà kho rồi đi men theo một con dốc lài nhỏ hẹp ăn đến đường ray xe lửa. Nhưng cũng chẳng có gì trở ngại với đám học viên nữ bên này cả. Thoắt đi, thoắt về một chút là có một đống quà bày ra ngồi ăn ở trong lớp. Bữa hôm đó, bên nữ rủ mấy người trong bọn chúng tôi đi theo. Qua khỏi đường ray, rẻ phải là vào khu chợ, ở đây, có đến ba bốn gian hàng của người Miên, người Lào bày bán đủ các thứ rau quả, hàng hoá trên khoảng sân có bóng cây im mát bao phủ. Thấy nơi đây một quán chợ nhỏ giống như bên nhà, tự nhiên, tôi có được một buổi sáng trong lành, gợi nhắc ra được một cách thân thiết về những hình ảnh cũ ở một tỉnh lỵ nhỏ quê quán của mình.

Tôi đốt thuốc hút, dạo chơi một mình. Một lát, tôi nghe tiếng Huê gọi, sau đó, cô đến gần chìa tay cho tôi một quả táo. Chúng tôi ăn quả và đứng gần nhau trò chuyện. Với những điều tôi nói ra bình thường thôi, nhưng khi nghe và đưa ánh mắt nhìn lại, tôi luôn luôn thấy trong cặp mắt Huê sáng lên những hạt cám nhỏ từ tia sáng của nụ cười ánh hiện. Một lần đó, thành thực, tôi khen cặp mắt đẹp của Huê. Khi trở lại lớp học, trên một quãng ngắn con đường tôi nghe tiếng Huê nói, và rồi, với tỏ ý thân mật, tôi đặt bàn tay lên một bên vai Huê.

Ngày hôm qua, tự dưng không khí trong lớp học chúng tôi như bị băng rã. Cả hai người, anh Lân và anh Quang xuống lớp gọi tên đến một phần ba số học viên, chúng tôi vội vàng cắp tập vở lên văn phòng. Ngồi ngay ngắn trong phòng hội, chúng tôi hướng mắt lên bục giảng nơi anh Lân đang đứng. Trong tư thế chuẩn bị, anh gỡ cặp kính rồi đầu hơi cúi xuống với khăn mùi soa đang lau. Đợi một lúc, để anh Quang phát những mẫu giấy điền đơn xong, anh Lân mới bắt đầu nói đến những công việc hiện tại mà một số hãng xưởng sẽ tuyển chúng tôi vào làm việc qua trung gian nhà trường giới thiệu. Ở lại đến chiều để hẹn cuộc phỏng vấn, sau bữa ăn trưa, chúng tôi có giờ học đàm thoại về những mẫu câu hỏi, trả lời quan trọng vẫn thường hay gặp khi đi tìm kiếm việc làm.

Vậy rồi, sáng hôm nay chúng tôi còn đến trường một lần chót với thủ tục kết thúc hồ sơ của khóa học. Hôm nay, những điều anh Lân nói với chúng tôi thật hùng hồn và rất hay. Với cặp kính trắng trước cặp mắt trong sáng, mái tóc lúc nào cũng chải rẽ mượt mà, chiếc cà vạt màu tím, cái áo sơ mi trắng luôn luôn ủi thẳng nếp, và cái dáng vẻ đi đứng của anh luôn luôn tạo ra cho đám học viên chúng tôi một ấn tượng đẹp về ông Hiệu trưởng của nhà trường. Huê và các chị gọi anh bằng thầy, còn chúng tôi, vẫn giữ thói quen trong quân ngũ nên thân mật gọi bằng anh để đừng quá xa cách.

"Ngày mai anh đi làm chưa."

"Anh còn nghỉ được một ngày nữa, sáng mốt mới bắt đầu."

"Bốn giờ chiều mai là em lên ca."

"Cô đã biết công việc như thế nào chưa."

"Biết, em làm ở bộ phận khâu van tim."

Trên một quãng đường hơi thưa vắng, hai chúng tôi đi bộ. Tôi hỏi đến công việc của Huê, thực tình, tôi cũng đang lo nghĩ đến công việc làm của tôi trong những ngày mai. Không biết, tôi sẽ làm nhiệm vụ của người giao hàng hay là đứng bán hàng. Nhưng tôi nhớ, sau buổi phỏng vấn xong, cô Stephane cho tôi biết, tôi còn phải qua trung tâm của công ty Circle K. học hai ngày ở một lớp huấn luyện.

Quán bánh Donuts có mái hiên, nằm bên trái là một khoảng đất còn bỏ trống, trước mặt, bóng cây cao lớn nhìn ra đường, dịch lên phía trên một chút là tấm bảng cắm của trạm ngừng xe buýt.

"Hình như đi Irvine, xe buýt đổi chuyến ở trạm này."

"Không, chỗ này đi Tustin. Đi Irvine, trạm đổi ở cuối đường Grand."

Hai người đàn bà Mễ đang chạy băng qua khoảng đất trống. Tôi thoáng nhìn đồng hồ đeo tay, cùng lúc, thấy một đám nắng đang rớt xuống. Ở mái hiên, có hai bàn để trống, và chúng tôi đến ngồi bàn ngoài. Huê uống thứ nước seven up, còn tôi cà phê sữa có pha chút quế.

"Hồi trước, anh có ở thành phố Qui Nhơn không ?"

"Không, nhưng cũng biết."

"Em ra trường, dạy học ở đó bốn năm."

"Ủa, Huê có đi dạy học."

Huê đang ăn miếng bánh, vừa gật đầu. Bỗng dưng, tôi vướng một chút phân vân. Ở cặp mắt Huê như là một bóng im, rồi ngay lúc đó, nụ cười muốn biểu hiện về một hình ảnh tuy đã xa cách nhưng vẫn còn có thể liên tưởng được.

"Anh có một người bạn thân ở thành phố Qui Nhơn," tôi nói.

"Qui Nhơn là quê chồng của em."

"Chồng em cũng đi dạy học?"

"Không, anh ở trong quân đội."

"Nằm trong đơn vị tiểu khu."

"Không, anh ở đơn vị tác chiến."

Tôi có cảm giác như mình đang chờ đợi. Sự vật trước mắt, đến lúc, cũng lộ ra những dấu hiệu bí ẩn, nhắc qua rồi trở lại với tâm trí của tôi ngay sau đó, bỗng chốc tôi nhớ rằng, trước đây tôi và Huê đã quen nhau.

"Sau giải phóng một năm, em vào Saigon."

"Anh có đi vượt biên một lần nhưng không thoát được."

"Anh biết không, chồng em đã báo trước cái chết mà em không tin."

"Anh ta cũng vượt biên."

"Không, chết ở trong tù."

ĐỖ THỊ KÊNH G

CHÈO EM RA KHỎI RỪNG TRÀM

Tặng Thế Kỷ 21, năm thứ chín

Chèo em ra khỏi rừng tràm
Tổ chim dòng dọc gió vàm sông đưa
Cho nhau sóng mắt ban trưa
Hết trăm năm vẫn còn chưa no tình
Ớ con bươm bướm đồng trinh
Sao mi bay lượn một mình cho cam.
Chèo em ra khỏi rừng tràm
Cụm bông điên điển trổ vàng trong mây
Tò vò ôm nhện trong tay
Về giam trong tổ mới xây thơm sình
Ớ con chim trích đa tình
Cái mồng chót lẳng, cái mình xanh dâm.
Chèo em ra khỏi rừng tràm
Rừng cây dốc ngược bên cầm phù sa
Giường bông súng nở bao la
Em nằm bay áo bà ba dập dềnh.
Mũi xuồng nhắp chén lênh đênh
Bầy lòng tong lội thi bên mái dầm.
Chèo em ra khỏi rừng tràm
Trong hoa trắng vẫn rộn vàng cánh ong
Nghiệp nhà lấy mật long đong
Chờ trăng lên ngủ trong lòng hoa thơm
Đàn cò điểm trắng chiều hôm
Vịt xiêm ấp trứng chân rơm âm thầm.
Chèo em ra khỏi rừng tràm
Thương rừng quá xá, mái dầm lơi tay.

"Ở miền Nam, hay ngoài Bắc."

"Ngoài Bắc. Đúng ra, em đi thăm sớm hơn, nhưng giấy tờ chưa xong xuôi gì cả."

"Rồi sau đó ra sao?"

"Em không tin, và rồi, khi đến nơi em không còn gặp nữa."

"Anh cũng bị đưa ra ngoài Bắc hơn bốn năm."

"Hai ngày sau, em mới được phép đi thăm mộ anh ấy."

Khi bật que diêm châm điếu thuốc hút, tôi hiểu được rằng, tôi đang muốn dấu sự xúc động đã ngoi lên nơi cặp mắt rồi lớn vớn giữa làn khói. Huê nói tiếp:

"Buổi trưa, em đi nhờ xe trâu của trại lên bến đò. Cũng may lúc đến ga còn kịp đón chuyến tàu về Hà Nội."

Trong giọng nói của Huê, nghe vẫn còn hơi ấm, nhưng đã dòn như một ngọn lá khô. Một lúc, tôi bỗng nói:

"Hình như anh đã có gặp em."

Huê ngước lên, mở to cặp mắt, rồi hỏi:

"Anh gặp em ở đâu ?"

Nhìn lại cặp mắt của Huê, một ít giây sau tôi nói:

"Anh ở đó, vẫn còn đợi tin tức của em nhưng không thấy."

Huê lắc đầu, nói:

"Em không hiểu?"

Tôi uống một ngụm nước, vui vẻ nói:

"Bây giờ em đã cắt tóc ngắn rồi, không còn nhớ ai nữa đâu."

"Ủa, sao anh biết hồi nào vậy."

Xe buýt đang ghé đến trạm. Nãy giờ, tôi đã không để ý đến một người hành khách đang ngồi trên chiếc xe lăn cùng với băng ghế bỏ trống. Và, lúc này, một cầu thang máy được hạ xuống. Tôi trông ra ngoài, chú ý chiếc cầu thang như chậm rãi, cẩn thận từng chút một nâng người hành khách bước lên xe. Nối tiếp câu chuyện với Huê, tôi hỏi:

"Ngày hôm sau em còn ở lại Hà Nội không ?"

"Em ở Hà Nội đến bốn ngày."

"Ở chơi để thăm thành phố."

"Em không mua được vé tàu, đâu có lãng mạn như anh."

Mỗi khi nở nụ cười, ở cặp mắt Huê lại có những hạt cám.

"Lúc đó, anh cứ tưởng em đã đi rồi."

"Em không đi được."

"Có thể là em quên, nhưng kỷ niệm cũ anh vẫn còn nhớ được," tôi nói.

Nơi cặp mắt Huê bỗng sáng đỏ rực lên như một que diêm bùng cháy. Tôi cũng trông thấy lớn vớn màu nắng đục, nghe một giọng nói khô khốc, rời rạc, rồi im lìm hẳn.

"Chị có khóc nhiều, anh ấy cũng không thể trở về được."

Thiếu phụ ngước mắt lên, ngạc nhiên, cặp mắt bất bất động. Người thanh niên tự dưng cũng cảm thấy bối rối, rụt rè, và sự cố nén nỗi xúc động bất chợt lộ ra hết. Một lúc anh ta quay sang nhìn tôi, rồi bảo:

"Anh K. đưa chị Hoài về nghỉ đi."

Thiếu phụ lại khóc ngất, gục đầu, phủ cả mái tóc kín lên ngôi mộ. Hơi do dự một chút, rồi tôi cũng đến nắm cánh tay chị đỡ dậy. Vẫn để mặc cho chị khóc, và trì lại, níu kéo.

Nơi đây, vẫn còn xa những dãy núi ở phía bắc. Những dãy núi ấy trông thật lâu sẽ thấy hiện lên qua đám mây dáng hình một bầy ngựa trắng. Trong buổi trưa bắt đầu nắng lên cao, đốt nóng, bỗng nhiên một phút giây nghe tiếng trống trường học dội lên làm dịu hẳn lại. Và ở sau lưng, những con gà rừng sột soạt đang đập cánh.

Rồi người thanh niên quay đầu lại bảo tôi:

"Chiều nay anh còn phải đi nhận hàng nữa."

"Tôi đi một mình."

"Không, có tôi nữa."

Người thanh niên đi xuống lối đường dốc băng nhanh qua đám ruộng để trở về trại. Ở lối rẽ bên này, tôi và người thiếu phụ bắt đầu cố gắng bước. Tôi thấu hiểu được nỗi khổ tâm, nhưng trong sự chịu đựng lúc này, người đàn bà này dường như chưa hẳn muốn tự nhủ mình đã là một goá phụ.

Về đêm, có một ánh đèn sáng leo lét ở khu nhà thăm nuôi. Có một bóng người rất đơn độc và thầm lặng. Sương mờ đang còn bao quanh dòng suối. Vào lúc nghe tiếng gà gáy, người đàn ông thức dậy, sửa soạn như bình thường, rồi ngồi một mình hút thuốc lào, uống trà đặc đậm, sau đó lên đường. Ở bên cánh vai phải luôn luôn có đeo cái túi dết đựng đồ, và chưa hề thấy lúc nào anh ta quên không đội lên đầu cái nón vải.

Xe trâu rời trại sớm để ra bến Ngọc kịp chuyến đò. Thiếu phụ nghe tiếng chuông xe rung liền bước tới đứng ở bên cánh cửa nhìn ra ngoài. Mỗi lúc, trông thấy ánh sáng lờ mờ rạng dần lên lên. Xe đang tiến vào sân, dừng lại, người đàn ông nhảy xuống.

Hai người đã cùng ra đi. Xe đi thư thả trên

con đường hẳn đang còn có dòng suối chảy bọc theo. Một lúc, người đánh xe nói:

"Khoảng giờ một giờ trưa mới có tàu về Hà Nội."

"Ở bến đò lên tới ga xa không anh."

"Hình như đò dọc đến chỗ đó cũng mất hai giờ."

Rồi họ lặng yên, không có gợi thêm câu chuyện. Mỗi lúc, trời sáng trong, có ánh nắng bao quanh những ngọn đồi.

Xe đổ dốc được một đoạn rồi lại leo lên dốc. Người đàn ông nhảy xuống cầm lấy sợi dây, bỗng trong phút chốc, lại nghe có tiếng khóc của người đàn bà. Đi dựa ven theo lưng núi, cùng với cỏ cây, người đàn ông đang nghĩ đến vợ và đứa con gái nhỏ của mình. Vậy là, đã bốn năm xa cách.

Xe đi qua một ngả đường của thôn xóm, nửa giờ sau tới bến đò. Bến đò Ngọc, quãng sông rộng này ở phía trên huyện Sông Thao. Qua 18 tháng, người đàn ông đã quen thuộc bến này với mỗi tuần hai chuyến đi đón thân nhân từ miền Nam ra thăm tù cải tạo ở ngoài này.

Khi xuống xe, người đàn bà đứng lại một mình. Một lúc, ở đầu bến gỗ quay trở lại, người đàn ông nói:

"Cũng một giờ nữa đò dọc mới lên, chị nghỉ chốc lát đi."

"Bây giờ anh đánh xe trở về trại." "Vâng."

"Tôi có nấu cơm nếp sáng nay, anh ăn rồi về."

"Này, chị phải cất dành ăn đi đường."

Người đàn bà nắm vội vàng cánh tay nói:

"Anh đừng lo ngại, tôi có đem tiền theo."

Bến đò đã có nhiều khách đợi, nhưng vẫn yên tĩnh. Hai người ngồi ăn chung bữa cơm dưới bóng cây cao lớn. Nơi cặp mắt người đàn ông có một chút màu đỏ uá.

"Anh được mấy cháu rồi."

"Có một cháu gái, chị."

"Gia đình anh cũng ở Sài Gòn."

"Không chị, ở Quảng Ngãi."

Người đàn bà yên lặng đưa cặp mắt nhìn qua khuôn mặt.

"Anh ra ngoài này lâu chưa."

"Tôi ra sau anh Hoài một năm."

"Không ngờ được anh ạ. Những ngày sửa soạn đi, tôi cứ mãi ám ảnh cái giấc mơ, trong mấy đêm liền, anh ấy về rách rưới, tay cầm cái bát đòi xin gạo, nói lúc này đang đói lắm."

"Anh em ai cũng mong có được một ngày về với gia đình."

"Không biết đến bao giờ các anh mới được về."

"Hình như chị đang dạy học phải không."

"Vâng."

Một cách thân tình, và nở nụ cười, người đàn ông nhìn vẻ đẹp của thiếu phụ rồi nói:

"Anh em nhờ tôi gửi lời chia buồn và cám ơn chị."

"Đâu có gì anh," thiếu phụ cũng nở một nụ cười nói: "Mua quà ra thăm nuôi anh Hoài, không có anh ấy, thì còn có các anh cùng là bạn tù cả."

Họ nói chuyện với nhau trong một niềm tin, bình thản và yên lặng. Ở bên kia bến sông, nắng đầy hơn. Buổi sáng khá lâu, rồi đò dọc ghé bến, và khi chia tay, hai người có vẻ vội vàng. Nơi cặp mắt người đàn ông thoáng một nỗi vui, tưởng như ngày mai mình sẽ trở về. Nhưng rồi, trong một bóng dáng yên lặng dưới ánh nắng, thấy anh ta như một pho tượng đầy nỗi buồn.

Người đàn bà đang đi xuống bến trong cơn gió thổi mạnh, và bỗng thấy một đám tóc vấy vùng, lăn lộn trên vạt áo.

2 tháng 6 năm 1997

Tìm đọc

HỒN THIÊNG DÂN TỘC

Sách Học Phật Tu Nhân của
NGUYỄN HUỲNH MAI
tác giả "Cô Bé Làng Hòa Hảo"

Một hành trình tu tập quán chiếu, nhìn lại chính mình để chuyển hóa nội tâm và giải quyết những khó khăn trong đời sống hằng ngày

- GS Phạm Công Thiện giới thiệu.
- Trên 100 bài chiêm nghiệm về Đạo, Đời, Tâm Linh, Giải Thoát và Tuổi Trẻ, quê hương Việt Nam tương lai.
- Gần 700 trang, tràn ngập hình ảnh tài liệu sống thật về chính sách đàn áp tôn giáo bằng bạo lực và bôi nhọ phỉ báng của nhà cầm quyền CSVN - Lịch sử lá cờ vàng ba sọc đỏ - Anh hùng Biệt Kích Dù - Thực trạng thuyền nhân bị cưỡng bức hồi hương - Tù nhân trại cải tạo Z30 Hàm Tân - Thương phế binh Bắc Việt bị cộng sản Việt Nam đối xử như thú vật...

Mua tại các nhà sách, hoặc gửi check, money order về:
***Nguyễn Huỳnh Mai** P.O. BOX 3048 Santa Fe Springs CA 90670*
Tel (562) 944-8945 - E Mail: PGHOAHAO @ aol. com
Ấn phí 25 MK - Ngoài Hoa Kỳ 28 MK - Mõ Làng & Tân Văn 1997 xuất bản

THIÊN THẦN VÀ ÁC QUỈ

NGUYỄN BÁ PHÚC

Nhận được tin mẹ tôi đang nằm hấp hối trên giường bệnh và có ý muốn được nhìn thấy mặt tôi lần cuối, tôi vội mua vé máy bay về Việt Nam ngay. Đây là lần đầu tiên sau hơn 15 năm sống kiếp tha hương nơi xứ người, tôi mới có dịp trở về thăm cái mảnh đất mà tôi đã rời bỏ bằng một chuyến vượt biên hãi hùng băng qua vùng vịnh Thái Lan vào những năm đầu tiên của thập niên 80. Từ giã vợ con ở phi trường Sydney vào một ngày đông buồn lạnh lẽo, tôi đến Việt Nam trong cái nắng hừng hực của những ngày hè nóng bỏng đầy kỷ niệm. Nhiều thứ đã thay đổi theo thời gian khiến tôi không nhận ra dù ngày xưa tôi rất gần gũi. Quê tôi là một xóm chài nhỏ thuộc vùng ngoại ô của thị xã nằm bên cạnh giòng sông Cửu Long mênh mông sóng gợn. Định mệnh thật trớ trêu, tôi vừa về đến nơi cũng là lúc mẹ tôi nhắm mắt qua đời, để lại cho tôi muôn vàn thương tiếc. Lòng khốn khổ, tôi đã than khóc rất nhiều cho sự mất mát một tình yêu vĩ đại. Âu cũng là kiếp người. Có ngày sinh ra thì cũng có ngày nhắm mắt lìa đời. Qui luật của Tạo hóa là như vậy, tránh sao cho được. Duy chỉ có lòng tôi vẫn mang nặng nỗi buồn tiếc thương.

Chôn cất mẹ tôi xong, lòng buồn thơ thẩn, tôi lang thang đây đó mong tìm được nguồn an ủi. Làng tôi không lớn lắm, trước đây chỉ vài chục ngôi nhà, tình hàng xóm rất thân mật. Chúng tôi đều biết rõ tiểu sử, gốc gác của nhau. Nhưng bây giờ dân số tăng gấp hai, ba lần. Đa số là những người lạ di cư hoặc là kẻ sinh sau đẻ muộn tôi không hề biết đến. Tôi đi giữa những con đường quen thuộc mà như người ngỡ lạ. Không gian ở đây như không còn nhận biết ra tôi, một kẻ rất thân thuộc với nó ở một thời quá khứ. Ngày đám tang của mẹ tôi, bạn bè, bà con, lối xóm tụ tập về đông đủ. Đó cũng là dịp để cho tôi gặp lại những người quen biết cũ. Trong số ấy có ông Tâm, người ở đầu xóm. Lúc ấy vì bận rộn nên chúng tôi chỉ chào hỏi xã giao, hẹn khi khác có dịp sẽ nói chuyện nhiều hơn. Nay rảnh rỗi, tôi đến nhà ông ta chơi. Trước là để tâm tình cho nỗi lòng khuây khỏa, sau là muốn tìm lại chút dư âm của kỷ niệm ngày xưa.

Ngôi nhà sàn của ông Tâm nằm ở chỗ tiếp giáp giữa một con rạch nhỏ chảy xuyên qua thị xã và giòng sông Cửu Long rộng lớn. Hình như nó mới được sửa sang lại. Những trụ gỗ lâu ngày mục nát đã được thay thế bằng những cột xi măng vững chắc. Mái nhà cũng được lợp mới lại, duy chỉ có những tấm vách là còn nguyên. Và dù 16 năm đã trôi qua rồi, mỗi khi đi lại gần cái nhà này, lòng tôi vẫn hãy còn dâng lên một niềm xao xuyến lạ, bâng khuâng khó tả. Tôi phân vân đứng ở trước ngõ, lấm lét nhìn vào, rồi mạnh dạn đưa tay gõ cửa. Nhưng tôi không cần phải hồi hộp lo sợ vì người ra mở cửa cho tôi là ông Tâm:

"A! Chú Vinh đó hả?! Vào chơi."

Tôi thở phào nhẹ nhõm, nhưng lòng lại thầm mong, ước gì Hằng có mặt ở nhà. Sau bao năm xa cách, bây giờ nàng đã ra sao?! Có còn nhớ đến tôi?! Một kẻ có lần đã thoáng bước qua đời nàng. Tôi lách người đi vào khung cửa hẹp và đảo mắt nhìn quanh như để tìm lại những gì thân quen. Cách trang trí đồ đạc có phần thay đổi. Hồi xưa trên đường đi học về, tôi thường ghé qua đây chơi. Tôi quen ông Tâm là một lẽ, nhưng tôi đến là vì đứa con gái xinh đẹp của ông ta. Nhìn lên bàn thờ tôi thấy ảnh của bà Tâm được trưng bày với nhang đèn nên hỏi:

"Bác gái qua đời lâu chưa vậy?"

"Cách đây ba năm. Chú ngồi chơi, để tôi đi nấu nước pha trà. Chú đến thật là quí hóa.

Ban ngày chỉ có mình tôi ở nhà. Con Lan, con Huệ thì theo chồng sống ở xa. Còn con Hằng thì..."

"Thì sao hả bác?" Tôi sốt ruột hỏi.

"Nó vẫn sống với tôi. Một lần dang dở, nó vẫn cứ sống vậy nuôi con không chịu tiến thêm bước nữa. Có đứa cháu hủ hỉ cũng vui. Nó đi học chưa về, còn mẹ nó thì tối ngày lo buôn bán ở chợ."

Tôi hơi thắc mắc lấy làm lạ khi thấy ông Tâm không hề đề cập tới Quân, người con nuôi của ông ta. Dù rằng không do huyết nhục của mình tạo nên, nhưng vợ chồng ông ta vẫn thương yêu nó như con ruột. Người ta không hề biết cha mẹ nó là ai ngoài một buổi sáng trên đường đi chợ, bà Tâm bắt gặp nó bên vệ đường đầy kiến. Thương tình cho con trẻ chưa đầy ba tháng bị bỏ rơi một cách nhẫn tâm, bà Tâm liền đem nó về nuôi. Với vợ chồng ông, nó như là một quà tặng vô giá vì vợ chồng ông không có con trai. Bất kể kẻ được sinh ra từ tình yêu hay dục vọng đều có quyền bình đẳng như nhau bước vào cuộc sống ở thế giới này.

"Thế còn Quân thì sao hả bác?" Tôi ngập ngừng tò mò hỏi.

Đang vui bỗng ông Tâm chợt thở dài buồn bã:

"Thôi! Chú đừng nhắc đến nó làm gì để cho tôi khỏi thêm đau lòng và tủi phận."

"Sao vậy bác?" Tôi ngạc nhiên hỏi.

"Chú ở xa nên không biết. Hiện nó đang bị người ta cầm tù vì tội tham gia vào một vụ cướp của giết người. Bây giờ ai cũng nguyền rủa nó, mà người đáng trách hơn hết có lẽ là tôi đây, đã dày công nuôi dưỡng một con quái vật để rồi khi lớn lên, nó đem sự đau khổ đến cho người khác. Chỉ buồn thay, con quái vật ấy lại là sự chuyển mình từ một đứa trẻ ngây thơ vô tội vốn đã đem đến hạnh phúc cho gia đình tôi thuở nào."

Nghe tin ấy tôi ngẩn ngơ trong giây lát. Lẽ nào thiên thần bé bỏng ngày xưa của mọi người nay đã trở thành một con ác quỉ. Tôi nhớ trong cái ngày bà Tâm đem nó về, mọi người đã xúm lại trầm trồ khen ngợi, hân hoan đón nhận nó vào thế giới gia đình họ bằng tất cả những chân tình yêu thương, âu yếm. Trẻ thơ vô tội. Chúng là những thiên thần bé bỏng luôn cần sự che chở, giúp đỡ, giáo dục, bảo vệ của người lớn. Cho dù chúng có được sinh ra từ một cuộc hôn nhân hạnh phúc, hợp pháp hay chỉ là kết quả ân ái của một cuộc tình lén lút không được thừa nhận. Nhưng cũng chính cái xã hội hỗn loạn, băng hoại, tội lỗi của người lớn đã biến không biết bao nhiêu thiên thần thành những con ác quỉ đáng nguyền rủa. Không hẳn họ chỉ là những tên tội phạm chỉ giết có một người như thằng Quân, mà những con ác quỉ ấy còn là những nhà độc tài đã gây nên những cuộc chiến tranh đẫm máu giết chết hàng triệu con người. Họ còn là những nhà chính trị, những nhà tư tưởng đạo mạo... đã gián tiếp gây nên những cuộc cách mạng, cải cách như đã hằng xảy ra trong lịch sử. Không biết bây giờ thằng Quân nó đã dữ tợn, đáng ghét đến như thế nào?! Nhưng trong trí của tôi, hình ảnh nó ngày còn nhỏ thật dễ thương làm sao! Mỗi lần tôi ghé chơi là nó chạy ra mừng rỡ đón tôi bằng những câu nói bập bẹ đầu đời:

"Anh Vinh."

Tôi mỉm cười xoa đầu nó khen giỏi. Khi thì cho nó viên kẹo, khi thì những cái bẹo má đầy thân thương trìu mến. Cho đến ngày tôi bỏ nước ra đi, là lúc nó được 5 tuổi, với tôi nó vẫn còn là một thiên thần vô tội. Lẽ nào giờ đây nó lại trở thành kẻ giết người?!

Ông Tâm đã trở ra với bình trà nóng. Bây giờ trông ông ta có vẻ ốm yếu, tiều tụy hơn ngày trước. Mái tóc trên đầu ông đã bạc màu. Những biến động của cuộc đời đã khiến cho gương mặt của ông ta càng thêm đăm chiêu khắc khổ. Hạnh phúc đến rồi đi như một cơn gió thoảng, để lại cho lòng người bao nỗi sầu ai oán. Dầu vậy người ta vẫn cứ yêu, vẫn cứ hy vọng tìm được nguồn hạnh phúc và an ủi trong những tình yêu mới.

"Mời chú dùng nước."

"Cám ơn bác. Bây giờ bác còn đi làm không?"

"Không! Tôi đã về hưu hơn hai năm rồi, từ ngày thằng Quân vào tù."

Mỗi lần nhắc đến tên thằng con là ông ta lộ vẻ buồn. Khác với ngày xưa, bất cứ nơi đâu, lúc nào, gặp ai, ông ta cũng không ngớt lời khoe khoang và say sưa tự hào nói về nó. Bây giờ người ta lại nguyền rủa nó bằng mọi lời lẽ thậm tệ và ước gì nó đừng bao giờ được sinh ra ở cõi đời này thì hay biết mấy.

"Chuyện đã xảy ra như thế nào? Bác có thể kể lại cho tôi nghe được không?"

Vẫn với vẻ mặt trầm ngâm của kẻ đau khổ, ông Tâm nghẹn giọng nói:

"Lỗi cũng tại tôi một phần. Vì quá thương nó nên tôi chiều chuộng nó quá đỗi, không chú tâm đến việc dạy dỗ, sửa trị nó nên người.

Tôi cũng chẳng hay biết nó thành kẻ hư đốn tự lúc nào, cho đến một ngày tôi hay tin nó tham gia vào một vụ cướp. Thế thôi!"

Ngưng im một hồi, ông Tâm lại nói tiếp:

"Nó đã bị người ta xử tội chung thân. Giá mà nó được chết, cuộc đời nó có lẽ còn đỡ khốn khổ hơn."

Buổi chiều mùa hè thật oi bức. Nước sông đang rút cạn để lộ bãi sình thoai thoải chạy dài đầy những hang lỗ của những loài thủy sản. Thập thò ở một vài cửa hang là những con cua đang giương càng ngoe nguẩy, còn ở nền đất nhão thì đầy ắp những con thòi lòi đủ màu sắc đang nhảy lệch đệch tìm mồi. Mực nước như chiếc đồng hồ tự nhiên rút dần theo thời gian làm bãi sình càng rộng ra và giòng sông nhỏ hẹp lại. Nhưng giòng nước vẫn chảy xiết về biển cả cách đó không đầy 80 cây số về hướng đông. Đây đó trên giòng sông tàu ghe vẫn chạy ngược xuôi. Tuy vậy hình ảnh đượm tình quê hương nhất vẫn là những chiếc ghe chèo của những cô gái đội nón lá vào những lúc hoàng hôn. Tôi bỗng liên tưởng đến giòng nước thời gian đã đẩy trôi tôi khỏi những bến bờ quá khứ. Làm sao tôi có thể tìm lại được những buổi chiều kỷ niệm?! Tôi ngồi ở chỗ này, đối diện là Hằng mặt đỏ hây hây mắc cỡ thẹn thùng mỗi khi bắt gặp ánh mắt trộm nhìn của tôi, bên cạnh là thằng Quân ngây thơ đùa giỡn, đòi tôi dẫn nó đi vọc sình. Tuy chúng tôi đã yêu nhau ra chiều thắm thiết, nhưng chưa ai dám thổ lộ nên lời. Nhiều khi tương lai chỉ nằm ở một câu nói. Thế mà tôi không nói, giờ luyến tiếc làm chi!

Hai chúng tôi trò chuyện với nhau đủ thứ đề tài, nhưng đa số vẫn là những câu thăm hỏi về nhau. Nói chung nan đề chính của những kẻ làm cha mẹ như chúng tôi đang đối đầu vẫn là vấn đề giáo dục con cái. Nếu như có thời gặp nhau người ta ca tụng khoe khoang về chúng, thì cũng có thời, gặp nhau, người ta than vắn thở dài về nỗi buồn phiền mà con cái mang lại. Chính tôi đây cũng đang ở trong tình cảnh đó. Các con tôi đang ở độ tuổi thiếu niên. Cái tuổi dễ sa ngã, tạo nên những kẻ cứng đầu khó dạy bảo. Dường như qua cái tuổi dậy thì, hình ảnh thiên thần ở trẻ thơ đã bắt đầu biến mất. Chúng không còn muốn nghe những chuyện cổ tích có công chúa, có hoàng tử, bà tiên... mà lại thích những câu chuyện về tình cảm ái ân với những nỗi lòng thay đổi lạ. Tất cả cũng bắt đầu ở cái tuổi dậy thì. Cái tuổi của những ước mơ. Cái tuổi của những niềm xao xuyến. Nhưng cũng là cái tuổi báo hiệu sự chấm dứt một thời đầy kỷ niệm giữa cha mẹ và con cái. Cái tuổi đã đem đến một đời sống tội lỗi cho con người.

Khi bóng nắng đã ngã dài trên mặt sông và giòng nước đã chảy ngược về nguồn thì cũng là lúc tôi xin phép ông Tâm ra về. Vì có hẹn với một người bà con nên tôi không thể ở chơi đến tối để gặp Hằng. Dù gì đi nữa thì tôi cũng đã biết chỗ nàng làm việc. Mai tôi sẽ một mình đến đó. Tiện hơn!

Bước ra khỏi cửa nhà ông Tâm lòng tôi vẫn hãy còn bàng hoàng về tội ác của thằng Quân đã làm. Dù cho đó là sự thật đau lòng, nhưng tôi vẫn không chịu tin thằng Quân đã trở thành người xấu xa đến thế. Mà nếu nó quả đúng là như vậy thì xét ra cho cùng nó cũng chỉ là nạn nhân của xã hội, lỡ tay giết chết có một người. Trong khi có những kẻ cầm cán cân luật pháp đã dùng những chính sách của họ giết chết hàng biết bao nhiêu người khác. Vậy mà họ vẫn được tôn sùng như là những thiên thần tái thế. Thử hỏi, giữa thằng Quân và họ, công bình mà nói, ai xấu hơn ai?!...

4-1997

PHÂN ƯU

Được tin ông

PHẠM PHÚ MÔN

Cựu Giám Thị Trung Học
Trần Quý Cáp, Hội An
Đã từ trần
ngày 22 tháng Tám năm 1997
(nhằm ngày 20 tháng Bảy năm Đinh Sửu)
tại Melbourne, Australia
Hưởng thọ 74 tuổi.

Xin thành kính chia buồn cùng tang quyến, và nguyện cầu hương hồn người quá cố sớm tiêu diêu nơi miền Cực Lạc.

HỘI ÁI HỮU CỰU HỌC SINH TRẦN QUÝ CÁP (Hội An, Quảng Nam)

"CỔ SỬ" HAY "CẬN SỬ"

NGUYỄN XUÂN QUANG

Chúng tôi xin góp thêm ý kiến về vấn đề "Cổ sử" hay "Cận sử" qua bài hát "Chi chi chành chành." Xin giải thích vì lý do nào đã khiến chúng tôi nghĩ là câu hát "cái đanh thổi lửa" liên hệ đến Thần Lửa của Mường Việt "Tà Cắm Cọt" mà chúng tôi diễn nghĩa theo Việt ngữ là "Ông Cắm Cọc" Dùi Lửa (tương ứng với Toại Nhân). Ông Nguyễn Xuân Thuyên trên số Thế Kỷ 21 tháng 5 1997 có đưa ra một bản khác có nhiều sửa đổi so với bản của chúng tôi dùng. Bản của chúng tôi là bài hát hồi bé chúng tôi hát rất nhiều khi chơi trò chơi "chi chi chành chành." Một người "làm cái" ngửa một bàn tay ra, những người khác để một ngón tay vào lòng bàn tay người đó, tất cả cùng hát bài hát:

Chi chi chành chành
Cái đanh thổi lửa,
Con ngựa chết trương
Ba vương ngũ đế,
Ngấp nghé đi tìm,
Ú tim òa ập.

khi hát tới câu cuối người cái nắm tay lại. Ai không nhanh rút tay ra sẽ bị tóm bắt. Bài hát này rất phổ thông đã được ghi chép lại trong nhiều sách về ca dao tục ngữ. Xin đề cử ra một hai ví dụ: trong Tục Ngữ Phong Dao của Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc có chép:

Chi chi chành chành,
Cái đanh thổi lửa,
Con ngựa chết trương,
Ba vương, thượng đế
Cấp kế đi tìm,
Hú tim bắt ập.
(tr.70)

tác giả ghi chú cấp kế ở các dị bản khác ghi là ngấp nghé. Bản này chỉ khác bản trên ở chỗ 'ba vương ngũ đế' với 'ba vương thượng đế' nhưng sự khác biệt này không mấy quan trọng vì cả hai đều nói về cổ sử. Thí dụ thứ hai là trong Tâm Hồn Mẹ Việt Nam (Tục ngữ, Ca dao) tác giả Lê Gia ghi lại:

Chi chi chành chành,
Cái đanh thổi lửa,
Con ngựa chết chương,
Ba vương, ngũ đế (:Thời cổ bên Tàu)
Ngấp nghé đi tìm,
Hú tim bắt ập...
(quyển II, NXB Văn Nghệ TP HCM, 1993, tr.198)

bản này giống bản của chúng tôi chỉ khác 'chết chương' và 'chệt trương,' không đáng kể. Đặc biệt là tác giả ghi chú ngay bên 'Ba vương ngũ đế' là "thời cổ bên Tàu". Như thế bài hát này là bài hát phổ quát khắp trong đại chúng và tất cả đều hát câu "cái đanh thổi lửa." Nếu không phải là chủ quan thì bản của ông Nguyễn Xuân Thuyên đưa ra:

Chi chi chành chành,
Cái đanh nổ lửa
Con ngựa đứt cương
Ba vương tập đế,
Cấp kế đi tìm
Ú òa ập

chắc chắn không được phổ quát bằng bài hát mọi người thường chép lại và trẻ em thường hát ở trên. Chúng tôi trong khi khảo cứu cổ ngữ Việt đã sưu tập rất nhiều sách về ca dao tục ngữ nhưng chưa đọc qua bản của ông Thuyên (có nghĩa là chưa phổ quát lắm). Bản của ông Thuyên nêu ra và bản thường nghe hát có thể là những dị bản. Nhưng bản của ông Thuyên nêu ra, theo ông thì ám chỉ vào việc vua Hàm Nghi thất bại trong việc đánh úp quân Pháp ở Huế, còn bản "cái đanh thổi lửa" với ba vương ngũ đế hay ba vương thượng đế nói về cổ sử. Điều chắc chắn là không thể nói rằng bản viết về cổ sử là do bản viết về cận sử đẻ ra. Sự giải thích của ông Thuyên có vài chỗ chưa thuyết phục được chúng tôi. Bản của ông viết "cái đanh nổ lửa: súng bắn tóe lửa." Sự giải thích dĩ nhiên cũng chấp nhận được nhưng thời Hàm Nghi thì chúng ta đã biết tới súng đạn quá nhiều rồi. Từ hồi quân Pháp chiếm Đà Nẵng đã bắn cà nông đùng đùng rồi. Tại sao không hát là "cà nông nổ lửa" mà dùng "cái đanh" chỉ súng? Nghe rất là "ép." "Con ngựa đứt cương," ông

giải thích là "quốc gia không người lãnh đạo vì vua Hàm Nghi đã bỏ kinh thành đi ra chiến khu." Chúng tôi chưa nghe thấy ai ví đất nước ta là "con ngựa" cả. Chúng ta là con Rồng cháu Tiên gọi quốc gia (nation) là Nước như nước ta, nhà nước có liên hệ với Nước (water). Nước có biểu tượng là Rắn Nước-Rồng. Quốc gia có nguồn gốc nguyên thủy thời thượng cổ là một bờ nước. Điều này cũng còn thấy ở nhiều quốc gia khác qua từ gọi quốc gia như Pháp, Anh ngữ Nation: Nước, quốc gia. Nation có Nat- là Nát, Nác là Nước. Nation liên hệ với có nat- liên hệ với nã, lã, nác, nát là nước. Việt ngữ nát nguyên thủy chỉ một vật gì tan ra, vỡ ra khi cho vào nước. Từ ghép tan nát có nghĩa là tan = nát, nác nước. Từ nát bét có hàm nghĩa liên hệ với nước. Nation liên hệ với natation (bơi), natant (nổi trên mặt nước)... Nước đi đôi với thuyền vì thế chúng tôi chỉ nghe nói tới câu "lèo lái con thuyền quốc gia" chứ chưa nghe ai nói "cầm cương con ngựa quốc gia" cả. Vua Hàm Nghi chắc cũng không phải là ông vua thích ngựa và cỡi ngựa giỏi. Câu "ba vương tập đế" ông giải thích "ba người con nuôi của vua Tự Đức được phong tước vương và sau đều được lên ngôi vua (tập đế)...". Ông giải thích "tập đế" là lên ngôi vua nghe cũng "ép" quá. Đó là chưa kể vương với đế khác nhau xa... Ông giải thích hai câu sau là Pháp cấp tốc đi tìm và bắt được vua Hàm Nghi nghe cũng xuôi tai nhưng thật ra đây chỉ là hai câu cuối người cái báo trước cho các người chơi là họ sẽ nắm tay lại bắt, giản dị như thế thôi. Ông giải thích hết bài hát ngoại trừ câu đầu "chi chi chành chành," ông không giải thích là có dính dáng gì tới vua Hàm Nghi không? Tại sao ông không giải thích "chi chi chành chành"? Đây là những cổ ngữ Việt giống như câu hát "nu na nu nống." Cổ tới độ ngày nay nhiều người trong chúng ta không hiểu nghĩa là gì nữa. Điểm này cho thấy bài hát "chi chi chành chành" rất cổ, ít ra đã có trước thời Hàm Nghi. Những điểm trên cho thấy bài hát "ám chỉ vua Hàm Nghi" chỉ có thể là một dị bản của bản có câu "cái đanh thổi lửa" viết về cổ sử. Dị bản vì đã "khác" rất nhiều chỗ. Thật thế, chúng tôi đã viết bài hát là một câu "thai đố về cổ sử." Đã gọi là thai đố thì sẽ có nhiều dị bản và nhiều cách giải thích. Giống như chơi đề, nhà cái ra một câu thai đố làm thế nào mà có thể giải thích thấy có lý với tất cả các con đề. Ngay cả nhà cái đôi khi cũng khó "cãi lý" cho rõ trắng đen vì thế nhà cái bao giờ cũng phải bỏ câu trả lời vào một vật phong kín ngay lúc ra thai đề. Chúng tôi còn nhớ đã đọc một bài viết về bài hát này khi còn ở trung học, giờ đã quên không còn nhớ của tác giả nào và viết ở

đâu (chỉ mang máng nhớ trong một quyển sách bình giảng văn chương). Tác giả này đã giải thích "cái đanh thổi lửa" là "cây trụ điện" hay "cây thu lôi" gì đó... có liên hệ tới điện...

PHẠM HỒNG ÂN

TỪ SÔNG RA BIỂN

Để nhớ về Hải Đội 4 Duyên Phòng

Từ sông ra biển xuôi theo nước
Đêm ghé Hòn Tre hẹn chuyến đi
Ơi, dáng hòn nằm phơi gấm vóc
Tương tư ta nhớ nét đường thi.

Mai nương sóng bạc qua Hòn Nghệ
Lơi lả trăng nghiêng một góc trời
Núi sông trôi nổi tình huynh đệ
Chí lớn chưa đầy đáy cốc vơi.

Ngủ ở Hòn Thơm ta lụy mãi
Mùi khô ngai ngái biển Dương Đông
Có cô giáo đảo tay mềm mại
Rót rượu đưa ta đến cõi hồng.

Dạo chơi An Thới ròng đôi bữa
Giọc nước Bãi Kem tắm nắng đào
Nhấm chút thịt sò trui trong lửa
Thèm đôi má bé đỏ au au.

Vòng về Bắc Đảo mưa phần phật
Đốt lá rừng lên thức với nai
Cái say nằm sẵn trong trời đất
Bay xuống đời nhau nỗi đắng cay.

Từ sông ra biển ta dong ruổi
Lang bạt cùng tàu dạt đảo xa
Mai hết kiếp người, xin hóa núi
Ngàn năm hùng vĩ mũi Kwala.

(Thiên Cổ Bùi Ngùi)

Như thế câu hát "cái đanh thổi lửa" có ít nhất là ba cách giải thích là "trụ điện," "súng-cái đanh nổ lửa" và cách của chúng tôi "cái đanh thổi lửa" là dùi làm lửa.

Tại sao chúng tôi lại nghĩ "cái đanh thổi lửa" chỉ việc làm ra lửa bằng cách "dùi lửa" (fire-drill)? Chúng tôi dựa vào bài hát. Câu đầu bài hát "chi chi chành chành," chúng tôi nhớ trong một dị bản khác có người chép là "chi chi chàng chàng." Đây là những từ cổ muốn biết chắc chắn nghĩa phải khổ công nghiên cứu. Tiếc rằng lúc này chúng tôi đồn mọi thì giờ để thanh toán quyển sách viết về cổ sử Việt nên không muốn mất thì giờ vào việc khác. Khốn nỗi phải đáp ứng ngay lại bài viết của ông Thuyên nên chỉ xin nêu ra những gì có sẵn trong đầu (chưa kiểm chứng lại). Vậy xin giải thích "chi chi chành chành" theo kiểu "biết sao nói vậy" nếu có sai sót xin các bậc cao kiến chỉ giáo, sau này có thì giờ tra cứu nếu tìm được điều gì khác sẽ viết bổ túc. "Chi chi" là "trời, trời" (xem Nguyễn Xuân Quang, Giời là Gì, Y Tế Phổ Thông số 24, tháng 12, 1994 tr.77-79), "chành chành," "chàng chàng" là chang chang là nắng, lửa nóng, trời... liên hệ với càn là trời như trong càn khôn; liên hệ với Phạn ngữ chanda, 'sun, having hot rays' (mặt trời, tia nóng), Phạn ngữ chand, to shine, Latin candere (chiếu sáng), Anh ngữ candescence (cháy phát quang), candle (nến), kindle, cháy, Cổ ngữ Nordic kynda, cháy... Cả câu "chi chi chành chành" đều liên hệ tới Trời-Lửa. "Cái đanh thổi lửa" là dùi làm ra lửa ám chỉ Thần Lửa Cắm Cọc Dùi Lửa. Lửa là Dương cực. "Con ngựa chết trương." Từ "chết trương" hàm nghĩa chết dưới nước trương phềnh lên như thấy trong câu "đẹp như cái tép kho tương, kho đi kho lại nó trương phềnh phềnh." Cả câu ám chỉ con Ngựa Nước Hà mã bị chết trương phình lên. Hà mã liên hệ với Thần Nước, Thần sông Lạc. Truyền thuyết cho rằng Phục Phi là con Phục Hy trầm mình ở sông Lạc và trở thành Hà bá sông Lạc nói riêng và thủy thần nói chung. Từ Phi có một nghĩa là vợ vua. Theo giáo sư Kim Định "Phi có thể là vợ (phi) hay con của vua Phục Hy như bà Nữ Oa cũng là vợ hay em gái vua Phục Hy" (VLTN tr.251-252). Chúng tôi cho phi là vợ bởi vì chúng ta đã biết Nữ Oa là vợ Phục Hy. Qua các bài viết về cổ sử chúng tôi đã chứng minh Trai Sò Ngao Quả Nữ Oa là Thần Nước của chúng ta tương ứng với Nữ Thần Nước Ea của Lưỡng Hà. Phục Phi Nữ Oa Thần Nước của chúng ta kiêm luôn thủy thần sông Lạc... Hà mã ở sông lạc liên hệ với Thủy Thần sông Lạc Nữ Oa. Nước là Âm cực. Câu "cái đanh thổi lửa" ám chỉ tới Thần Lửa Cắm Cọc (Toại Nhân) câu "con ngựa chết trương" ám chỉ tới Thần Nước Ngao Quả Nữ Oa. Ở đây có sự xung đột giữa Âm-Nước với Dương-Lửa, giữa mẫu quyền và phụ quyền và mẫu hệ đã thua. Bài hát này được sáng tác vào thời phụ quyền đã thống trị. "Ba vương ngũ đế" là tám vị vua thời cổ. Đây là hình bóng của tám vị nhà trời trong huyền sử đảm trách việc tạo sinh vũ trụ và thế gian. Tám vị này gồm Tứ Tượng: Lửa (Cắm Cọc, Toại Nhân), Nước (Ngao Quả, Nữ Oa), Khí (Túi Trời, Phục Hy) và Núi-Đất (Trụ Chống Trời, Bàn Cổ) tạo ra vũ trụ và bốn vị mang hình bóng của Tứ tượng tạo ra thế gian. Hai câu sau của bài hát chỉ có nghĩa liên hệ với trò chơi là nắm tay lại tóm bắt, giống như các trò chơi khác ví dụ:

Nu na nu nống,
Thằng cộng cái cạc.
Chân vàng chân bạc
...

chấm dứt bằng câu:

Có chân thì rụt...

Cả bài hát nói tới Trời-Lửa, Thần Lửa, Thần Nước, Tứ Tượng, Tứ Trụ của hai cõi Vũ Trụ và cõi trời Thế gian nghĩa là nói tới vũ trụ tạo sinh. Đó là lý do tại sao chúng tôi nghĩ "cái đanh thổi lửa" liên hệ với Thần Lửa Cắm Cọc Dùi Lửa.

Tóm lại bản của ông Thuyên nêu ra cùng lắm chỉ là một dị bản nói về vua Hàm Nghi. Trong lịch sử nhất là gần đây người ta đã lấy ca dao, đồng dao biến cải thành những bài tuyên truyền thích hợp cho một vấn đề nào đó, vào một thời điểm nào đó. Tương tự như thế, có thể dị bản nói về vua Hàm Nghi lấy từ câu đồng dao cổ rồi biến đổi đi để nói tới một biến cố lịch sử. Những bài viết phỏng theo cao dao, phong dao thường chỉ mang tính cách nhất thời, cục bộ, địa phương ít khi vượt được không gian và thời gian để trở thành phổ quát, bất tử trong dân gian lưu truyền từ đời này qua đời khác. Vì thế không thể lấy "cái đanh nổ lửa" trong bài nói về vua Hàm Nghi để đánh đổ "cái đanh thổi lửa" nói về cổ sử. Hai chuyện khác nhau và "thổi lửa" và "nổ lửa" khác nhau xa. Bài hát có câu "cái đanh thổi lửa" có thể đẻ ra bài có câu "cái đanh nổ lửa" chứ bài hát ám chỉ vua Hàm Nghi không thể đẻ ra bài "ba vương ngũ đế." □

GIÊ-SU QUA CÁI NHÌN CỦA NGƯỜI PHẬT TỬ

Giáo sư ANDRÉ BAREAU
Người dịch NGUYÊN ĐẠO

"Giê-Su qua cái nhìn của người Phật tử" (1): đây là một đề tài lý thú, nhưng quả thực là khó. Trước hết, trong tất cả những đạo lớn, có lẽ đạo Phật là đạo xa cách đạo Ki-Tô nhất trên những giáo lý cơ bản và trên nhiều điểm quan trọng, mặc dù vẫn gần gũi trên nhiều điểm khác. Thứ đến, vì hình thức hành đạo rất đa dạng của đạo Phật qua thời gian và không gian, vì sự hội nhập của đạo Phật vào nhiều nền văn minh khác nhau, vào nhiều dân tộc khác nhau, mà có thể có những "cái nhìn về Giê-Su" rất khác nhau giữa những người Phật tử. Sau hết, nếu chúng ta biết khá rõ về cái nhìn của người Phật tử, nhất là Phật tử thời nay, về đạo Ki-tô, chúng ta rất ít khi được nghe họ nói quan niệm của họ về cá nhân Giê-Su.

Trước khi tìm hiểu người Phật tử thực sự nghĩ sao, tôi thiết nghĩ cần phải xét xem, căn cứ theo giáo lý cơ bản của kinh điển nguyên thủy, đã được ghi chép lại từ hơn 20 thế kỷ nay, người Phật tử sẽ phải nghĩ thế nào về người sáng lập đạo Ki-Tô.

Như quý vị đã rõ, đạo Phật là một đạo có đặc điểm, rất khó hiểu cho người phương Tây chúng ta, là không những từ chối không chấp nhận một Thượng Đế độc nhất, thường hằng, quyền phép vô biên, tạo hóa mọi sự vật, chủ tể mọi loài trong vũ trụ, mà còn không chấp nhận một cá thể thường hằng tương đương với cái mà chúng ta gọi là linh hồn. Chính vì phủ nhận nguyên tắc một cá thể thường hằng mà người Phật tử không thể chấp nhận một Đấng Tạo Hóa như người phương Tây chúng ta vẫn quan niệm.

Cần nói cho rõ: Đạo Phật chưa bao giờ phủ nhận sự hiện hữu của các thần linh, trái lại nữa là khác, theo đạo Phật có hằng hà sa số các vị trời, hàng triệu thần tiên đủ loại, lớn nhỏ, thiên thần cũng như địa thần; có những vị thù thắng vi diệu, thân toàn ánh sáng sống bằng lạc thọ, có những vị thân thể thô thiển hơn nhưng người trần không thấy nổi, tất cả đều quyền phép oai vũ hơn người trần rất nhiều. Các vị trời và thần này, dù oai linh quyền phép đến đâu đi nữa cũng vẫn bị hạn chế trong thời gian sống và trong quyền phép của mình. Mỗi vị sinh ra bằng hóa hiện ra giữa các vị trời, sống rất lâu, hàng tỷ năm (người Ấn Độ thường khi vẫn hay phóng đại khi phải vận dụng trí tưởng tượng vốn rất phong phú), sống sung sướng an lành, không đau đớn, không phiền não lo âu, không bịnh tật, không chết chóc như các loài hữu tình khác, là loài người hay không phải là loài người. Đời sống này dĩ nhiên là phải có một sự bắt đầu. Một ngày kia, vị trời này sẽ mất đi, bỗng nhiên biến đi, không đau đớn lo âu, và sẽ tái sinh như bất cứ một hữu tình nào khác, vào cõi trời, hoặc cõi người, hoặc cõi súc sinh, hoặc cõi ngạ quỷ, tùy theo nghiệp quá khứ của vị đó. Vốn không thường hằng, vốn được sinh ra và mất đi như các hữu tình khác, dĩ nhiên vị trời này không thể là đấng tạo ra vũ trụ và những loài sinh sống trong đó. Quyền phép dù rộng lớn đến đâu đi nữa nhưng vẫn có giới hạn, vị trời này không thể là chủ tể mọi loài, mọi sự, mọi vật.

Không chấp nhận một Đấng Tạo Hóa như người phương Tây chúng ta thường quan niệm, người Phật tử dĩ nhiên không thể chấp nhận tính thiên khải của Giê-Su. Đối với họ, dựa theo lịch sử, Giê-Su chỉ là một con người. Tuy nhiên, với tất cả những đức tính hiển nhiên của ngài, chắc chắn sau đó ngài đã sinh

vào cõi trời dựa theo luật nhân quả, do sự "chín mùi" của các thiện nghiệp của ngài. Tóm lại, dưới con mắt của đạo Phật, con người Giê-Su, sau khi chết, chắc đã trở thành một vị trời, nghĩa là một loại siêu nhân của một đẳng cấp nào đó, biểu hiện bởi những tính chất, những quyền phép, với đời sống lâu dài, với sinh hoạt đặc biệt; sinh hoạt này có thể là sự quán chiếu chân lý (contemplation de la vérité) hay chỉ là quán trí tiếp cận chân lý (méditation d'approche), hay chỉ là hưởng thụ lạc thú của thiên giới dưới mọi hình thức khác nhau, có dục tính hay không dục tính, hoặc kiểm xét sinh hoạt của loài người. Khi vị Giê-Su trở thành trời chết đi thì, trong một tương lai xa hay gần, tùy theo địa vị hiện tại của ngài trên cõi trời, ngài sẽ tái sinh lại, cũng như vô số lần khác trong quá khứ. Chắc ngài sẽ sanh lại cõi trời hay cõi người tùy theo các đức tính và các thiện nghiệp của ngài, ngài sẽ không bị thu hút vào những cõi xấu xa như những kẻ tham ác, những loài súc sinh, ngạ quỷ. Nói cách khác, trong đời sống tương lai, Giê-Su có thể còn giữ được tính trời của mình, theo ý nghĩa của đạo Phật, hay sinh vào cõi người, và trong trường hợp này sẽ hành động như một vị Cứu tinh (Messie), trong giới hạn mà đạo Phật đã định cho vai trò này. Như vậy, đạo Phật không phủ nhận tính trời của Giê-Su, tính trời được hiểu theo một ý nghĩa nào đó, cũng như không phủ nhận tính người của ngài; tuy nhiên hai tính này không thể tồn tại cùng một lúc mà phải kế tiếp nhau.

Nếu con người Giê-Su sanh ra cách đây ngót hai mươi thế kỷ đã trở thành một vị trời, người Phật tử có thể dễ dàng chấp nhận chuyện này, thì, cũng như mọi vị trời khác, ngài rất đáng được kính trọng, đáng được tôn sùng, vì vô số thiện nghiệp của ngài trong các đời sống trước; tính trời của các vị chứng minh cho những thiện nghiệp của các vị trong các kiếp trước. Hơn nữa, nghi lễ của đạo Ki-Tô không đòi hỏi sát sanh, cũng giống như nghi lễ đạo Phật, vì sát sanh để cúng tế là phạm vào một trong những giới cấm cơ bản chung cho cả hai đạo, người Phật tử không thể chê trách gì tín đồ Ki-Tô khi những người này tôn thờ Thầy của họ, Chúa của họ. Còn hơn thế nữa, không gì ngăn cản người Phật tử tôn sùng Giê-Su cũng như tôn sùng các vị thần linh khác xuất xứ từ Ấn Độ Giáo; trong nhiều chùa ta thường gặp đền thờ các vị thần này.

Thật vậy, ngược với đạo Ki-Tô, sinh ra trong những điều kiện hoàn toàn khác, đạo Phật không những chưa bao giờ phủ nhận sự hiện hữu hoặc phủ nhận tính trời của vô số vị trời của Ấn Độ cổ xưa, hay của các xứ mà đạo Phật truyền tới, mà đạo Phật cũng không hạ thấp các vị trời đó xuống hàng những loài quỷ, xấu xa và tàn bạo, hiện thân của mọi điều xấu. Ngược lại, đạo Phật đã thu nhập tất cả những vị này, kể cả những vị vốn rất hung dữ cũng được mau chóng chuyển hóa. Còn hơn thế nữa, đạo Phật đã nâng các vị thần này lên hàng mẫu mực cho Phật tử cư sĩ, nhưng không thể là mẫu cho hàng tăng sĩ vì đời sống quá sung sướng của cõi trời khiến các vị trời không thể thành tu sĩ khổ hạnh, không thể trì hành các giới luật nghiêm túc và khắc khổ, con đường duy nhất đưa đến giải thoát, Niết Bàn.

Trong thiên giới phong phú và phức tạp được đạo Phật công nhận, rất hiếm có những vị trời còn giữ tính dữ dằn hoặc là căm thù đối với loài người. Nếu có, thường chỉ là những vị địa tiên thuộc những tầng thấp nhất, những vị tiểu thần của một thôn xóm nào đó, hay là Mâra, thần chết, đối thủ chính và dai dẳng của đức Phật, vì ngài dạy cho muôn loài phương pháp để thoát khỏi sự chết, hay đúng hơn những sự chết kế tiếp nhau, hệ quả của những sự tái sinh. Thật ra, Mâra là một hình ảnh có tính biểu tượng, chỉ được dùng trong đạo Phật, và theo truyền thuyết thì thường thường lố bịch hơn là ghê gớm, ngay cả lúc vị thần này xua đoàn quân quỷ do nó sanh ra để tấn công đức Phật và đức Phật đã xua tan chúng chỉ bằng một ý niệm của ngài.

Những vị trời, ngoại trừ một vài vị rất hiếm, đều là những hữu thể hiền hòa xứng đáng được tôn kính; theo giáo lý nhà Phật thì đây là một chuyện rất dễ hiểu, vì nếu các ngài hưởng được hạnh phúc của cõi trời là vì các ngài thừa hưởng quả báo của vô số thiện nghiệp trong những đời trước. Trở lại đề tài của chúng ta, nếu con người Giê-Su đã trở thành một vị trời, và đứng trên quan niệm Phật giáo thì chuyện này rất đáng tin, ngài xứng đáng được mọi người tôn kính, không những chỉ tín đồ đạo Ki-Tô, mà cả những người Phật tử và những người theo đạo khác cũng vậy.

Con người Giê-Su trở thành một vị trời do đó được kính trọng, phải chăng điều này có nghĩa là giáo lý của ngài dạy cách đây hai ngàn năm cũng phải được trọng vọng như vậy? Nói cách khác, với người Phật tử, giáo lý của Giê-

Su, đạo Ki-Tô, có đáng được trọng vọng bằng những thiện nghiệp của ngài không? Chắc chắn là đáng trong chừng mực mà giáo lý của ngài phù hợp với lời dạy của Đấng Thế Tôn, nghĩa là có ích lợi cho con người, giúp con người tiến bộ trên con đường giải thoát hay ít ra giúp tái sinh trong cõi trời hay cõi người chứ không bị rơi vào những cõi xấu xa khác. Trái lại, cũng không đáng, vì giáo lý của Giê-Su không dẫn con người tới Niết Bàn, hay đúng hơn khiến con người ngừng lại dọc đường, chỉ dẫn đến tái sinh nơi thiên đàng của một vị trời trong một thời gian có giới hạn, dù giới hạn này có dài lâu đến đâu đi nữa, và làm cho con người lầm tưởng rằng sẽ được ở đó vĩnh viễn. Tóm lại, giáo lý của Giê-Su chỉ dành cho cư sĩ, những người muốn có một đời sống tương lai càng sung sướng, càng lâu dài càng tốt, trong khi giáo lý của đức Phật nhắm những tu sĩ, những người, sau khi thấu rõ tính chất vô thường, sự giới hạn trong không gian và thời gian, của vạn vật, kể cả hạnh phúc trong cõi trời, không vừa lòng với hạnh phúc đó, quyết định đạt đến Niết Bàn, chấm dứt mọi tái sinh, dù trong cõi nào đi nữa.

Hệ luân lý Giê-Su truyền dạy cho tín đồ ngài hầu như in hệt hệ luân lý đức Phật dạy cho Phật tử. Không những cả đôi bên đều ngăn cấm làm điều ác, lớn hay nhỏ, như giết người, trộm cắp, tà hạnh, hưởng thụ, dối trá, phóng dật v.v..., mà cả đôi bên cũng đều luôn luôn khuyên bảo tín đồ mình nuôi dưỡng và thể hiện những đức tính như lòng nhân ái, lòng từ bi, tính kiên trì, lòng từ thiện, lòng khoan dung mỗi khi bị xúc phạm... Cả hai đều thấy rõ là sự thể hiện hệ luân lý chung này chỉ là bước đầu, rất cần thiết nhưng không đầy đủ, trên con đường dài đưa đến mục tiêu tối hậu do các vị sáng lập đạo giáo vạch ra cho tín đồ của mình, thiên đàng cho người theo đạo Ki-Tô, Niết Bàn cho Phật tử. Tóm lại, cùng truyền dạy một hệ luân lý chung như là bước đầu cơ bản, Giê-Su và đức Phật lúc đầu dẫn dắt tín đồ của mình trên cùng một con đường, một con đường dài và khó khăn cho nhiều người nhưng không thể tránh khỏi để chuẩn bị cho chặng đường sau, cho một đời sống đạo hạnh, tu luyện tâm linh để đạt đến một quả vị nào đó.

Ngoài những điểm tương đồng kể trên, giáo lý của Giê-Su và giáo lý của đức Phật khác biệt nhau rất xa. Với đức Phật, giáo lý của Giê-Su sai lạc, không đúng với sự thật, không đúng với những thánh đế mà tu sĩ Gotama đã "giác ngộ." Như vậy, giáo lý đạo Ki-Tô, dù với hệ luân lý cao đẹp, là dẫn dắt tín đồ mình sanh vào một cõi trời, nhưng lại ngăn chận không cho tiến xa hơn, tới sự giải thoát khỏi vòng luân hồi, đạt đến Niết Bàn, vì làm cho tín đồ mình hiểu sai lầm rằng hạnh phúc trên cõi trời là mục đích cao cả nhất. Đối với người Phật tử, Giê-Su đáng tôn kính vì đã dẫn dắt, bằng hệ luân lý của ngài, con người đến cõi sung sướng, nhưng ngài cũng không hoàn hảo vì đã truyền cho tín đồ một đạo lý sai lạc. Giáo lý này sai lạc vì nó dựa lên lòng tin nơi một vị trời độc nhất, thường hằng và tạo hóa sinh ra mọi vật, tin vào một linh hồn vĩnh cửu, ẩn trong mỗi con người. Nó sai lạc vì nó không chấp nhận lẽ vô thường, lẽ vô ngã, do đó đưa đến phiền não khổ đau, của mỗi hữu tình. Nó còn sai lạc vì nó khuyên dạy tín đồ phát triển lòng sùng bái vị trời của họ và lòng thương yêu những con người khác, cả hai tính này đều có cơ sở là tham ái, trong khi đức Phật khuyên dạy phải xa lìa tham ái dưới mọi hình thức vì nó là một chướng ngại quan trọng trên con đường giải thoát, ngài khuyên dạy phải phá chấp một cách triệt để, và trong tuyệt đối, không chấp chước cả đến những đức tính cao cả nhất, như lòng nhân ái, lòng từ bi, lòng từ thiện, lòng khoan dung.

Như vậy, đối với Phật tử, Giê-Su là một con người đáng kính trọng, tôn sùng, là một vị thánh nhân và chắc đã trở thành trời sau khi là một con người, cách đây ngót hai mươi thế kỷ. Tuy vậy ngài vẫn thua kém đức Phật, dù đức Phật vẫn còn là người trong kiếp sống cuối cùng, trong khi Giê-Su có lẽ đã thành trời trong đời sống đó. Thật ra, dưới con mắt những người Phật tử, tôn sư của họ, dù vẫn còn sống trong cõi người, đã tự nâng mình lên cao hơn mọi vị trời, đã "giác ngộ" chân như, tìm ra con đường đưa đến Niết Bàn, điều mà không một vị trời nào có thể làm nổi chính vì tính trời của họ. Thật vậy, hạnh phúc vô hạn của các vị trời khiến các ngài không thấu rõ được phiền não khổ đau tiềm ẩn trong mỗi hữu tình, dù có mang hình thái nào đi nữa. Chính sự chứng ngộ khổ đau này, đối với người Phật tử, là bước đầu trên con đường rất dài và rất khó khăn đưa đến sự giải thoát khỏi vòng luân hồi.

Sau khi đã tìm hiểu cái nhìn mà người Phật tử lẽ ra phải có về Giê-Su, dựa trên giáo lý cơ bản mà người Phật tử đã học hỏi và tin theo,

chúng ta xét trong thực tế họ nghĩ sao về Giê-Su, lần này ta dựa trên những lời nói của chính họ.

Muốn như vậy, tôi đã dựa vào bốn trong những người cộng tác xuất sắc nhất của tôi, mỗi vị có một sự hiểu biết thấu đáo về quan niệm của những người Phật tử, trên mỗi khía cạnh khác nhau. Thượng Tọa Thích Thiện Châu, Tiến Sĩ Văn Chương, vốn là một vị tôn đức của Phật Giáo Việt Nam. Ông Mohan Wijayaratna, sinh ra trong một gia đình song giáo, Ki-Tô và Phật, sắp trình luận án Tiến sĩ về một số khía cạnh của Phật giáo Tích Lan và cũng đã từng viết nhiều bài báo rất đáng chú ý, một trong những bài này nói về đề tài chúng ta bàn đến hôm nay, dưới con mắt người Tích Lan. Đức Cha Eugène Denis, Tiến sĩ Văn chương và nghiên cứu viên tại Viện Nghiên Cứu Khoa Học Quốc Gia (CNRS), sống tại Thái Lan từ hơn ba mươi năm nay và đang nghiền cứu đạo Phật xứ này. Ông Paul Magnin, nghiên cứu viên tại Viện Nghiên Cứu Khoa Học Quốc Gia (CNRS), đã từng sống lâu năm tại các xứ Viễn đông, nhất là tại Đài Loan, chuyên nghiên cứu về đạo Phật Trung Quốc. Tôi cũng phải nói đến quyển sách quý báu do đồng nghiệp và cũng là bạn thân của tôi, Giáo sư Jacques Gernet, xuất bản cách đây hai năm tại nhà xuất bản Gallimard dưới tựa đề "Trung Quốc và đạo Ki-Tô, tác động và phản ứng" (Chine et Christianisme, action et réaction); tác phẩm này cho ta biết và hiểu quan niệm của người Trung Quốc, người Phật tử hay người theo đạo khác, về đạo Ki-Tô và về Giê-su trong những thế kỷ XVII và XVIII.

Lẽ ra, trong chừng mực nào đó, ta phải gắn bó sự tìm hiểu cái nhìn của người Phật tử về Giê-Su với cái nhìn của họ về đạo Ki-Tô. Nhưng vấn đề này tự nó cũng rất phức tạp khiến ta không có thì giờ bàn tới bữa nay.

Cái nhìn của Phật tử về Giê-Su thay đổi tùy thời điểm lịch sử, tùy xứ, tùy tông phái. Nhưng ngày nay nó có xu hướng trở nên đồng nhất.

Người Trung Quốc vào thế kỷ XVII và XVIII có một cái nhìn nghiêm khắc nhất, tuy nhiên rất khó mà phân định đâu là phần của đạo Phật, đâu là phần của đạo Khổng hay đạo Lão. Với người Trung Quốc, Giê-Su chỉ là một người, bị kết án tử hình vì làm loạn, làm xáo trộn trật tự xã hội, điều tối kỵ đối với truyền thống Á Đông. Cái chết khổ nhục của Giê-Su, bị hành hình trên cây Thập ác như một tên tội phạm, sự đau đớn phải trải qua, theo người Phật tử, chỉ là kết quả của ác nghiệp trong quá khứ, nghiệp càng ác, quả báo càng nặng. Thuyết nghiệp báo khiến một số Phật tử nghĩ rằng đời trước Giê-Su đã giết người. Hơn nữa, không đủ sức thoát khỏi cực hình, tự cứu thoát bằng phép tắc nhiệm mầu thì làm sao Giê-Su có thể cứu người khác? Nếu Giê-Su là Thượng Đế tối cao, khi ngài đầu thai làm người, đất trời không ai cai quản, kết quả sẽ khủng khiếp vô cùng. Còn nếu ngài giáng sinh từ Thượng Đế thì ngài thua đức Phật xa, vì chẳng cần ai giúp sức, dù là thần thánh hay gì gì đi nữa, đức Phật tự mình đã tìm ra giáo lý giải thoát và tự lấy quyết định truyền bá giáo lý này. Dù sao đi nữa, nếu Giê-Su là một vị trời, ngài chỉ có thể là một vị trời như muôn ngàn vị khác, chịu theo quy luật nghiêm khắc của quả báo tái sinh, và do đó thấp hơn đức Phật, người đã ra ngoài vòng sanh tử luân hồi. Sự kiện Giê-Su giáng sinh chẳng có gì đáng chú tâm, vì thực ra, nó chỉ là một hiện tượng mà người Phật tử coi là tương đối và tùy theo điều kiện mà sanh ra, trong dòng sanh tử luân hồi vô thường của thế giới. Hơn nữa, sự giáng sinh này mâu thuẫn với tính chúa-ba-ngôi mà giáo lý Ki-Tô gán cho ngài. Còn các phép lạ của Giê-Su chẳng thấm vào đâu so với các oai phép Phật đã tung ra, bao trùm cả vũ trụ vô thủy vô chung, bao gồm hằng hà sa số thế giới.

Thời nay, những mâu thuẫn cũ giữa hai đạo đã giảm bớt, cái nhìn của Phật tử về Giê-Su cũng nhẹ nhàng hơn. Dĩ nhiên, người Phật tử không nhìn nhận, không thể nhìn nhận Giê-Su là vị Cứu thế, hay là Đấng Tạo Hóa, thường hằng và tối thắng, vì những danh hiệu này đối với Phật tử hoàn toàn vô nghĩa, hay chỉ định những ảo vọng do vô minh tạo ra. Dĩ nhiên, người Phật tử cũng không thể đặt Giê-Su cao hơn đức Phật, như một nhà truyền giáo nọ đã vụng về cố gắng chứng minh rằng đức Phật là kẻ đi trước chuẩn bị cho Giê-Su xuất hiện. Và dĩ nhiên, người Phật tử không chấp nhận có sự phục sinh của Giê-Su, vì khái niệm phục sinh không có trong giáo lý đạo Phật, cũng như không có trong giáo lý Ấn Độ hay đạo Jaina. Sự tái sinh sau khi chết hoàn toàn khác với sự phục sinh của đạo Ki-Tô.

Ngoài những giới hạn kể trên, giới hạn suy ra dựa vào lời dạy của đức Phật, hầu như mọi người Phật tử thời nay đều có thiện cảm với Giê-Su. Họ cảm mến ngài, kính phục nữa, nhưng không phải vì vậy mà họ mảy may có ý

cải đạo theo đạo Ki-Tô. Họ sẵn sàng nêu lên những điểm tương đồng giữa Giê-Su và đức Phật: Một đời sống trong sạch, được hướng dẫn bởi một hệ luân lý cao cả, vô vị lợi, thấm nhuần bởi lòng nhân ái, lòng từ bi, lòng từ thiện, lòng khoan dung, cho đến hy sinh cả tính mạng của chính mình. Theo họ, cả Giê-Su lẫn đức Phật đều đáng kính, cả hai đều là những vị thánh nhân hiền đức như nhau.

Thượng Tọa Thích Thiện Châu có đưa thêm vài ý khá lý thú, dựa trên giáo lý Đạo Phật Đại Thừa (Mahâyâna), một phong trào canh tân trong đạo Phật cách đây hai mươi thế kỷ; đạo Phật Việt Nam bắt nguồn từ đó, cũng như rất nhiều hình thái khác của đạo Phật tại Viễn Đông và Trung Đông. Giáo lý Ba Thân Phật cho phép ta hiểu tính chất của Giê-Su rõ hơn là giáo lý nguyên thủy, hiện còn thịnh hành tại Tích Lan và Đông Nam Á. Giáo lý Đại Thừa quan niệm là đức Thế Tôn có ba thân: Hóa thân hay Ứng thân, người thường thấy được, với thân này Phật đã sanh ra, sống một đời sống bình thường của mọi người rồi chết đi; Báo thân, ngài dùng thân này để hiện ra giữa các vị Bồ Tát, tức là những vị xả thân cứu đời để thành Phật trong một thời gian rất xa nữa; và Pháp thân, là thật thể của các pháp trong vũ trụ, thân như thật và vĩnh cửu, các hữu tình đều có thân này, nhờ thế mà trong tương lai, có thể rất xa, tất cả đều có thể thành Phật. Ta có thể áp dụng Lý Ba Thân này vào trường hợp Giê-Su để giải thích tính chất vừa trời vừa người của ngài, giải thích cách nào ngài vừa ở đời cứu nhân độ thế, vừa ngự trị trên ngôi tối thượng tuyệt đối. Thân thứ nhất có thể coi là thân mà mọi người bình thường trông thấy, là thân của Giê-Su lịch sử, đã sanh ra, truyền đạo, đau khổ và chết đi trên cây Thập ác. Thân thứ hai là báo thân huyền diệu mà ba đệ tử Pierre, Jean và Jacques đã chiêm ngưỡng trên núi. Thân thứ ba là thân trời, người thường không thể nghĩ bàn, thân Cha trong quan niệm Ba Ngôi của đạo Ki-Tô. Cách so sánh này, giữa hai giáo chủ, giúp cho người Phật tử hiểu biết dễ dàng hơn về Chúa cứu thế và Kinh thánh, và kính trọng ngài hơn. Thượng Tọa Thích Thiện Châu đưa ra một hình ảnh tuyệt đẹp: "Ta có thể yêu mến sự tinh khiết của hoa sen, và cùng lúc thưởng thức cái đẹp của hoa huệ và hoa hồng."

Vị tăng sĩ Việt Nam nêu ra một điểm gần gũi nữa, giữa đạo Ki-Tô và tông Tịnh độ, một tông phái ở Viễn đông khá quan trọng chỉ tôn thờ Phật A Di Đà, hay "Vô lượng quang Phật," một vị Phật trước đây đã nguyện đón về đất "Tịnh Độ" tất cả hữu tình niệm danh hiệu ngài. Phật A Di Đà có một vị cộng tác nổi tiếng nhất trong các hàng Bồ Tát, đó là Bồ Tát Quan Thế Âm, đại từ đại bi, luôn luôn sẵn sàng hiện ra cứu giúp những kẻ hoạn nạn và đã từ chối không thành Phật chừng nào tất cả hữu tình chưa đạt Niết Bàn. Hình ảnh Quan Thế Âm rất gần với hình ảnh Giê-Su, do đó những người tu theo Đạo Phật Đại Thừa, nhất là tông Tịnh Độ, có thể tôn kính Giê-Su như một vị Bồ Tát. Đạo Phật Đại Thừa cho rằng các vị Phật tương lai này, ngoài những đức tính như lòng từ bi, trí tuệ, lòng nhân ái, lòng nhẫn nại v.v... còn "giỏi về phương tiện" để cứu vớt hữu tình, làm những phép lạ, do đó Phật tử các tông phái Đại Thừa chấp nhận dễ dàng là Giê-Su thực sự có phép lạ.

Tuy nhiên, Thượng tọa Thích Thiện Châu nói thêm, Phật tử thuộc các tông phái Đại Thừa (với quan niệm tôn kính về Giê-Su như đã nói ở trên), không tránh khỏi ngỡ ngàng trước những lời cuối cùng của Giê-Su thốt ra trên cây Thập ác: "Chúa ơi, Chúa ơi, sao lại bỏ rơi con?"

Như vậy, trong các tôn giáo lớn, đạo Phật là đạo xa cách đạo Ki-Tô nhất, về mặt giáo lý cũng như phương cách hành đạo, nhưng, ngược lại, cũng là đạo biết đánh giá cao nhất giá trị tâm linh của đạo Ki-Tô. Điều đó càng đúng vào thời đại này, khi mà đạo Ki-Tô đã từ bỏ thái độ thù địch cố hữu của mình với mọi tín ngưỡng khác để chấp nhận rằng các đạo giáo đó không phải là âm mưu của quỷ dữ, mà là những cố gắng nhiều khi rất đáng quý nhằm xoa dịu phiền não khổ đau của con người bằng cách hiến dâng họ những hy vọng vào một ngày mai xán lạng hơn. Những quan hệ thường thường rất nồng hậu giữa Phật tử và tín đồ Ki-Tô, và nhất là giữa những người đại diện của các cộng đồng đôi bên tại Trung Á và Đông Á, là những khích lệ lớn và có nhiều ý nghĩa. Trong các kết quả đáng chú ý nhất, phải kể đến cái nhìn kính trọng và có thiện cảm của đa số người Phật tử thời nay với con người Giê-Su, dù là Phật tử xứ nào đi nữa, hay thuộc tông phái nào đi nữa.

(1) Bài thuyết trình của GS André Bareau (Giáo sư Collège de France) tại Trung Tâm Văn Hóa Tin Lành dòng Luther, Paris, ngày 11 tháng 11 năm 1984.

NÓI CHUYỆN VỚI NHẠC SĨ LÊ VĂN KHOA

NGUYỄN MẠNH TRINH

Lê Văn Khoa là một mẫu người nghệ sĩ rất hoạt động, đã đóng góp nhiều cho âm nhạc và nhiếp ảnh Việt Nam. Ròng rã mấy chục năm, từ lúc ở quê nhà đến lưu lạc xứ người, ông đã mang nhiều tâm huyết và năng lực của mình cống hiến cho nghệ thuật.

Nhạc sĩ Lê Văn Khoa.

Một buổi tối cuối tuần tháng Năm 1997, tại tư gia chị Bích Liên, có một buổi mạn đàm về âm nhạc giữa nhạc sĩ Lê Văn Khoa với chúng tôi, gồm Quỳnh Giao, Bích Liên và Nguyễn Mạnh Trinh. Nhiều vấn đề được nêu ra, trong đó có hai tập nhạc mới ra đời của ông, *Dân Ca Việt Nam* và *Nhạc Việt Mến Yêu*, tất cả được mang ra nhìn ngắm và nhận xét, để mong hiểu biết một phần nào sinh hoạt âm nhạc Việt Nam hiện nay, cũng như những cố gắng đã làm thành bước tiến cho âm nhạc Việt Nam tại hải ngoại.

Rất "nhiều Lê Văn Khoa"

Được hỏi với rất *nhiều Lê Văn Khoa* qua những khuôn mặt nghệ sĩ đa dạng của nhiều bộ môn nghệ thuật như nhiếp ảnh, âm nhạc, và giáo dục, có khuôn mặt nào ông nghĩ là điển hình nhất, thì câu trả lời rất giản dị. Ông thích cái đẹp và bộ môn nghệ thuật nào cũng đều có mục đích tìm cái đẹp và hướng về cái đẹp. Do đó, tùy lúc và tùy trường hợp không gian, thời gian khác nhau, từ những cương vị nghệ thuật khác nhau, những công việc nghệ thuật bổ sung cho nhau và phối hợp cùng nhau trong mục đích cuối cùng của nghệ thuật là tìm kiếm cái đẹp. Đôi khi công việc này còn làm tiêu khiển cho công việc kia để công việc lúc nào cũng có sự mới lạ và không nhàm chán. Thành ra, trong cái khác biệt nhau lại có sự giúp nhau để bổ túc cho nhau. Bởi vậy có người đã từng hỏi ông sao cứ hoài miệt mài làm việc mà chẳng thấy có lúc nào giải trí cả, thì ông trả lời, làm việc nghệ thuật này khác với việc nghệ thuật kia để thay đổi đã là một sự tiêu khiển.

Về phương thức sáng tác, ông tạo nét tương phản trong tác phẩm của mình. Ông nói, bộ môn nào dù hội họa, âm nhạc, nhiếp ảnh, thi ca đều có sự tương phản nhau và chính sự tương phản này đã làm nổi bật được cái đẹp theo một cái nhìn thẩm mỹ riêng biệt. Tất cả đều có tương quan với nhau, và tương quan ấy làm nổi bật những nét cá tính tiêu biểu. Có cái xấu để làm nổi bật được cái đẹp, có cái ác mới thể hiện được toàn vẹn cái thiện, cái tốt.

Trả lời câu hỏi về ý kiến của nhạc sĩ Cao Thanh Tùng cho rằng trong nhạc của Lê Văn Khoa có rất nhiều hình ảnh, và những hình ảnh này đã được tinh lọc lại từ hội họa và nhiếp ảnh, ông đồng ý và nhấn mạnh thêm về chủ ý ấy của mình. Khi sử dụng nốt nhạc, ông nghĩ cũng tương tự như việc cầm cọ vẽ hay bấm máy ảnh, dùng một loại ngôn ngữ nghệ thuật riêng chuyên chở thẳng đến trung tâm cảm giác và gây rung động cho người thưởng ngoạn.

Trong ảnh cũng có nhạc, nhạc tiết điệu của đường nét nhịp nhàng, nhạc của sự rung động trong trí tưởng tượng, và cũng có một loại ngôn ngữ để chuyên chở. Trong nhạc, dùng nốt nhạc để tả tình, tả cảnh riêng, và ngôn ngữ này được tượng hình từ cảm giác. Cả trong ảnh, cũng có một ngôn ngữ như thế để diễn tả. Những loại ngôn ngữ này, được tiếp nhận từ những điều chỉ có thể cảm thấy thôi, mà sự mường tượng sương khói đã làm cảm giác được chuốt lọc thêm và gây ra sự tưởng tượng phong phú. Trong cảm giác của nghệ thuật, có những điều "bất khả luận."

BLàm thế nào để có thể làm được hết những điều ông say mê?

Nguyễn Mạnh Trinh thắc mắc, một ngày chỉ có hai mươi bốn tiếng đồng hồ thôi, mà cái thích thú, cái say mê thì vô cùng, vậy làm thế nào ông có thể làm được hết những điều ông say mê. Lê Văn Khoa trả lời ông thấy điều gì cần thì làm trước, và cứ thế mà làm việc theo thứ tự ưu tiên ấy. Ông tâm sự thêm, có khi làm việc cả hai ngày liên tiếp, quên ăn uống, đến nỗi ông tưởng rằng chỉ mới qua một đêm thôi.

Lê Văn Khoa hay nhấn mạnh, là làm việc gì, ông cũng dồn hết khả năng của mình vào, và càng cố gắng hơn khi gặp những khó khăn, trở ngại. Làm việc sáng tác nghệ thuật đòi hỏi nhiều điều kiện làm việc, mà đôi lúc, ông cảm thấy hầu như không thể thực hiện được, nhất là ở xứ người, với cương vị của một cá nhân. Thí dụ như soạn nhạc, viết hòa âm cho một dàn nhạc giao hưởng với nhiều loại nhạc cụ đã là một điều khó khăn. Soạn xong, rồi trình diễn, biết bao nhiêu công việc phải hoàn tất. Tiền đâu? Thời giờ đâu? Phương tiện đâu?

Ông kể rằng lúc làm việc chung với anh em ở đài truyền hình Việt Nam trước 1975, mặc dầu anh em rất thích tánh tình phóng khoáng trẻ trung của ông, nhưng họ rất ngại làm việc với ông bởi ông chuyên lựa chọn con đường khó nhọc để đi. Những màn trình diễn đại hợp xướng, huy động nhiều người, hát nhiều bè và dàn nhạc với nhiều nhạc cụ, đã làm bận rộn rất nhiều người. Anh em thường hay nói với ông "Thiếu chi việc làm cứ đặt bày chuyện khó làm chi để phải lo lắng khó nhọc. Anh làm việc cực mà bắt chúng tôi phải cực theo." Ông chỉ còn biết cười và đánh trống lảng mà thôi, bởi, có những đam mê rất kỳ cục, biết khó khăn nhưng vẫn lao vào. Sang xứ người ông cũng đã nhiều lần làm việc với dàn nhạc giao hưởng Mỹ để hoàn thành những buổi trình tấu có chất nghệ thuật cao.

Giáo dục hay thương mại?

Trở lại với hai tập nhạc *Nhạc Việt Mến Yêu* và *Dân Ca Việt Nam*, tôi có thắc mắc là hai cuốn này có phải là sách giáo khoa về âm nhạc không, và như vậy ý hướng giáo dục có phải là ưu tiên số một trong khi biên soạn? Ông nói chủ đích của mình không phải thương mại bởi ông hiểu về cung và cầu. Với hai tập nhạc này mà nhắm vào thương mại là điều cực kỳ sai lầm và không nên làm. Ông có khuynh hướng giáo dục. Từ xưa đến nay ông đã để ý vào việc hướng dẫn trẻ em trên nhiều lãnh vực.

Ông cho rằng trên lãnh vực học âm nhạc, những đứa bé Việt Nam tại hải ngoại là những đứa trẻ bất hạnh nhất. Bởi chúng không sống được trong môi trường của văn hóa Việt Nam, nên không thể thừa hưởng được tinh hoa từ ông cha truyền lại, không được nghe âm thanh của quê hương. Phải chăng với công việc vừa làm ông đang muốn bù đắp phần nào cho sự thiệt thòi đó của các em?

Dân ca và dàn nhạc giao hưởng Hoa Kỳ

Việc mang những bản dân ca để soạn thành ca khúc có nốt nhạc và hòa âm Tây phương, Lê Văn Khoa cho rằng ông đã chấp nhận việc *mất một ít để được nhiều hơn.*

Trước năm 1975, khi còn ở Sài Gòn, có lần

ông đã tranh luận với nhạc sĩ Nguyễn Hữu Ba tại Tỳ bà viện về vấn đề này. Nhạc sĩ Nguyễn Hữu Ba cho rằng nhạc dân tộc chỉ được soạn để cho nhạc cụ dân tộc chơi mà thôi, còn nếu soạn hòa âm cho tây-ban-cầm hoặc dương cầm thì sẽ không trung thực và làm mất đi bản sắc dân tộc. Có người còn cực đoan hơn, cho rằng việc soạn hòa âm những bản dân ca là mất gốc, lai căng, xa rời nguồn gốc dân tộc.

Nhạc sĩ Lê Văn Khoa lý luận: hồi trước, lúc người nông dân hò, hát dân ca, hay hát quan họ Bắc Ninh, đâu có đệm đàn, nên dù đệm bằng đàn tranh, tỳ bà hay tây-ban-cầm thì cũng là mất tính chất nguyên thủy, là ngoại lai rồi. Do đó, vấn đề ấy không còn đặt ra nữa. Nhưng những người bạn trẻ, hoặc những người bạn khác chủng tộc muốn chơi và tìm hiểu về nhạc Việt Nam mà mình chỉ có mấy cái "melodies" thì làm sao họ chơi được. Do đó, ông soạn theo nốt nhạc tây phương, cho nhạc khí tây phương để ai cũng có thể hát được, đàn được, và phổ biến sâu rộng hơn.

Nhạc sĩ Nguyễn Hữu Ba đoan quyết rằng nhạc dân tộc chỉ có thể chơi bằng nhạc cụ dân tộc thì mới hay được. Ông Lê Văn Khoa hỏi ngược lại rằng, đàn tỳ bà, đàn tranh, đâu phải là nhạc khí dân tộc mà sao vẫn chơi nhạc dân tộc thích hợp được? Có phải vì những cung bực ẻo lả của những nhạc khí này thích hợp với những nốt luyến láy hơn là nhạc khí tây phương? Đàn piano chẳng hạn, nốt nào chắc nịch nốt ấy, khó lòng diễn tả những cung bực luyến láy cho trung thực.

Âm nhạc, dù nhạc Đông phương hay Tây phương, cũng đều dùng một loại ngôn ngữ để diễn tả. Qua âm nhạc, người ta có thể cảm và thấy được nhiều điều qua tưởng tượng. Ngũ cung hay bảy nốt, có nhiều nét khác nhau nhưng đều cùng chung một nguồn gốc: âm thanh. Hơn nữa nếu cứ khư khư chơi nhạc Việt Nam bằng nhạc cụ Việt Nam, thì biết bao giờ nhạc Việt Nam mới vượt được biên giới nhỏ bé của lãnh thổ mình. Chi bằng mang nhạc Việt Nam chuyển sang những nhạc cụ thông dụng trên thế giới thì có phải là chúng ta đã vượt biên giới của quốc gia để truyền bá sang lãnh vực quốc tế không?

Nhạc sĩ Lê Văn Khoa nói về bản dân ca Bắc Việt "Se Chỉ Luồn Kim" do ông soạn cho hợp ca nam nữ, đã được ban hợp xướng Ngàn Khơi phối hợp với các ca đoàn Hoa Kỳ như Westminter Choral, Garden Grove Madrigal Singers hát tiếng Việt và hát rất hay, và cũng chuyên chở được nội dung mà bản dân ca chứa đựng. Ông coi như đó là việc giới thiệu dân ca Việt với khán thính giả Hoa Kỳ. Mình phải có để nói chuyện với họ chứ không thể vì tự ái dân tộc mà đóng khung trong biên giới của mình.

Ông cũng nói đến sự chú trọng đặc biệt của ông trong việc sử dụng dân ca để phản ảnh những nỗi khổ đau của dân tộc cũng như vẽ lại một gian đoạn kinh hoàng của lịch sử Việt Nam. Ông đã soạn những tấu khúc, viết cho dàn nhạc giao hưởng như "Vietnamese Overture," "Vietnamese Rhapsody," "Symphonic Suite 1.9.7.5" đã được những dàn nhạc lớn chơi. Cử tọa người Hoa Kỳ đã tỏ ra rất thích thú với những cống hiến mới lạ kể trên. Những tờ nhật báo Anh ngữ như Los Angeles Times, Orange County Register đã có nhiều bài viết, hoặc giới thiệu, hoặc tường thuật các buổi trình diễn. Họ cho rằng nhạc của Lê Văn Khoa có nét tổng hợp của nhạc Đông phương và Tây phương để tạo thành một nét đặc biệt. Nhạc sĩ Lê Văn Khoa kể, ông đã dùng âm điệu của khúc nhạc cổ truyền Bình Bán Vấn mà chúng ta hay nghêu ngao hát đùa "u còn u cứ u, đếm trên đầu ba bốn cục u..." để mang vào giàn nhạc Tây phương, và dòng nhạc trên đã gây xúc cảm cho rất nhiều người nghe. Chính ông rất vui mừng vì có người đã hiểu được dụng ý của ông, là mang âm nhạc của mình ra đời sống quốc tế. Ngoài mục đích này, khi soạn Dân Ca Việt Nam ông còn nhằm vào giới trẻ Việt Nam hải ngoại, giúp họ một tài liệu khả tín để tìm về những âm thanh cổ truyền của dân tộc.

Giáo dục hay nghệ thuật?

Được hỏi những tập nhạc này có tính cách giáo dục nhiều hơn hay tính cách nghệ thuật nhiều hơn, nhạc sĩ Lê Văn Khoa cho biết hai tính chất nói trên đều có và bổ túc cho nhau. Ông cũng biết rằng nhạc của ông khó phổ biến vì không nhắm vào người nghe bình dân đại chúng. Đối với ông nghệ thuật là mục đích tối hậu. Ông muốn những sáng tác của mình có chất sáng tạo cao.

Khi viết *Nhạc Việt Mến Yêu*, nhạc sĩ Lê Văn Khoa nhắm mục đích giới thiệu những giai điệu đáng yêu, những bài hát quen thuộc cho trẻ em học dương cầm, giúp cho chúng có thể chơi dễ dàng những bản nhạc mà phụ huynh ưa thích. Chị Quỳnh Giao có kể lại một kinh nghiệm là dùng những bản nhạc mà ông Lê

Văn Khoa đã soạn cho dương cầm để cho học trò chơi và kết quả là con thì chơi nhạc, và cha mẹ hát theo. Kết quả là các em thu thập rất mau và tập rất nhanh.

Chị Bích Liên thì thắc mắc, muốn mẹ hát con đàn thì tại sao ông Lê Văn Khoa không in cả lời trong tập nhạc mà chỉ có nốt nhạc. Nhạc sĩ Lê Văn Khoa trả lời là có những nốt đàn không có trong lời ca, có nghĩa là nốt nhạc nhiều hơn lời. Và nếu muốn nhạc có lời, thì ông sẽ có những tập nhạc khác để có thể vừa hát vừa chơi đàn được. Do đó, tập "Nhạc Việt Mến Yêu" để dùng chơi dương cầm "solo" trung cấp thôi.

"Nhạc Việt Mến Yêu" gồm có những bản nhạc của Phạm Duy như *Cành Hoa Trắng, Tóc Mai Sợi Vắn Sợi Dài,* của Phạm Đình Chương như *Đón Xuân, Xuân Tha Hương,* rồi *Hè Về* của Hùng Lân, *Thu Vàng, Hoài Cảm* của Cung Tiến, *Thằng Cuội* của Lê Thương, *Đêm Đông* của Nguyễn Văn Thương, *Ngày Về* của Hoàng Giác. Nhạc sĩ Lê Văn Khoa đã cố tình lựa chọn những bài nhạc mang âm hưởng của quê hương, có xuân-hạ-thu-đông tứ thời bát tiết của đất nước. Ông cũng nói mình rất ái mộ và chịu ơn rất nhiều các nhạc sĩ đã sáng tác những giai điệu kể trên, và muốn tiếp tay để phổ biến những ca khúc này sâu rộng hơn.

Chị Quỳnh Giao nói rằng anh Lê Văn Khoa có nhiều bản nhạc hay lắm mà sao anh không chọn một hai bài vào tuyển tập "Nhạc Việt Mến Yêu" này. Nhạc sĩ Lê Văn Khoa cho biết sẽ có những tập nhạc khác, lo gì, chỉ sợ chúng ta không có đủ tiền in để phổ biến.

Như con tằm nhả tơ để dệt hoa gấm cho đời, nhạc sĩ Lê Văn Khoa với đôi mắt linh động sau cặp kính trắng, với cái cười hồn nhiên rất trẻ và giọng nói rặt Nam Kỳ, đã hăng say nói về những mơ ước của đời mình, về những cống hiến của ông cho âm nhạc Việt Nam. In hai tập nhạc này chỉ là một trong vô số công việc mà ông đã và sẽ làm cho nghệ thuật, những việc mà tất cả những người Việt Nam đều có bổn phận mỗi người góp một tay, nhất là trong hoàn cảnh xa xứ của tập thể người Việt tị nạn tại hải ngoại.

Ghi chú: Khi viết xong bài này, chúng tôi được biết nhạc sĩ Lê Văn Khoa vừa cho ấn hành hai tập nhạc khác: *Gợi nhớ và những ca khúc Việt Nam* và *Giáng Sinh Ca*, do Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ xuất bản.

Đã bày bán tại các hiệu sách khắp nơi

KÉO NEO MÀ CHẠY

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

Tập truyện thứ ba, sau

Long Lanh Hạt Bụi, Bên Lở Bên Bồi

Nhà văn nữ ghi lại những tâm tình khắc khoải và hạnh phúc của một người sống và không ngớt suy nghĩ về ẩn nghĩa của đời sống của chính minh và của mọi người, bằng một văn phong độc đáo và tràn đầy cá tính...

Văn Mới xuất bản, Văn Nghệ phát hành, giá **US $8.00**
Bạn đọc muốn có sách với chữ ký và lời đề tặng của tác giả, xin liên lạc gửi check hoặc money order (US$8.00/cuốn) về:

A. Le
4404 Island Pl #103
Annandale, VA 22003, USA.

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Đi

truyện của **Doãn Quốc Sỹ**, Văn Hóa xuất bản, 219 trang, giá US$12.00. Liên lạc: Văn Hóa, 2606 Main Street, # 112, Houston, TX 77002, USA. Tel: (713) 528-2606.

Cuốn sách này được tác giả viết tại Sài Gòn từ ngày 28 tháng Năm đến ngày 30 tháng Bảy năm 1980 thì xong. Sau đó bản thảo được chuyển sang Pháp, và được xuất bản lần đầu tiên tại đây vào năm 1982 với tên tác giả là Hồ Khanh. Lần tái bản đầu tiên này tại Hoa Kỳ cuốn **Đi** mang tên thật của tác giả: Doãn Quốc Sỹ.

Năm 1980 tác giả được thả ra từ trại cải tạo Gia Trung (gần Pleiku), về với gia đình được ít lâu thì ông chứng kiến cảnh ra đi vượt biên của các con và cháu ông, cùng lúc chứng kiến sự suy vi tan nát của xã hội miền Nam sau hơn năm năm trên đường cải tạo của chủ nghĩa Cộng sản. Ra khỏi tù, nhìn ngắm xã hội đó trong vòng nửa năm, tác giả bắt tay viết ngay tập sách này, mọi điều ông viết còn tắm đẫm vẻ tươi mát của rau vừa hái ở vườn nhà, của rượu vừa đem ra khỏi lò nấu. Dù là dưới dạng truyện, đây rõ ràng là một cuốn tự truyện, tác giả viết chuyện của mình và gia đình mình, người quen biết với gia đình tác giả, và dĩ nhiên cả công an văn hóa của Cộng sản, đều dễ dàng nhận ra điều ấy.

Đặc tính nhất quán của ngòi bút Doãn Quốc Sỹ là sự trong sáng, văn giản dị chân thành diễn tả một cái tâm rất lành và lạc quan. Gặp bao nhiêu điều xót xa của xã hội chung quanh, ông chỉ nhỏ nhẻ kể lại, có lẽ vì thấy những điều ấy quá quan trọng đối với lịch sử của dân tộc Việt Nam, không kể không được, ông phải ghi lại như những chứng tích. Xen kẽ các câu chuyện kể là các suy nghĩ. Như về tinh thần vô cầu siêu thoát, tác giả cho *Hãy vô cầu như đứa trẻ để trung hòa mọi bạo lực tham sân si làm nên nghiệp quả*; về lòng căm thù: *Hãy tránh căm thù. Căm thù làm thấp kém, làm nhỏ bé, làm xấu xí con người*; về sự hạn chế của ngôn từ: *Bao giờ cũng vào đúng lúc cần thiết ông giáo chợt thấy gớm sợ ngôn từ, dù là ngôn từ chỉ vang vọng trong nội tâm. Ngôn từ lúc đó như hệt những sợi tơ con tằm nhả ra... nhả ra để tự quấn lấy, tự bao quanh lấy mà giam giữ chính mình.*

Có thể xem **Đi** là cuốn sách bản lề giữa hai giai đoạn sáng tác của Doãn Quốc Sỹ, vẫn còn giữ nét tinh tế tài hoa của giai đoạn trước 1975, cùng lúc đã thấp thoáng bóng dáng tâm linh của một tâm hồn thấm nhuần lẽ đạo của thời gian sau này.

Trên Đôi Cánh Hạc

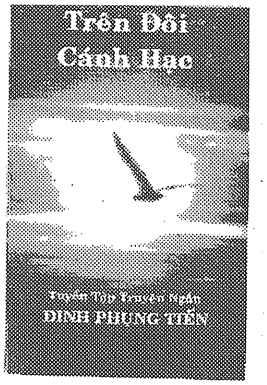

tuyển tập truyện ngắn của **Đinh Phụng Tiến**, tác giả xuất bản, 185 trang, giá US$10.00. Không ghi địa chỉ liên lạc.

Nguyên là sĩ quan Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, Đinh Phụng Tiến đã có tác phẩm xuất bản vào thập niên 60 tại Sài Gòn. Sau 1975 ông đi tù cải tạo nhiều năm từ Nam ra Bắc, và định cư tại Hoa Kỳ vào năm 1992. Với một *background* như thế, người đọc có thể đoán trước được nội dung các truyện của ông. Các số phận, những mảnh đời sau 1975, chuyện trong trại cải tạo, một số tình huống trên đất Mỹ... sẽ là những đề tài chính. Điều đó dễ hiểu, các khúc quanh lớn lao của lịch sử chỉ xảy ra có một lần, một nhân chứng, mà lại là một nhà văn nhân chứng, phải cảm thấy mình có trách nhiệm ghi lại mọi sự mình thấy là cần, bằng một hình thức nào đấy.

Truyện Đêm Đông chẳng hạn, đã xác nhận

giúp mọi người một tin đồn được nghe từ đầu thập niên 80: CSVN đã chỉ định Nguyễn Hữu Có, cựu tướng lãnh VNCH, đi nghiên cứu một dự án tập trung tất cả cựu quân nhân công chức của chế độ miền Nam và gia đình họ vào vùng núi rừng tỉnh Thanh Hóa, để lưu đày tất cả vĩnh viễn tại đấy. Ý đồ vô nhân đạo đó đã được Thiếu tướng Lê Hữu Qua, Thứ trưởng bộ Nội Vụ CSVN đến phổ biến tại trại cải tạo. Những sự thực như thế được lồng trong hình thức văn học sẽ được lưu lại như là một chứng liệu tội ác, giữa bao nhiêu tội ác khác mà Cộng sản đã gây ra cho dân tộc.

Đinh Phụng Tiến có lối văn chân phương, không hoa mỹ nhưng giàu sự kiện và hình tượng, thường nói về những nỗi u uất. Ông không đào sâu nhiều về những thảm cảnh, chỉ dùng một liều lượng vừa đủ, do đó truyện của ông tuy hay nói về nghịch cảnh nhưng ít không khí u ám. Có một điều đặc biệt là trong một số truyện ông không hề dùng đại từ để chỉ nhân vật ở ngôi thứ ba (như những chữ *chàng, nàng, anh, chị, cô...*) mà chỉ dùng tên, mặc dù như vậy phải lặp đi lặp lại tên ấy rất nhiều lần (ví dụ nhân vật chính Hạnh trong truyện Phù Du, Diệu trong Đợi Chờ). Chắc tác giả có lý do để làm như thế, nhưng người đọc thì có cảm giác tác giả có thể bị bối rối khi phải tìm một đại từ để chỉ nhân vật của mình. Phải chăng vì tiếng Việt có nhiều đại từ quá, mà ông thì không muốn gọi một cách dứt khoát bằng một tiếng, chẳng hạn một nhân vật nữ thì có thể là *nàng, chị, bà, cô...*, rắc rối quá, chi bằng cứ tên mà gọi?

Kéo Neo Mà Chạy

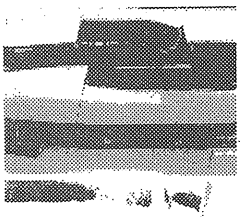

tập truyện của **Nguyễn Thị Hoàng Bắc**, Văn Mới xuất bản, 140 trang, giá US$8.00. Liên lạc: Văn Mới, 1528 S. La Cienega Bl. Los Angeles, CA 90035, USA. Tel: (310) 559-0413.

Viết truyện là hư cấu, nhưng phần nhiều hư cấu nào cũng có dấu vết của những chuyện thực ở đời. Đọc Nguyễn Thị Hoàng Bắc càng dễ có cảm giác ấy, nhất là những truyện có khung cảnh Việt Nam với những chi tiết rất thực và linh động. Tác giả không phải là nhà văn nữ "viết bạo," nhưng kể chuyện dễ dàng tự nhiên, không ngại nói một số sự việc và dùng một số chữ vẫn được coi là không thanh tao, đặc biệt với "đàn bà con gái." Nhưng truyện của bà vẫn hiền, vẫn nhỏ nhẹ êm đềm, hơi pha một tí dí dỏm của một người kể chuyện vui tính và nhiều suy nghĩ của một người có đời sống bên trong phong phú. Nhiều chi tiết về cuộc sống đã qua của một vùng đất miền Trung có thể chợt làm cảm động người đọc. Chẳng hạn, trong truyện Bài Ca Thuở Ấy: *Đêm mưa dầm, cả nhà tôi sập cửa đi ngủ sớm...* (tr 15), 'sập cửa' bây giờ gần như thành một tiếng cổ, để chỉ động tác đóng loại cửa liếp chống lên hạ xuống của thôn quê ngày xưa; hoặc: *Cô không còn là cô Năm bình thường tôi vẫn gặp mỗi khi sang nhà tôi mồi chút lửa hay có khi mượn cái móc câu để khều cái gàu vừa đứt dây rơi xuống giếng.* (tr 16) Người dân thị thành không bao giờ có thể hiểu tại sao lại sang nhà hàng xóm 'mồi chút lửa,' hoặc quen với loại sinh hoạt múc nước giếng với những vụ 'đứt giây' với 'khều gàu.' Rồi lại còn rang một *nhã* bắp...

Ý kiến khai thác bộ sưu tập búp bê (truyện Bà Bạn Sưu Tập) khá độc đáo, sự mô tả mỗi loại búp bê khiến liên tưởng đến cá tính của một loại người sống trong xã hội, nói về cái này mà gợi đến cái kia. Truyện Kéo Neo Mà Chạy là một hoạt cảnh lặng câm hơi khó hiểu, như một đoạn xén ra bất kỳ từ một cuốn phim đời nào đó, với sự xuất hiện và biến đi của nhân vật tự nó không lý giải.

Dù đề tài thuộc về thời thơ ấu hay hiện tại, tác giả đều dựng nên với một trí nhớ đầy đủ, có nhiều chi tiết ngộ nghĩnh, bất ngờ.

Đức Giêsu Cuộc Đời Và Thời Đại

biên khảo của các tác giả **Charles Bricker, Lionel Casson, Charles Flowers, Ewndy Murphy, Bryce Walker, Bernard Weisberger,** do **Nguyễn Ước** chuyển sang Việt ngữ, Nguồn Sống xuất bản, 307 trang, giá $15.00. Liên lạc: Nguồn Sống, 184 Ossington Ave. Toronto, Ontario, Canada M6J 2Z7. Tel: (416) 537-6927.

Cuốn sách mở đầu bằng câu: *Trong các sức mạnh làm thành văn minh Tây phương thì câu chuyện Đức Giê-su thuộc loại có uy lực lớn nhất.* Cả cuốn sách này là một cố gắng dựng lại câu chuyện ấy, không phải theo lối thông thường của tôn giáo với giả thiết người nghe phải kèm theo một đức tin có sẵn, mà là một cuộc khảo cứu công phu tìm hiểu bối cảnh thời đại mà vị giáo chủ ấy đã sống, với đầy đủ tính cách

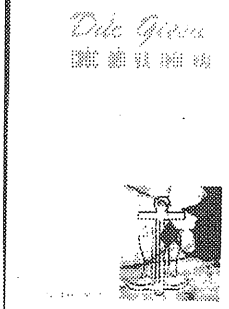

chuyên môn của việc tường trình lịch sử. Người ta sẽ gặp ở đây một thế giới thời cổ sôi động náo nhiệt, nền văn minh Hy Lạp - La Mã, các đế quốc thời đó, nước Do Thái với các đặc điểm chính trị xã hội, và những cội rễ của nó nằm trong Ki Tô giáo... Các mảng thông tin như thế khi được phối hợp lại thành một toàn cảnh sẽ làm nổi bật và giúp hiểu rõ cuộc đời, sứ vụ, lối nói của Đức Giê-Su cùng thông điệp mà Ngài mang vào thế giới.

Bản dịch của Nguyễn Ước rất khúc triết và trong sáng, giúp độc giả người Việt Nam dù theo hay không theo đạo Cơ Đốc, có được một tài liệu quý về tình hình văn minh vùng Trung Cận Đông thời cổ với những nội dung vô cùng phong phú mà phần lớn chúng ta còn hiểu biết rất sơ sài. Đây là một công trình khoa học rất nghiêm chỉnh và súc tích, có tác dụng làm vững chắc thêm niềm tin đối với người Ki Tô hữu, và phong phú kiến thức cho tất cả những ai đọc nó.

Trái Tim Của Bụt

sách giảng Phật pháp của **Thích Nhất Hạnh**, Lá Bối xuất bản, 569 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: Lá Bối, P.O. Box 3189 Walnut Creek CA 94598. Tel: (510) 686-2908.

Khóa tu mùa đông năm 1993 tại làng Hồng (một trung tâm tu thiền tại Pháp, điều khiển bởi thiền sư Nhất Hạnh) bắt đầu với bài giảng đầu tiên của thiền sư vào ngày 21 tháng 11, 1993 và kết thúc ngày 20 tháng Hai, 1994. Suốt trong ba tháng đó thiền sư Nhất Hạnh đã giảng 25 buổi, với một đề tài chung là Phật Pháp Căn Bản, mỗi buổi đào sâu một hay một số vấn đề, làm thành một bài. Lời giảng được Chân Đoan Nghiêm, Chân Văn, Tâm Phước và Diệu Chánh ghi lại và hiệu đính để làm thành cuốn sách này.

Văn của Nhất Hạnh, dù nói hay viết, đều sáng sủa, đơn giản mà sâu sắc. Thầy có tài làm trở thành giản dị những vấn đề rất trừu tượng khó hiểu nhờ lối đặt vấn đề dựa trên thực tại của đời sống, với các ví dụ đầy ý nghĩa và đầy hình tượng. Thiền sư không những tinh thông Phật học mà còn có một kiến thức rộng về thế giới ngày nay, nhờ vậy lời giảng của thầy rất gần gũi với mọi thế hệ tuổi. Hơn nữa, đây là những hướng dẫn vừa lý thuyết vừa đi đôi với thực hành trong khóa tu nên hai yếu tố tri và hành rất gần gũi nhau, đan xen vào nhau, đem lại cho các bài giảng vừa tính chất mời gọi của lý tưởng, vừa chứa đầy sức sống với những bước cụ thể thực hiện lý tưởng ấy.

Với *Trái Tim Của Bụt*, người đọc sẽ được học hỏi nhiều về Phật pháp, không phải học với kinh điển nặng nề khó hiểu, mà là với những trang sách đầy lý thú, cụ thể, gần gũi, luôn hàm chứa vị giải thoát.

Còn Đó Bóng Hình

tập truyện của **Song Thao**, Văn Mới xuất bản, 154 trang, giá US$8.00, ngoài nước Mỹ thêm $2.00. Liên lạc: Văn Mới, 1528 South La Cienega Bl. Los Angeles, CA 90035, USA. Tel: (310) 559-0413.

Song Thao viết văn làm báo từ trước 1975 ở Việt Nam, định cư tại Montreal, Canada từ 1985. Sau một thời gian ngắn để lo ổn định đời sống, ông lại cầm bút, cộng tác với nhiều báo hải ngoại, trong đó có Thế Kỷ 21. Tại hải ngoại, ông đã xuất bản các tập truyện *Bỏ Chốn Mù Sương* 1993, *Đong Đưa Cuộc Tình* 1996, và bây giờ, *Còn Đó Bóng Hình*, tập truyện thứ ba ra đời.

Về truyện của ông, nhiều văn hữu đã có nhận xét. Hồ Đình Nghiêm đã viết:

...Nhà văn Song Thao là người kể chuyện rất mực đàng hoàng từ tốn. Văn anh giản dị trôi chảy, anh không phải là người ưa chơi khó người đọc... một giọng văn tỉnh táo, nhẹ nhàng không bẳn gắt...

...Có lẽ điểm nổi bật nhất trong truyện ngắn của Song Thao là anh luôn quan tâm, đề cao phong tục, tập quán, sự thuận thảo, kính trên

nhường dưới có phép tắc của người Việt.

Còn nhà văn Hà Thúc Sinh thì cho rằng *anh có giọng kể duyên dáng, ví von thông minh, có nhiều chi tiết mới lạ trong đời sống được khám phá bất ngờ.*

Luân Hoán để ý tới kỹ thuật viết truyện: *...Truyện ngắn của Song Thao có vẻ không ngắn chút nào. Bởi hình như anh rất ham nhìn vào tận bản sắc và từng chi tiết chung quanh những nhân vật anh dựng. Đồng thời anh vịn vào những hình ảnh đó để phê phán kín đáo những khía cạnh của cuộc sống và đưa ra cái nhân sinh quan của mình. Nói tóm, truyện của Song Thao gần như có một chủ đích, đó là vun quén tinh thần dân tộc.*

Hồ Than Thở

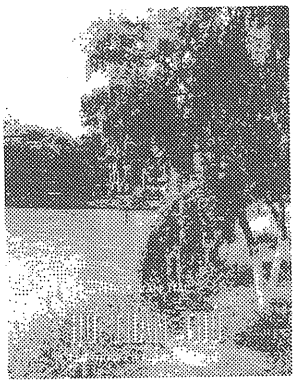

Hai mươi ca khúc tâm tình của **Phạm văn Hải**, tác giả xuất bản giá $10.00. Liên lạc : Phạm văn Hải 1840 W. 17th Street Santa Ana CA 92706 USA. Tel: (714) 972-1680.

Tập nhạc gồm hai mươi bài hát hầu hết là những bài ngợi ca hay nuối tiếc tình yêu đôi lứa. Ngay cả bài hát mang tựa đề *Vào Cửa Từ Bi* mở đầu bằng câu:

Xin mẹ đừng cản ngăn con nữa
Cho con yên lòng vào cửa từ bi ...

để rồi kết thúc :

Sớm chiều gõ mõ rung chuông,
Không còn luyến tiếc vấn vương một người.

Ca từ, như những khổ thơ năm, sáu, bảy hay tám chữ. Đó là điều khó cho người viết nhạc vì rất dễ bị gò bó bởi tiết điệu của thơ. Nhưng dường như Phạm Văn Hải đã vượt qua một cách dễ dàng. Tuy nhiên, đôi khi có thể tạo khó khăn cho người ca diễn. Cung âm điệu thức phức tạp. Nhiều bài hát, được chuyển liên tiếp qua nhiều cung xa và lạ để diễn đạt tâm ý của tác giả. Tập sách được chăm sóc cẩn thận. Bìa in đẹp. Những bài hát trình bày nốt nhạc lớn, rõ ,nhưng hơi nặng cho người đọc vì choán hết diện tích mặt giấy. Thay cho bài tựa như thông lệ, tác giả đã trích dẫn bốn lời phát biểu về sáng tạo trong nghệ thuật. Trong đó có câu : Khó mà tìm được tin tức trong thi ca, vậy mà người ta chết thảm mỗi ngày vì thiếu thốn chất gì nằm trong đó William Carlos Williams. (Ngô Mạnh Thu)

Những Giọt Không

Tuyển tập nhạc **Làng Mai**, nhạc sĩ Anh Việt sưu tập và hiệu đính. Lá Bối xuất bản 1997, không ghi giá bán. Liên lạc : Lá Bối P.O.Box 3189 Walnut Creek CA 94598, USA. Tel: (510) 686-2908.

Một tuyển tập gồm 118 ca khúc Thiền của 33 tác giả Làng Mai (Đạo tràng Thiền Mai Thôn) sáng tác bằng các ngôn ngữ Anh, Pháp, Việt. Tuyển tập chia thành bảy đề mục : Trầm Hương, Tiếng Chuông Chùa Cổ, Hoa Mặt Trời, Tươi Son Bền Sắt, Những Giọt Không, Từng Bước Chân Thảnh Thơi, Vườn Cải Hoa Vàng (bướm bay). Mỗi bài có thể coi như một công án cho các thiền giả công phu quán niệm. Sách trình bày đẹp. Nhiều hình ảnh màu ghi lại các sinh hoạt thiền tập của Làng Thiền cùng Bìa họa của Nguyễn Thị Hợp & Nguyễn Đồng được ấn loát công phu. Những Giọt Không là một tuyển tập ca khúc Phật Giáo bề thế, đẹp về hình thức và phong phú, xúc tích về nội dung. Nhạc sĩ Anh Việt đã dầy công sưu tập và sáng tác để hình thành được tuyển tập này khởi từ Chuyển Tâm như ông bày tỏ : "Suốt đời tôi, tôi đã sáng tác nhạc tình yêu và tranh đấu. Tiếp xúc được với gốc rễ tâm linh, từ mấy năm qua, tôi đã sáng tác nhạc Thiền. Thứ nhạc này đã đem lại cho tôi nhiều bình an, thảnh thơi và vững chãi." (Ngô Mạnh Thu)

Hoa Mặt Trời

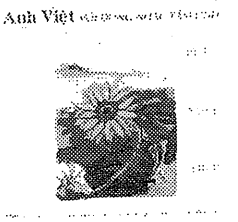

CD ca nhạc của **Anh Việt** do Hoa Ngàn Mây Productions phát hành 1997. Liên lạc : Tố Oanh P.O.Box 770 Los Altos, CA 94023-0770, USA. Tel. : (415) 948-2688 / Fax : (415) 941-5908.

Đây là một CD gồm 10 bài Thiền ca của Anh Việt phổ thơ Nhất Hạnh, Chân Đoan Nghiêm, Thiện Trì, Nguyễn Bá Trạc, Bùi Duy Thuyết. Phổ thơ là công việc không phải dễ dàng của người viết nhạc, cũng như đối trong câu đối. Giai điệu và tiết điệu của nhạc khai mở ý và điệu của thơ. Nhưng cũng không được để mất dấu của nhạc sĩ. Qua 10 bài thơ phổ nhạc của Anh Việt, người nghe vẫn còn nhận thấy cái mềm mại, đằm thắm của những tình khúc, cái lạc quan tin tưởng của những bài ca tranh đấu, đã một thời làm nên tên tuổi Anh Việt. Ba giọng hát : Thùy Dương, Huyền Trân và Trầm Tú là những giọng ca ngâm gần như chuyên về nhạc và thơ thiền đã tạo nên một sắc thái, một không khí riêng cho dòng nhạc tâm linh Anh Việt. Hoa Mặt Trời, CD đầu tiên, chương trình ca nhạc đánh dấu 50 năm âm nhạc và cũng là mở đầu hành trình mới của nhạc sĩ lão thành Anh Việt. (Ngô Mạnh Thu)

Elle Était Belle

CD ca nhạc do **Trọng Nghĩa & Mộng Lan** Productions thực hiện phát hành 1997. Liên lạc : Trọng Nghĩa Mộng Lan, P.O.Box 832 Artesia CA 90702-0832, USA. Tel. : (714) 901-5946.

Một chương trình gồm 12 ca khúc của Pháp do Trọng Nghĩa, Mộng Lan, Daniel Hữu Hoàn hát bằng hai ngôn ngữ Pháp và Việt. Những ca khúc phổ biến và được yêu thích của thập niên 60-70 tái hiện khá nhuần nhuyễn. *Elle Était Belle* đã dẫn đưa người nghe bồng bềnh trở về với khung trời hoa mộng Sài Gòn năm xưa. Trong cả rừng CD ca nhạc hiện nay, chương trình ca nhạc Pháp như *Elle Était Belle* quả hiếm hoi. Số người thích nghe ca nhạc Pháp tuy không nhiều nhưng là số chọn lọc. Trọng Nghĩa và Mộng Lan chọn thể loại này là vừa tỏ ra tự tin vừa cho thấy niềm đam mê và quyết tâm của đôi bạn trẻ. Đó là những tính cách đáng trân quý, nhất là trong lãnh vực văn nghệ. (Ngô Mạnh Thu)

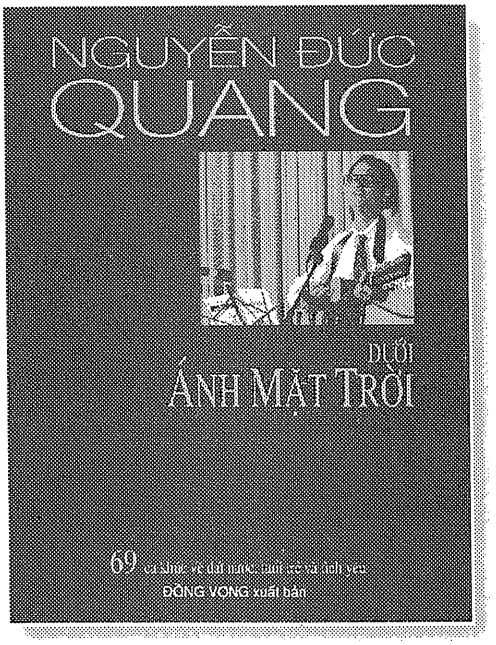

Đã in xong
tuyển tập những ca khúc
của Nguyễn Đức Quang
đầy đủ nhất từ trước tới nay:

DƯỚI ÁNH MẶT TRỜI

"Những ca khúc đã gắn liền với tuổi trẻ Việt Nam thập niên 60, 70."

"Những lời tiên tri về thân phận quê hương, thân phận dân tộc."

Xin hỏi tại các nhà sách địa phương hoặc gửi check, money order về địa chỉ:

Nhà Xuất Bản **ĐỒNG VỌNG**

8285 Bolsa Ave., Midway City 92655 - Tel: 714-379-2851 - E-mail: VietShop@aol.com

Orange County, California, USA

Thuh

Beauty Institute

8181 Bolsa Ave.
Midway City, CA 92655

325 5th Street
Huntington Beach
CA 92648

TỐT NGHIỆP VÀ KINH NGHIỆM

* State Board Certified in Cosmetics, CA. USA.
* Certified in Make Up + Maquillage, International Forum, Paris, France.
* Certified in Semi Permanent Make Up + Figmentation, Biology Research, Paris, France.
* Pola Cosmetics, Tokyo, Japan.
* Lan Nomolee Cosmetics, Beijing, China.
* Member of Aestheticians International Association.
* Registered Nurse (R.N.) Cal. State Long Beach, CA, USA.
* Bachelor of Science in Nursing (B.S.N.) Cal. State San Francisco, CA, USA.
* Surgical Head Nurse & Office Manager, Plastic Surgery Clinic, Orange County, CA, USA.
* B.A. in Education (Pedagogy) and B.A. in Psychology, Univ. of Saigon, VietNam.
* Former Teacher at Gia Long High School, Saigon, VietNam.
* International Congress of Beauty 1990, Cannes, France.
* European Festival of Aesthetics 1990, La Baule, France.
* Aesthetics World Expo 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995 + 1996, CA, USA.
* Aesthetics Congress 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995, Paris, France.
* Cosmetics Expo Kospafu 1992, Zurich, Switzeland.
* Professional Beauty 1992, Olympia 2, West London, England.
* International Congress of Beauty 1992, Ethens, Greece.
* Cosmoprof 1993, Bologna, Italy.
* International Scientific Congress of Aesthetics, 1994 Rio De Janeiro, Brazil.
* Carol Priest Natural Cosmetics 1995, Wellington, New Zealand.
* Red and Earth Product 1995, Sydney, Australia.

Do Cô Bạch Thuhà chăm sóc và điều khiển

Tel. & Fax:

(714) 8-949-949

(714) 960-0311

NHẬN VISA & MASTER CARD

GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH

Do Bác sĩ chuyên môn đảm nhận

* **GIẢI PHẪU**
  - Mắt, mũi, môi, cằm, tai, bàn tay.
  - Căng da mặt, da bụng.
* **PHƯƠNG PHÁP NỘI SOI:** (Endoscopie plastic surgery)
  - Sữa ngực lớn với thẹo nhỏ ở nách.
  - Căng da trán, nâng chân mày với thẹo nhỏ trong tóc.
* **TIA LASER:**
  - Xóa nếp nhăn trên mắt.
  - Lấy mỡ mắt dưới không để thẹo, không chảy máu, không may chỉ, vì cắt bên trong mí mắt.
* **HÚT MỠ:**
  - Cằm, bắp tay, lưng, mông, bụng, đùi.
* **Cấy tóc.**
* **Chích Mỡ**
* **Chữa trị các hình thức Silicone.**
* **Giải phẫu bộ phận sinh dục đã biến dạng sau khi sanh nở.**

CHUYÊN MÔN:

* *Facial* * *Lột da mặt* * *Dầu thơm Pháp*
* *Dưỡng Da* * *Xâm Thẩm Mỹ* * *Mỹ phẩm & Kem dưỡng da SOTHYS (Pháp)*
* *Trang điểm cô dâu, dạ hội*
* *Chữa trị da nám, tàn nhang, vết seo vì mụn.*
* *Lớp dạy Trang điểm và Xâm thẩm mỹ*
* *Khách ở xa có xe đưa đón và chỗ ăn ở tiện nghi.*

Bp: (714) 218-6262

Bằng phương pháp đặc biệt do Thuh Beauty nghiên cứu và chăm sóc sau một thời gian ngắn sẽ có làn da tươi mát và mịn màng

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi dựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo dường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

GENERAL DENTISTRY

DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

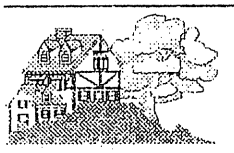

DALAT LANDSCAPING

Design & Maintenance
Lic. # 699783

P.O. Box 204 (M27) Bolsa Avenue
Westminster, CA 92683

Call: Mr PHƯƠNG
(714) 971-9640* (800) 200-9848

DAN RX PHARMACY

6255 University Ave., Ste. F, San Diego, CA 92115
Tel: (619) 287-2660 * Fax: (619) 287-5968

THUỐC MỚI NHẬP NGÀY ĐÁO HẠN CÒN XA
GIÁ CẢ NHẸ NHÀNG
GẦN PHÒNG MẠCH BÁC SĨ
BÃI ĐẬU XE RỘNG RÃI
GIAO THUỐC TẬN NHÀ, MIỄN PHÍ
CMS

NHẬN: MEDI-CAL, MEDICARE CIGNA; DMERC & CÁC LOẠI BẢO HIỂM HÀNG ĐẦU

CaliforniaCare: Blue Cross, CompCare
TelePAID: Blue Shield, PersCare, PCS
Medimpact: PHP-CHG, MedCare, Value-RX, PacifiCare, Cigna, Rx-Prime, CareMark, Aetna, Columbia-PS, PharmaCare, PCN, MetraHealth, MediMet, TheTravelers, Foundation Health, Champus, GEM, USC, MPS, GPP, DPS, CPM, Wellpoint Pro-Serv, Community-RX, APB America, Provantage, Rx-America, SHARP H. Plan, SinglePoint

WELCOME: COMMUNITY HEALTH GROUP MEMBERS
ĐẶC BIỆT: NHẬN CHƯƠNG TRÌNH CMS

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:00 AM - 6:00 PM
Thứ Bảy: 9:00 AM - 3:00 PM

DƯỢC SĨ NGUYỄN THẾ DANH kính mời

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢海鮮市場

9822 BOLSA AVE • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy quí khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME ATM

California Lottery LOTTO
California Lottery DECCO
Little Lotto

NGÀN NGƯỜI VUI, VẠN NGƯỜI ĐẾN

VANCO FOODS
SUPERMARKET

MUA TẬN GỐC, BÁN TẬN NGỌN

RẤT NHIỀU QUÀ GIÁ TRỊ DÀNH TẶNG QUÝ KHÁCH HÀNG

ĐỦ MẶT HÀNG TRUNG - NAM - BẮC
CÓ QUẦY BÁN CÁC LOẠI
THỰC PHẨM CHAY

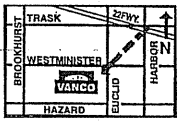

ĐẦY ĐỦ MẶT HÀNG BÁCH HÓA
VÀ GIA DỤNG NHƯ CÁC SIÊU THỊ MỸ
VỚI GIÁ ĐẶC BIỆT.

• CÓ CHIÊN CÁ VÀ HẤP CUA, TÔM NGAY TẠI CHỖ • NHẬN FOOD STAMPS, ĐỔI CHECH WELFARE, SSI MIỄN PHÍ

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92643 - TEL: (714) 530-2999

MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN TỪ 8:30 AM ĐẾN 8:30 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

Từ điển điện tử thế hệ thứ năm

EV-98

Anh-Việt, Việt-Anh, Anh-Anh

và 10 bộ chuyên ngành bách khoa

13 bộ từ điển trong một máy

MỚI NHẤT

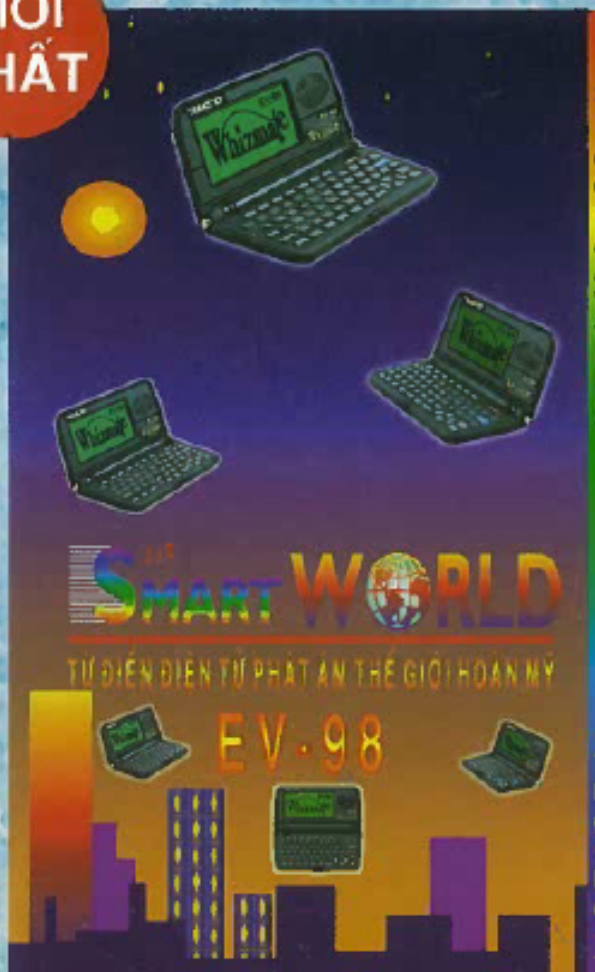

*** ƯU ĐIỂM ĐẶC BIỆT:**

- 1 đại từ điển phổ thông: tổng hợp căn bản cùng 10 cuốn bách khoa chuyên ngành, trên 600,000 từ
- 3 từ điển căn bản
  Anh-Anh : tiêu chuẩn người Mỹ
  Anh-Việt : trên 150,000 từ
  Việt-Anh : tăng cường và hiệu chỉnh trên 100,000 từ
- 10 bộ chuyên ngành bách khoa
  Mỗi bộ là cuốn từ điển hoàn chỉnh 20,000-80,000 từ:
  - Tóc
  - Móng Tay
  - Toán Học
  - Y Khoa
  - Tin Học
  - Kinh Tế Thương Mại
  - Du Lịch
  - Pháp Luật
  - Vật Lý
  - Kiến Trúc
- Luyện thi đặc biệt:
  Tóc và Móng Tay: đủ cả hai phần
  Nhập Tịch: có phần rút gọn cho lối giải và diễn đặc biệt
- Văn phòng & tư liệu:
  Hiện lên màn ảnh đủ các danh mục điện thoại, sổ hẹn, ngày đáng nhớ
- Phát âm:
  Trên toàn bộ từ và câu tiếng Anh
  Phát âm giọng Mỹ tiêu chuẩn Đại Học Berkeley

Máy được bảo hành khắp thế giới
Nhận sửa chữa tất cả các loại máy từ điển

Tổng Đại Lý:

SMART WORLD

8450 E. VALLEY BLVD. # 116,
ROSEMEAD, CA 91770
TEL: (626) 280-3313 FAX: (626) 280-3778
TOLL FREE: 1-888- 280-1289

$279.00, tax
Giá chính thức
$349 + tax

Đã có bán khắp nơi

Ấn Phí: Bốn Mỹ Kim